



Champaka 2

សិក្សា ប្រវត្តិ វប្បធម៌ និង វប្បធម៌
Nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Champa trên làn sóng báo chí quốc tế từ năm 1975



Trình bày và phân tích bởi

Po Dharma
Abd. Karim
Danny Wong Tze-Ken

Ân hành bởi

International Office of Champa, 2002

Tái bản dùng cho hệ thống mạng Web
Champaka.info, 2012

Champaka

Tập san nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Hình thành vào năm 1999

Sáng lập viên

Hassan Poklaun, Po Dharma

Tổng biên tập

Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp)

Ban biên tập

Pgs. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại học Malaya, Mã Lai)

Ts. Nicolas Weber (Viện INALCO, Paris)

Ts. Shine Toshihiko (Đại học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản)

Pgs. Ts. Liu Zhi Qiang (Đại học Dân Tộc, Quảng Tây)

Pts. Emiko Stok (Đại học Nanterre, Paris)

Abdul Karim (Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Mã Lai)

Musa Porome (IOC-Champa)

Trụ sở

56 Square des Bauves

95140 Garges Les Gonesse, France

Email: champaka1999@aol.com

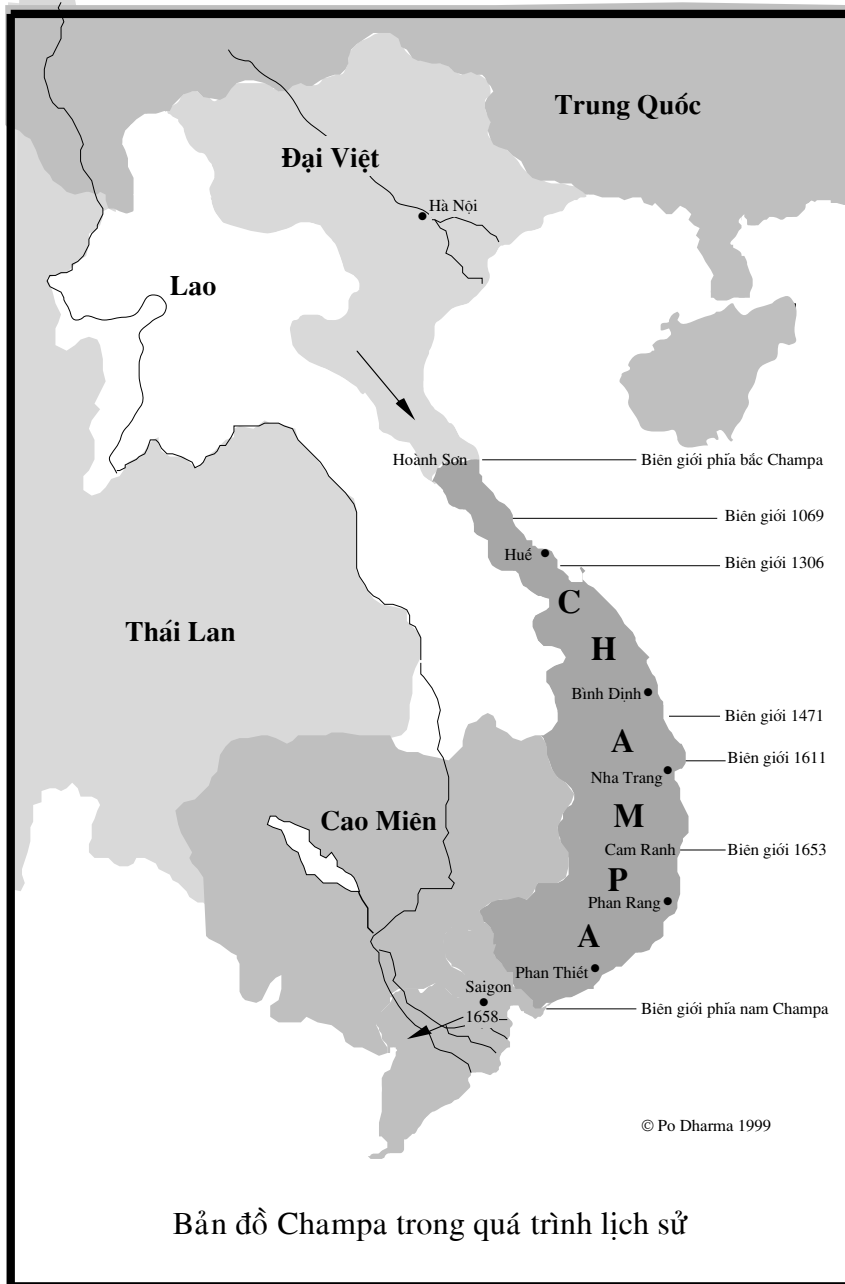
Web: www.champaka.info

Cơ quan ấn hành

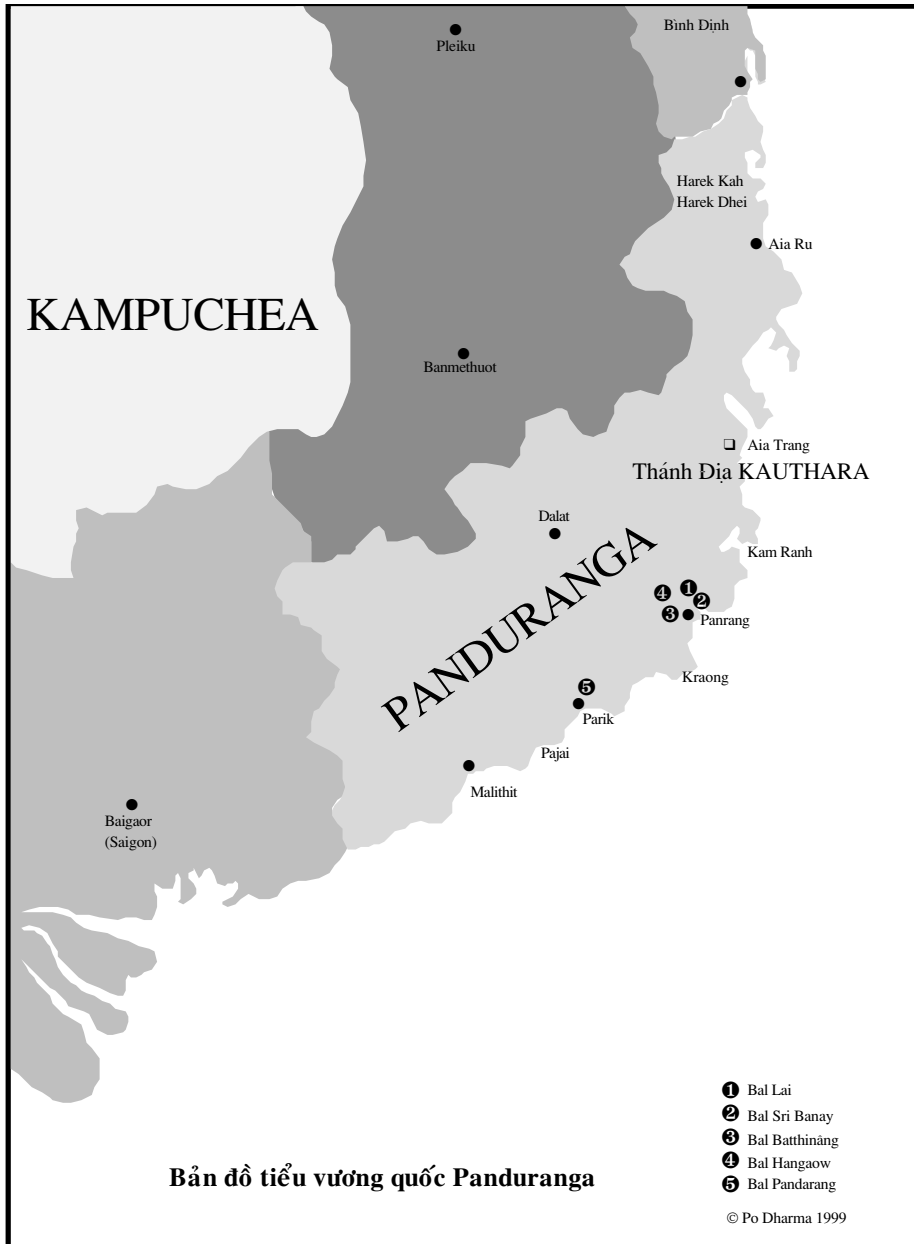
International Office of Champa (IOC-Champa)

© Champaka – 2012

Hình bìa: Bà cụ Chăm Campuchia



Bản đồ Champa trong quá trình lịch sử



KAMPUCHEA

PANDURANGA

Thánh Địa KAUTHARA

Bản đồ tiểu vương quốc Panduranga

- ❶ Bal Lai
- ❷ Bal Sri Banay
- ❸ Bal Batthinang
- ❹ Bal Hangaow
- ❺ Bal Pandarang

© Po Dharma 1999

Tập san Champaka: 14 ấn phẩm nghiên cứu về Champa

Champaka là tập san nghiên cứu được ấn hành bởi International Office of Campa (IOC-Campa), do Trung tá, PGS.TS. Po Dharma làm Tổng Biên tập. Từ khi ra đời cho đến khi Po Dharma qua đời tại Pháp vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, tập san Champaka đã xuất bản tổng cộng 14 số, được đặt tên từ Champaka 1 đến Champaka 14.

Trong thời gian 12 năm công tác và học tập tại Thailand, Singapore và Malaysia, TS. Putra Podam đã có nhiều dịp cộng tác nghiên cứu với TS. Po Dharma. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nghiên cứu Tiến sĩ lần thứ hai chuyên ngành Công nghệ Giáo dục, TS. Po Dharma đã tham gia với vai trò người hướng dẫn thứ hai, phụ trách chuyên đề liên quan đến tiếng Cham cổ.

Website Kauthara.org, được thành lập tại Malaysia do TS. Putra Podam làm Trưởng Ban Biên tập, đã nhận được sự ủng hộ và khuyến khích từ TS. Po Dharma ngay từ những ngày đầu hoạt động.

Sau 10 năm hoạt động, website Kauthara.org đã được đổi tên miền và nâng cấp thành website Champa.one, nhằm mở rộng nội dung và phạm vi phục vụ độc giả. Website Champa.one hiện chuyển tải nhiều chuyên mục liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và công nghệ của cộng đồng Cham.

Trong khuôn khổ hoạt động này, Champa.one sẽ giới thiệu đầy đủ 14 tập san Champaka trên website để phục vụ độc giả quan tâm đến nghiên cứu Champa.

Toàn bộ 14 tập san Champaka sẽ được TS. Putra Podam biên tập và kết nối các nội dung rời rạc thành các tệp PDF hoàn chỉnh, giúp độc giả thuận tiện trong việc tra cứu và tiếp cận.

TS. Putra Podam

Chịu trách nhiệm biên tập và phát hành bản PDF của tập san Champaka.

Thay lời mở đầu

«Champa trên làn sóng báo chí quốc tế từ năm 1975» đúng ra chỉ là một tên gọi tạm bợ. Vì rằng, Champaka số 2 này chỉ tập trung một số báo chí tiếng Anh, Pháp, Đan Mạch, Mã Lai và Việt Nam được lưu trữ trong một số thư viện của một vài nước ở Đông Nam Á như Mã Lai, Singapore, Nam Dương mà thôi. Mặc dù có sự thiếu sót này, nhưng Champaka số 2 cũng đem lại một số tư liệu quý báu liên quan đến biến cố chính trị, văn hóa và xã hội Champa, một dân tộc vong quốc đang sống rải rác trên khắp thế giới hôm nay.

Sự lựa chọn năm 1975 làm mốc thời gian có một nguyên nhân chính yếu. Trước năm 1975, ngoại trừ các tạp chí và sách khoa học, dường như báo chí quốc tế và ngay cả báo chí bằng tiếng Việt ít khi chú ý đến vấn đề dân tộc Champa, có nghĩa là toàn diện dân tộc sống trong biên giới chính trị của vương quốc Champa thời trước trong đó có dân tộc Radhé, Jarai, Bahnar, Sédang, Hroi, Katu, Stieng, Koho, Ma, Cru, Raglai, Chăm, v.v.

Sự thay đổi bàn cờ chính trị ở Đông Dương vào năm 1975 đã đưa dân tộc Champa vào một khúc quanh mới. Vì không chấp nhận chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Dương, hàng ngàn người Champa tìm cách vượt biên để đi lánh nạn ở một quốc gia khác trên thế giới, nhất là ở Mỹ Châu, Âu Châu và một số nước ở Đông Nam Á như Mã Lai chẳng hạn.

Sự hiện diện của dân tộc Champa ở hải ngoại kể từ năm 1975, -- một dân tộc đã từng gây bao tiếng vang trong quá trình lịch sử ở khu vực Đông Nam Á, nay chỉ là một nhóm người thiểu số không chủ quyền trên đất đai của họ ở miền trung Việt Nam -- đã thu hút phần nào sự quan tâm của một số phóng viên báo chí trên thế giới. Phóng viên Jean Pierre Ferland có lẽ là người đầu tiên đã lên tiếng về sự vượt biên của ca sĩ Chế Linh trong tờ La Presse ra ngày 29-12-1980 ở Toronto, Gia Nã Đại. Sau đó là phóng viên Marie Holzman đã viết một bài trong tờ báo Libération của Pháp với tựa đề «Người Chăm không muốn bị tiêu diệt» nhân dịp đại hội Katé do cộng đồng Champa ở hải ngoại tổ chức vào ngày 29 tháng 9 năm 1984 tại Paris. Sự ra mắt của hai bài viết này đã tạo ra một làn sóng mới thu hút dần các báo chí khác chú tâm đến dân tộc Champa hơn.

8 Thay lời mở đầu

Kể từ năm 1975, báo chí nói về Champa tổng cộng 275 bài, trong số này có 116 bài bằng tiếng Việt, 97 bài viết bằng tiếng Mã Lai, 62 bài bằng tiếng Anh, Pháp và Đan Mạch.

Trong tổng số 275 này, bài viết về Chăm chiếm một tỷ lệ rất cao so với các dân tộc Champa khác. Bốn chủ đề chính yếu mà báo chí thường nói đến Champa, đó là vấn đề chính trị, lịch sử, văn hóa và xã hội. Các phóng viên của mỗi quốc gia hầu như đã chọn sẵn cho mình một trong bốn chủ đề này phù hợp với hoàn cảnh chính trị và quy chế báo chí trong nước mình. Chính vì thế, các bài viết về bốn chủ đề này không có số lượng thăng bằng.

1. Báo chí tiếng Anh và Âu châu

Vì được hưởng quy chế tự do báo chí và nhất là quyền bất khả xâm phạm báo chí, các bài viết của các phóng viên Mỹ Châu và Âu Châu có chất lượng trung thực hơn. Đa số bài của họ thường liên quan đến biến cố chính trị và quá trình lịch sử của Champa hơn là những đề tài khác.

Về phần biến cố chính trị, mặt trận FULRO (Front Unifié de lutte de Races Opprimées) là đề tài thu hút rất nhiều báo chí, nhất là báo tiếng Anh và Âu Châu. Hai biến cố quan trọng mà báo chí viết về FULRO đó là sau năm 1975, tàn quân FULRO tập trung lực lượng của mình về mặt khu ở ba biên giới Việt-Miên-Lào để tiếp tục đấu tranh quân sự chống lại chính sách Xã Hội Chủ Nghĩa ở Việt Nam. Sau đó là sự vùng dậy vào tháng 2 năm 2001 của dân tộc Tây Nguyên đòi chính quyền Hà Nội trao trả lại đất đai của họ.

Về phần lịch sử, các phóng viên này đều dựa trên một số yếu tố lịch sử chung để chứng minh rằng Champa là vương quốc xưa kia ở Đông Dương bị Việt Nam chiếm đóng. Mọi sự khủng hoảng chính trị giữa dân tộc Champa và chính quyền Hà Nội đều xuất phát từ ý thức hệ lịch sử này. Đứng trên phương diện chủ quyền quốc gia, nhà nước Việt Nam có quyền cai trị dân tộc Champa theo chính sách của mình mà không cần hỏi ý kiến bất ai, vì dân tộc Champa đã trở thành công dân Việt Nam. Đứng trên phương diện ý thức hệ lịch sử, dân tộc Champa luôn luôn khẳng định rằng họ là công dân Việt Nam nhưng họ không phải là người Việt; họ là công dân Việt Nam, nhưng họ không bao giờ chấp nhận chính quyền Việt Nam tước đoạt đất đai của

họ, thay đổi thể chế tổ chức gia đình, xã hội và tín ngưỡng của họ. Tóm lại dân tộc Champa không đòi tự trị hay độc lập, mà chỉ đòi quyền thiêng liêng của họ, đó là quyền sống trong thể chế phong tục tập quán của họ, nhất là quyền làm chủ trên đất đai tổ tiên của họ.

2. Báo chí tiếng Mã Lai

Báo chí tiếng Mã Lai tập trung nhiều nhất vào các biến cố liên quan đến nền văn minh, văn hóa và nghệ thuật Champa. Nhưng các bài viết về mảng đề tài này thường là những bài tường trình hay bình luận về chương trình văn hóa Champa do các cơ quan nhà nước Mã Lai tổ chức mà thôi. Tựu trung, Champa đã thu hút đông đảo làn sóng báo chí Mã Lai, vì người Mã luôn luôn coi người Champa cùng nguồn gốc văn hóa và ngôn ngữ với họ.

Về phần xã hội, một số báo chí Mã Lai thường đề cập đến sự nghèo đói của dân tộc Chăm ở Kampuchea và nhất là sự sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng này. Ngược lại, các tin tức về người Chăm ở Việt Nam hoàn toàn vắng mặt trong báo chí Mã Lai, vì chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không cho phép quyền hành nghề của phóng viên báo chí Mã Lai ở ba khu vực người Chăm đang sống, đó là Phan Rang, Phan Rí và Châu Đốc.

3. Báo chí tiếng Việt

Ngoại trừ các báo tiếng Việt xuất bản ở nước ngoài có nhiều nhận định khách quan hơn về Champa. Các bài tiếng Việt đăng tải trong nước, vì sự ràng buộc với đảng và nhà nước, không dám đá động đến chính trị và lịch sử Champa, mà chỉ tập trung trên ba chủ đề: di tích lịch sử, văn hóa-lễ hội và giới thiệu một số nghệ nhân hay các tác phẩm văn học và nghệ thuật do dân tộc Champa sáng tác. Tựu trung, các báo chí mà chúng tôi sưu tầm rất ít khi nói đến dân tộc Champa ở Tây Nguyên.

Cũng cần thông tin rằng, đa số tác giả viết bài ở Việt Nam là gốc người Việt Nam. Họ là phóng viên báo chí hay một số nhà khoa học. Ngược lại có dân tộc Chăm thường chen chân làm nghề viết báo chí, nhưng họ chỉ chiếm một tỷ số rất là nhỏ nhoi và họ chỉ viết những gì liên quan đến văn hóa của họ mà thôi, mặc dù các tác giả này là nhân chứng thật sự của bao khúc mắc xã hội người Chăm dưới chế độ Xã

10 Thay lời mở đầu

Hội Chủ Nghĩa. Phải chăng vì hoàn cảnh chính trị không cho phép?.

Các bài giới thiệu về di tích lịch sử Champa chỉ nhằm vào mục tiêu chính yếu là phục vụ cho ngành du lịch. Sau đó là bài tường trình về các lễ hội truyền thống của người Chăm hay lễ hội do nhà nước tổ chức cho dân tộc Chăm.

Các bài ca tụng một số tác giả gốc người Chăm viết về văn hóa Chăm hay làm nghệ thuật Chăm là một điều đáng chú ý, vì tổng số bài viết về mảng này quá cao so với con số chung của bài báo viết về Chăm từ năm 1975. Có ba nhận xét liên quan đến chủ đề này:

- Về tác phẩm nghệ thuật như tranh ảnh, điêu khắc do người Chăm sáng tác đã đạt được nhiều lời khen ngợi. Đây là điều tự nhiên, vì mỗi phóng viên có quyền định giá cao hay thấp cho mỗi tác phẩm nghệ thuật, tùy theo cảm hứng riêng tư của mình.

- Bài ca ngợi về tập thơ tiếng Việt do Chăm sáng tác cũng có tổng lượng cao trên mặt báo chí. Lời khen ngợi này có thể có phần chân thật nếu các phóng viên chỉ định giá tập thơ dựa trên phong cách hành văn tiếng Việt và hồn thơ Việt Nam do người Chăm thể hiện chứ không phải dựa trên phong cách và tâm hồn người Chăm. Vì rằng, các tập thơ mang chủ đề về dân tộc Chăm (Tháp năng, Cây xương rồng, Hành hương em, v.v.) do người Chăm sáng tác không mang một chút gì gọi là âm hưởng có liên quan đến hồn thơ Chăm hay phong cách riêng biệt của thơ Chăm. Thành vậy, độc giả người Việt có thể say mê khi đọc tập thơ này. Ngược lại, độc giả người Chăm khi đọc các tập thơ này họ cảm thấy khô cằn, xa cách và không rung cảm được tâm hồn họ.

- Bài ca tụng về tác phẩm văn học Chăm do người Chăm trình bày cũng có số lượng không ít. Tuy nhiên không biết các phóng viên người Việt dựa trên cơ sở nào để viết bài bình luận của mình? Vì họ là người Việt không biết nói tiếng Chăm, không đọc tiếng Chăm và không chuyên về nền tảng văn học Chăm, làm sao họ có thể nhận định và phân tích ưu và khuyết điểm trong nội dung của các tác phẩm văn học Chăm trước khi đưa lên khuôn báo để bình luận. Có chăng họ chỉ dựa trên tổng số trang của tác phẩm để làm cơ sở trong lời bình của họ. Lời ca tụng không có cơ sở khoa học đôi lúc làm cho độc giả có cảm giác rằng đây là những lời ca ngợi có ẩn ý chính trị?

Đa số tác giả là phóng viên báo chí trong đó chỉ có bốn nhà khoa

học Việt Nam đó là Gs. Nguyễn Tấn Đát, Gs. Chu Xuân Diên, Gs. Bùi Khánh Thế và Ts. Hoàng Văn An. Thiếu lời bình chính xác của giới khoa học Việt Nam và sự thổi phồng đôi lúc quá đáng của các phóng viên báo chí so với chất lượng nội dung của tác phẩm đã làm cho độc giả có cảm tưởng rằng đây là văn chương chính trị nhằm thể hiện chính sách nhà nước Việt Nam là luôn luôn ưu đãi tác giả dân tộc thiểu số gốc Chăm hơn là lời khen ngợi chân thành và khách quan, đúng theo tinh thần văn học hay nghệ thuật trên thế giới. Tóm lại, các công trình sáng tác về thơ văn và nghệ thuật Chăm do người Chăm thực hiện rất đáng được ca ngợi, vì công trình này, dù có nhiều chỗ sai lầm và thiếu sót, đã góp phần lớn lao vào công tác bảo tồn và phát triển thơ văn và nghệ thuật Chăm.

Cuối cùng là những bài thông tin liên quan đến sự sinh hoạt văn hóa và xã hội của dân tộc Champa trong nước. Cũng có một số bài phân tích về tình hình chính trị hay lịch sử Champa, nhưng tựu trung các bài này chỉ mang nội dung nhằm quảng cáo quan điểm chính trị của đảng và nhà nước Việt Nam đối với dân tộc thiểu số mà thôi. Thậm chí có một số tác giả viết bài để bày tỏ quan niệm riêng tư của mình để rồi kết luận rằng dân tộc và vua chúa Champa thời trước chỉ là thành phần man rợ không có một nền văn minh thật sự như người Việt Nam.

Sau ngày mất nước vào năm 1832, dân tộc Chăm hôm nay chỉ còn tồn tại chưa đầy 400.000 ngàn người sống tản mác trên khắp thế giới. Nhưng không phải vì thế mà dân tộc này bị quên lãng trên làn sóng báo chí ở nước ngoài. Trong khoảng thời gian 25 năm kể từ năm 1975, đã có rất nhiều bài viết về Champa. Sự việc này đã chứng minh một cách cụ thể rằng vương quốc Champa đã mất nhưng dân tộc Champa vẫn còn tồn tại. Và dân tộc này "không muốn bị tiêu diệt" đúng như lời phân tích của bà Marie Holzman đăng trong báo Libération ở Pháp vào ngày 29 tháng 9 năm 1984.

Champak số 2 với chủ đề «Champa trên làn sóng báo chí quốc tế từ năm 1975» chỉ là một công trình tập trung tư liệu và phân tích tư liệu này. Qua phần tóm lược các bài báo viết về Champa, độc giả có thể hình dung được phần nào báo chí quốc tế nói gì về người Chăm và vương quốc Champa từ 25 năm qua.

1. Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

Phần này chỉ tập trung những bài đăng trên báo chí viết bằng tiếng Anh, Pháp và Đan Mạch từ năm 1975 cho đến nay.

Điều đáng chú ý đó là trước năm 1975, tin tức về Champa viết trên làn sóng báo chí quốc tế rất là hiếm có vì người Chăm đang sống ở Việt Nam và Kampuchea hôm nay chỉ là một nhóm dân tộc thiểu số ít được báo chí trong và ngoài nước nói đến.

Sau năm 1975, vấn đề người Chăm nói riêng và Champa nói chung trở thành một khúc mắc chính trị ở Đông Dương. Chính vì thế mà báo chí quốc tế bắt đầu quan tâm đến dân tộc này. Sự quan tâm này cũng phát xuất từ nguyên nhân chính yếu đó là sự hiện diện đông đảo người Chăm đang sống ở hải ngoại và cộng đồng này vẫn tiếp tục đấu tranh để bảo vệ nền tảng cơ bản văn hóa và truyền thống của họ.

Khái lược về báo chí tiếng Anh và Âu Châu nói về Champa tập trung 64 bài do các phóng viên hay nhà nghiên cứu ngoại quốc thực hiện. Trong số này cũng có vài bài do người Chăm ở hải ngoại trình bày.

Những bài viết về Champa tập trung vào hai chủ đề. Chủ đề thứ nhất đó là những bài phóng sự liên quan đến biến cố xã hội của người Chăm. Khi nói đến biến cố này, đa số phóng viên ngoại quốc có cảm giác là dân tộc Champa hôm nay cũng như truyền thống văn hóa của họ chưa thoát khỏi sự kìm chế bởi chính quyền hiện tại. Chủ đề thứ hai, đó là các bài phóng sự về cuộc sống hàng ngày của dân tộc Chăm trong nước cũng như ngoài nước, về di sản văn hóa, lịch sử và nền văn minh của dân tộc Champa.

Trong hai chủ đề này, câu hỏi về sự suy vong của vương quốc Champa và vấn đề FULRO, lực lượng chống Cộng Sản Việt Nam đã trở thành đề tài hấp dẫn trên làn sóng báo chí quốc tế, nhất là báo Far Eastern Economic Review. Các phóng viên của báo này thường quan tâm đến các cuộc phỏng vấn với nhân vật lãnh đạo FULRO, cũng như đi tìm chi tiết về cơ cấu tổ chức của FULRO, một lực lượng quân sự đấu tranh nhằm giải phóng Tây Nguyên Champa. Phong trào FULRO cũng là chủ đề quan trọng trong tờ Champa Review do cộng đồng Champa ở hải ngoại thực hiện.

16 Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

Sau 1975, làn sóng báo chí quốc tế cũng quan tâm đến cộng đồng người Chăm ở hải ngoại, nhất là cộng đồng Chăm ở Hoa Kỳ. Hai chủ đề mà báo chí thường nhắc đến, đó là vấn đề văn hóa và phong tục cổ truyền của họ. Xa quê hương, nhưng người Chăm vẫn tiếp tục đấu tranh để làm sống lại truyền thống văn hóa của họ qua các đêm văn nghệ do chính cộng đồng này tổ chức. Thêm vào đó, các phóng viên cũng đề cập đến sự kìm kẹp chính trị mà người Chăm đang gặp phải dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam và Kampuchea, cũng như các thành tích hoạt động của cộng đồng Chăm ở hải ngoại nhằm kêu gọi các quốc gia trên thế giới, nhất là Hoa Kỳ, cần phải lên tiếng chống lại chính sách áp bức và đồng hóa dân tộc Chăm ở Việt Nam và Kampuchea dưới chế độ Cộng Sản.

So với cộng đồng Chăm ở Kampuchea, làn sóng báo chí quốc tế viết về người Chăm ở Việt Nam rất là giới hạn, vì các phóng viên không được phép dễ dàng sang nước này, ngoại trừ biến cố vùng dậy của anh em Tây Nguyên ở Ban Mê Thuột vào đầu năm 2001; biến cố có sự liên hệ gián tiếp với người Chăm. Vietnam Courier bằng tiếng Anh và tiếng Pháp xuất bản ở Việt Nam là tờ báo duy nhất thường nói đến dân tộc Chăm nhất là vấn đề văn hóa và nền văn minh của họ. Nhưng Vietnam Courier là tập san xuất bản bởi nhà nước Việt Nam. Chính vì thế nội dung của báo này chỉ thể hiện quan điểm của chính quyền hơn là quan điểm của phóng viên báo chí.

Bên lề vấn đề văn hóa, xã hội và chính trị, Champa và dân tộc Chăm đã trở thành món hàng du lịch hấp dẫn được quảng cáo trên hai tờ báo của hàng hàng không Mã Lai và Thái Lan.

Nói đến cộng đồng tôn giáo người Chăm, người ta nhận thấy rằng vấn đề người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea đã thu hút mạnh mẽ nhất trên làn sóng báo chí thế giới. Theo các phóng viên báo chí, người Chăm ở Kampuchea có vào khoảng 800.000 người. Chỉ trong vòng 3 năm (1975-1978) chính quyền Khmer Đỏ đã hủy diệt hơn trăm ngàn người Chăm. Hôm nay dân số người Chăm ở vương quốc này chỉ còn vào khoảng 320.000 người.

Vấn đề người Chăm Hồi Giáo mà làn sóng báo chí thường đề cập, đó là chính sách diệt chủng của Khmer Đỏ đối với dân tộc Chăm, đó là nạn nghèo đói và nạn mù chữ. Đa số bài này được đăng tải trên báo chí Mã Lai, nhất là tờ New Straits Times. Thêm vào đó, báo chí Mã

Lai cũng viết rất nhiều bài phóng sự về chương trình viện trợ cho người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea do các hội từ thiện Mã Lai tổ chức.

Ngoài vấn đề Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea, làn sóng báo chí Mã Lai cũng chú tâm đến cộng đồng Champa nói chung. Nhưng các bài phóng sự này chỉ dựa trên các công tác khoa học do Viện Viễn Đông Pháp ở Kuala Lumpur tổ chức, nhất là chương trình triển lãm và đại hội khoa học về Champa.

Từ năm 1975, các bài báo bằng tiếng Anh, Pháp và Đan Mạch viết về Champa càng ngày càng tăng thêm. Từ năm 1975 đến năm 1980, chủ đề Champa trên làn sóng báo chí rất giới hạn, vì các phóng viên chỉ chú tâm hơn đến vấn đề trọng đại chính trị ở Đông Dương, nhất là ở Việt Nam và Kampuchea. Sau năm 1990, tình hình chính trị ở Đông Dương đã bước vào một giai đoạn mới: các phóng viên có nhiều sự dễ dãi hơn để tiếp thu tin tức. Chính vì thế, sau năm 1990, Champa đã trở thành chủ đề quan trọng trên làn sóng báo chí quốc tế so với những năm về trước.

20 Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

quốc có một lực lượng quân sự vô cùng hùng mạnh, nhất là lực lượng hải quân chuyên về công tác tấn công bất cứ thương thuyền nào không chấp nhận đóng thuế cho Champa mà người ta thường gán cho họ là "nghề hải tặc" đã gây bao tiếng tăm trong quá trình lịch sử ở Đông Nam Á. Hôm nay người Chăm chỉ còn vòn vẹn gần 100.000 người lưu lạc trên khắp thế giới, nhưng dân tộc này luôn luôn kiên trì đấu tranh cho sự sống còn của họ. Tập trung đông đảo ở Paris để tổ chức một đêm văn nghệ Katé do ông Xavier Deniau, Bộ Trưởng Pháp chủ tọa, đã có một mục tiêu chính đáng đó là họ muốn đánh thức dân tộc Pháp nhằm lưu ý đến sự hiện hữu của họ trên đất Pháp hôm nay.

E3. Ca sĩ Chế Linh trên sân khấu nghệ thuật ở Slagelse, Danmark

(«Popsanger med barsk skaebne giver koncert pa Norrevangsskolen: Vietnamesisk popmusik I slagelse pa lordage», Slagelse, 3 July 1986)

Bài tường trình đêm đại hội văn nghệ của ca sĩ Chế Linh ở Danmark vào đêm 12 tháng 7 năm 1986. Phóng viên nhà báo cũng nêu cuộc hành trình vượt biên của Chế Linh sang Mã Lai vào năm 1980, sau đó sang ty nạn chính trị ở Gia Nã Đại.



E2. Ca sĩ Chế Linh



E3. Ché Linh

**E4. Đại hội Văn Nghệ
Việt Nam ở Danmark**

(«Popmusik pa
Vietnamesisk:

Usoedvanlige goester I

Stkladen fredag),

Aarhus Stiftstidende

Torsdag, 10 July 1986)

Bài tường trình về đêm
đại hội văn nghệ ở
Danmark do Ché Linh tổ
chức vào 12 tháng 7 năm
1986. Trong bài này,
phóng viên giới thiệu Ché
Linh gốc người Chăm là
một ca sĩ nổi tiếng về nhạc
pop ở Việt Nam.

**E5. Liên hệ văn hóa giữa
Champa và Mã Lai**

(«Campa-Malays. Link to Culture»,

New Straits Times, 17 September 1988)

Tường thuật lời tuyên bố của ông Datuk Sabbaruddin Chik, Bộ
Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai nhân ngày khai mạc cuộc triển lãm về
nền văn minh Champa tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai do Bộ
Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai
tổ chức. Cuộc triển lãm này nhằm đánh dấu năm thành lập chi nhánh
của Viện Viễn Đông Pháp tại Kuala Lumpur đặt dưới quyền điều
khiển của ông Ts. Po Dharma.

**E6. Champa cùng nguồn gốc
với di sản văn hóa Mã Lai**

(Rohana Mustafa, «Champa and Roots

to the Malay Heritage»,

Daily Express, Kota Kinabalu, 1 October 1988).

22 Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

Bản tường trình về các bài báo cáo khoa học trong đại hội về nền văn minh Champa được tổ chức ở Kuala Lumpur. Một số chuyên gia khoa học Mã như ông Abdul Rahman Al-Ahmadi, Datuk Nik Mohamed Salleh quan tâm nhiều nhất đến các tư liệu Mã Lai liên quan đến sự liên hệ lịch sử và văn hóa giữa Mã Lai và vương quốc Champa để rồi kết luận rằng, dân tộc Champa cùng nguồn gốc tiếng nói và văn hóa với Mã Lai.

E7. Champa, di sản của nguồn gốc Mã Lai

(Rohana Mustaffa, «The legacy of the Champa Malays»,
New Straits Times, 2 October 1988)

Bài tường trình ngày đại hội về nền văn minh Champa được tổ chức ở Kuala Lumpur vào tháng 9 năm 1988.

Qua buổi hội thảo khoa học này, phóng viên Rohana Mustaffa ghi nhận rằng đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại của Mã Lai, người Mã biết đến nền văn minh và lịch sử Champa, một vương quốc ở miền trung Việt Nam cùng chung nguồn gốc ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật và tín ngưỡng với dân tộc Mã.

Cùng qua buổi hội thảo này, dân tộc Mã mới biết những người tị nạn từ Đông Dương đến cư trú ở Mã Lai sau năm 1975 không phải là người Kampuchea theo Hồi Giáo như người ta thường hiểu lầm, họ là dân tộc Champa Hồi Giáo từ Kampuchea hay Việt Nam sang lánh nạn.

Đại hội khoa học về nền văn minh Champa do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức trong chương trình hợp tác giữa hai cơ quan này nhằm tăng cường chương trình nghiên cứu Champa tại Mã Lai.

E8. Sự liên hệ lịch sử giữa Mã Lai và Champa

(Rohana Mustaffa, «Champa's Historical Link with the Malays»,
Business Times, 3 October 1988)

Bài tường trình của phóng viên Rohana Mustaffa về nội dung của đại hội về nền văn minh Champa tại Kuala Lumpur và sự liên hệ giữa vương quốc này với Mã Lai trong quá trình lịch sử. Thêm vào đó,

phóng viên cũng quan tâm đến bài báo cáo khoa học của ông Abdulah Mohamad về chính sách bang giao giữa Champa và Trung Quốc.

E9. Thư ngỏ của ông Jean Perrin, Đại Sứ Pháp tại Mã Lai

(«Message de Son Excellence
M. Jean Perrin,
Ambassadeur de France en
Malaisie»,
Tamadun Melayu-Campa, 8-
1988)



E4. Jean Perrin, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai

Lời chúc mừng của ông Jean Perrin, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai nhân dịp ngày khai mạc văn phòng Viện Viễn Đông Pháp tại Kuala Lumpur nhằm tăng cường chương trình nghiên cứu về

sự liên hệ văn hóa, lịch sử và tôn giáo giữa Champa và Mã Lai.

E10 Ngày văn hóa Champa tại Slagelse, Danmark.

(«Gammelt Kulturfolk var til fest i Slagelse:
Campa-fest med folkemusik og traditionael dans»,
Ski Campa Danmark, 1989)

Tóm tắt ngày văn hóa Champa qua chương trình văn nghệ tại tỉnh Slagelse, Danmark do hội SKI-Champa tổ chức.

E11. Yếu tố Mã Lai trong nền văn hóa Champa

(«Malay Influence in Elements
of Champa Culture»,
New Straits Times, 13 September 1991)

Phóng viên New Straits Times tóm lược bài báo cáo khoa học của ông Trần Kỳ Phương, Giám Đốc Viện Bảo Tàng Đà Nẵng phát biểu tại Đại Học Quốc Gia Mã Lai, trong chương trình khoa học của Ts. Po Dharma.

Qua bài báo cáo này, tác giả kết luận rằng có rất nhiều yếu tố Mã Lai trong nền văn hóa Champa, nhất là yếu tố kỹ nghệ hàng hải, kỹ thuật kiến trúc ghe thuyền.

E12. Một quân đội bị lãng quên

(Nate Thayer, «The forgotten Army»,

Far Eastern Economic Review, 10 September 1992)

Phóng viên Nate Thayer của tờ Far Eastern Economic Review
tường thuật lại cơ sở tổ chức của FULRO Tây Nguyên ở mật khu miền



E5. Chiến sĩ Tây Nguyên với lá cờ FULRO ở mật khu

bắc Kampuchea. Nhóm FULRO Tây Nguyên là một lực lượng quân sự chống Cộng Sản Việt Nam từ 1975. Sự đấu tranh này nhằm đòi quyền tự trị ở khu vực Tây Nguyên, miền trung Việt Nam.

Khi quân đội Cộng Sản Việt Nam không còn ở trên lãnh thổ

Kampuchea nữa, nhóm FULRO Tây Nguyên tình nguyện chấm dứt chiến tranh và yêu cầu cơ quan Liên Hiệp Quốc bảo trợ để đưa tàn quân này sang cư trú ở Hoa Kỳ.

E13. Tàn quân Tây Nguyên quyết tâm chiến đấu

(Nate Thayer, «Trails of Tears:

Lost Montagnard Army Vows to Fight On»,

Far Eastern Economic Review, 10 September 1992

Bài phỏng vấn ông Đại Tá Y Peng Ayun, tổng tư lệnh lực lượng FULRO ở mặt khu miền bắc Kampuchea.

Theo Đại Tá Y Peng Ayun, sau năm 1975, lực lượng FULRO của ông ta có vào khoảng 10.000 người rút về khu vực biên giới tỉnh Mondolkiri của Kampuchea nhằm tiếp tục đấu tranh chống chính sách Cộng Sản Việt Nam. Qua mấy năm đấu tranh, lực lượng của ông ta chỉ còn vào khoảng 2.000 người và sẵn sàng chiến đấu tới cùng.



E6. (Bên trái đeo gương) Đại Tá Y Peng Ayun, Tổng Tư Lệnh FULRO

Điều mà ông ta cần biết đó là tin tức ông Y Bham Enoul, chủ tịch FUFRO trước năm 1975. Mặc dù tin đồn là ông Y Bham Enoul đã chết nhưng ông ta vẫn còn nuôi hy vọng là Y Bham Enoul vẫn còn

26 Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

sống hôm nay.

E14. Kẻ thù trong nội địa

(Nayan Chanda, «The Enemy Within»,

Far Eastern Economic Review, 10 September 1992)

Phóng viên Nayan Chanda của tờ báo Far Eastern Economic Review tường trình cơ sở tổ chức của lực lượng FULRO ở miền trung Việt Nam nhằm đòi lại quyền tự trị ở Tây Nguyên từ năm 1964 và thành tích hoạt động chống lại chế độ Cộng Sản Việt Nam từ năm 1975.

Mặc dù lực lượng này chỉ tập trung cơ sở của họ ở miền bắc Kampuchea, nhưng sự hiện diện của lực lượng này đã gây bao khó khăn chính trị cho chế độ Hà Nội.

E15. Một tia sáng chiếu lên sự mờ ảo

(Nate Thayer, «Lighting the Darkness,

Far Eastern Economic Review», 10 September 1992)

Bài tường trình về tín ngưỡng dân tộc Tây Nguyên. Đa số dân tộc này theo Tin Lành Giáo. Vì lòng tin vào Chúa đã giúp đỡ họ vượt qua bao khó khăn trong cuộc sống và nhất là giúp đỡ họ một niềm tin vững chắc nhằm khôi phục lại FULRO, một lực lượng duy nhất của



E7. Chiến sĩ FULRO đang hành lễ Tin Lành Giáo.

dân tộc thiểu số chống Cộng Sản ở Việt Nam.

E16. Lịch sử Vương Quốc Champa

(Yasya Asmat, «The History of the Kingdom of Champa», Champa Review, 1992, trang 2-4)

Bài tóm lược lịch sử vương quốc Champa từ thời thượng cổ đến thời cận đại. Cùng trong bài này, tác giả đưa ra nhiều ý kiến về sự liên hệ giữa cộng đồng Chăm với nhà nước Kampuchea, hay sự kìm kẹp người Chăm dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Khmer Đỏ. Bài này đăng trong tờ Champa Review do cộng đồng người Chăm Hoa Kỳ xuất bản.

E17. Champa là đất nước của dân tộc Chăm

(Jaiman Hassan, «Champa is for Chams», Champa Review, 1992, trang 5-7)

Đây là bài đàm luận giữa ông Jaiman Hassan dân tộc Nam Dương với cộng đồng người Chăm ở Hoa Kỳ. Trong bài đàm luận này, ông Jaiman Hassan kêu gọi người Chăm nên đoàn kết lại nhằm đấu tranh cho sự sống còn của vương quốc họ, xóa bỏ thân phận nô lệ mà người Chăm phải gánh chịu từ mấy thế kỷ qua, nhằm bảo tồn lại di sản văn hóa và nền văn minh Champa của họ.

**E18. Dân tộc Chăm cùng
nguồn gốc với Mã Lai**

(Sem Hassan, «Chams are Malay Stock», Champa Review, 1992, trang 7-8)

Tác giả đưa ra những dữ kiện nhằm chứng minh rằng dân tộc Chăm có cùng tiếng nói, văn hóa và tín ngưỡng với người Mã. Thêm vào đó, tác giả cũng đưa ra quan điểm riêng tư của mình về sự đoàn kết của người Chăm hôm nay. Theo tác giả, Hồi giáo là yếu tố quan trọng có thể đưa dân tộc Chăm đến ý thức hệ chung về sự đoàn kết.

E19. Chính trị và phong trào FULRO

(Peang Adul Gafour, «Politics and Fulro Movement», Champa Review, 1992, trang 8-9)

Bài có trọng yếu tóm tắt những công tác đấu tranh của dân tộc Champa chống lại nền thống trị Việt Nam dưới thời Pháp Thuộc và lịch trình thành lập lực lượng FULRO vào năm 1964 đặt dưới quyền lãnh đạo của ông Đại Tá Les Kosem, dân tộc Chăm ở Kampuchea.

Tác giả cũng nêu lên nhiều dữ kiện liên quan đến sự thành lập chính phủ lâm thời của Mặt Trận Giải Phóng Champa-Fulro do ông Y Bham Enoul lãnh đạo, cũng như những chi tiết khác có liên quan đến chính sách ngoại giao của FULRO nhằm vận động quốc tế để yểm trợ cho chính sách FULRO của mình.

Cuối cùng, tác giả cũng trình bày sơ qua về tình hình người Chăm ở Kampuchea trong những năm mà quân đội Cộng Sản Việt Nam sang xâm chiếm nước này với danh nghĩa là giúp láng giềng để chống lại Khmer Đỏ.

Đọc qua bài này, người ta có cảm tưởng rằng tác giả dường như là một cán bộ cao cấp trong phái bộ ngoại giao của FULRO.

E20. Khu vực an bình

(«Regional Stability», Champa Review, 1992, trang 10-12)

Đối với tác giả, khu vực Đông Nam Á muốn được an bình thịnh vượng thì phải giải quyết vấn đề Champa, một vương quốc bị Việt Nam chiếm đóng từ đầu thế kỷ thứ 19. Để giải quyết sự an bình trong khu vực này, Liên Hiệp Quốc phải có vai trò trọng yếu.

Phần thứ hai, tác giả phân tích chính sách chính trị Việt Nam đối với dân tộc Chăm hôm nay, một chính sách mà tác giả coi đó là chủ trương có ý muốn đồng hóa người Chăm Hồi Giáo.

E21. Hoa Kỳ từ chối giúp đỡ người Chăm tỵ nạn

(William Branigin, «U.S. Rejection Dismay Other Refugee Aids», Champa Review, 1992, trang. 18-19)

Tác giả tường trình lại cuộc hành trình thống khổ của dân tộc Chăm đã chạy trốn khỏi gông cùm Cộng Sản Việt Nam nhằm đến



E8. Chăm tị nạn ở biên giới Thái Lan

biên giới Thái Lan để xin tị nạn. Mặc dù như vậy, chính phủ Hoa Kỳ không quan tâm đến họ. Trong bài này, tác giả phân tích những sự bất công trong chính sách tuyển người ở biên giới Thái Lan sang Hoa Kỳ tị nạn.

**E22. Nghiên cứu ngôn ngữ Chăm
trong quá khứ, tương lai và hiện tại**

(Robert K. Headley Jr., «Cham Linguistic Research:
Past, Present and future»,
Champa Review, 1992, trang 20)

Trọng yếu của bài này là tóm tắt lại công trình nghiên cứu về ngôn ngữ Chăm từ đầu thế kỷ thứ 19. Hai nhà nghiên cứu Âu Châu đề cập đến công tác ngôn ngữ Chăm đó là Albert Morice và Etienne Aymonier. Thêm vào đó, tác giả cũng ghi chép sơ qua về kết quả mà ông ta đã nghiên cứu và so sánh từ vựng Chăm với các từ vựng của gia đình Đa Đảo.

Sau cùng, tác giả kêu gọi công tác bảo tồn tiếng Chăm, nhất là tiếng Chăm ở Kampuchea đã bị quên lãng trong suốt những năm thống trị của người Khmer Đỏ ở Kampuchea.

**E23. Thư ngỏ của ông Ibrahim Hassan,
Giám Đốc trung tâm giáo dục Hồi Giáo**

(«Letter from Ibrahim Hassan, Director
of Cham Islamic Educational Teaching Center»,
Champa Review, 1992, trang 21-22)

Mục tiêu bức thư là kêu gọi cộng đồng Chăm ở Hoa Kỳ góp phần vào công tác phát triển chương trình giáo dục cho người Chăm ở Kampuchea, một nạn nhân khủng khiếp của chế độ Khmer Đỏ.

E24. Nguyên nhân chính của người Việt

(«Roots of the Vietnamese»,
Champa Review, 1992, trang 24)

Bài này chủ yếu là tóm lược sơ qua lịch sử của một vương quốc Champa hùng mạnh, nhưng cũng đành phải bị tiêu diệt vì chính sách đế quốc của Việt Nam. Chính vì thế mà hôm nay có sự hiện diện của người Chăm tị nạn trên khắp thế giới.

E25. Nguyện vọng của dân tộc Chăm ở Hoa Kỳ

(«Voice of the Chams People in the USA»,
Champa Review, 1992, trang 25)

Bài viết tập trung kêu gọi dân tộc Chăm phải kiên trì trong việc đấu tranh chống Cộng Sản để bảo tồn tự do tín ngưỡng của họ.

E26. Câu chuyện khôi hài

Hasann Ibrahim, «Laugh Story
and Stock Jokes»,
Champa Review, 1992, p. 26.

Những câu chuyện khôi hài do người Chăm sáng tác nhằm châm biếm chế độ Cộng Sản Việt Nam.

E27. Đà Nẵng

(«Danang», Wings of Gold Magazine
of the Malaysian Airline, June 1992, trang 83-84)

Bài đăng trong báo của hàng không Mã Lai nhằm giới thiệu Viện Bảo Tàng Chăm ở Đà Nẵng và khu vực di tích lịch sử Mỹ Sơn.



E9. Gia đình hoàng gia Champa ở Phanri

E28. Nền văn minh cổ ở Việt Nam

(«The Classic Civilisation of Vietnam»,
Sawadees, January 1993, trang 36-41 và 45)

Bài đăng trong báo của Hãng hàng không Thái Lan giới thiệu về nền văn minh Champa, một vương quốc hùng mạnh, nay đã điêu tàn.

Qua các bảo vật và di tích lịch sử còn lưu lại đã chứng minh rằng Champa có một nền văn minh cao độ và một lịch sử lâu dài trong khu vực Đông Nam Á.

Thêm vào đó, tác giả bài này cũng trình bày sơ qua về cơ cấu kiến trúc các đền đài Champa nằm rải rác ở miền trung Việt Nam.

E29. Một dân tộc cương quyết

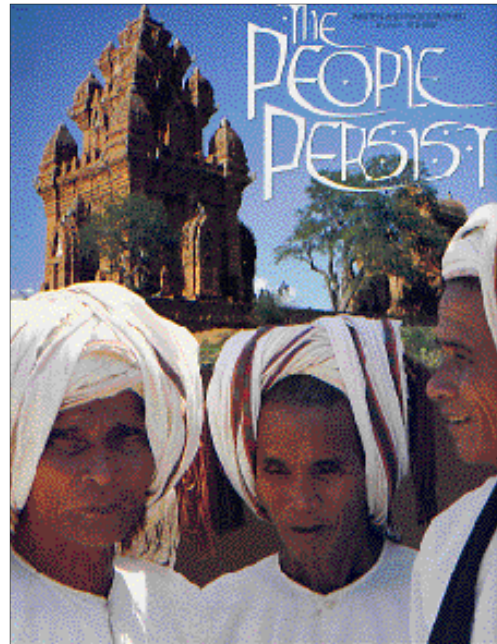
«The People Persist»,

Aramco World, March 3, No. 4,
1993, trang 10-15.

Đây là bài tường trình của phóng viên tờ báo Aramco Word nhân dịp viếng thăm người Chăm ở Việt Nam, Kampuchea và Thái Lan.

Trước tiên tác giả giới thiệu sơ lược về lịch sử và nền văn minh Champa một quốc gia chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ Giáo và sau thế kỷ thứ 16 nền văn minh Hồi Giáo.

Mục tiêu của cuộc hành trình là nhằm viếng thăm các di tích lịch sử Champa ở miền trung Việt Nam và dân tộc Chăm ở khu vực Phan Rang, Phan Rí, Sài Gòn, Châu Đốc. Tác giả cũng sang Kampuchea và Thái Lan



E10. Tu sĩ Chăm Bani, Phanrang

để khảo sát cuộc sống người Chăm ở hai vương quốc này.

Nạn nghèo đói và mù chữ của một dân tộc chưa đầy 400.000 người định cư trong ba nước khác nhau là hai vấn đề có thể biến người Chăm thành một dân tộc mất gốc. Mặc dù người Chăm ở khu vực Saigon, Châu Đốc, Kampuchea và Thái Lan rất sùng đạo Hồi Giáo, nhưng lòng tin vào tín ngưỡng không phải là động cơ chính yếu nhằm bảo đảm sự tồn tại của họ hôm nay.

E30. FULRO hay là đứa con của dân tộc Tây Nguyên

(P. A., «Le Fulro ou Les fils des Montagnes»,
Le Mekong, No. 5, 1994, trang 9)

Phóng viên của tờ báo Le Mekong trình bày sơ khởi lịch sử FULRO, một lực lượng quân sự đấu tranh nhằm đòi quyền tự trị ở khu vực Tây Nguyên Champa từ thời Pháp Thuộc đến năm 1979.

Lực lượng này đã từng đấu tranh chống lại chính sách Ngô Đình Diệm, sau đó Nguyễn Văn Thiệu. Mục tiêu của FULRO dưới thời Việt Nam Cộng Hòa là đòi quyền độc lập Champa, một quốc gia bị Việt Nam chiếm đóng. Sau 1975, lực lượng FULRO đặt dưới quyền chỉ huy của ông Y Peng Ayun rút quân về khu vực miền bắc Kampuchea và tiếp tục vùng dậy chống lại chính sách Cộng Sản Việt Nam nhằm giải phóng Tây Nguyên Dega. Năm 1994, quân đội Cộng Sản Việt Nam rút quân ra khỏi Kampuchea, lực lượng FULRO của Y Peng Ayun yêu cầu Liên Hiệp Quốc can thiệp để đưa hàng ngàn tàn quân FULRO sang định cư ở Hoa Kỳ.

E31. Một nền văn minh bị quên lãng, nhưng rất là lý thú để chiêm ngưỡng

(T. T. Nhu, «It's forgotten civilization, but worth looking at»,
San Jose Mercury News, California, 3 November 1994.

Bài tường trình về đại hội văn nghệ Katê Champa 1994 tại University Music Concert Hall, San Jose do IOC-CAMPA International tổ chức. Tác giả cũng trình bày sơ lược về nền văn minh Champa và sự hiện diện hơn 10.000 người Chăm tại Hoa Kỳ từ năm 1975

E32. Vương quốc của người Chăm bị quên lãng
(Hervé Beaumont, «Le Royaume oublié des Cham»,
Grands Reportages, Juin 1995)

Trong bài này, tác giả giới thiệu sơ lược lịch sử vàng son của vương quốc Champa. Các vết tích lịch sử nằm ngổn ngang ở miền trung Việt Nam đã chứng minh rõ rệt là Champa có một nền văn minh cao độ. Tiếc rằng, người Chăm hôm nay chỉ là một nhóm nhỏ nhoi định cư trong hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận nơi mà họ đang đeo đuổi cuộc sống của họ trong sự nghèo túng và thiếu thốn đủ điều, và cũng là nơi mà họ còn hô lên họ là dân tộc Chăm nhưng họ không chút quyền gì để nói đến lịch sử và văn hóa của họ.

E33. Một bài thơ về cuộc sống người Chăm
(D. T. L. «L'ode à a vie des Cham»,
Le Courier du Vietnam, 22 August 1995)

Bài giới thiệu cuộc triển lãm ở Hà Nội về 50 bức tranh sơn dầu và 60 bức tượng điêu khắc của nhà điêu khắc Đàng Năng Thọ, người Chăm làng Bầu Trúc, Phanrang.

Nhìn qua các bức tranh và tượng điêu khắc này, người ta có cảm tưởng là Đàng Năng Thọ đang giới thiệu với quần chúng một bài thơ tiết tấu nhằm diễn tả lại cuộc sống hàng ngày của dân tộc Chăm sống ở vùng Ninh Thuận và Bình Thuận.

E34. Một nhà họa sĩ Chăm
(Tra My, «A Painter of the Cham People»,
Vietnam Courier, No. 101, 6-12 August 1995)

Bài giới thiệu cuộc đời của một nhà họa sĩ Đàng Năng Thọ, gốc dân tộc Chăm lần đầu tiên sang Hà Nội để trưng bày những bức tranh và tượng điêu khắc do ông ta sáng tác.

Họa sĩ Đàng Năng Thọ có một trường phái rất là đặc biệt ở Việt Nam. Các tác phẩm mà ông ta trình bày trong cuộc triển lãm đều mang sắc thái Chăm nhằm mô tả lại hình ảnh cuộc sống hàng ngày và tín ngưỡng của người Chăm hôm nay. Một số tác phẩm khác mang tính chất trừu tượng hơn nói lên lời trần trối của một nhà nghệ sĩ về dĩ vãng xa xưa của quê hương ông ta.

E35. Văn hóa Chăm, một cảm hứng vô biên

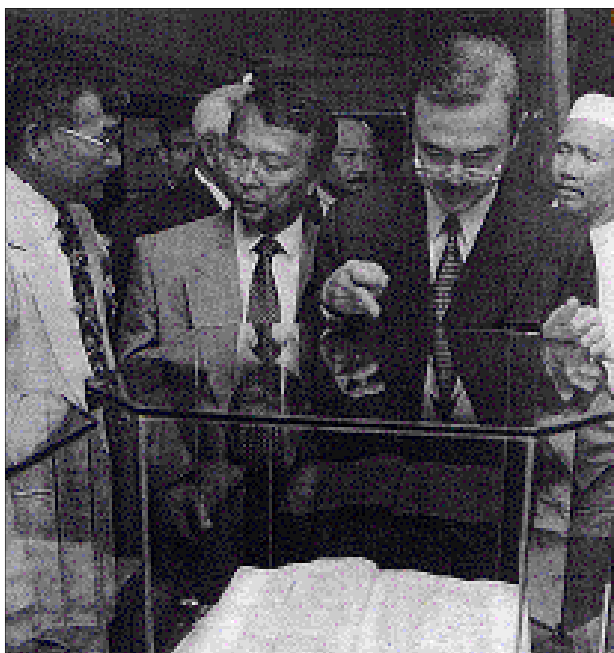
(Tra My, «La Culture Cham, c'est son inspiration infinie»,
Le Courrier du Vietnam, No. 101, 6-12 August 1995)

Đây là bài tiếng Pháp viết về Đàng Năng Thọ (xem E. 33).

**E36. Sử dụng ngôn ngữ Mã Lai trong các diễn đàn quốc tế sẽ
đem lại niềm hãnh diện cho quốc gia**

(«Usage of BM at world forums does nation proud»,
New Straits Times, 16-10-1966)

Nhân ngày khai mạc đại hội về nền văn minh của các dân tộc đồng
bằng sông Mekong do Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai, đại học



E11. Ts. Po Dharma đang giới thiệu sách Chăm với Bộ Trưởng
Bộ Ngoại Giao Mã Lai (thứ ba từ trái sang phải)

INALCO Pháp, đại
học Sorbonne, Paris
và Sứ Quán Pháp tại
Mã Lai tổ chức,
Datuk Abdullah
Badawi, Bộ Trưởng
Bộ Ngoại Giao Mã
Lai tuyên bố rằng sử
dụng ngôn ngữ Mã
Lai trong các diễn
đàn quốc tế sẽ đem
lại niềm hãnh diện
cho quốc gia. Đại
hội về sông Mekong
là một bằng chứng
cụ thể, vì rằng đa số
các khoa học gia
Pháp dùng tiếng Mã
để thuyết trình đề tài
trong buổi hội thảo
này.

Nhân dịp này, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã cũng đến thăm buổi
triển lãm về Văn Hóa Champa do Viện Viễn Đông Pháp tổ chức.

E37. Một dự luật mới về đồ cổ

(«Amendment to Antiquities Act proposed»,
New Straits Times, 3 November 1997)

Nhân ngày khai mạc cuộc triển lãm về y phục Champa tại Kuala Lumpur vào tháng 9 năm 1997 do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Viện Khoa Học Xã Hội tại thành phố H.C.M., ông Datuk Sabbaruddin Chik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai cho biết rằng Bộ ông ta đang chuẩn bị một dự luật mới về đồ cổ phát hiện được ở Mã Lai.



E12. Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai (trái đeo gương) đang viếng thăm kỹ nghệ thổ cẩm Chăm của cô Thuận Thị Trụ.

Đây là cuộc triển lãm đầu tiên về y phục Champa tại Mã Lai với sự giúp đỡ của nhiều người Chăm Phan Rang sang Kuala Lumpur để thực hiện phần kỹ thuật triển lãm



E13. Cô Nguyễn Thị Bạch Cúc, Hữu Đức



E14. Cô Báo Thị Hoa, Văn Lâm.

E38. Đi tìm dấu vết lịch sử Champa

(«Tracing the History of Champas»,
New Straits Times, 3 November 1997)

Bài tường trình về cuộc triển lãm về y phục Champa tại Kuala Lumpur vào tháng 9 năm 1997 do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức. Trong ngày lễ ra mắt triển lãm, Ông Datuk Sabbaruddin Chik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai có tuyên bố với báo chí rằng phổ biến và truyền bá yếu tố văn hóa Champa tại Mã Lai là một chương trình vô cùng quan trọng. Vì dân tộc Champa và Mã Lai phát xuất cùng nguồn gốc tiếng nói, văn hóa và tín ngưỡng. Champa và Mã Lai đều áp dụng cùng thể chế liên bang. Nếu liên bang Mã Lai hôm nay có 13 tiểu vương quốc, liên bang Champa thời trước cũng có 5 tiểu vương quốc.

Qua cuộc triển lãm này, người ta biết rằng Champa là một quốc gia rất là nổi tiếng về kỹ nghệ dệt tơ lụa và sản xuất nhiều y phục rất là đặc biệt.

Có nhiều người Chăm từ khu vực Phanrang sang giúp đỡ để giúp Bộ Văn Hóa Mã Lai thực hiện chương trình triển lãm này.

E39. Điêu khắc Chăm ở Đà Nẵng, Việt Nam

(Denise Heywood, «Cham Sculptures

in Danang, Vietnam», Minerva, The International Review of Ancient Arts and Archeology, November to December 1998, trang 20-22)

Sau phần trình bày sơ lược về nền văn minh Champa từ ngày dựng nước đến 1832, năm đánh dấu sự suy vong của vương quốc Champa, tác giả lần lượt giới thiệu 294 hiện vật điêu khắc Champa từ thế kỷ thứ

7 đến thế kỷ thứ 15 hiện được trưng bày trong viện bảo tàng Chăm tại thành phố Đà Nẵng.

Phần cuối cùng, tác giả tường thuật rằng kể từ năm 1946, hơn 150 hiện vật Champa trưng bày trong viện bảo tàng này bị trộm cắp để đem bán cho các khách nước ngoài. Sau 1948, vì vấn đề an ninh, nhiều hiện vật được di chuyển sang nơi khác ở Việt Nam và cả nước Lào. Vào năm 1954, viện bảo tàng này trở thành một trung tâm tị nạn cho hơn 300 người từ miền bắc sang lánh nạn ở miền nam. Biển có Tết Mậu Thân 1968, viện bảo tàng này bị quân đội Sài Gòn và Đồng Minh trưng dụng để làm đồn quân sự. Năm 1969, ông Philippe Stern, chuyên gia điêu khắc Chăm của viện bảo tàng Guimet ở Paris có viết thư cho Richard Nixon, Tổng Thống Hoa Kỳ để phản đối lực lượng đồng minh trưng dụng viện bảo tàng để làm đồn quân sự và nhất là phản đối dùng di tích lịch sử Mỹ Sơn để làm chiến hào cho quân đội đồng minh thời đó. Năm 1971, Tổng Thống Nixon yêu cầu ông John Gunther Dean, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Saigon gửi phái đoàn Mỹ đến Đà Nẵng để giải quyết hồ sơ này.

Kể từ năm 1975, viện bảo tàng Đà Nẵng đặt dưới quyền quản lý của Sở Văn Hóa Đà Nẵng.

Nhằm bảo tồn hiện vật Champa trong viện bảo tàng này, ông Ts. Po Dharma của Viện Viễn Đông Pháp và ông J. P. Ducrest của AFAO, Paris có thực hiện một tác phẩm với nhan đề Viện Bảo Tàng Chăm Đà Nẵng. Tác phẩm này là cuốn thư mục toàn diện các hiện vật trưng bày trong viện bảo tàng này. Cuốn sách này do ông Jacques Chirac, Tổng Thống Pháp trao tặng lại cho chính quyền Đà Nẵng vào năm 1997 nhân dịp ông ta sang viếng thăm viện bảo tàng này.

E40. Viện bảo tàng điêu khắc Chăm ở Đà Nẵng

(Pierre Pichard, «La Musee de la Sculpture Cam de Da Nang»,

Aseanie, No. 1, March 1998, trang 215-216)

Bài giới thiệu phê bình cuốn sách với nhan đề: Viện bảo tàng điêu khắc Chăm ở Đà Nẵng, xuất bản tại Paris vào năm 1997 bởi hội AFAO và Viện Viễn Đông Pháp.

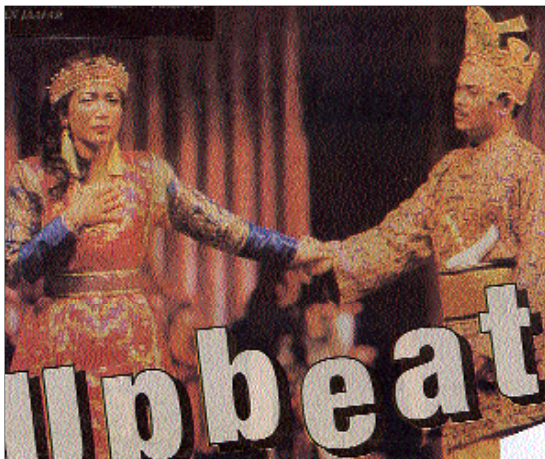
E41. Điều tra về cuộc tấn công phá hoại của cựu đại tướng
(«Probe into Assault Charge by ex-General»,
New Straits Times, 29 September 1999)



E15. Phụ nữ Chăm đang tiếp Hoàng Tử Norodom Ranarith

Bài phỏng vấn ông Hoàng Tử Norodom Ranarith, Đệ Nhất Thủ Tướng Kampuchea về biến cố quân sự ở vương quốc này nhân dịp ông ta đến chủ tọa ngày họp mặt của cộng đồng Chăm Hồi Giáo tại nhà hát Chaktomok Theatre ở Phnom Penh.

E42. Sự lạc quan của công chúa Siti
(«Upbeat about Siti»,
New Straits Times, 5 July
2000)



E16. Nữ điện ảnh Tiara trong vai công chúa Champa

Bài tóm lược vở tuồng với nhan đề Siti Zubaidah, một công chúa Mã Lai trở thành hoàng hậu Champa.

Siti Zubaidah là cốt truyện trích từ trường ca cổ điển Mã lai kể lại cuộc nổi dậy của một công chúa Mã Lai chống lại quân

Trung Quốc sang xâm chiếm Champa và bắt chồng bà ta đưa về xứ lạ quê người.

Jacquelines Tiara, nữ điện ảnh nổi tiếng Mã Lai là người đóng vai công chúa Siti.

Đêm văn nghệ đã thu hút nhiều khán giả là vì vở tuồng này mang nhiều màu sắc Champa nhất là y phục của công chúa Siti.

E43. Người Champa Hồi Giáo đang lâm vào nạn nghèo đói thống khổ
(«Champa Muslims Mired in Misery»,
New Straits Times, 16 May 2000)

Nhân dịp sang viếng thăm tỉnh Kompong Chhanang cách thủ đô vào khoảng 100 cây số, phóng viên tờ báo New Straits Times tường trình lại về cuộc sống vô cùng khó khăn và bi đát của 320.000 người Chăm ở Kampuchea, một cuộc sống chen chúc trong ngôi nhà không vệ sinh, không thuốc men và không chương trình giáo dục cho giới trẻ, mặc dù các hội từ thiện Mã Lai đã giúp rất nhiều về lương thực.



E17. Con em người Chăm nghèo đói ở Kampuchea

Ngoài cuộc sống, phóng viên này cũng mô tả thêm về tinh thần cao độ của người Chăm đối với tín ngưỡng Hồi Giáo của mình.

E44. Đền Mỹ Sơn chứa đựng bao ý nghĩa lịch sử Champa
(«Le Tours de My Son content l'histoire du Champa»,
Le Courrier Vietnam, 3 September 2000)

Bài giới thiệu về đền Mỹ Sơn, một di tích mang rất nhiều ý nghĩa lịch sử Champa.



E18. Mỹ Sơn Champa, một di sản văn hóa nhân loại

Được UNESCO công nhận là một di sản văn hóa nhân loại vào năm 1999, khu vực Mỹ Sơn được đưa lên chương trình trùng tu.

Tác giả cũng cho biết rằng, từ ngày khai phá Mỹ Sơn vào 1898, nhiều hiện vật của khu vực này được chuyển sang viện bảo tàng ở Đà Nẵng.

E45. Dân tộc Tây Nguyên vùng dậy ở Việt Nam

(«Hill People Stage Protest in Vietnam»,
New Straits Times, 2 february 2001)

Phóng viên từ New Straits Times tường trình cuộc vùng dậy của hàng ngàn dân tộc Tây Nguyên Champa nhằm đòi nhà nước Cộng Sản trao trả lại đất đai của họ bị tịch thu từ năm 1975.

Đây là cuộc vùng dậy đầu tiên của dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ ngày miền nam bị rơi vào tay Cộng Sản.

Theo nguồn tin cung cấp bởi Hà Nội, tình hình rối loạn này đã tạm yên và quân đội Việt Nam đã thành công đẩy lui cuộc nổi loạn này.

E46. Dân tộc thiểu số đòi đất đai của tổ tiên họ: Hà Nội đương đầu với cuộc vùng dậy của người Tây Nguyên

(Frédérique Martin, «Les paysans des "minorités ethniques" revendiquent leurs terres ancestrales.

Hanoi face à la révolte des Montagnards»,

Figaro, 9-2-2001)

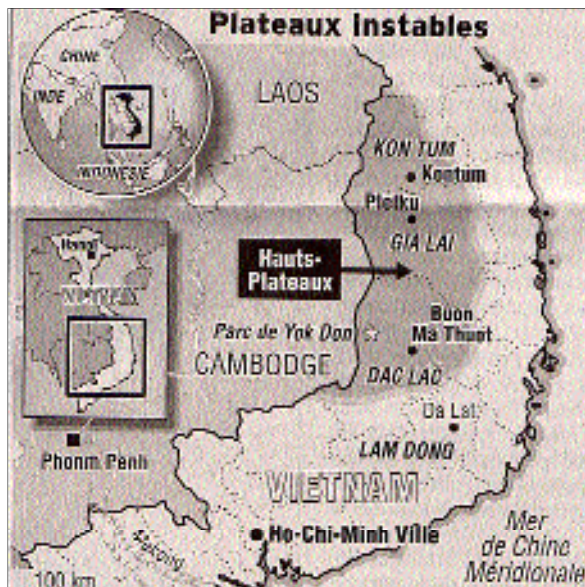
Phóng viên báo Figaro của Pháp tường thuật phân tích nguyên nhân chính yếu cuộc vùng dậy của người Tây Nguyên vào đầu tháng 2 năm 2001.

Theo phóng viên này, sau năm 1975, đây là cuộc vùng dậy đầu tiên của dân tộc thiểu số chống lại chính quyền Cộng Sản ở Việt Nam.

Dân tộc thiểu số này là người Tây Nguyên ở miền trung Việt Nam. Họ vùng dậy nhằm đòi lại đất đai của tổ tiên họ bị chiếm đoạt một cách vô căn cứ và nhất là yêu cầu chính quyền Hà Nội phải chấm dứt chính sách Việt Nam Hóa đối với dân tộc thiểu số, nhất là chống lại chính sách đưa hàng triệu dân Việt lên cao nguyên để chiếm cứ đất đai của người Tây Nguyên.

Một khi đã được phép định cư ở khu vực cao nguyên, những người Việt này thường núp dưới là cờ công dân Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam luôn luôn xem người Tây Nguyên

chỉ là một dân tộc man rợ (sauvage) hay là người Mọi không văn minh. Dưới sự che chở của công an và quân đội, người Việt này tung hoành tước đoạt đất đai của dân tộc Tây Nguyên mà không cần hỏi lý do. Thêm vào đó, từ năm 1975 khu vực Tây Nguyên đã trở thành một chiến khu bí mật cấm đoán hoàn toàn người nước ngoài lên



E19. Khu vực Tây Nguyên

42 Báo chí tiếng Anh và Âu Châu

vùng cao này để tiếp xúc với dân tộc thiểu số. Đây là nguyên nhân chính đáng giải thích cho sự vùng dậy của người Tây Nguyên vào tháng 2 vừa qua.

Để giải quyết cuộc bạo động này, Hà Nội ra lệnh cho quân đội và công an dùng mọi quyền lực của mình ngay cả súng đạn nhằm dập tan sự vùng dậy của người Tây Nguyên. Hàng ngàn người Tây Nguyên bị bắt bớ và giam cầm. Tất cả nhà thờ Tin Lành và Thiên Chúa của người Tây Nguyên bị lục soát, v.v.

Phóng viên kết luận rằng, mặc dù họ là người "Man Rợ", nhưng dân tộc thiểu số này dám vùng dậy chống lại chính quyền Hà Nội nhằm yêu cầu nhà nước Việt Nam phải trao trả lại đất đai của họ.

E47. Tình hình Tây Nguyên Việt Nam vẫn còn nghiêm trọng

(«Tension Remains High in Vietnam»,
New Straits Times, 10 february 2001)

Phóng viên cho rằng sau cuộc nổi loạn vào đầu tháng 2 vừa qua của dân tộc Tây Nguyên Champa đòi nhà nước Việt Nam phải trả lại đất đai của họ, tình hình an ninh ở khu vực này vẫn còn trong tình trạng nghiêm trọng, mặc dù nhà nước Việt Nam đã ra lệnh cho quân đội có quyền hành động nhằm đẩy lui cuộc nổi loạn này.

Cuộc vùng dậy đòi đất đai này đã trở thành một cuộc xung đột vô cùng bạo động. Dân Tây Nguyên không ngần ngại chặt tay một số cán bộ an ninh của nhà nước Việt Nam và đánh tổn thương nhiều cán bộ người Việt khác sống trong khu vực này. Một số nữa bị bắt giam để làm con tin cho cuộc thương thuyết giữa anh em Tây Nguyên và chính quyền Việt Nam.

E48. Kinh thánh Quran và áo quần giúp người Champa

(«Copies of Quran, Clothes for Champa folk»,
New Straits Times, 28 february 2001)



E21.

Trung tâm huấn luyện cảnh sát Mã Lai đã tập trung nhiều sách kinh thánh Quran và áo quần để góp phần vào công tác giúp đỡ người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea.

Những đồ viện trợ này đã giao cho ban tổ chức chương trình viện trợ do tờ báo New Straits Times đỡ đầu.

E49. Việt Nam biểu dương lực lượng hùng mạnh ở Pleiku

(«Vietnam Stages Display of Might in Pleiku»,

New Sunday Times, 18 March 2001

Sáu tuần sau ngày vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên Champa đòi



E20. Diễn hành của anh em Tây Nguyên

nhà nước trả lại đất đai của họ, Chính quyền Hà Nội đã tổ chức một cuộc diễu hành quân đội vô cùng hùng mạnh ở Dak Lak, nhân ngày kỷ niệm 26 năm giải phóng tỉnh Ban Mê Thuột. Hàng ngàn người Tây Nguyên được nhà nước mời đến tham dự cuộc diễu hành này nhằm bày tỏ lòng trung thành với đảng và nhà nước hậu chống lại cuộc nổi

loạn trong tháng hai vừa qua.

E50. Hoa Kỳ được yêu cầu là không nên nhúng tay vào nội bộ Việt Nam

(«Don't Interfere, US Warned»,

New Straits Times, 24 March 2001).

Chính quyền Hà Nội lên tiếng yêu cầu Hoa Kỳ không nên nhúng tay vào cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên Champa vào đầu tháng hai năm 2001. Theo Hà Nội, sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên là chuyện nội bộ của Việt Nam.

Ông Pete Peterson, Đại Sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam là nhân vật đã theo dõi từng giây phút về tình hình cuộc nổi dậy chống nhà nước Việt Nam ở Tây Nguyên.

E51. Kampuchea gây khó khăn cho vận mạng của dân tộc thiểu số Việt Nam ở vương quốc này

«Cambodia Mulls fate of fleeing Viet Minorities», New Straits

Times, 26 March 2001

24 người thiểu số tự xưng là thành phần FULRO đã thành công rời khỏi Tây Nguyên để sang lánh nạn ở Kampuchea, nhưng bị lực lượng biên phòng Kampuchea trấn giữ lại để khai thác nguyên nhân chính yếu đưa đẩy họ sang lánh nạn Kampuchea

Theo nguồn tin chính thức, 24 người này là cán bộ chỉ huy cao cấp trong cuộc nổi loạn ở Tây Nguyên vào đầu tháng 2 năm 2001.

E52. Quân đội Việt Nam bị cảnh cáo

(«Vietnam Military Comes Under fire»,

New Straits Times, 27 March 2001)

Sau cuộc nổi loạn dân tộc Tây Nguyên vào đầu năm 2001, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng và một số tướng lãnh Việt Nam bị nhà nước khiển trách vì thiếu nghiêm túc trong công việc phòng thủ an ninh trong khu vực Tây Nguyên.

Tổng Bí Đảng Cộng Sản Việt Nam cùng lên án ông Hoàng Đức Nghi, Chủ Tịch Ủy Ban đặt trách dân tộc ít người và miền thượng du, vì ông ta không làm tròn nghĩa vụ do nhà nước giao phó. Chính vì thế

mà để xảy ra sự bạo động của dân tộc Tây Nguyên ở Khu vực Ban Mê Thuột, Kom Tum và Plei Ku.

E53. Lòng từ thiện và tiền bạc dành cho người Champa Hồi Giáo

(«To hand Over Cash and Kind to Champa Muslims»,
New Straits Times, 30 March 2001)



E21. Datuk Najib, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Mã Lai (thứ ba đeo gương từ trái sang phải)

Một nhóm 20 hội viên hội từ thiện Mã Lai sang Kampuchea nhằm giúp đỡ người Champa Hồi Giáo ở vương quốc Kampuchea. Nhân dịp này, hội từ thiện đã trao tặng cho người Chăm 100.000,00 ringgits tiền Mã và hơn 4 tấn thực phẩm do Không Quân Hoàng Gia Mã Lai chuyên chở. Nhân dịp này, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Mã Lai cũng có mặt ở phi trường để tiễn đưa nhóm từ thiện Mã Lai sang Kampuchea

giúp đỡ bà con Chăm.

E54. Hà Nội kêu gọi tinh thần đoàn kết ở khu vực Tây Nguyên

(«Hanoi Seeks to Promote Unity in Highland Region»,
New Straits Times, 31 March 2001)

Phạm Thế Duyệt, Ủy Viên Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam ra lệnh cho hạ tầng cơ sở phải chú tâm đến công tác xây dựng tình đoàn kết quốc gia ở khu vực Tây Nguyên. Ông ta cũng cảnh cáo 5 cán bộ cao cấp nhà nước đặc trách vấn đề dân tộc ít người vì không làm

tròn nghĩa vụ do nhà nước giao phó. Chính vì thế đã xảy ra cuộc vùng dậy người Tây Nguyên chống lại nhà nước ở khu vực này.

**E55. Sứ Quán kêu gọi tinh thần
nghiêm túc về sự viện trợ cho Kampuchea**

(«Alert Embassy on Aid for Cambodia»,
New Straits Times, 31 March 2001)

Ông Ahmad Anuar Abdul Hamid, Đại Sứ Mã Lai ở Kampuchea kêu gọi các hội đoàn từ thiện Mã Lai cần phải có tinh thần nghiêm túc trong chương trình phân phát thực phẩm và tiền bạc cho người Chăm ở vương quốc này. Vì đa số tiền viện trợ không đến tận tay người Chăm được quy chế hưởng viện trợ này. Theo ông Đại Sứ, các hội từ thiện nên cộng tác sứ quán Mã Lai để tìm giải pháp chung cho chương trình viện trợ ở Kampuchea.

E56. Giáo dục người Chăm về vấn đề vệ sinh

(«Educating Champas in
Hygiene»,
New Straits Times, 3
April 2001)

Hội từ thiện Mã Lai đã đưa ra chương trình nhằm giáo dục người Chăm ở Kampuchea về vai trò của sức khỏe, vì đa số người Chăm đã lâm vào nạn bệnh hoạn vì thiếu lương thực.

Ngoài chương trình này, hội từ thiện Mã Lai cũng mang nhiều thực phẩm thuốc men, áo quần, giày dép, máy lọc nước để phân phát cho người Chăm ở vương quốc này.



E22. Nhóm từ thiện Mã Lai đang phát viện trợ

E57. Một biến cố kinh hoàng ở Việt Nam

(«Scènes d'apocalypse au Vietnam»,
France Soir, 7 April, 2001)



M23. Cuộc sống thảm thương của giới trẻ Tây Nguyên

Gần 200 con em học sinh dân tộc Tây Nguyên bị trúng độc không rõ nguyên nhân, sau vụ bạo động ở Tây Nguyên vào tháng hai vừa qua. Ký giả đặt rất nhiều câu hỏi về biến cố kinh hoàng này. Hôm nay, các con em học sinh bị trúng độc đã đưa đến nhà thương cứu cấp tức thời.

Thêm vào đó, phóng viên báo France Soir cũng tường trình thêm về tình hình kinh tế vô cùng khó khăn mà người người Tây Nguyên đang đối phó vì họ không còn phương cách nào để được hưởng quy chế đất đai của họ.

E58. Việt Nam kêu gọi đưa dân Tây Nguyên về nước

(«Vietnam May Deport Hill Tribesmen»,
New Straits Times, 17 May 2001)

Tờ báo New Straits Times cho biết rằng 49 người Tây Nguyên chạy sang Kampuchea bị quân trấn phòng Kampuchea giam giữ lại ở biên giới. Vì không chấp nhận sự hiện diện của họ ở vùng biên giới, chính phủ Kampuchea đề nghị đưa 49 người này trao trả lại cho Việt Nam.

Cũng theo tờ báo này, có vào khoảng 300 người dân tộc Tây Nguyên đang ẩn náu trong khu vực ba biên giới Việt, Miên, Lào sau ngày bạo động ở Việt Nam vào tháng hai vừa qua.

E59. FULRO 1964-2001. Câu chuyện huyền thoại hay là bản tính đấu tranh của dân tộc ít người ở miền trung Việt Nam
(Po Dharma, «FULRO 1964-2001. Mythe ou tradition de luttes des Minorité Ethnique du Centre Vietnam», Human Rights, Juin 2001)

FULRO là lực lượng liên minh của ba mật trận: Mật trận giải phóng Kampuchea Krom, Mật trận giải phóng Kampuchea Nord và Mật trận giải phóng Champa, đặt dưới quyền điều hành của ba nhân vật quan trọng, đó là Châu Dara (tức là thủ tướng Lon Nol của chính phủ hoàng gia Sihanouk), chủ tịch FULRO; Y Bham Enoul, đệ nhất phó chủ tịch FULRO kiêm chủ tịch Mật Trận Giải Phóng Champa và Po Nagar (tức là thiếu tướng Les Kosem), đệ nhị phó chủ tịch.

Trong bài này tác giả trình bày những nguyên nhân sâu xa của sự hình thành mật trận FULRO vào năm 1964. Ba nguyên nhân chính yếu đó là chính sách Việt hóa dân tộc thiểu số, tước đoạt đất đai của dân tộc này và nhất là không tôn trọng phong tục tập quán của họ. Hay nói một cách khác, dân tộc thiểu số chỉ là một công nhân ngoại lệ của nhà nước Việt Nam.

Thêm vào đó, tác giả cũng phân tích sơ lược vai trò FULRO trong các biến cố chính trị và quân sự dưới hai chế độ Việt Nam: Việt Nam Cộng Hòa (1955-1975) và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (1975-2001) và nhất là chính sách của hai chế độ này đối với sự vùng dậy của FULRO.

E60. Hoa Kỳ bảo trợ cho 1.000 người Việt Nam
(«US to give asylum to 1.000 Vietnamese», New Straits Times, 27-3-2002)

Theo cao ủy Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ sẽ bảo trợ cho 1.000 người Tây Nguyên hiện đang lánh nạn ở khu vực Mondulkiri biên giới Kampuchea sang Mỹ cư trú. Đây là lực lượng vùng dậy ở khu vực Tây Nguyên chống lại chế độ Cộng Sản vào tháng 2 năm 2001 nhằm đòi quyền tự do tín ngưỡng và quyền sở hữu đất đai của họ.

Theo cao ủy Liên Hiệp Quốc, mặc dù Hoa Kỳ đã hứa sẽ giúp đỡ họ, nhưng phải chờ sự quyết định của chính phủ Kampuchea để hợp thức hóa giấy tờ cần thiết.

E61. Hun Sen cứu xét sự bảo lãnh của Hoa Kỳ

(«Hun Sen mulls US asylum offer»,
New Straits Times, 28-3-2002)

Hun Sen, Thủ Tướng Kampuchea cho biết là chính phủ ông ta đang nghiên cứu hồ sơ 1.000 người Tây Nguyên lánh nạn ở Kampuchea mà chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng đưa họ sang Mỹ. Chính phủ Kampuchea sẽ trả lời trong ngày gần đây sau vụ cao ủy Liên Hiệp Quốc công khai phản đối hiệp định giữa Kampuchea và Việt Nam nhằm trao trả người Tây Nguyên này cho chính quyền Hà Nội.

E62. Hun Sen chấp nhận người tị nạn Việt Nam sang Hoa Kỳ

(«Hun Sen allows Vietnamse refugees to go to US»,
New Straits Times, 1-4-2002)

Chính phủ Kampuchea sẵn sàng chấp nhận những người Tây Nguyên nào muốn sang cư trú ở Hoa Kỳ nếu họ thích. Những ai muốn trở về Việt Nam, họ sẽ được nhận sự ưu đãi.

Quyết định của Kampuchea cho phép gần 1000 người Tây Nguyên sang Mỹ đánh dấu một khúc quanh trong lịch sử. Với sức ép của Hà Nội nhằm đưa dân tộc Tây Nguyên vùng dậy ở cao nguyên vừa qua trở về Việt Nam, hôm nay chính phủ Kampuchea quyết định cho phép họ sang Hoa Kỳ tị nạn. Đây cũng là giải pháp nhằm chấm dứt hẳn biến cố chính trị ở Việt Nam vào tháng 2 năm 2001 đã gây bao nhiêu khúc mắc trong nội các của vương quốc này.

Sự vùng dậy của các dân tộc Tây Nguyên năm vừa qua phát xuất từ chế độ chính trị quá khắc khe của Cộng Sản Việt Nam đối với dân tộc thiểu số này, nhất là tước bỏ quyền tự do tín ngưỡng và quyền sở hữu đất đai của họ.

Đa số dân tộc Tây Nguyên xin tị nạn là những cựu chiến binh của Hoa Kỳ trong chiến tranh ở Việt Nam trước năm 1975.

102 Báo chí tiếng Mã Lai

các dân tộc sống ven bờ sông Mekong, trong đó có dân tộc Chăm ở Kampuchea và vùng Châu Đốc. Đại hội này sẽ có nhiều chuyên gia Pháp đến tham dự và sẽ được khai mạc bởi Datuk Abdullah Ahmad Badawi, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai.

Nhân dịp này, Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP) sẽ ra mắt cuốn sách bằng tiếng Mã mang tựa đề: Sơ Lược Lịch Sử Bán Đảo Đông Dương (Semenanjung Indocina. Satu Pengenalan) do Ts. Po Dharma thực hiện.

**M51. Thư ngỏ của Dato' Seri Dr. Mahathir Mohamad,
Thủ Tướng Mã Lai nhân dịp
đại hội về nền văn minh Mekong**
(«Secercah Harapan Perdana Menteri Malaysia»,
Seminar Tamadun Lembah Mekong, 15-10-1996)

Trong thư ngỏ này, Thủ Tướng Mã Lai nhấn mạnh rằng, sông

Mekong giữ một vai trò kinh tế và văn hóa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của nhiều dân tộc định cư trên hai bờ sông này. Đại hội về nền văn minh Mekong do Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP), đại học INALCO Paris và đại học Sorbonne Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai sẽ mang lại nhiều tin tức quan



M24. Thư ngỏ của Thủ Tướng Mã Lai

trọng nhằm góp phần phát triển và bảo vệ nền văn minh của các dân tộc sống trên đồng bằng sông Mekong.

**M52. Hình ảnh dân tộc Chăm đăng trong báo chí Mã Lai
nhân dịp đại hội về nền văn minh Mekong**
(Seminar Tamadun Lembah Mekong, 15-10-1996)

Sắc thái đàn bà Chăm trong phong tục cổ truyền ở vùng Phan
Rang



M25.

M53. Phát triển ý thức hệ Asean

(Manimaran, «Perkenalkan konsep Asean»,
Utusan Malaysia, 16-10-1996)

Phóng viên tờ báo Utusan Malaysia tường thuật lại bài diễn văn của Datuk Abdullah Badawi, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai nhân lễ khai mạc đại hội về nền văn minh sông Mekong tổ chức vào ngày 15-10-1996 tại Kuala Lumpur bởi Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã

Lai (DBP), đại học Sorbonne Paris với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai.

Qua bài diễn văn này, Bộ Trưởng cho biết đây là bước đầu của



chương trình nghiên cứu về các dân tộc định cư hai bên bờ sông Mekong, trong đó có dân tộc Chăm. Và ông ta hy vọng rằng, chương trình này cần

M26. Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai (hình thứ tư từ trái sang phải) đang nghe lời tường thuật của Ts. Po Dharma về sách tiếng Chăm.

được phát triển mạnh mẽ trong các đại học Asean.

M54. Tiếng Mã Lai cần được phát triển trên thế giới

(«Tugas mengembang BM meliputi semua negara»,
Utusan Malaysia, 16-10-1996)

Nhân ngày đại hội vền nền văn minh sông Mekong tổ chức vào ngày 15-10-1996 tại Kuala Lumpur, Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP) cho biết Viện này sẽ cố gắng chinh phục nhiều nước trên thế giới để đưa chương trình giảng dạy tiếng Mã Lai trong đại học.

Cùng nhân dịp này, Ts. Po Dharma cho biết rằng, tiếng Mã Lai không thể phát triển khả quan được trong cộng đồng của các nước lân bang nếu không có sự chú tâm hay yểm trợ của Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP). Một thí dụ điển hình là cộng đồng người Champa ở Việt Nam trong khu vực Phanrang và Phan Rí, tiếng Mã Lai thường được sử dụng trong lễ Rija bởi ông Maduen (giáo cả chủ

trì lễ Rija). Nhưng ông Maduen Chăm chưa bao giờ gặp mặt người Mã Lai lần nào trong suốt cuộc đời của ông ta.

Cũng theo Ts. Po Dharma, tiếng Mã cũng rất là thông dụng ở khu vực Châu Đốc và Kampuchea. Nhưng người Chăm tự túc học tiếng Mã qua các trường làng, chứ họ chưa bao giờ nhận được một ít viện trợ tài chánh hay khoa học nào từ nước ngoài, nhất là từ Mã Lai.

M55. Tiếng Mã Lai sẽ thành ngôn ngữ thông dụng trong khối Asean

(Jamudin Idris, «Syor Melayu jadi bahasa rasmi Asean», Berita Harian, 16-10-1996)

Nhân ngày đại hội về nền văn minh sông Mekong, ông Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Viện Ngôn Ngữ và Văn học Mã Lai đề nghị rằng trong tương lai, tiếng Mã Lai phải là một ngôn ngữ thông dụng trong khối Asean trong đó có hai dân tộc đã dùng ngôn ngữ cùng nguồn gốc với Mã Lai, đó là dân tộc Phi Luật Tân và Champa.

Cùng nhân dịp này, Datuk Abdullah Badawi, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai tuyên bố chính thức lễ ra mắt cuốn sách Lịch Sử Bán Đảo Đông Dương (Semenanjung Indocina. Satu Pengenalan) do Ts. Po Dharma thực hiện.

Trong cuốn sách này, có một chương mục liên quan đến Champa của Ts. Po Dharma. Mục tiêu bài này nhằm giới thiệu ngắn gọn vương quốc Champa qua 5 đề tài sau đây: Lịch sử, nghệ thuật, tôn giáo, văn chương và ngôn ngữ.

M56. Triển lãm và đại hội khoa học về sông Mekong

(«Pameran dan seminar sungai Mekong di DBP», Utusan Malaysia, 16-10-1996)

Mekong là sông dài nhất ở Á Đông và cũng là một khu vực tập trung nhiều dân tộc khác nhau, trong đó có dân tộc Trung Quốc, Laos, Thai Lan, Kampuchea,



M. 27. Sách cổ Chăm được trưng bày trong ngày triển lãm



Champa, Mã Lai và Việt.

Ở Kampuchea, người Chăm là dân tộc tập trung đông đảo nhất ở hai bên bờ sông Mekong chạy dài từ Kompong Cham đến Châu Đốc. Và dân tộc này giữ một vai trò khá quan trọng trong sự tiến trình nền văn minh Mekong. Chính vì thế Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai đã quyết định tổ chức một cuộc triển lãm

M 28. Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai và cũng là sáng lập viên chương trình nghiên cứu Champa tại Mã Lai.

về Champa nhân dịp đại hội về nền văn minh sông Mekong vào ngày 15-10-1996 tại Kuala Lumpur.

M57. Kinh tế Mã Lai được thế giới biết đến

(Amnri Zainuddin, «Ekonomi punca dunia kenali Malaysia»,
Watan, 16-10-1996)

Amnri Zainuddin, phóng viên của báo Watan tường thuật lại kết quả của đại hội về nền văn minh sông Mekong tổ chức vào ngày 15-10-1996 tại Kuala Lumpur.

Nhân dịp đại hội này, có rất nhiều người Champa sinh sống ở Mã



M29. Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai đương tiếp kiến

Lai được mời đến tham dự. Đây là lần đầu tiên người Chăm được tiếp kiến với ông Datuk Abdullah Badawi, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai.

M58. Biết tiếng Mã Lai là một vinh dự lớn ở Đông Dương

(Jamudin Idris, «Berbahasa Melayu dihormati di Indochina», Bertia Harian, 24-10-1996)

Đây là bài phỏng vấn Ts. Po Dharma do Jamudin Idris, phóng viên của tờ báo Berita Harian thực hiện.

Theo Ts. Po Dharma, chuyên gia khoa học của Viện Viễn Đông Pháp tại Mã Lai, Champa là một vương quốc nói một thứ tiếng cùng chung ngôn ngữ với Mã Lai và ngôn ngữ này xuất hiện đầu tiên trong lịch sử vào thế kỷ thứ 4 trên bia đá Đồng Yên Châu (Mỹ Sơn) so với tiếng Mã vào thế kỷ thứ 7. Nhưng sau thế kỷ thứ 4, không có tư liệu nào nói đến sự liên hệ giữa Mã Lai và Champa nữa.

Kể từ thế kỷ thứ 8, sự gắn bó giữa Champa và Mã Lai có một lịch sử rõ ràng hơn. Nhiều tư liệu bia đá Champa và Mã Lai đã chứng minh rằng vương quốc Champa có một nền bang giao chính trị chặt chẽ với các nước Mã Lai, như Vijaya, Majapahit, Melaka. Nhưng kể từ thế kỷ thứ 17, sau cuộc viếng thăm



M30. Ts. Po Dharma trong bộ y phục Chăm

của vua Po Romé ở Kelantan, văn hóa Mã Lai trở thành một yếu tố quan trọng trong nền văn minh người Chăm hôm nay. Theo Ts. Po Dharma, Tiếng Mã Lai được dùng trong nhiều lễ hội, như lễ Rija chẳng hạn. Ngoài lễ rija này, tiếng Mã Lai đã trở thành một văn chương kỹ thuật rất thông dụng trong văn bản viết bằng tiếng Chăm, nhất là văn chương liên quan đến tín ngưỡng dân gian: văn chương trừ ma tà, chiêm tinh, ảo thuật v.v.

Ngược lại ở khu vực người Chăm ở Châu Đốc và Kampuchea, tiếng Mã Lai trở thành một yếu tố quan trọng trong sự sinh hoạt và truyền bá Hồi Giáo. Biết tiếng Mã là một vinh dự lớn và được cộng đồng Champa ở Kampuchea và Châu Đốc trọng dụng.

M59. Sự sụp đổ của một vương quốc cùng nguồn gốc Mã Lai ở Đông Dương

(Jamudin Idris, «Empayar Melayu di Indochina gagal», Berita Harian, 5-11-1996)



M31. Ts. Po Dharma đang trình bày hình ảnh trong ngày triển lãm về sự liên hệ Champa và Mã Lai tại Kuala

Jamudin Idris, phóng viên tờ báo Berita Harian, phỏng vấn ông Datuk Nik Mohamad và Ts. Po Dharma về hai vấn đề liên quan đến Champa. Vấn đề thứ nhất là nguyên nhân sự suy vong của vương quốc Champa ở Đông Dương và định mệnh của dân tộc này sau ngày mất nước.

Theo ông Datuk Nik Mohamad, sự suy vong của Champa gắn liền với chính sách Nam Tiến của Đại Việt, nhất là triều Nguyễn. Và sự suy vong này diễn tiến từng giai đoạn trong nhiều thế kỷ.

Năm 1471, Đại Việt chiếm thủ đô Vijaya. Năm 1611, nhà Nguyễn chiếm Phú Yên (*Harek Kah Harek Dhei*). Năm 1653, Kauthara (Nha Trang) lọt vào tay nhà Nguyễn. Cuối cùng, năm 1832, Minh Mệnh quyết định xóa bỏ Champa trên bản đồ Đông Dương.

Qua các biến cố chiến tranh liên tục này, dân tộc Champa phải ly hương để tìm nơi nương náu ở Kampuchea, Thái Lan và Mã Lai.

Liên quan đến nhân vật Mã Lai quan trọng trong chiến tranh chống nhà Nguyễn ở Champa, Ts. Po Dharma cho rằng Katip Sumat là người đáng được chú ý trong lịch sử. Gốc người Kelatan, Katip Sumat sang Champa vào năm 1832 để thành lập mặt trận kháng chiến chống lại quân Minh Mệnh và dùng chiến lược thánh chiến Hồi Giáo (jihad) để giải phóng Champa.

M60. Đầu tư ở Kampuchea sẽ đạt nhiều hy vọng hơn

(«Peluang pelaburan terbuka luas di Kemboja»,
Berita Harian, 24-11-1996)

Nhân dịp tiếp xúc với báo chí, ông Othman Hassan, người Chăm ở Kampuchea và là Giám Đốc của hãng Hassan Import Export Co. Ltd tuyên bố rằng vấn đề đầu tư ở Kampuchea sẽ mang lại nhiều hy vọng lớn lao. Vì ở vương quốc này, hàng loạt chương trình phát triển kinh tế chưa thu hút nhiều sự đầu tư từ nước ngoài.

Đầu tư ở Kampuchea cũng là một cách giúp đỡ cho cộng đồng người Chăm được phát triển trên phương diện kinh tế. Hassan là một thương gia người Chăm có một cơ sở thương mại lớn về chương trình xuất nhập cảng ở Kampuchea.



M32.

M61. Dân tộc Champa ở Hoa Kỳ rất tích cực trong việc truyền bá tín ngưỡng của họ

(Talif Samat, «Melayu Champa di
AS aktif berdakwah», Berita
Mingguan, 16-2-1997)

Nhân dịp tiếp xúc với cộng đồng
Champa tại khu vực Fullerton và Santa

110 *Báo chí tiếng Mã Lai*

Ana ở Hoa Kỳ, Talif Samat, phóng viên của tờ báo Berita Harian cho rằng điều đáng ngạc nhiên là nhiều người Chăm ở Mỹ biết nói tiếng Mã Lai và dùng mẫu tự Jawi xưa trong văn bản của họ. Họ rất là tích cực trong việc bảo tồn truyền bá Hồi Giáo trong cộng đồng của họ. Đa số người Chăm ở hai khu vực này là từ Kampuchea đến sau năm 1975.

**M62. Thư ngỏ của ông Dato' Sabbaruddin Chik,
Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai**

(«Kata Kata Aluan, Pameran busana
dalam kebudayaan Melayu-Campa di Viet Nam,
sempena ulang tahun ke 10 EFEO
di Malaysia», 23 oktober-23 November 1997,
Muzium Negara, Kuala Lumpur)

Nhân dịp triển lãm về y phục Champa nhằm kỷ niệm 10 năm của Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai đặt dưới sự điều hành của Ts. Po Dharma, ông Dato' Sabbaruddin Chik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai nhấn mạnh rằng cuộc triển lãm này sẽ đem lại nhiều thông tin quan trọng cho dân tộc Mã nhằm tiếp thu một cách sâu đậm hơn về nguồn gốc của dân tộc Champa. Phát triển chương trình nghiên cứu về Champa cũng là phương án nhằm làm sáng tỏ lại lịch sử sự liên hệ giữa dân tộc cùng chung nguồn gốc với Mã Lai ở trong khu vực Đông Nam Á này.

**M63. Thư ngỏ của ông Ts. Kamarul Baharin Buyong,
Tổng Giám Đốc Cục Bảo Tàng Mã Lai**

(«Kata Kata Aluan, Pameran busana
dalam kebudayaan Melayu-Campa di Viet Nam,
sempena ulang tahun ke 10 EFEO
di Malaysia», 23 oktober-23 november 1997,
Muzium Negara, Kuala Lumpur)

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai cùng hợp tác với Viện Viễn Đông Pháp để tổ chức một cuộc triển lãm về y phục Champa tại Mã Lai. Hy vọng rằng, qua cuộc triển lãm này, quần chúng Mã Lai sẽ biết nhiều hơn về văn hóa Champa.

Nhân dịp này, một số nghệ nhân Champa ở Phanrang và Phan Rĩ

sẽ có mặt ở Kuala Lumpur để trình bày một cách chi tiết về các nghi lễ liên quan đến triển lãm y phục này.

**M64. Thư ngỏ của ông Gs. D. Lombard,
Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp**
(«Kata Kata Aluan, Pameran busana
dalam kebudayaan Melayu-Campa di Viet Nam,
sempena ulang tahun ke 10 EFEO
di Malaysia», 23 oktober-23 november 1997,
Muzium Negara, Kuala Lumpur)

Chương trình nghiên cứu lịch sử bang giao giữa thế giới Mã Lai và Champa là vai trò chính yếu của Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai từ 10 năm qua. Nhiều cuốn sách khoa học liên quan đến sự liên hệ này đã xuất bản. Nhiều đại hội khoa học về Champa cũng đã diễn ra ở Mã Lai. Hôm nay, triển lãm về y phục Champa tại thủ đô Kuala Lumpur không ngoài mục đích là truyền bá văn hóa Champa trong khu vực thế giới Mã Lai này.

M65. Triển lãm y phục Champa
(Zalina Ab Wahab, «Pameran busana Melayu-Campa»,
Harian Watan, 3-11-1997)

Theo Zalina Ab Whab, phóng viên báo Harian Watan, Champa là một vương quốc có một nền văn hóa cao độ. Từ thế kỷ thứ 10, Champa đã trở thành vương quốc kỹ nghệ chuyên về tơ lụa và thổ cẩm.



M33. Thuận Thị Trụ

Nhằm quảng bá văn hóa thổ cẩm Champa, Bộ Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp với sự cộng tác của Viện Khoa Học Xã Hội tại TP Hồ Chí Minh đã tổ chức một cuộc triển lãm về kỹ nghệ thổ cẩm



M 34. Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai (bên trái) nhân ngày khai mạc triển lãm Champa tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai.

Trong phái đoàn từ Champa sang tham dự có ông Trương Tôn (Hữu Đức), Quảng Văn Đại (Chát Thường), Thuận Thị Trụ (Mỹ Nghiệp) và Nguyễn Thị Bạch Cúc (Hữu Đức).

Cuộc triển lãm này do Datuk Sabbaruddin Cik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai đứng ra khai mạc.

Thổ cẩm người Chăm là một kỹ nghệ rất là đặc biệt. Kỹ nghệ này sản xuất những sản phẩm cổ truyền mà người Chăm thường dùng trong các lễ tục của họ. Mỗi sản phẩm đều có tên riêng, hoa văn riêng, màu sắc riêng.

Hiện nay, nghề thổ cẩm đã trở thành một kỹ nghệ vừa cổ truyền vừa cho thị trường du lịch đã đem lại một số nguồn lợi kinh tế rất đáng kể cho một số làng mạc người Chăm, nhất là làng Caklaing.

M66. Tài sản gia đình chỉ nằm trong tay người đàn bà

(«Kuasa mutlak di tangan wanita»,

Harian Watan, 3-11-1997)

Theo ông Ts. Po Dharma, chuyên gia khoa học của Viện Viễn Đông Pháp, mẫu hệ ở Champa là một cơ chế tổ chức gia đình dựa trên chủ thuyết đàn bà là chủ nhân của tài sản, con cái và nghi lễ trong gia đình chứ không phải là cơ chế quyền hạn quản trị kinh tế, giáo dục và đạo đức trong gia đình. Chính vì thế, Champa là một dân tộc theo chế độ mẫu hệ nhưng không có mẫu quyền.

Trong chế độ mẫu hệ này, đàn ông luôn luôn giữ vai trò chính yếu trong mọi tổ chức chính trị, xã hội và kinh tế trong gia đình. Ngược lại đàn ông không có quyền hành gì trên tài sản và con cái trong gia đình của mình, một khi ly dị.

Cũng theo ông Ts. Po Dharma, mẫu hệ ở Champa là một thể chế xã hội rất là đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á. Thể chế này hoàn toàn dựa trên ý thức hệ: «những gì xuất phát từ gia đình mẫu hệ (con cái, thú vật, động sản hay bất động sản) sau ngày đám cưới là tài sản của gia đình mẫu hệ. Không ai có quyền di chuyển tài sản này ra khỏi biên giới của gia đình mẫu hệ này», chính vì thế, một khi ly dị, đàn ông không quyền đòi áo quần của mình chứ chưa nói đến tài sản khác.

Ngược lại, thể chế gia đình người Chăm ở Kampuchea đã biến dạng một phần nào vì ảnh hưởng Hồi Giáo. Ts. Po Dharma giải thích rằng, người Chăm Kampuchea theo chế độ phụ hệ nhưng mẫu cư, có nghĩa là đàn trai cử người giám hộ sang nhà đàn gái để bàn về việc kết hôn, nhưng lễ kết hôn do gia đình cô dâu tổ chức tại nhà mình. Sau ngày cưới, chú rể định cư trong gia đình của vợ mình. Về phần tài sản, sự phân chia dựa trên nguyên tắc luật phụ hệ Hồi Giáo. Nhưng trên thực tế, người Chăm Kampuchea vẫn còn áp dụng thể chế mẫu hệ như người Chăm ở miền trung Việt Nam.

M67. Cộng đồng Champa trong khu vực lân cận

(SM Yusof, «Melayu Campa di perantauan»,

Berita Mingguan, 27-12-1998)

Theo Gs. Ismail Hussein, nhiều nhà khoa học cho rằng các dân tộc cùng gia đình ngôn ngữ Mã Lai có nguồn gốc phát xuất từ Yunan,

miền nam Trung Quốc. Dân tộc Champa là một thí dụ điển hình. Sau bao năm lập quốc và giữ một vai trò chính yếu về phương diện chính trị và quân sự trong khu vực Đông Nam Á, vương quốc Champa bị xóa hẳn trên bản đồ hôm nay.

Sự đảo lộn bàn cờ chính trị ở Đông Dương vào năm 1975 là nguyên nhân chính yếu đưa đẩy dân tộc Champa rời quê hương của họ để tìm sự định cư ở khu vực khác, nhất là ở Mã Lai.

Nhân dịp lễ Ramadan của Hồi Giáo, SM Yusof, phóng viên tờ báo Berita Minggu tường thuật lại cuộc sống của dân tộc Champa ở tiểu vương quốc Pahang, Mã lai. Theo phóng viên này, dân tộc Champa bị nạn ở Pahang đa số từ Kampuchea sang.

Đa số người Champa lớn tuổi còn dùng tiếng Chăm trong gia đình của họ. Ngược lại, đa số giới trẻ không còn nói tiếng Chăm nữa. Vì cùng chung nguồn gốc phong tục tập quán, nghi thức hành đạo với Mã Lai, do vậy rất khó mà phân biệt giữa người Champa và Mã Lai trong khu vực này.

M68. Trường chuyên về tín ngưỡng ở Kampuchea cần được sự giúp đỡ

(Wahid Hashim, «Sekolah Agama Kemboja perlu bantuan»,
Utusan Malaysia, 26-2-1999)

Trong suốt 3 năm 8 tháng và 20 ngày đứng, người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea là một nạn nhân khủng khiếp của Khmer Đỏ: giết chóc, tù đầy, tàn phá chùa chiền.

Sau ngày giải phóng, người Chăm được sống trong an bình hơn nhưng lại vấp phải bao nhiêu chướng ngại lớn đó là nạn nghèo đói, nạn thất học và mù chữ.

Nhân dịp viếng Mã Lai, ông Mufti Kamaruddin Yusof Hồi Giáo ở Kampuchea cho biết rằng, ở vương quốc này có vào khoảng 500 trường dạy Hồi Giáo. Nhưng chương trình giáo dục này không đạt kết quả bao nhiêu, vì lương bổng của giáo viên không đủ để sống chưa nói đến nuôi gia đình. Lương bổng chỉ vào khoảng 10 đôla US một tháng. Chính vì thế các trường Hồi Giáo này cần có sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Thành phần trí thức người Chăm rất là nhỏ nhoi. Trên 500.000 khẩu, người Chăm Kampuchea hôm nay có vào khoảng 100 sinh viên

ở đại học: 70 sinh viên du học ở Arab Saudi, 6 người ở Libya và 20 ở Iran 10 sinh viên ở Kampuchea.

Cộng đồng người Chăm tập trung trong 300 làng. Mỗi làng có vào khoảng 60 cho đến 1400 gia đình. Họ sống trong một làng mạc riêng rẽ, không xen kẽ với người không cùng tôn giáo với họ.

Trên phương diện chính trị, người Chăm Kampuchea vẫn giữ một thế mạnh trong chính quyền. Trong tổng số 500.000 dân, họ có 9 dân biểu trong quốc hội, trong số này có 5 dân biểu, đảng viên đảng CPP (Hun Sen), 3 dân biểu đảng viên đảng Funcinpec (Ranarith) và 1 dân biểu đảng viên đảng đối lập của Sam Rainsy.

**M69. Chương trình «Kính chào Nusantara»
giới thiệu người Hồi Giáo ở Kampuchea**
(«Salam Nusantara papar Islam di Kemboja»,
Berita Harian, 22-1-2000)

Đây là bài tường thuật của chương trình «Kính chào Nusantara» nhằm giới thiệu người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea do đài truyền hình 1 Mã Lai ra mắt vào ngày 3 tháng 2 năm 2000. Qua chương trình này, các phóng viên truyền hình Mã Lai đưa lên màn ảnh lịch sử của cộng Hồi Giáo ở Kampuchea và Việt Nam gốc người Chăm.

Sau bao năm sống dưới chế độ Cộng sản vô cùng khắt khe, người Chăm hôm nay đã vượt qua bao gian nan để phục hồi lại tín ngưỡng của họ. Mặc dù sống trong khốn cực vì thể chế kinh tế, nhưng người Chăm rất tự hào về vai trò can đảm của họ để đấu tranh nhằm bảo vệ sự sống còn của nền văn hóa và tôn giáo của họ.



M35. Giới trẻ
Chăm ở
Kampuchea

M70. Mười thầy giáo sang Kampuchea để dạy tiếng Mã Lai ở Kampuchea

(«10 guru ke Kamboja ajar bahasa Melayu»,
Utusan Malaysia, 15-2-2000)

Nhân dịp viếng thăm của ông Zakariya Adam Osman, Phó Bộ Trưởng Tôn Giáo Kampuchea gốc người Chăm, Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai có tổ chức một buổi lễ trao tặng 100 cuốn sách về giáo lý Hồi Giáo nhằm phục vụ cho chương trình giảng dạy tiếng Mã Lai trong các trường Hồi Giáo ở Kampuchea.

Qua buổi lễ này, ông Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc của Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai có tuyên bố rằng, Viện này sẽ gửi 10 giáo viên sang Kampuchea trong ngày gần đây để dạy tiếng Mã Lai cho một số thầy giáo người Chăm trong các trường Hồi Giáo ở quốc gia này.

Theo ông Zakariya Adam, nhà nước Kampuchea không đủ phương tiện để giúp đỡ người Chăm. Để giải quyết những vấn đề cần thiết như giáo dục, tôn giáo và kinh tế, ông ta chỉ biết trông cậy vào các nước Hồi Giáo ở khu vực Asean mà thôi.

M71. Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai sẽ phát triển chương trình tiếng Mã Lai ở Kampuchea

(«DBP bantu majukan Bahasa Melayu di Kemboja»,
Bertia Harian, 15-2-2000)

Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai có cho biết là viện này sẽ cố gắng phát triển chương trình dạy tiếng Mã Lai trong các trường Hồi Giáo Chăm ở Kampuchea. Để thực hiện chương trình này, Viện Ngôn Ngữ và Văn Học sẽ gửi sang Kampuchea trong ngày gần đây 10 giáo viên để thực thi chương trình giảng dạy ở trên.

Cùng trong dịp này, Viện Ngôn Ngữ và Văn Học có trao tặng 100 cuốn sách cho phái đoàn người Chăm Kampuchea nhằm phân phát trong các trường Hồi Giáo Chăm.

Trong phần kết luận, tờ báo này cho biết là ông Datuk Paduka Dr Abdul Hamid Othman, Bộ Trưởng ở Văn Phòng Thủ Tướng Mã Lai có hứa là sẽ giúp đỡ phương tiện để phát triển cộng đồng người Chăm

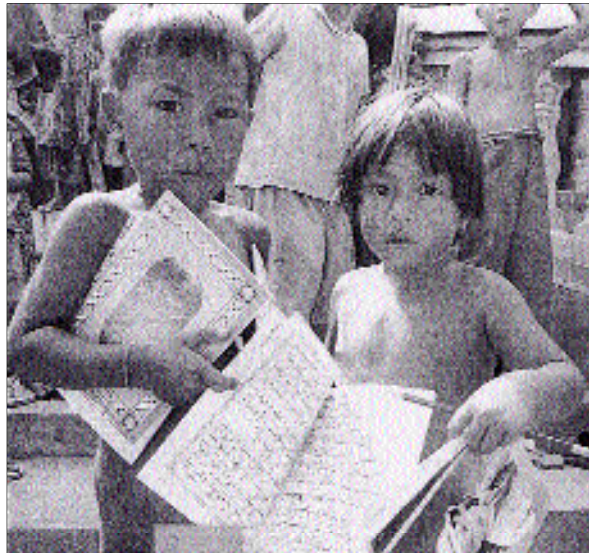
ở Kampuchea.

M72. Dân tộc Champa khốn đốn
(Zainudin Isa, «Melayu Champa daif»,
Berita Minggu, 26-3-2000)

Nhân dịp viếng thăm Kampuchea trong chương trình viện trợ lương thực của Mã Lai, phóng viên Zainudin Isa tường thuật rằng dân tộc Champa ở vương quốc này đang lâm vào nạn nghèo đói kiệt quệ. Hơn 450.000 người Champa ở xứ này chỉ còn xác không hồn: thiếu lương thực, thiếu tiền bạc, thiếu phương tiện kinh tế đến nỗi họ không có điều kiện để mua áo quần cho con cái họ, không chén cơm để ăn qua ngày.

Dưới thể chế cộng sản Pol Pot, dân tộc Champa đã trở thành nạn nhân chiến tranh khủng khiếp. Hàng trăm ngàn người bị chết, nhà cửa tan hoang và thôn làng bị san bằng.

Hôm nay họ sống trong chế độ tự do, nhưng tự do không cơm áo. Đa số con cái của họ không đến trường học, mang nhiều bệnh tật,



không phương tiện để được điều trị trong bệnh viện vì thiếu tiền bạc. Họ chỉ mong một điều, đó là chương trình viện trợ các nước láng giềng để đưa người Chăm thoát khỏi sự khốn đốn này.

M36. Châu trẻ Chăm ở
Kampuchea

**M73. Người Champa Hồi Giáo đã trở thành
những kẻ khốn cùng**

Ai là người không tuân lệ trước những đứa trẻ
Champa tràn trườn không quần áo.

(«Menyelami derita masyarakat Muslim Champa. Siapa yang
boleh menahan air mata daripada berlinang melihat bayi bertelanjang
bulat tanpa dibalut seutas benang pun»,
Berita Minggu, 2-4-2000)

Bài tường thuật về cuộc sống người Chăm hồi giáo ở khu vực
Kompong Chhnang, Kampuchea, một khu vực lớn thứ hai của cộng
đồng Chăm ở vương quốc này.

Người Chăm ở khu vực Kompong Chhnang đã trở thành những kẻ
khốn cùng. Họ sống trong một tình trạng thảm thương: không cơm áo.
Nhà cửa của họ điều tàn, không vệ sinh vì thiếu phương tiện. Họ sống
trên bùn lầy dơ bẩn thiếu thốn mọi tiện nghi. Nhà cửa của họ xây cất
trên mảnh đất khô cằn bao quanh cánh đồng cỏ cháy. Hàng ngàn đứa
trẻ trần truồng không mảnh áo che thân. Chỉ nghe tiếng xe của phái
đoàn Mã Lai tới, họ bu quanh chiếc xe kêu gào than vãn, đưa bàn tay
ghè lở để xin một chút gì hầu lót bụng. Những đứa trẻ này đã trở
thành người ăn xin không còn biết thể diện là gì. Vì quá nghèo đói, họ
phải dấn thân làm những gì mà giúp cho họ được sống qua ngày.
Chính vì thế mà phóng viên bài báo này tự hỏi lại mình «ai là người
không tuân lệ trước những đứa trẻ Champa tràn trườn không quần
áo».

Ở Kampuchea, tỉnh Kompong Cham có tổng số 185.000 Chăm,
Kompong Chhnang có 35.900 người; Phnom Penh 27.000; Kampot
17.900; Pusat 7.800; Battambang 7.400; Bantey Meanchey 6.500;
Siem Reap 4.500; Koh Kong 6.300; Krong Preah Sihanouk 3.800;
Kra Ches 4.500; Takeo 4.400; Ratanakiri 1.200 và Mondulkiri 1.500.
Nói tóm lại tổng số người Chăm ở Kampuchea là 321.900 người sống
chung với dân số Kampuchea là 11 triệu 700 nhân khẩu. Tất cả người
Chăm ở Kampuchea theo Hồi Giáo. Họ có tổng số 280 thánh đường
và 190 surao.

M74. Người Champa bị kẹt trong nạn nghèo đói

(Zainudin Isa, «Melayu Champa tersepit dalam kemiskinan»,
Berita Minggu, 23-4-2000)

Phóng viên Zainudin Isa cho rằng, đối với nước tiến bộ trên thế giới, vấn đề giáo dục là cơ sở hàng đầu trong cuộc sống. Ngược lại, dân tộc Champa ở Kampuchea không được hưởng chế độ giáo dục như những dân tộc khác. Hết chiến tranh tàn khốc, hôm nay họ lại bị kìm kẹp trong nạn nghèo đói chưa từng thấy trong cuộc đời của phóng viên này. Chính sự nghèo đói đó, không ai có thể trả lời hậu quả như thế nào đối với thế hệ trẻ của người Chăm hôm nay.

Trong suốt cuộc hành trình của ông ta từ thủ đô Phnom-Penh đến Kompong Cham, ông ta vô cùng buồn tủi và rơi nước mắt khi nhìn thấy người Chăm khốn cùng, sống trong chùi chuột, không lương thực thuốc men. Nhà cửa của họ tương tàn không vệ sinh.

Điều làm cho ông ta xúc động nhất đó là cuộc sống của hàng ngàn đứa trẻ người Chăm không áo quần trần truồng như con vượn trong rừng hoang. Một khi bệnh hoạn, đứa trẻ này chỉ chờ ngày chết vì cha mẹ họ không đủ tiền bạc để mua thuốc men. Bệnh viện chỉ dành cho người giàu có, vì phải trả tiền.

Hàng ngàn đứa trẻ này tạo thành một thế hệ không tương lai. Họ không bao giờ biết trường học là gì. Muốn đến trường thì phải có tiền.



M37. Nạn nghèo đói của người Chăm ở Kampuchea

Cha mẹ họ không thể tìm được 10 đôla US một tháng, làm sao họ tính đến sự học hành của con cái họ.

M75. Rất nhiều người Champa sống trong ghe thuyền nhỏ hẹp

(Zainudin Isa, «Ramai Melayu Champa tinggal dalam perahu», Berita Minggu, 7-5-2000)

Chiến tranh khủng khiếp ở Kampuchea đã tàn phá hoàn toàn cơ chế xã hội và kinh tế dân tộc Champa. Bằng chứng cụ thể, trước 1975, người Chăm ai cũng có đất đai để xây dựng nhà cửa tạo lập cuộc sống gia đình của họ rất là khang trang. Hôm nay, hàng ngàn người Chăm mất cả tài sản, cả đất đai để rồi biến chiếc thuyền đánh cá của họ thành cái nhà để che mưa nắng. Đây là thực trạng vô cùng bi đát mà một số người Chăm sống hai bên bờ sông Mekong đang hứng chịu.

Với nghề chài lưới, họ không thể tìm được 10 đôla US một tháng để nuôi gia đình. Sống như chuột chũi trong một chiếc thuyền đánh cá, họ không bao giờ than phiền cho thân phận của họ. Dù vật chất và tiền bạc không có, họ có thể sống qua ngày với những gì họ tìm được trên dòng sông Mekong này.

Ngoài đa số người Chăm khôn cùng ở Kampuchea, cũng có một vài người Chăm sống khá giả hơn. Đó là trường hợp ông Azmir. Trước kia, ông Amir sinh đẻ ở Kampuchea. Sau 1975, anh ta chạy sang tị nạn ở Mã Lai và sau đó tốt nghiệp ở đại học Mã Lai trong ngành khách sạn học.

Sau mấy năm làm việc trong hãng hàng không Mã Lai, ông quyết định trở lại lập nghiệp ở Kampuchea với bà vợ và bốn đứa con trong nghề khách sạn ở Phnom-Penh. Với tính cách là nhà kinh doanh, thế thì cuộc sống của ông sung túc hơn. Đây là



M38. Cuộc sống trên ghe thuyền của đàn bà Chăm

thử dụ điển hình chứng minh rằng giáo dục là chìa khóa thành công trong công cuộc phát triển kinh tế hàng ngày. Nhưng có bao nhiêu người Chăm ở Kampuchea được vinh hạnh và may mắn này như ông Azmir ?

M76. Đa số con em Champa cần được sự điều trị sức khỏe

(Zaimudin Isa, «Ramai anak Champa perlu rawatan»,
Berita Minggu, 14-5-2000)

Sức khỏe của các cháu trẻ là yếu tố đứng hàng đầu trong cuộc sống hôm nay. Đây là lý thuyết chung cho những nước tiến bộ.

Đối với người Chăm ở Kampuchea, vấn đề sức khỏe chỉ là chuyện huyền thoại. Cơm không có mà ăn, áo không có để mặc, thế thì làm sao họ dám mơ đến sức khỏe. Nếu họ có mơ đi nữa, làm sao họ có phương tiện để con họ được điều trị như những đứa trẻ của các dân tộc khác.

Nhận định được tình hình bi đát của các đứa trẻ Champa, nhiều hội đoàn phía chính phủ Mã Lai tập trung lực lượng để thành lập một quỹ cứu trợ Champa ở Kampuchea. Quỹ này do hai tờ báo lớn Mã Lai đỡ đầu, đó là: Berita Harian và New Straits Times. Ngày ra mắt quỹ này đặt dưới quyền chủ tọa của ông Datuk Abdullah Badawi, Phó Thủ Tướng Mã Lai.

Sau ngày ra mắt, quỹ cứu trợ Champa Kampuchea đã gửi hàng tấn thuốc men và một nhóm bác sĩ Mã Lai sang Kampuchea để điều trị sức khỏe cho các đứa trẻ Champa.

M77. Nữ điện ảnh Tiara và nam điện ảnh Halim đóng vai chính trong tuồng Siti Zubaidah

(Jamudin Idris, «Tiara, Halim warnai riwayat Siti Zubaidah»,
Berita Harian, 31-5-2000)

Đây là bài tường thuật về 11 đêm văn nghệ mang tựa đề: Siti Zubaidah.

Siti Zubaidah, hay công chúa mỹ kiều, là một trường ca nổi tiếng Mã Lai. Sống trong hoàng cung tráng lệ, và được sự chiều chuộng của bao hoàng tử Mã Lai, nhưng Siti Zubaidah không có một tình cảm gì đối với họ, vì rằng cô ta đã lỡ thương một chàng trai ở quê lạ xứ



M39. Nữ điện ảnh Tiara

người, đó là hoàng tử Champa.

Từ chuyện tình yêu giữa hai dân tộc cùng nguồn gốc tiếng nói và văn hóa, công chúa Mã Lai quyết định rời gia đình hoàng gia mình để về sống chung với hoàng tử Champa.

Sau ngày cưới, Champa bị nước láng giềng tấn công khủng khiếp. Quân địch quất ngọn cờ chiến thắng, bắt hoàng tử Champa đưa về quê của họ.

Để cứu mạng chồng mình, công chúa Siti Zubaidah vùng dậy đem quân tấn công nước láng giềng và đưa chồng về quê hương trong một cuộc chiến huy hoàng.

Đóng vai trò chính trong tuồng kịch này đó là nữ điện ảnh nổi tiếng Tiara Jacqueline và nam điện ảnh Halim Othman

cùng với 120 diễn viên khác.

M78. Dân tộc Champa chậm tiến và thống khổ

(Noorzila Jamaludin, «Melayu Campa mundur dan terbiar», Mingguan Malaysia, 21-1-2001)

Phóng viên Noorzila Jamaludin cho biết rằng, sau ngày thất bại của chế độ tàn bạo Pol Pot nay đã gần 20 năm, người dân Kampuchea nói chung và người Chăm nói riêng vẫn còn ở trong tình trạng chậm tiến và thống khổ. Người dân đang sống trong khung cảnh khốn đốn thiếu tiện nghi mọi mặt.

Riêng về người Chăm, tình hình lại càng bi đát hơn. Đa số người Chăm sống về nghề nông và nghề đánh cá. Cuộc sống của họ hoàn toàn dựa vào thiên mệnh. Chỉ một lần bão lụt, họ mất hết gia sản không tìm được chén cơm để sống qua ngày.

Cộng đồng người Chăm khác hẳn với người Kampuchea, từ cách ăn mặc, phong tục tập quán và ngôn ngữ. Chính vì thế, người ta phân biệt tức thời ai là người Chăm và ai là dân Kampuchea.

Bên cạnh người Chăm, đó là cộng đồng người Mã Lai sang cư trú ở đây từ thế kỷ thứ 16. Mặc dù hai cộng đồng này đều theo Hồi Giáo cùng nguồn gốc ngôn ngữ, văn hóa và màu da, nhưng họ không sống lẫn lộn trong một làng xã với nhau, vì bất đồng ngôn ngữ.

Trong nhóm người Chăm chạy sang Kampuchea tị nạn, có dòng hoàng gia Champa. Người Chăm vẫn còn gọi họ với chức hoàng tộc: dòng Po dòng Cei. Nhưng trên thực tế, họ không có vai trò gì trong cộng đồng Champa nữa.

M79. Trung tâm Hồi Giáo lần đầu tiên đem lại ánh sáng cho cộng đồng Champa

(Zainudin Isa, «Umarqura bagaikan pertama menyinari masyarakat Champa», Berita Minggu, 18-2-2001)

Sau bao năm chiến tranh khùng khiếp đã tàn phá cơ sở tổ chức xã hội và tinh thần dân tộc Champa ở Kampuchea, hôm nay lại thấy một luồng ánh sáng mới có thể cứu vãng lại linh hồn một dân tộc luôn luôn bị tù đày thống khổ, đó là dân tộc Champa, một vương quốc lấy lòng xưa kia trong khu vực Đông Nam Á.

Ánh sáng này không gì hơn là các nước Ả Rập đóng góp tiền bạc để xây dựng một ngôi trường và ký túc xá cho con em người Chăm ở xứ này vào năm 1998. Hôm nay trường gồm có 12 lớp tổng cộng 580 con em học sinh nội trú.



M40. Trung tâm Hồi Giáo

Với cơ sở hoàn toàn mới mẽ có khu vực nội trú đủ tiện nghi, đây là một trung tâm giáo dục đặc biệt dành cho con em người Chăm. Trường này có 30 giáo viên và giáo sư trung học. Một số giáo viên do các nước Hồi Giáo gửi đến như Algeria, Pakistan, Mesir và Arab Saudi. Hiệu trưởng trường này là ông Nabil Bouchelouh người Algeria.

Đây là một trung tâm giáo dục tổng hợp: giáo dục lý thuyết Hồi Giáo và giáo dục phổ thông theo chương trình của Bộ Giáo Dục Kampuchea đưa ra.

M80. Cộng đồng Hồi Giáo Kampuchea hy vọng sẽ nhận viện trợ để phát triển trung tâm giáo lý

(Tajuddin Saman, «Umat Islam Kamboja harap bantuan bangunkan institusi keagamaan», Berita Minggu, 18-2-2001)

Theo ông Hasan Basri, người Chăm gốc Kampuchea, hội trưởng Hội Từ Thiện Hồi Giáo ở Mã Lai, hội ông ta sẽ tổ chức phân phát thịt cho 43 thôn ở Kampuchea nhân dịp ngày lễ Aidiladha của Hồi Giáo.



M41. Chăm
Kampuchea

Ngoài chương trình này, hội ông ta cũng đang vận động để tìm ngân sách để giúp đỡ các trung tâm giáo lý Hồi Giáo ở Kampuchea.

Sau mấy năm khủng khiếp sống dưới chế độ Khmer Đỏ, cộng đồng Chăm Hồi Giáo lâm vào nạn khốn khổ vô cùng. Kinh thánh bị tịch thu và hủy bỏ. Thánh đường bị đốt cháy và thậm chí Khmer Đỏ

Báo chí tiếng Mã Lai 125

còn buộc người Chăm Hồi Giáo ăn thịt heo.

Nhân dịp này, ông ta kêu gọi lòng từ thiện của người Mã Lai góp phần trong chương trình giúp đỡ người Chăm ở Kampuchea.

**M81. Quỹ tương trợ Jelapang viện trợ chương trình
xóa đói giảm nghèo**

(Syarifah Munirah Syed Mohdmd Zahir,
«Yayasan Jelapang bantu atasi kemiskinan»,
Berita Harian, 2-3-2001)

Theo phóng viên Syarifah Munirah Syed Mohdmd Zahir, quỹ tương trợ Mã Lai Jelapang đã giúp một số tài trợ nhằm thực thi



M42.

chương trình xóa đói giảm nghèo của cộng đồng người Chăm ở Kampuchea. Điều đáng chú ý đó là tinh thần tương trợ của 3 người phụ nữ Mã Lai, hội viên của Jelapang, đã bỏ tiền cá nhân 25.000 ringgit (6.000 đôla) mỗi người để đến Kampuchea góp phần vào

chương trình xóa đói giảm nghèo này.

**M82. Viện trợ bò đã làm cho lễ Aidiladha Hồi Giáo ở
Kampuchea trở thành linh đình hơn**

(Zainudin Isa, «Bantuan lembu meriahkan Aidiladha di Kamboja»,
Berita Minggu, 11-3-2001)

Đây là bài tường thuật của phóng viên Zainudin Isa về chương trình viện trợ 7 con bò cho bà con người Chăm ở Kampuchea để làm lễ Aidiladha Hồi Giáo. Aidiladha là một truyền thống của Hồi Giáo nhằm phân phát thịt cho những người nghèo khó nhằm thể hiện sự tương trợ lẫn nhau giữa người Hồi Giáo.

Viện trợ 7 con bò cho một cộng đồng Champa hơn 400.000 khẩu thì quá là ít. Nhưng sự góp này của một số hội đoàn từ thiện Mã Lai cũng là một phương cách nhằm xoa dịu phần nào sự thống khổ của bao nhiêu bà con người Chăm nghèo đói. Đối với người Mã, 200 đôla US một con bò thì không là bao nhiêu. Nhưng đối với người Chăm nghèo, làm sao họ kiếm được số tiền này trong lúc họ chưa tìm được 10 đôla một tháng để nuôi gia đình.

Lễ này chỉ tập trung cho người Chăm ở khu vực Kompong Chhnang

**M83. Lòng từ thiện của dân tộc Mã
sẽ làm xoa dịu phần nào sự thống khổ
của người Champa Hồi Giáo**

(«Derma rakyat Malaysia ringan beban umat Islam Champa»,
Berita Harian, 31-3-2001)

Quỹ từ thiện Kampuchea của Mã Lai đã bỏ một ngân quỹ 80.000 ringgit (20.000 đôla) để xây cất một trung tâm giáo dục Hồi Giáo ở làng Kampong Pra Piang Khatom, tỉnh Kompong Chhnang, Kampuchea.

Cũng nhờ quỹ này mà ban tổ chức đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất trung tâm giáo dục Hồi Giáo đặt dưới sự chủ tọa của ông Datuk Ahmad Anuar Abdul Hamid, Đại Sứ Toàn Quyền Mã Lai ở Kampuchea, và có sự tham dự của phái đoàn từ thiện hơn 20 người từ Mã Lai sang.

Nhân dịp này, Đại Sứ Mã Lai có tuyên bố rằng trong suốt thời gian

nghĩa vụ của ông ta ở 18 quốc gia trên thế giới, đây là lần đầu tiên ông ta được vinh dự chứng kiến chương trình từ thiện lớn lao của hội đoàn Mã Lai để giúp người nghèo. Chương trình từ thiện giúp người Champa nghèo đói này đã ra mắt dưới sự chủ tọa của ông Datuk Abdullah Badawi, Phó Thủ Tướng Mã Lai.

Trung tâm giáo dục Hồi Giáo này sẽ dành cho 400 con em người Chăm xuất thân từ gia đình nghèo đói.

Nhân cơ hội này, Hội Từ Thiện cũng phân phát nhiều thực phẩm cho đồng bào Chăm ở tỉnh này. Các thực phẩm này được chuyên chở từ Mã Lai đến do máy bay của quân đội hoàng gia Mã Lai thực hiện.

M84. Nỗ lực giúp người Champa Hồi Giáo

(«Usaha bantu umat Islam Champa»,

Berita Minggu, 1-4-2001)

Nhằm thực hiện chương trình giúp người Champa nghèo đói, một phái đoàn của Quỹ Tương Trợ Kampuchea (Tabung Ehsan Kamboja) đã đến Kampuchea để phân phát thực phẩm, dụng cụ giáo dục và y tế,



M43.

thuốc men cho người Chăm nghèo. Hàng tấn thực phẩm này chuyên sang Kampuchea do máy bay quân đội hoàng gia Mã Lai thực hiện.

Viện trợ thực phẩm này là một chương trình quan trọng của Quỹ Tương Trợ Mã Lai (Tabung Ehsan Malaysia) đã được ra mắt vào

tháng 5 năm 2000 dưới sự chủ tọa của ông Datuk Abdullah Badawi, Phó Thủ Tướng Mã Lai.

M85. Các đứa trẻ Champa không muốn đến trường: chúng tôi quá nghèo đói

(Zainudin Isa, «Anak Melayu Champa tidak mumpu ke sekolah:

Kami miskin», Berita Minggu, 8-4-2001)



M44.

Cũng nhờ sự tài trợ 80.000 ringgit (20.000 đôla US) của Quỹ Tương Trợ Mã Lai (Tabung Ehsan Malaysia) để xây cất một trung tâm giáo dục Hồi Giáo ở tỉnh Kompong Chhnang, Kampuchea, người ta hy vọng rằng hơn 450 trẻ con người Chăm năm nay sẽ thoát khỏi nạn mù chữ. Trung tâm này không những chỉ học lý thuyết Hồi Giáo không, nhưng còn học chương trình phổ thông nữa.

Thêm vào đó, Quỹ Tương Trợ cũng gửi đến Kampuchea hơn 5 tấn thực phẩm, sách vở và dụng cụ giáo dục để giúp người Chăm

nghèo đói ở vương quốc này.

Chương trình giáo dục người Chăm ở Kampuchea là một vấn đề vô cùng bức xúc. Các trẻ em hầu như mù chữ vì không phương tiện đến trường. Học ở trường nhà nước thì phải đóng tiền. Học ở nhà tư nhân thì phải tặng bao nhiêu phẩm vật cho thầy giáo như gạo, cá, mắm, muối, v.v. Đa số người Chăm vì quá nghèo đói thì làm sao họ gửi con em đến trường



M45. Wan Math, Thượng Nghị Sĩ dân tộc Chăm ở Kampuchea

học.

M86. Kinh hoàng chiến tranh vẫn còn bay lượn chung quanh dân tộc Champa

(«Igauan perang masih hantui orang Champa»,
Berita Harian, 14-4-2001)

Gần 9 thế kỷ chiến tranh khủng khiếp với láng giềng Việt Nam là nguyên nhân chính yếu giải thích tại sao có sự hiện diện người Champa tị nạn trên lãnh thổ Kampuchea hôm nay.

Sau chiến tranh với láng giềng miền Bắc, dân tộc Champa lại trở thành một nạn nhân khủng khiếp của chế độ cộng sản Khmer Đỏ. Hôm nay mặc dù đã hòa bình, nhưng chiến tranh vẫn còn bay lượn như con ma chung quanh dân tộc Champa ở Kampuchea. Chiến tranh này không phải là chiến tranh súng đạn, nhưng là chiến tranh nghèo đói mà dân tộc Champa đang gánh chịu hôm nay.

Để xoa dịu chiến tranh này, dân tộc Mã Lai chỉ biết chia sẻ sự thống khổ của họ bằng cách giúp họ một vài quà mọn như lương thực, thuốc men, áo quần, dụng cụ giáo dục.

Theo ông Datuk Ahmad Anuar Abdul Hamid, Đại Sứ Toàn Quyền Mã Lai ở Kampuchea, sự viện trợ này chỉ là một chương trình ngắn hạn và mang tính chất từ thiện mà thôi. Vấn đề quan trọng đó là làm



M46. Datuk Ahmad Anuar Abdul Hamid

thế nào để giúp người Chăm thoát khỏi nạn nghèo đói, có một cuộc sống cơ bản tối thiểu về vệ sinh, sức khỏe và giáo dục. Chúng ta nên giúp họ làm thế nào để con em người Chăm không còn lang thang trên hai bờ sông Mekong, trần truồng không có miếng vải để che thân, đầy ghẻ lở và mang chịu bao chứng bệnh tật. Muốn đạt đến mục tiêu này, dân tộc Mã , nhất là các nhà thương gia cần đóng góp và làm việc nỗ lực hơn.

Theo ông Mahamad Marwan, Thượng Nghị Viện Kampuchea gốc

người Chăm, hôm nay dân tộc Champa ở Kampuchea đang đương đầu với chiến tranh khủng khiếp đó là chiến tranh nghèo đói, chiến tranh mù chữ, chiến tranh sức khỏe và vệ sinh. Đây là một chiến tranh mà dân tộc Champa cần người Mã Lai giúp đỡ.

**M87. Dân tộc Champa Hồi Giáo bị
kìm kẹp trong nạn nghèo đói**

(Zainudin Isa, «Champa Islam dibelit kemiskinan»,
Berita Harian, 25-4-2001)

Đã mấy chục năm thoát khỏi chế độ Khmer Đỏ, Kampuchea hôm nay vẫn còn ở trong tình trạng phôi thai, nghèo đói. Dân tộc Champa



M47.

là một cộng đồng thiểu số ở vương quốc này lại càng vướng phải bao thống khổ còn hơn người Kampuchea. Đa số người Champa sống về nghề nông và chài lưới. Cuộc sống của họ càng thảm thương hơn. Họ không thể tìm được 1 đôla trong một ngày làm việc để nuôi gia đình.

Nhân dịp theo phái đoàn Quỹ Tương Trợ Kampuchea (Tabung

Ehsan Kampuchea) sang tỉnh Kompong Cham để phát thực phẩm cho người Chăm, phóng viên Zainudin Isa có cảm tưởng rằng người Chăm ở khu vực này đang sống trong thời thượng cổ. Các trẻ con trần truồng không miếng vải che thân. Họ sống trong ghẻ lở, đầy bệnh tật. Vì nghèo đói, họ phải tranh giành từng miếng vụn bánh bisqui rơi xuống lề đường do Quỹ Tương Trợ Kampuchea phân phát cho họ. Đây là một hình ảnh vô cùng bi đát mà phóng viên chưa hề thấy trong cuộc đời ông ta.

Các giới lớn tuổi người Chăm ở Kampuchea càng lâm vào tình trạng thảm thương hơn. Họ sống trong một hoàn cảnh bi đát: không nhà thương, không thuốc men và không vệ sinh tối thiểu. Một khi Quỹ Tương Trợ Kampuchea loan tin sẽ đến làng để khám bệnh và phát thuốc men, người Chăm bu lại như con sâu để được vài viên thuốc. Hình ảnh này đã chứng tỏ rằng dân tộc Champa ở Kampuchea trang trải qua một giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng, đó là nạn nghèo đói.

**M88. 100 người dân tộc thiểu số Tây Nguyên chạy sang
Kampuchea lánh nạn**

(Reuters, «100 etnik minoriti Vietnam lari ke Kemboja»,
Utusan Malaysia, 5-5-2001)

Hơn 100 người Tây Nguyên chạy sang biên giới Kampuchea để lánh nạn trong trại ty nạn của Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc.

Đây là nhóm dân tộc Tây Nguyên thứ hai rời bỏ quê hương của họ sau ngày bạo động chống chế độ Cộng Sản Việt Nam ở khu vực Tây Nguyên vào tháng 2 vừa qua.

Trong số dân tộc Tây Nguyên sang lánh nạn ở Kampuchea, có 24 người được chính phủ Mỹ đưa sang Hoa Kỳ vào tháng tư năm 2001.

**M89. Cộng đồng Hồi Giáo Champa
cần có nhà chùa lớn hơn**

(Zainuddin Isa, «Masyarakat Islam
Champa perlukan masjid lebih selesa»,
Berita Minggu, 6-5-2001)

Theo phóng viên Zainuddin Isa, Bangkok là một nhà chùa Hồi Giáo lớn nhất ở thủ đô Phnom-Penh, và cũng có thể nói là nhà chùa Hồi Giáo lớn nhất ở Kampuchea, mặc dù dân số Champa Hồi Giáo ở thủ



M48.

đô này không chiếm tỷ lệ cao.

Trong cuộc viếng thăm tỉnh Kompong Cham và Kompong Chhnang nơi tập trung đông đảo nhất người Champa Hồi Giáo ở Kampuchea, phóng viên nhận thấy rằng, ở khu vực này, đa số nhà chùa Hồi Giáo rất là

nhỏ hẹp không đủ để tiếp đón một cộng đồng Hồi Giáo rất đông đảo trong những ngày lễ của tôn giáo này.

Mỗi lần gặp ban chấp hành của các làng xã Champa Hồi Giáo ở khu vực này, họ thường nhắn lời kêu gọi đến các anh em Hồi Giáo nước ngoài giúp đỡ họ ngân sách nhằm thiết kế nhà chùa lớn hơn, có đủ tiện nghi hơn.

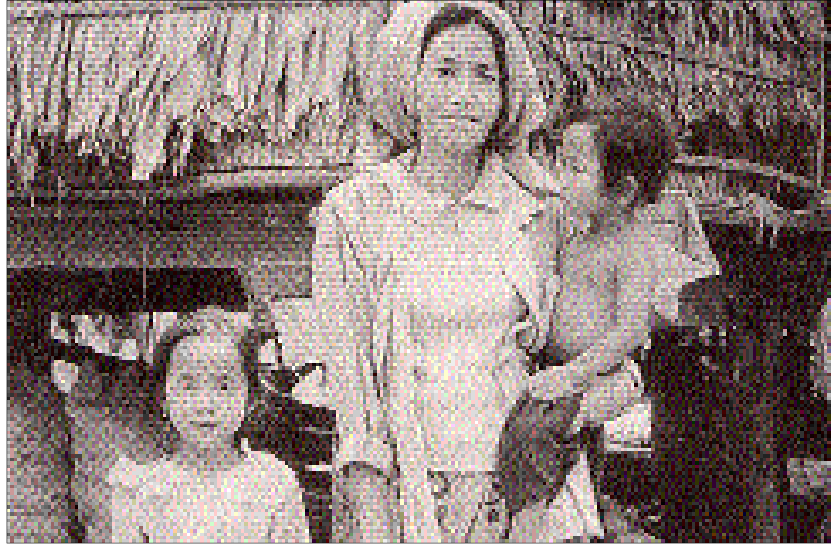
M90. Người Hồi Giáo Kampuchea cần được sự hỗ trợ lẫn nhau

(Zainuddin Isa, «Umat Islam Kemboja perlu bimbingan», Berita Minggu, 17-6-2001)

Theo lời tường thuật của phóng viên Zainuddin Isa, Hội Từ Thiện Chăm Hồi Giáo Kampuchea do người Chăm gốc Kampuchea ở Mã Lai thành lập đã có nhiều chương trình giúp đỡ dân tộc thiểu số ở khu vực Rattanakiri, tức là khu vực ba biên giới Laos, Kampuchea và Việt Nam.

Chương trình giúp đỡ dân tộc thiểu số ở đây rất là quan trọng, vì người thiểu số này đang sống trong tình trạng phôi thai trên phương diện kinh tế và giáo dục. Qua chương trình giúp đỡ này, Hội Từ Thiện Chăm Hồi Giáo Kampuchea hy vọng sẽ chinh phục dân tộc thiểu số này vào đạo Hồi Giáo, một con đường duy nhất để đưa cộng đồng thiểu số này đến ngày tiến bộ.

Cùng nhờ sự giúp đỡ của sứ quán Mã Lai ở Kampuchea, hội này đã chuyển vận bằng máy bay những lương thực sang khu vực



M49.

Rattanakiri để giúp đỡ dân tộc thiểu số, xây cất nhà chùa Hồi Giáo trong khu vực này dành cho dân tộc thiểu số Kampuchea.

Ngoài dân tộc thiểu số này, hội cũng giúp đỡ người Chăm nghèo ở Kampuchea qua nhiều hình thức.

Theo ông Hasan Basri Tuan Ibrahim, chủ tịch hội từ thiện Chăm Hồi Giáo Kampuchea, hội này cần một ngân quỹ lớn lao, vào khoảng 1 triệu ringgit Mã trong một năm để phát triển nhanh chóng chương trình giúp đỡ Chăm Hồi Giáo Kampuchea.

M91. Dịp may mắn được biết đến cộng đồng Champa

(Nursurya Amien, «Peluang mengenali masyarakat Campa»,
Berita Harian, 30-8-2001)

Đây là bài điểm sách Y Phục Champa do Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp) và ông Adi Taha (Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai) thực hiện và do Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai xuất bản vào năm 1988 tại Kuala Lumpur.

Ngoài công trình giới thiệu toàn bộ y phục người Chăm, từ y phục của giới chức sắc tôn giáo đến y phục người Chăm dùng trong lễ hội

và hàng ngày, sách này còn trình bày nhiều phần khác, nhất là cơ sở tổ chức xã hội và gia đình người Chăm cùng như sự liên hệ giữa người Chăm và Mã Lai trên phương diện lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ.

M92. Mở rộng biên giới văn hóa Mã Lai đến Đông Dương

(«Menerokai Melayu di Indo-cina»,

Warta Gapena, 9-2001)

Đây là bài diễn văn của ông Gs. Tansri Ismail Hussein, Chủ Tịch Hội Nhà Văn Mã Lai (Gapena) nhân dịp đại hội thế giới Mã Lai-Thế giới Đông Dương và ngày ra mắt tác phẩm khoa học của ông Ts. Po Dharma về Tự Điển Mã Lai-Chăm biên soạn vào thế kỷ thứ 17 ở Champa



M50. Hình chụp nhân ngày giới thiệu sách Tự Điển Mã Lai-Chăm của Ts. Po Dharma. Từ trái sang phải: Gs. Tansri Ismail Hussein, Chủ Tịch Hội Nhà Văn Mã Lai, Gs. Gerdi Gerschheimer, Phó Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp, ông M. L. Pasquier, Tùy Viên Văn Hóa của Sứ Quán Pháp, Ts. Po Dharma.

Qua bài diễn văn này, Gs. Tansri Ismail Hussein đã nhấn mạnh rằng từ ngày thành lập Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai vào năm 1987 đặt dưới quyền điều hành của Ts. Po Dharma, các giới khoa học và trí thức Mã Lai đã thu thập một công trình khoa học mới lạ, đó là những

tin tức mới liên quan đến sự bang giao và liên hệ lịch sử, văn hóa và nghệ thuật giữa thế giới Mã Lai và thế giới Đông Dương, nhất là vương quốc Champa.

Công trình nghiên cứu này của Viện Viễn Đông Pháp với sự hợp tác của Bộ Văn Hóa Mã Lai từ 13 năm qua là một thành công lớn trong lãnh vực khoa học, nhất là công trình giới thiệu lịch sử và nền văn minh Champa, một vương quốc cùng chung nguồn gốc với Mã Lai. Tự Điển Mã Lai-Cham biên soạn vào thế kỷ thứ 17 do Ts. Po Dharma xuất hành là bằng chứng cụ thể chứng minh cho sự liên hệ giữa Mã Lai và Champa trong quá trình lịch sử.

M93. Khái niệm về cộng đồng Champa ở Mã Lai

(Gs. Dato' Wan Hashim Wan Teh,

«Liputan orang Melayu-Champa

di Malaysia», Warta Gapena, 9-2001)

Theo Gs. Wan Hashim Wan Teh, trước năm 1988, vấn đề vương quốc và dân tộc Champa không bao giờ được đề cập đến trong báo chí và truyền hình Mã Lai, mặc dù có sự hiện diện một cộng đồng lớn lao ở xứ này.

Ngày Văn Hóa Champa 13-9-1988 tại Kuala Lumpur do Bộ Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp tổ chức và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai tổ chức đã mở một trang mới trong lịch sử hiện đại Mã Lai. Vì rằng qua đại hội khoa học về Champa này cộng thêm cuộc triển lãm về Champa nhất là hai đêm văn nghệ do hàng chục nghệ sĩ Champa từ các nước Mỹ Châu và Âu Châu sang tham dự, người Mã bắt đầu thức tỉnh và biết rằng Champa là dân tộc cùng nguồn gốc văn hóa và ngôn ngữ với họ. Họ bắt đầu nhận thức rằng vương quốc Champa là vương quốc anh em của họ bị xóa hẳn trên bản đồ vào năm 1832 và dân tộc Champa hôm nay phải gánh chịu bao đau thương và thống khổ để bảo tồn sự sống còn của họ cho đến hôm nay.

Phải công nhận rằng, mọi sự diễn tiến của chương trình Champa này đều do ông Ts. Po Dharma đề xướng. Sự hiện diện của ông Ts. Po Dharma tại Mã Lai để điều hành Viện Viễn Đông Pháp tại Kuala Lumpur đã trở thành một động cơ tích cực trong lãnh vực nghiên cứu và quảng bá văn hóa và nền văn minh Champa trong khu vực này.

Sau ngày đại hội 13-9-1988, Champa đã trở thành đề tài hấp dẫn

trong giới báo chí và truyền hình Mã Lai. Hàng loạt bài về Champa được đăng tải trên mặt báo chí suốt một năm trường. Thêm vào đó, truyền hình Mã Lai cũng bắt đầu lên tiếng và dành nhiều chương trình về Champa trên màn ảnh của mình.

Ngày 13-9-1988 đã đánh dấu một khúc quanh lịch sử. Vương quốc và dân tộc Champa được hàng triệu dân Mã Lai biết đến. Và dân tộc này, dù không còn vương quốc nữa, đã bắt đầu ăn sâu vào tiềm thức người Mã: Champa, một dân tộc anh em bị vong quốc. Nhưng mọi biến cố lịch sử đã diễn ra trong ngày 13-9-1988 cũng nhờ sự thành lập Viện Viễn Đông Pháp tại Kuala Lumpur với sự hợp tác của Bộ Văn Hóa Mã Lai, nhất là sự hiện diện của Ts. Po Dharma, một chuyên gia về Champa và cũng là một đứa con Champa mặc dù là quốc tịch Pháp.

M94. Đại hội thế giới Mã Lai-thế giới Đông Dương và đêm văn nghệ Champa

(«Warta», Gapena, 9-2001)

Đây là bài tường trình và hình ảnh liên quan đến chương trình văn hóa Champa do Bộ Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tổ chức vào ngày 21-22 tháng 11 năm 2000 tại Kuala Lumpur.

1). Đại Hội Thế Giới Mã Lai và thế giới Đông Dương.

Trong hai ngày đại hội, vấn đề Champa đã trở thành đề tài chủ yếu. Trên 12 tổng số bài báo cáo khoa học, 7 bài nói về Champa:

- Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp): «Vương quốc Champa trong biên niên sử Mã Lai».

- Ts. Mak Phoeun (Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp): «Vấn đề Dân tộc Champa và Mã Lai sống ở Kampuchea và khu vực Châu Đốc».

- Ts. B. De Bernon (Viện Viễn Đông Pháp): «Sammala, một phụ nữ Chăm hay Mã Lai trong huyền thoại Phật Giáo Kampuchea».

- Ts. J. Baffie (Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp): «Đấu tranh chống chương trình xây cát xa lộ nhằm xóa bỏ làng Ban Khrua của người Chăm ở Bangkok».



M51. Hoàng tử Tengku Alaudin Majid (người thứ ba từ trái sang phải) Tổng Thư Ký của Bộ Văn Hóa Mã Lai đang tiếp chuyện với phái đoàn Pháp sau khi tuyên bố khai mạc đại hội thế giới Mã Lai và thế giới Đông Dương. Bên trái Hoàng tử Alaudin là Xavier Diencourt, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp ở Mã Lai. Bên phải hoàng tử là Gs. Tansri Ismail Hussein, Chủ Tịch Hội Nhà Văn Mã Lai. Tiếp đến là Gs. G. Gerschheimer, Phó Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp.

- N. Weber (Thí sinh tiến sĩ của Đại Học INALCO, Paris): «Tuan Phaow vùng dậy chống nhà Nguyễn vào cuối thế kỷ thứ 18».

- Gs. Wan Hassim Wan teh (Đại Học Quốc Gia Mã Lai): «Khái niệm về cộng đồng Champa ở Mã Lai».

- Lưu Quang Sang (Hội Bảo Tồn Cổ Truyền Champa): «Giai thoại của 7 nhân vật góc Mã Lai ở Champa».

2). Lễ ra mắt CD Champa của Chế Linh ngày 18-11-2000

Trước ngày đại hội, Bộ Văn Hóa Mã Lai có tổ chức buổi lễ ra mắt CD Champa do Chế Linh thực hiện với chủ đề Nhạc và Lời Ca Cổ Truyền Champa (Traditional Music and Songs of Champa) phát hành tại Kuala Lumpur dưới sự bảo trợ của Bộ Văn Hóa Mã Lai, năm 2000. Đây là băng nhạc dân ca cổ truyền Chăm đầu tiên trong lịch sử Champa được phát hành.



M52. Chế Linh trao tặng CD cho Hoàng Tử Tengku Alaudin Majid

Hoàng tử Tengku Alaudin Majid, Tổng Thư Ký của Bộ Văn Hóa Mã Lai là người đứng ra chủ tọa buổi lễ với sự hiện diện của Gs. Tansri Ismail Hussein, Chủ Tịch Hội Nhà Văn Mã Lai; Gs. Shamsun Amri Baharuddin, Viện Trưởng Viện Thế Giới Mã Lai; ông P. L. Pasquier, Tùy Viên Văn Hóa, đại diện cho Sứ Quán Pháp và nhiều giới trí thức Mã Lai khác.

Sau buổi lễ, ca sĩ Chế Linh có tiếp chuyện với báo chí và truyền hình Mã Lai và giới thiệu những băng nhạc của ông ta từ ngày sang định cư ở Gia Nã Đại 1978.

Cuốn băng gồm 13 bài dân ca cổ truyền Chăm và một bài hòa tấu Tây Nguyên do Chế Linh thực hiện.

3). Ba đêm Văn Nghệ Champa tại Mã Lai

Nhân dịp Đại Hội Thế Giới Mã Lai và thế giới Đông Dương, đoàn văn nghệ Champa Chế Linh có trình diễn 3 đêm văn nghệ ở Mã Lai do Bộ Văn Hóa Mã Lai tổ chức. Đoàn văn nghệ này gồm 12 nghệ sĩ Chăm cư trú ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại đặt dưới quyền hướng dẫn của ca sĩ Chế Linh và ông Lưu Quang Sang, cựu dân biểu Chăm hiện sinh



M53. Đoàn văn nghệ Champa của Chế Linh đang diễn xuất.

sống ở Hoa Kỳ.

Đêm văn nghệ đầu tiên (21-11-2000) được tổ chức tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai, dành riêng cho quan khách chính phủ Mã Lai, ngoại giao đoàn, các phái đoàn từ nước ngoài đến tham dự đại hội và các giới trí thức Mã Lai.

Quan khách chính của đêm văn nghệ này là Hoàng tử Tengku Alaudin Majid, Tổng Thư Ký của Bộ Văn Hóa Mã Lai, ông Xavier



M54. (từ trái sang phải) Gs.FirdausAbdullah của đại học Malaya; Xavier Driencourt, Đại Sứ Pháp tại Mã Lai; Gs. William Roff của đại học Comlumbia-New York trong đêm văn nghệ Champa của Chế Linh

Driencourt, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp ở Mã Lai, Tansri Ismail Hussein, Chủ tịch Hội Nhà Văn Mã Lai, Gs. G. Gerschheimer, Phó Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp, Gs. G. Delouche, Hiệu Trưởng đại học INALCO Paris, Gs. William Roff của đại học Comlumbia, New York và các giới trí thức và khoa học Mã Lai.

Đêm thứ hai (23-11-2000) tại Sah Alam, thủ đô của tiểu vương quốc Selangor dành cho quần chúng Mã Lai. Và đêm cuối cùng (24-11-2000) tại trung tâm văn hóa Pháp ở Kuala Lumpur dành cho cộng đồng người Pháp ở Mã Lai.

4). Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tiếp đoàn văn nghệ Champa Chế Linh ở tư dinh

Chiều 22-11-2000, đoàn văn nghệ Champa đặt dưới sự hướng dẫn của Chế Linh với sự hiện diện của cựu dân biểu Lưu Quang Sang và cựu thiêu tá Đặng Chánh Anh rất lấy làm vinh hạnh được tiếp kiến với ông Xavier Driencourt, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai tại tư thất riêng của ông ở Kuala Lumpur. Ts. Po Dharma, đại diện cho Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai là người đứng ra tổ chức buổi tiếp tân này.

M95. Pháp sẵn sàng giúp đỡ

(L. C. Fang, «Perancis sedia bantu kajian»,
Bertia Harian, 20-9-2001)

Theo Ts. Po Dharma, từ mấy năm qua, Viện Viễn Đông Pháp tại Mã Lai đã góp phần lớn trong chương trình nghiên cứu văn hóa thế giới Mã Lai trong khu vực này, nhất là nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Champa. Những chương trình này cần có sự hợp tác chặt chẽ hơn với các viện nghiên cứu Mã Lai trong tương lai hầu đem lại một kết quả tốt đẹp.

Ts. Po Dharma cũng thông tin rằng, từ ngày thành lập ở Kuala Lumpur vào năm 1987, Viện Viễn Đông ở Mã Lai do ông ta điều hành đã thực thi nhiều chương trình nghiên cứu liên quan đến sự liên hệ giữa thế giới Mã Lai và Champa.

Theo ông L. C. Fang, phóng viên của báo Berita Harian, qua bài báo cáo khoa học của Ts. Po Dharma trong ngày đại hội Nền Văn Minh Mã Lai ở Miền Đông tổ chức vào ngày 19-9-2001, chúng ta

nhận thấy rằng Mã Lai nhất là tiểu vương quốc Kelantan có một nền bang giao rất gần gũi với Champa trong bao thế kỷ trước.

M96. Hai người Chăm Hồi Giáo thân đảng hoàng gia (FUNCINPEC) bị ám sát

(AFP, «2 aktivis Islam parti proraja ditembak mati», Utusan Malaysia, 30-2-2002)

Theo hàng thông tấn AFP, hai vợ chồng người Chăm Hồi Giáo Kampuchea, thân cận của đảng hoàng gia (FUNCINPEC) bị ám sát tại tư thất ông ta. Đây là vụ ám sát lần thứ 12 kể từ khi chính phủ tuyên bố chính thức ngày khai mạc tranh cử ở hạ tầng cơ sở của vương quốc này.

M97. Hoa Kỳ sẽ bảo vệ 1000 tị nạn Việt Nam

(Reuters, «Amrika beri kuasa depada 1.000 pelarian Vietnam», Utusan Malaysia, 27-3-2002)

Theo hàng thông tấn Reuters, chính phủ Hoa Kỳ đã chấp nhận đưa sang Hoa Kỳ hơn 1.000 người Tây Nguyên hiện đang lánh nạn ở tỉnh Mondolkiri của vương quốc này. Nhóm người Tây Nguyên này là tàn quân của lực lượng nổi dậy chống lại chính quyền Hà Nội ở Tây Nguyên vào tháng 2 năm 2001 vừa qua.

Theo Nikola Hihajlovic, đại diện cao ủy Liên Hiệp Quốc ở Kampuchea, mặc dù chính phủ Hoa Kỳ đã chấp thuận đưa về Hoa Kỳ các anh em Tây Nguyên này, nhưng cao ủy Liên Hiệp Quốc phải chờ sự trả lời chính thức của chính phủ Kampuchea. Thêm vào đó, cao ủy Liên Hiệp Quốc cũng lên tiếng chính thức là không công nhận hiệp ước ký kết giữa Kampuchea và Việt Nam nhằm trao trả lại cho chính quyền Hà Nội những anh em Tây Nguyên đang lánh nạn ở vương quốc này.

2. Báo chí tiếng Mã Lai

Đối với dân tộc Mã Lai, Champa là một từ rất là quen thuộc với họ qua các thành ngữ: harimau Cempa (cọp Champa), padi Cempa (lúa Champa), v.v. Nhưng trên thực tế, ngoại trừ một số chuyên gia về ngành sử học, dân tộc Mã không biết gì về vương quốc và dân tộc Champa này. Qua các lời truyền khẩu và văn chương cổ, dân tộc Mã chỉ biết là có vương quốc Champa cùng nguồn gốc văn hóa với họ ở khu vực Đông Nam Á này, nhưng họ cũng không biết vương quốc này nằm ở đâu và đôi lúc họ cứ tưởng rằng Champa và Kampuchea chỉ là một vương quốc mà thôi. Sự nhầm lẫn này đã đi sâu vào tiềm thức dân gian Mã Lai. Một thí dụ điển hình đó là "bông sứ" mà ai cũng gọi là hoa Champaka, nhưng người Mã có khi gọi nó là hoa Champa và có khi thì hoa Kampuchea. Và ai cũng biết sau biến cố năm 1975, tất cả những người tị nạn Đông Dương định cư ở Mã Lai đều là dân tộc Chăm, nhưng người Mã vẫn gọi họ là người Kampuchea.

Năm 1988 đánh dấu một khúc quanh mới trong lịch sử cận đại của Mã Lai. Vì rằng, kể từ năm 1988, vấn đề Champa không còn là chuyện hoang đường nữa, nhưng đã trở thành một đề tài hấp dẫn nổi bật lên trên mọi làn sóng báo chí và truyền hình Mã Lai.

Sau khi đọc qua 97 bài viết về Champa đăng tải trên báo chí Mã Lai, người ta có cảm giác rằng, sự phát hiện Champa trên làn sóng báo chí này có nguyên nhân chủ yếu phát xuất từ biến cố văn hóa và khoa học ở Mã Lai hơn là phát xuất từ sáng kiến của các phóng viên báo chí Mã Lai.

Sau đây là những biến cố chính liên quan đến vấn đề Champa đã diễn ra một cách tuần tự trong không gian và thời gian từ 1988 đến 2002,

1. Sự hiện diện của Ts. Po Dharma ở Mã Lai 1987

Ngày 17 tháng 4 năm 1988 đánh dấu ngày mở đầu giới thiệu đất nước Champa trên làn sóng báo chí Mã Lai. Đó là ngày họp báo của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai, Datuk Sabbaruddin Chik với sự hiện

54 Báo chí tiếng Mã Lai

diện của Đại Sứ Toàn Quyền Pháp ông Jean Perrin để giới thiệu Ts. Po Dharma, chuyên gia khoa học Pháp của Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) cũng là đại diện cho Trung Tâm Đông Dương Học của đại học Sorbonne Paris, sang nhậm chức ở Mã Lai từ tháng 9 năm 1987 trong chương trình hợp tác giữa hai quốc gia Pháp-Mã nhằm phát triển chương trình nghiên cứu về sự liên hệ thế giới Mã Lai và Champa trên lãnh vực lịch sử, văn hóa, văn học và tôn giáo.

Hàng thông tấn Mã Lai Bernama là cơ quan báo chí Mã Lai loan tin này trên tờ Utusan Malaysia (xem M1). Đây là lần đầu tiên, báo chí Mã nói về Champa.

2) Ngày văn hóa Champa ở Kuala Lumpur vào tháng 9 năm 1988

Hơn năm tháng sau, tức là ngày 7 tháng 9 năm 1988, Bộ Văn Hóa Mã Lai tổ chức ngày họp báo lần thứ hai, dưới sự chủ tọa của ông Haji Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Cục Văn Hóa để loan tin chính thức là Bộ Văn Hóa, Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai sẽ tổ chức một chương trình mang chủ đề «Ngày Văn Hóa Champa» tại Kuala Lumpur vào ngày 12 và 13 tháng 9 năm 1988. Chương trình này gồm ba tiết mục:

- Triển lãm về văn hóa Champa
- Đại hội khoa học về nền văn minh Champa
- Đêm văn nghệ Champa do hai ca sĩ Champa, Ché Linh và Từ Công Phụng thực hiện.

Sau ngày họp báo, những chi tiết về ngày văn hóa Champa được đăng tải một cách chi tiết trên ba tờ báo lớn nhất ở Mã Lai, đó là tờ Berita Harian, Utusan Malaysia và New Straits Time (xem M2-M12) và trên đài truyền hình Mã Lai.

Mở màn cho ngày văn hóa Champa là chương trình triển lãm về văn hóa Champa. Buổi khai mạc triển lãm Champa vào ngày 12-9-1988 đặt dưới sự chủ tọa của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa và Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai với sự hiện diện của nhiều phái đoàn ngoại giao có mặt ở Kuala Lumpur.

Tiếp theo là ngày đại hội khoa học về nền văn minh Champa đặt

dưới sự chủ tọa của Phó Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai với sự hiện diện của ông Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp (EFEO).

Chương trình thứ ba là đêm văn nghệ Champa (12-13 tháng 9 năm 1988) tại hội trường thủ đô Kuala Lumpur. Khách quý của đêm văn nghệ này là Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, Thống Đốc thủ đô Kuala Lumpur và Đại Sứ Toàn Quyền Pháp. Đêm văn nghệ đặt dưới sự hướng dẫn của hai ca sĩ Chế Linh và Từ Công Phụng với sự tham gia của nhiều nghệ sĩ Champa từ Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp và Đanmark đến.

Sau ngày Văn Hóa Champa 12-13 tháng 9 năm 1988 tại Kuala Lumpur, vương quốc và dân tộc Champa trở thành một đề tài chủ yếu trên các làn sóng báo chí và truyền hình Mã Lai. Vì rằng, kể từ tháng 9 cho đến cuối năm 1988, tức là chỉ trong vòng ba tháng, 24 bài bằng tiếng Mã đề cập đến Champa (chưa tính các báo bằng tiếng Anh và Trung Hoa) được đăng tải trên các tờ báo lớn ở Mã Lai, như tờ Berita Harian, Utusan Malaysia, Watan, Nusantara, Dewan Budaya, v.v.

Đa số các bài viết nhân dịp ngày Văn Hóa Champa tập trung trên ba chủ đề:

- Tường thuật lại những lời tuyên bố của các nhân vật quan trọng đến dự trong dịp ngày Văn Hóa Champa này như Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, Đại Sứ Pháp, đại diện phái đoàn Champa từ Hoa kỳ sang, các giáo sư đại học Mã Lai, v.v.

- Tóm tắt lại những bài viết về lịch sử, văn hóa và xã hội Champa của các nhà chuyên gia khoa học tham dự đại hội về nền văn minh Champa được tổ chức vào ngày 13 tháng 9 năm 1988.

- Phân tích và phê bình về khía cạnh nghệ thuật và nội dung của đêm văn nghệ mang chủ đề: «Hoàng tử Mã Lai đến Champa» do hai nghệ sĩ Chế Linh và Từ Công Phụng đạo diễn.

Những lời tuyên bố của các nhân vật quan trọng liên quan đến ngày Văn Hóa Champa chỉ có một nội dung duy nhất, đó là cần phải phát triển mạnh mẽ chương trình nghiên cứu về Champa, một di sản lịch sử và văn hóa của thế giới Mã Lai. Sự thành lập ở Mã Lai một chi nhánh của Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) đặt dưới sự điều hành của

56 Báo chí tiếng Mã Lai

Ts. Po Dharma, chuyên gia về Champa học trong chương trình hợp tác Pháp-Mã, sẽ đem lại một bầu không khí mới trong chương trình nghiên cứu về Champa và Thế Giới Mã Lai.

Riêng về phần đại hội khoa học, hầu như tất cả các bài báo cáo khoa học đều mở xẻ, phân tích và được truyền bá rộng rãi qua làn sóng báo chí Mã Lai.

Cuối cùng, đêm văn nghệ Champa của Chế Linh và Từ Công Phụng đã thu hút làn sóng báo chí Mã Lai nhiều hơn. Những phóng viên Mã Lai viết về đêm văn nghệ này chia thành ba nhóm.

- Nhóm phóng viên báo chí săn tin tức. Nhóm này chỉ tường thuật lại nội dung đêm văn nghệ Champa mà thôi.

- Nhóm phóng viên chuyên về bình luận nghệ thuật. Đối với nhóm này, đêm văn nghệ Champa của Chế Linh và Từ Công Phụng chỉ là một chương trình văn nghệ dân gian chứa chất một vài nét hấp dẫn vì quá mới lạ đối với thính giả Mã Lai. Nhưng đứng trên phương diện nghệ thuật mà nói, đêm văn nghệ Champa của Chế Linh và Từ Công Phụng không đạt được cơ sở nghệ thuật cao cho lắm vì đa số nghệ sĩ là những nghệ nhân nghiệp chỉ không chuyên, mặc dù Từ Công Phụng có đỉnh chính là vì thiếu tập dợt (xem M19).

Nhóm chuyên gia khoa học nhìn đêm văn nghệ này dưới khía cạnh lịch sử hơn là khía cạnh nghệ thuật. Bài của Gs. Zainal Kling là tiêu biểu nhất (xem M35-M36). Đối với ông Zainal Kling, đêm văn nghệ Champa này có chăng chỉ là tiếng kêu than nào nùng từ bài nghĩa địa của một nền văn minh Champa đã suy tàn và cũng là lời trân trối cuối cùng về thân phận đau thương của người Champa mất nước hơn là một vở kịch thật sự đương diễn xuất trên sân khấu nghệ thuật ở Mã Lai.

3. Champa bị thu hẹp lại trên làn sóng báo chí: 1989-1991

Bước sang năm 1989 đến năm 1991, tức là trong ba năm liền, Champa cũng còn hiện diện trên làn sóng báo chí Mã Lai, nhưng sự hiện diện này bị giới hạn trong phần số lượng. Vì rằng vấn đề Champa chỉ xuất hiện 6 lần trên báo chí Mã Lai trong suốt ba năm trường. Hai

bài đáng kể nhất đó là bài phân tích nguyên nhân của sự suy vong Champa của Hussin Yaacob đăng trong tờ Nusantara vào tháng giêng năm 1989 (xem M37-38) và bài phỏng vấn Ts. Po Dharma liên quan đến nền tảng văn hóa, tổ chức gia đình và xã hội Champa đăng trong tờ Bicara vào ngày 16-12-1989 (xem M40).

Hussin Yaacob là người đầu tiên trong nhóm phóng viên Mã Lai đứng ra để phân tích tình hình xã hội cộng đồng người Chăm gồm hơn 400.000 người ở Kampuchea và hơn 25.000 người hiện đang cư trú ở Mã Lai nhằm đi tìm nguyên nhân sự suy vong của Champa trong quá khứ.

Qua sự khảo sát về cơ sở tổ chức xã hội của người Chăm hôm nay, Hussin Yaacob, có thể là người Chăm Kampuchea (?) đã đưa ra kết luận rằng: Cộng đồng người Chăm hôm nay chỉ biết hiềm thù nhau vì quyền lợi cá nhân, và họ không có một ý thức hệ đoàn kết rõ rệt và không có một tổ chức chung đặt dưới quyền lãnh đạo chung để bảo vệ sự sống còn của họ. Tình hình cộng đồng Champa hôm nay có chăng là bằng chứng cụ thể để giải thích cho sự suy vong của vương quốc Champa trong quá khứ?

4 Không khí chung vào năm 1994-1998

Trong suốt hai năm 1992 và 1993, báo chí Mã Lai không nhắc đến Champa nữa. Nhưng bước vào tháng 10 năm 1994, vấn đề lịch sử và văn hóa Champa đột nhiên trở lại trên làn sóng báo chí này và kéo dài cho đến năm 1998.

Sự kiện quan trọng đầu tiên đó là Datuk Seri Dr. Mahathir Mohamad, Thủ Tướng Mã Lai lần đầu tiên đứng ra tiếp phái đoàn gồm một số Dân Biểu và Phó Bộ Trưởng gốc người Chăm từ Kampuchea sang thăm Mã Lai vào tháng 10 năm 1994 (xem M43). Sau phái đoàn này là ngày ra mắt cuốn hồi ký của ông Abha kể lại cuộc hành trình phái đoàn Hội Nhà Văn Mã Lai sang viếng thăm bốn tiểu vương quốc Champa: Amaravati, Vijaya, Kauthara và Panduranga vào năm 1995 (xem M44-M45).

Sự kiện tiếp theo đó là đại hội quốc tế về dân tộc cùng nguồn gốc Mã Lai do hội Nhà Văn Mã Lai tổ chức vào tháng 9 năm 1996 và được ông Datuk Sri Anwar Ibrahim, Phó Thủ Tướng Mã Lai khai

mạc. Hai phái đoàn Champa có đến tham dự đại hội này. Phái đoàn từ Việt Nam do ông Bá Trung Phụ (Văn Lâm, Phanrang) hướng dẫn và từ Pháp có ông Ts. Po Dharma (xem M49)

Sự kiện cuối cùng đó là ngày ra mắt cuốn sách *Lịch Sử Bang Giao Thế Giới Mã Lai và Thế Giới Đông Dương*, do Gs. Ismail Hussein, Gs. P. B. Lafont và Ts. Po Dharma thực hiện và do Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (Dewan Bahasa dan Pustaka) ấn hành. Cuốn sách được ra mắt nhân ngày đại hội về sông Mêkong vào tháng 11 năm 1995 do Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai tổ chức. Phái đoàn chuyên gia khoa học Pháp trong ngày đại hội khoa học này gồm 7 người trong đó có Ts. Po Dharma. Đây là chương trình hợp tác giữa Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai, Hội Nhà Văn Mã Lai, đại học INALCO Pháp, đại học Sorbonne Pháp và Sứ Quán Pháp tại Lâ Lai (xem M50)

Sự kiện nổi bật nhất về Champa trên làn sóng Mã Lai trong chu kỳ thời gian này, đó là đại hội về dân tộc sống hai bên bờ sông Mêkong và triển lãm về dân tộc Champa do Ts. Po Dharma tổ chức nhân ngày ra mắt cuốn sách vào tháng 10 năm 1996 mang chủ đề: *Tóm Lược Lịch Sử Bán Đảo Đông Dương (Kampuchea, Laos, Thai, Vietnam và Champa)* do Gs. P. B. Lafont (đại học Sorbonne) thực hiện. Trong tác phẩm này có bài viết mang chủ đề *Sơ Lược Lịch sử Champa* của Ts. Po Dharma. Chương trình đại hội và ngày ra mắt cuốn sách *Tóm Lược Lịch Sử Bán Đảo Đông Dương* do ông Datuk Abdullah Ahmad Badawi, Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã Lai đứng ra khai mạc (xem M53-M56) và có bức thư ngõ của Thủ Tướng Mã Lai (xem M 51).

Mặc dù Champa chỉ là một thành phần nhỏ nhoi trong nhóm dân tộc sống hai bên bờ sông Mêkong, nhưng hình ảnh Champa chiếm một vị trí nhiều nhất trên làn sóng báo chí, nhất là hình ảnh người Chăm Châu Đốc và Kampuchea (xem 52). Đa số bài viết về đại hội các dân tộc trên bờ sông Mêkong là những bài trường trình về ngày văn hóa. Ngoài ra, còn có một số bài phỏng vấn Ts. Po Dharma về sự liên hệ giữa Champa và thế giới Mã Lai (xem M58-M59).

Đúng một năm sau, tức là tháng 10 năm 1997, Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) tổ chức một cuộc triển lãm về y phục và nghề dệt thổ cẩm Champa. Trong thư ngõ của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai, Tổng Giám Đốc Cục Bảo Tàng Mã

Lai và Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) nhân dịp ngày triển lãm này (xem M62-64), ba cơ quan Mã-Pháp nhất trí có một ý hướng chung đó là cần phải tăng cường chương trình nghiên cứu Champa và Thế Giới Mã Lai.

Đây là lần đầu tiên, Mã Lai thực hiện một cuộc triển lãm đồ sộ về Champa, nhất là triển lãm về nghề dệt thổ cẩm người Chăm. Bốn chuyên viên Chăm chuyên về y phục và thổ cẩm từ Việt Nam sang Mã Lai tham dự và giúp đỡ chương trình đó là Trương Tôn (Hữu Đức), Quảng Văn Đại (Chát Thường), Thuận Thị Trụ (Mỹ Nghiệp) và Nguyễn Thị Bạch Cúc (Hữu Đức).

Chương trình triển lãm này đã thu hút được 5 bài đề cập đến Champa, trong đó có bài phỏng vấn Ts. Po Dharma về vai trò người đàn bà trong xã hội Chăm (xem 66). Theo Ts. Po Dharma, Champa là vương quốc theo chế độ mẫu hệ và mẫu cư. Mẫu hệ là cơ chế tổ chức gia đình dựa trên chủ thuyết: đàn bà là chủ nhân của tài sản, con cái và nghi lễ trong gia đình. Ngược lại đàn ông vẫn giữ vai trò chính yếu trong cơ chế quyền hạn quản trị kinh tế, giáo dục và đạo đức trong gia đình. Chính vì thế, Champa là một dân tộc theo chế độ mẫu hệ nhưng không có mẫu quyền như người ta thường hiểu lầm.

5. Chuyển hướng sang nạn nghèo đói người Chăm ở Kampuchea: 1999-2001

Bước vào tháng đầu của năm 1999, vấn đề Champa bắt đầu chuyển hướng trên làn sóng báo chí Mã Lai. Vấn đề văn hóa lịch sử của Champa hoàn toàn nhường làn sóng lại cho vấn đề chiến tranh nghèo đói mà người Chăm Hồi Giáo Kampuchea đang đương đầu hôm nay.

Sự chuyển hướng khuôn mặt Champa trên làn sóng báo chí phát xuất từ hai nguyên nhân chính. Đó là vào tháng 1 năm 2000, đài truyền hình TV3 của Mã Lai ra mắt một chương trình mới mang chủ đề «Kính chào Nusantara», hay là kính chào các dân tộc của các nước Đa Đảo trong đó có người Chăm (xem M69).

Qua chương trình này, hàng loạt hình ảnh về nạn nghèo đói người Chăm Kampuchea được đưa lên làn sóng báo chí. Bốn tháng sau, nhiều hội đoàn phi chính phủ Mã Lai tập trung lực lượng để thành lập một quỹ cứu trợ Champa ở Kampuchea. Quỹ này do hai tờ báo lớn Mã

60 Báo chí tiếng Mã Lai

Lai đờ đầu, đó là: Berita Harian và New Straits Times. Ngày ra mắt quỹ này đặt dưới quyền chủ tọa của ông Datuk Abdullah Badawi, Phó Thủ Tướng Mã Lai.

Sau ngày ra mắt quỹ này, hàng loạt phóng viên báo chí theo đoàn từ thiện Mã Lai sang Kampuchea để giúp người Chăm. Sự hiện diện của họ ở Kampuchea nhân dịp này là nguyên nhân chính giải thích tại sao có sự chuyển hướng khuôn mặt Champa trên làn sóng báo chí Mã Lai thời đó.

Trên nguyên tắc, chương trình «Kính Chào Nusantara» không chỉ dành riêng cho người Chăm Hồi Giáo, mà là cho dân tộc Champa nói chung. Nếu người Chăm ở Việt Nam không có mặt trên làn sóng của chương trình này, vì đài truyền hình TV3 của Mã không được cơ hội hay không muốn tạo cơ hội để sang Việt Nam nhằm viếng thăm khu vực người Chăm ở Phan Rang và Phan Rí. Vì rằng vào năm 1995 đài truyền hình Mã Lai không được chính quyền địa phương Việt Nam cho phép tiếp xúc với người Chăm trong dịp đài này sang Phan Rang và Phan Rí để tháp tùng phái đoàn Hội Nhà Văn Mã Lai sang viếng thăm làng Chăm.

Từ năm 1999 đến 2001, tổng cộng 21 bài báo Mã Lai đề cập đến cộng đồng Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea. Bốn chủ đề chính yếu trong phần này, đó là:

Vấn đề nạn đói khủng khiếp và cuộc sống khốn đốn của người Chăm ở Kampuchea. Đa số người Chăm ở đây sống về nghề nông và chài lưới và họ không thể nào tìm được 10 đôla US một tháng để nuôi gia đình.

Vấn đề giáo dục. Chính vì sự nghèo đói này mà có gần 95 % người Chăm Kampuchea đang vướng vào nạn mù chữ. Một con số cụ thể để chứng minh cho vấn đề này, đó là trên tổng số gần 400.000 người Chăm ở Kampuchea, chỉ có vào khoảng 10 sinh viên đại học ở vương quốc này. Ngược lại có vào khoảng 70 người tạm gọi là "sinh viên" du học trong các trường Hồi Giáo ở Arab Saudi, 6 người ở Libya và 20 ở Iran. Nếu tạm gọi là "sinh viên", vì họ chưa học hết chương trình trung học cấp 2 ở Kampuchea. Nhóm "sinh viên" này cũng không khác gì nhóm "sinh viên" người Chăm ở Việt Nam sang du học ở các nước Ả-rập trong thời Việt Nam Cộng Hòa (1963-1975). Chính vì thế, các

phóng viên Mã Lai tự đặt câu hỏi rằng, người Chăm ra nước ngoài du học mà chưa học hết cấp trung học, thế rồi, họ sẽ làm được gì cho cộng đồng của họ trong tương lai?

Vấn đề tương lai của các cháu thiếu niên nhi đồng Chăm. Đa số các em này đang sống trong thời thượng cổ, thân hình trần truồng ghẻ lở, không mảnh áo che thân, không thuốc men và không trường học.

Vấn đề cuối cùng đó là người Chăm Kampuchea, dù nghèo đói và lâm vào nạn mù chữ, nhưng họ không xin viện trợ nước ngoài để giải quyết vấn đề kinh tế và giáo dục của họ, mà chỉ chú tâm đến việc xin viện trợ để làm nhà chùa Hồi Giáo lớn hơn hay xây dựng trung tâm truyền bá Hồi Giáo là chính.

6. Hiện tượng Tiara Jacqueline, Chế Linh và Po Dharma trên sân khấu Mã Lai vào năm 2000

Sự hiện diện của nữ điện ảnh Mã Lai Tiara Jacqueline, ca sĩ Chế Linh và Ts. Po Dharma, ba nhân vật xuất phát từ ba nghề chuyên môn khác nhau trên sân khấu Mã Lai để diễn xuất ba màn kịch hoàn toàn khác nhau về nội dung liên quan đến Champa là nguyên nhân chính đã lôi kéo một số phóng viên Mã hướng về Champa trong năm 2000.

Mở đầu cho hiện tượng này đó là Tiara Jacqueline, nữ điện ảnh nổi tiếng và cũng là một người đàn bà mỹ kiều nhất trong giới nghệ sĩ ở Mã Lai, chấp nhận diễn xuất đầu tiên trên hội trường sân khấu kịch trong vai: Siti Zubaidah, hoàng hậu Champa gốc Mã Lai (xem M77). Hình nổi tiếng nhất mà báo chí thường đăng tải đó là nữ điện ảnh Tiara Jacqueline trong bộ y phục áo dài «bak kuang» người đàn bà Chăm. Quảng cáo tiếng tăm của nữ điện ảnh Tiara Jacqueline trong bộ y phục đàn bà Chăm cũng đã là quảng cáo cho Champa rồi.

Ngược lại, hiện tượng Chế Linh trên làn sóng báo chí Mã Lai vào năm 2000 có một chủ đề khác biệt hoàn toàn. Chế Linh, không phải là nhà điện ảnh, nhưng là một ca sĩ gốc Champa. Chế Linh đến Mã Lai năm 2000 có hai chương trình rõ rệt. Chương trình thứ nhất đó là ra mắt cuốn CD mang chủ đề Traditional Music and Songs of Champa (nhạc và tiếng hát dân gian Champa) do ông ta thực hiện và do Bộ Văn Hóa Mã Lai xuất hành. Chương trình thứ hai, đó là đêm văn nghệ cổ truyền Champa do đoàn văn nghệ của Chế Linh diễn xuất, nhân

62 Báo chí tiếng Mã Lai

dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Viện Viễn Đông Pháp. Chương trình này do Bộ Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai tổ chức.

CD mang chủ đề «nhạc và tiếng hát dân gian Champa» là cuốn băng đầu tiên mà ca sĩ Việt Nam mang tên là Chế Linh hát hoàn toàn bằng tiếng Chăm.

Ngày ra mắt cuốn CD và đêm văn nghệ Champa của Chế Linh đặt dưới sự chủ tọa của Hoàng Tử Mã Lai Tengku Alaudin Majid với sự hiện diện của ông Gs. Ismail Hussein, Chủ Tịch Hội Nhà Văn Mã Lai mà đa số hội viên là thành phần phóng viên báo chí và ông Xavier Driencourt, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp ở Mã Lai. Sự hiện diện của các nhân vật quan trọng này càng thu hút thêm sự tò mò của báo chí về CD Chế Linh.

Hiện tượng Po Dharma trên làn sóng báo chí Mã Lai vào năm 2000 có tính cách khoa học hơn, vì đây là ngày ra mắt sách khoa học của ông ta liên quan đến tự điển tiếng Mã Lai dùng trong nghi lễ Rija ở Champa. Cuốn tự điển này do người Mã Lai thực hiện ở Champa vào thế kỷ thứ 17. Đây cũng là dịp để báo chí Mã Lai quảng cáo về vai trò của tiếng Mã Lai trong quá trình lịch sử ở Đông Dương, nhất là ở Champa.

7. Cuộc vùng dậy của anh em FULRO Tây Nguyên

Cuộc vùng dậy của anh em Tây Nguyên vào tháng 2 năm 2001 nhằm đòi chính quyền Hà Nội trao trả lại đất đai của họ đã thu hút một số bài trong báo tiếng Mã Lai. Đa số bài này là những bài tường thuật về biến cố vùng dậy của anh em Tây Nguyên và nhất là tình hình chính trị giữa ba nước: Việt Nam, Kampuchea và Hoa Kỳ liên qua đến vấn đề anh em Tây Nguyên vượt biên chạy sang lánh nạn ở Kampuchea sau ngày vùng dậy vào tháng 2 năm 2001.

* *

Đúng trên phương diện khoa học mà nói, ngày 7 tháng 9 năm 1988 là mốc thời gian đánh thức quần chúng Mã Lai hướng về Champa, một dân tộc vong quốc nhưng cùng chung văn hóa và ngôn ngữ với

Mã Lai. Tin này được loan ra một cách rộng rãi trên báo chí và truyền hình, vì rằng chương trình này là một chương trình chính thức của Bộ Văn Hóa Mã Lai và của chính phủ Pháp thay mặt bởi Sứ Quán Pháp. Giả sử rằng, chương trình này do đại học Mã Lai tổ chức, thì vấn đề Champa được đưa lên làn sóng báo chí sẽ trở thành một chuyện khác.

Nói đến báo chí trong khu vực Đông Nam Á là phải nói đến biến cố. Nhưng mọi biến cố được lên khuôn trên báo chí thì phải phù hợp với luật lệ và tình hình chính trị nội bộ của mỗi nước. Vai trò chủ yếu của hai cơ quan tối cao nhà nước: trong lãnh vực này là Bộ Văn Hóa Mã Lai và Sứ Quán Pháp trong công tác phát triển chương trình văn hóa Champa ở Mã Lai trong suốt 13 năm (1988-2001) đã trở thành một động cơ chính yếu nhằm chính thức hóa nền văn minh Champa trong lịch sử hiện đại của Mã Lai. Lợi dụng cơ hội này, các phóng viên nhà báo và truyền hình Mã đã đưa ra hàng loạt bài về Champa lên làn sóng báo chí của họ, mà họ không sợ bị truy tố hay cấm đoán.

Ngày họp báo (7 tháng 9 năm 1988) của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai đã đánh dấu một khúc quanh trong lịch sử cận đại Mã Lai. Kể từ hôm nay, Champa không phải là một cốt truyện hoang đường hay cấm kỵ trong văn chương Mã Lai nữa. Đó là một vương quốc, một dân tộc cùng chung xuất xứ với dân tộc Mã trên nhiều lãnh vực: nguồn gốc văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, tổ chức gia đình (mẫu hệ) và tổ chức hành chính theo thể chế liên bang.

Chính vì ý thức hệ nhằm bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc cùng chung xuất xứ với mình mà Bộ Văn Hóa Mã Lai đã đứng ra làm vai trò chủ yếu trong chương trình phổ biến văn hóa Champa ở xứ này. Sự tích cực của Bộ Văn Hóa Mã Lai trong chương trình phổ biến văn hóa Champa không đáng một chút gì với ý đồ chính trị hay tôn giáo.

Champa là một dân tộc có một nền văn minh cao, nay đã trở thành một di sản văn hóa nhân loại. Đối với chính phủ Pháp từ đầu thế kỷ thứ 20, lịch sử Champa phải được bảo tồn như lịch sử của các dân tộc Đông Dương khác. Chính sách văn hóa của chính phủ Pháp rất là rõ ràng về vấn đề này. Vì ý thức hệ chiến tranh, ý thức hệ tôn giáo và nền văn minh khác nhau trong thời phong kiến, dân tộc Champa bị

vong quốc từ năm 1832. Nhưng không vì lý do gì, lịch sử và nền văn minh của dân tộc Champa và nhất là sự tồn tại của dân tộc này phải bị hủy diệt vĩnh viễn. Hủy diệt lịch sử và nền văn minh của một dân tộc nào trên thế giới hôm nay là chính sách đi ngược lại với hiến chương Liên Hiệp Quốc (UNESCO). Cũng vì trung thành với ý thức hệ này mà chính phủ Pháp đã giúp đỡ phần nào chương trình nghiên cứu về Champa từ năm 1900. Chính vì thế mà sự hiện diện của Sứ Quán Pháp trong chương trình phổ biến văn hóa Champa ở Mã Lai không có gì để suy luận.

Ngoài Bộ Văn Hóa Mã Lai, Sứ Quán Pháp, Viện Viễn Đông Pháp, người ta không thể quên được Gs. Ismail Hussein, Chủ tịch Hội Nhà Văn Mã Lai và Datuk Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Viện Ngôn Ngữ và Văn học Mã Lai. Đây là hai cơ quan tập trung đông đảo nhất các trí thức và phóng viên báo chí Mã Lai. Hai nhân vật này cũng là nhà sáng lập Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai và cũng là bạn thân nhất của Ts. Po Dharma từ 1988. Sự hiện diện của hai cơ quan này trong chương trình Champa từ năm 1988 cũng là một động cơ đáng kể nhằm thúc đẩy các báo chí Mã viết về Champa.

Sau cùng, trên tổng số 97 bài viết về Champa mà đa số những bài này đều có sự liên hệ đến Viện Viễn Đông Pháp với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai. Người đứng ra điều hành của Viện Viễn Đông này là Ts. Po Dharma, quốc tịch Pháp nhưng gốc người Chăm Phan Rang. Phải chăng vai trò của Ts. Po Dharma trong chương trình phát triển văn hóa Champa ở Mã Lai đã trở thành một động cơ chính yếu?

Toàn bộ những bài viết về Champa trên làn sóng báo chí Mã Lai hoàn toàn dựa trên ý thức hệ lịch sử, văn hóa và nền văn minh hơn là tôn giáo. Người Mã thừa biết đa số Chăm ở Panduranga là Chăm Ahiér (tạm gọi là Bà La Môn) và Chăm Bani (tạm gọi là Hồi Giáo). Nhưng báo chí Mã không bao giờ đề cập đến chương trình Hồi Giáo Hóa dân tộc Chăm này. Chỉ một bài duy nhất (M90) đó là bài phỏng vấn ông Hasan Basri Tuan Ibrahim, chủ tịch hội từ thiện Chăm Hồi Giáo ở Mã Lai liên quan đến vấn đề Hồi Giáo Hóa dân tộc Champa. Theo ông Hasan Basri, người Chăm Hồi Giáo cần viện trợ của Mã Lai

để chinh phục người thiểu số Ede, Jarai, Mnong ở Kampuchea «theo đạo Hồi Giáo, một con đường duy nhất để đưa cộng đồng thiểu số này đến ngày tiến bộ». Đây là một quan điểm thiếu suy nghĩ và không cơ sở khoa học: không phải theo một tôn giáo nào (dù là Thiên Chúa Giáo, Tin Lành Giáo và Hồi Giáo) mà cộng đồng thiểu số Champa sẽ được tiến bộ hơn, vì họ đã là dân tộc tiến bộ có văn hóa riêng và tín ngưỡng riêng.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, đây là ý kiến cá nhân của ông Hasan Basri, người Chăm Hồi Giáo ở Mã Lai do phóng viên Zainuddin Isa thuật lại, chứ không phải là quan điểm của phóng viên Zainuddin Isa nói riêng hay quan điểm của người Mã Lai nói chung. Vì rằng Mã Lai không có chính sách nhằm Hồi Giáo Hóa các dân tộc anh em khác.

Tóm lại, hầu hết các bài viết về Champa đều có sự liên hệ trực tiếp với các sự kiện văn hóa ở Mã Lai. Sự kiện nào có sự hiện diện của những nhân vật quan trọng trong chính quyền Mã hay quốc tế đều thu hút được sự tò mò của báo chí hơn. Như vậy vấn đề Champa được đưa lên làn sóng báo chí Mã Lai hoàn toàn tùy thuộc vào các sự kiện văn hóa hơn là tùy thuộc vào sáng kiến cá nhân của phóng viên báo chí Mã đối với Champa.

M1. Một chuyên gia lịch sử Champa nhậm chức ở Bộ Văn Hóa

(Bernama «Pakar sejarah Campa di
Kementerian», Utusan Malaysia, 18-4-1988)

Theo hãng thông tấn Bernama Malai, ông Datuk Sabbaruddin Cik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa và Du Lịch Mã Lai cho biết nhân ngày họp báo, kể từ hôm nay, Bộ Văn Hóa sẽ đặt một văn phòng thường trực chuyên nghiên cứu về sự liên hệ văn hóa và lịch sử giữa Champa và thế giới Mã Lai đặt dưới sự điều hành của ông Ts. Po Dharma, gốc Champa nhưng quốc tịch Pháp. Đây là một chương trình hợp tác giữa Viện Viễn Đông Pháp và Bộ Văn Hóa. Sự thành lập văn phòng này là kết quả của cuộc đàm luận giữa Bộ Văn Hóa và Gs. Gros, Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp và Gs. P. B. Lafont (Đại học Sorbonne) đã có mặt ở Kuala Lumpur gần đây.

Sự hiện diện của Ts. Po Dharma rất là quan trọng chương trình phát triển nghiên cứu mạnh mẽ về văn hóa và lịch sử Champa, dân tộc cùng ngôn ngữ và văn hóa với Mã Lai.

M2. Triển Lãm Văn Hóa Champa

(«Pamaran papar budaya Melayu-Campa»,
Berita Harian, 8-9-1988)

Qua ngày họp báo tại Kuala Lumpur ngày 7 tháng 9 năm 1988, ông Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc của Bộ Văn Hóa Mã Lai giới thiệu với báo chí và đài truyền hình Mã Lai rằng ngày 12 tháng 9 năm 1988 sẽ là ngày văn hóa Champa tại thủ đô Kuala Lumpur. Nhân dịp này, Bộ Văn Hóa sẽ tổ chức một cuộc triển lãm lớn về văn hóa và nền văn minh Champa tại viện bảo tàng quốc gia Mã Lai, hai đêm văn nghệ Champa tại hội trường thủ đô Kuala Lumpur và một ngày đại hội khoa học về Champa tại khách sạn Merlin.

Ông Aziz Deraman cũng cho biết là ngày văn hóa Champa này do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai.

M3. Bích chương quảng cáo ngày
Văn Hoá Champa 1988
(Bích chương xuất bản ngày 8-9-1988)

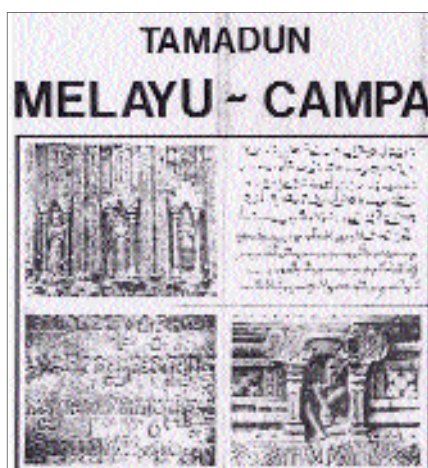
Bích chương mang chủ đề: Nền Văn Minh Champa.

Triển lãm tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia: từ 12 tháng 9 đến 12 tháng 10 năm 1988.

Đại hội khoa học: Khách sạn Merlin ngày 13 tháng 9 năm 1988.

Đêm văn nghệ: Hoàng tử Mã Lai đến Champa tại hội trường thủ đô vào đêm 13 và 14 tháng 9 năm 1988.

Chương trình văn hóa Champa do Bộ Văn Hóa và Du Lịch Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai.



M1.

M4. Đại hội khoa học về lịch sử Champa
(«Seminar sejarah Melayu Campa»,
Utusan Malaysia, 11-9-1988)

Theo tờ báo Utusan Malaysia cho biết Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp sẽ tổ chức một đại hội khoa học về Champa vào ngày 12 tháng 9 năm 1988 tại thủ đô Kuala Lumpur.

Trong cuộc hội thảo này, Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp) sẽ trình bày về chiều hướng nghiên cứu lịch sử Champa trong tương lai; ông Giáo sư Francois Gros (Giám Đốc Viện Viễn Đông Pháp) sẽ nói về vai trò của Viện Viễn Đông Pháp liên quan đến chương trình nghiên cứu khoa học của Viện này; ông Jean Hourcade (Tùy Viên Văn Hóa của sứ quán Pháp tại Mã Lai) sẽ bàn về chính sách văn hóa của chính phủ Pháp trên thế giới; ông Datuk Nik Mohamad Nik Salleh (Tổng Thư Ký Bộ Xây Dựng Mã Lai) sẽ nói về sự liên hệ lịch sử giữa vương quốc Champa và Mã Lai; Pts. Abdul Rahman Al Ahmadi (Bộ Văn Hóa Mã Lai) sẽ trình bày về sự liên hệ văn hóa và văn học giữa Champa và thế giới Mã Lai.

Đây là một cuộc hội thảo khoa học đầu tiên liên quan đến Champa được tổ chức ở Mã Lai. Qua cuộc hội thảo này, các chuyên gia Mã Lai sẽ tiếp thu nhiều tin tức quý báu về lịch sử của một vương quốc điêu tàn này và nhất là sự liên hệ về lịch sử và văn hóa giữa Champa và thế giới Mã Lai trong quá trình lịch sử.

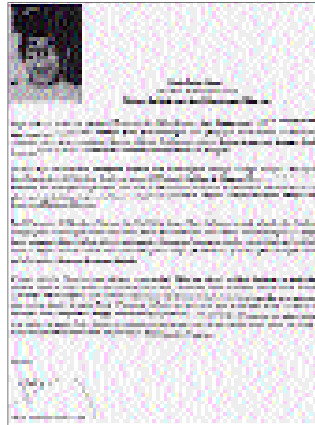
**M5. Thư ngỏ của ông Datuk Sabbaruddin Cik,
Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa và Du Lịch Mã Lai**

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh Champa
tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988

(Datuk Sabbaruddin Chik, «Kata-Kata Aluan»,
Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Trong thư ngỏ này, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa và Du Lịch Mã Lai rất vinh hạnh về chương trình triển lãm và đại hội khoa học về nền văn minh Champa ở Kuala Lumpur vào ngày 12 và 13 tháng 8 năm 1988 do Bộ Văn Hóa tổ chức với sự hợp tác của Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nền văn minh Champa được giới thiệu tại Mã Lai. Qua chương trình triển lãm và đại hội khoa học này, nhân dân Mã Lai và nhất là giới khoa học sẽ tiếp thu nhiều tư liệu quý báu liên quan đến lịch sử, văn chương, kiến trúc và tôn giáo của Champa, một vương quốc có một nền văn minh cao độ dù hôm nay không còn trên bản đồ nữa.



M2. Dato' Sabbaruddin Chik

Phát triển chương trình nghiên cứu về Champa là một trong những chương trình của chủ đề nghiên cứu thế giới Mã Lai do Bộ Văn Hóa thực hành.

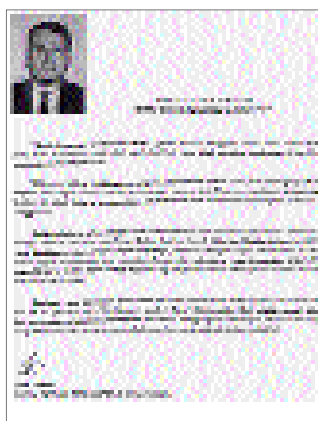
Cuối thư, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa xin gửi lời chào nồng nhiệt đến Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp ở Mã Lai đã góp phần vào công việc xây dựng chương trình này.

M6. Thư ngỏ của ông Jean Perrin, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp ở Mã Lai

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(Jean Perrin, Duta Besar Perancis, «Aluan», Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Viện Viễn Đông Pháp, một cơ quan quốc gia Pháp đã thành lập từ đầu thế kỷ thứ 20 có mục tiêu duy nhất đó là nghiên cứu về lịch sử và nền văn minh Châu Á. Sự hiện diện của viện này ở Mã Lai sẽ tăng cường thêm chương trình nghiên cứu về thế giới Mã Lai, nhất là về vương quốc và dân tộc Champa cùng chung tiếng nói và văn hóa với Mã Lai.

Nhân danh Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai, ông Jean Perrin xin gửi đến Bộ Văn Hóa Mã Lai, nhất là ông Bộ Trưởng Sabbaruddin Chik, lời khen ngợi nồng nhiệt vì đã góp phần đặc lực nhằm đưa ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh Champa đến chỗ thành công mỹ mãn.



M3 Jean Perrin

M7. Thư ngỏ của ông Haji A. Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Cục Văn Hóa, Bộ Văn Hóa và Du Lịch Mã Lai

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(Haji A. Aziz Deraman, «Hasrat», Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Triển lãm và đại hội về nền văn minh Champa, một chương trình hợp tác giữa Bộ Văn Hóa, Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai.

Triển lãm này là một cơ hội duy nhất trong lịch sử hiện đại Mã Lai. Qua cuộc triển lãm và đại hội khoa học này, dân tộc Mã Lai sẽ mở thêm một tiềm thức mới nhằm hiểu biết thêm về vương quốc và dân tộc Champa, một dân tộc anh em của Mã Lai.

M8. Lời Mở Đầu

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh
Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(«Satu Pengekalan», Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Champa là một vương quốc ở Miền Trung Việt Nam, chạy dài từ Mũi Hoành Sơn đến Saigon. Vào thế kỷ thứ 2, vương quốc này mang tên là Lin Yi. Sau thế kỷ thứ 7, Lin Yi tự biến đổi danh xưng thành Champa, một liên bang quốc gia gồm có: Indrapura, Amaravati, Vijaya, Kauthara và Panduranga.

Trước thế kỷ thứ 15, Champa là vương quốc chịu ảnh hưởng Ấn Độ Giáo. Sau thế kỷ thứ 16, vương quốc này đã đón nhận nền văn minh Hồi Giáo trong tín ngưỡng dân gian của mình.

Mặc dù là một vương quốc ở Đông Dương, nhưng Champa có rất nhiều liên hệ lịch sử, văn hóa, văn chương, ngôn ngữ và tôn giáo với Mã Lai. Thêm vào đó, Champa cũng là vương quốc đã từng giữ một vai trò rất là quan trọng trong lịch sử bang giao chính trị, kinh tế và tôn giáo với Mã Lai. Bằng chứng cụ thể là nhiều tư liệu lịch sử thường nói đến sự hiện diện của tu sĩ Champa ở hòn đảo Jawa để truyền bá Hồi Giáo và nhất là chương trình biên soạn cuốn từ điển Mã Lai-Chăm ở Champa vào thế kỷ thứ 17.

M9. Giới thiệu chương trình triển lãm

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh
Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(«Pengekalan Pameran», Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Champa là một vương quốc ở Bán Đảo Đông Dương mà lịch sử thường nhắc đến từ thế kỷ thứ 2. Đây là vương quốc xưa nhất xuất hiện ở khu vực này. Hôm nay, Champa đã bị xóa hẳn trên bản đồ thế giới, nhưng dân tộc Champa vẫn còn và nền văn minh Champa đã trở thành một di sản văn hóa nhân loại thường được tiêu biểu qua nghệ thuật kiến trúc đền đài đồ sộ, nghệ thuật chạm trổ tinh vi, nghệ thuật khắc bia đá, chưa kể đến văn hóa vật chất như mũ mào vua chúa, thổ cẩm, các nhạc cụ và dụng cụ nông nghiệp cổ truyền.

M10. Đại hội về lịch sử và văn hóa Champa

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh
Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(«Seminar Sehari Sejarah dan Kebudayaan Melayu Campa»,
Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Đại hội về lịch sử và văn hóa Champa vào ngày 13 tháng 9 năm 1988 do Bộ Văn Hóa Mã Lai, Viện Viễn Đông Pháp và Sứ Quán Pháp tại Mã Lai tổ chức là một chương trình hợp tác giữa hai chính phủ Mã Lai và Pháp qua hiệp định văn hóa ký vào năm 1972 tại Paris.

Mục tiêu của đại hội khoa học này nhằm giới thiệu một cách cụ thể sự liên hệ giữa thế giới Mã Lai và Champa trong quá trình lịch sử.

Cũng trong đại hội này, thỉnh giả sẽ được tiếp thu thêm về tư liệu lịch sử Champa dường như hầu hết còn lưu trữ ở Viện Viễn Đông Pháp ở Paris.

M11. Đại hội văn nghệ: Hoàng tử Mã Lai đến Champa

Ngày triển lãm và đại hội về nền văn minh
Champa tại Kuala Lumpur, 12 và 13 tháng 9 năm 1988
(«Pengenalan Kesenian», Tamadun Melayu-Champa, 8-1988)

Vở kịch diễn ra trong đêm văn nghệ Champa là một cốt chuyện truyền thống trong lễ múa Rija. Nội dung của cốt chuyện này liên quan đến lịch sử của một hoàng tử Mã Lai sang Champa nhằm giúp đỡ vương quốc này chống lại với quân xâm lược.

Theo truyền thống, Rija là một nghi lễ hoàng gia nay trở thành một lễ hội dân gian. Trong lễ Rija Praong, tiếng Mã Lai (Jawa Haok) vẫn còn lưu truyền. Cuối cùng



M4. Chế Linh

của lễ hội là cốt truyện tiền đưa hoàng tử Mã Lai trở về quê hương bằng đường biển.

Vở kịch này gồm 3 màn.

Màn một: Xưa kia, hoàng tử Mã Lai quyết định sang viếng thăm Champa. Tiếc thay, tàu của ông ta bị đắm chìm ở giữa trùng khơi. Với kinh nghiệm của một nhà hải quân tài ba, hoàng tử vượt khơi đến bãi và được công chúa Champa giúp đỡ. Sau này, hai người xin kết duyên và thề sẽ chung sống với nhau cho hết quãng đời mình.

Màn hai: Sau ngày cưới, hoàng tử Mã Lai giữ một vai trò chính trị



M5. Từ Công Phụng

quan trọng trong hoàng cung. Qua vai trò này, ông ta là người mang lại cho vương quốc Champa một số yếu tố cơ bản của nền văn hóa Mã Lai: từ vũ nhạc, đến dụng cụ âm thanh trông kèn đến tín ngưỡng Hồi Giáo.

Màn ba: Khi vua Mã Lai qua đời, hoàng tử Mã phải trở về quê hương mình để nối nghiệp vua cha. Vì không chóng cự nổi sự nhớ thương chồng sau ngày ra đi của hoàng tử, công chúa Champa

quyết định hủy thân cùng mấy đứa con để tỏ lòng chung thủy với người yêu của mình. Sau ngày từ trần của công chúa, hoàng gia Champa quyết định thành lập lễ hội Rija nhằm tưởng nhớ lại câu chuyện tình giữa công chúa Champa và hoàng tử Mã Lai đến Champa bằng đường biển. Chính vì thế mà người ta gọi là lễ hội Rija Atau Tasik.

Vở kịch hoàng tử Mã Lai đến Champa do hai nghệ sĩ Champa làm

đạo diễn đó là Ché Linh và Từ Công Phụng, với sự tham dự của một nhóm nghệ sĩ Champa gồm hơn 30 người Champa từ Mỹ Châu và Âu Châu đến, trong đó có: Bá Thị Thiệu, Thạch Ngọc Huệ, Thạch Ngọc Vàng, Bá Trung Xin, Thiên Sanh Phân, Musa Porome, Rohim Ibrahim, Từ công Anh, Châu Văn Triển, Bá Văn Đồng, Dàng Reo, Dương Tấn Thi, Y Lo Nie, Lam Chau, Dieu Thom, v.v.

Đoàn văn nghệ Champa này đặt dưới sự hướng dẫn của ông Hassan Po Klaun.

M12. Công trình nghiên cứu về sự liên hệ giữa dân tộc Mã Lai và Champa phải được phát triển mạnh mẽ

(«Kajian perhubungan orang Melayu Campa perlu dilakukan»,
Utusan Malaysia, 13-9-1988)

Nhân dịp ngày khai mạc cuộc triển lãm về Champa tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai, ông Datuk Sabbaruddin

Chik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai tuyên bố rằng công trình nghiên cứu về Champa cần được phát triển mạnh mẽ trong tương lai, vì rằng vương quốc Champa đã suy vong, nhưng nền văn minh Champa đã trở thành một di sản văn hóa nhân loại trên thế giới.

Cùng theo ông Bộ Trưởng, công trình nghiên cứu về Champa sẽ cung cấp nhiều nguồn tư liệu quý báu hầu giúp cho nhà



M6. Ts. Po Dharma đang hướng dẫn Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Mã Lai đi xem phòng triển lãm

khoa học tiếp cận một cách sâu đậm về sự liên hệ lịch sử và nền văn minh của vương quốc này với thế giới Mã Lai. Ông Bộ Trưởng cũng nhấn mạnh rằng, trong tương lai, Mã Lai sẽ là trung tâm quốc tế

chuyên về công trình nghiên cứu sự liên hệ thế giới Mã Lai và các dân tộc cùng nguồn gốc với Mã Lai, nhất là dân tộc Champa.

Để phát triển mạnh mẽ chương trình nghiên cứu về Champa, Bộ Văn Hóa Mã Lai đã đón nhận sự thành lập một văn phòng Viện Viễn Đông Pháp trong Bộ của mình. Văn phòng Viện Viễn Đông Pháp đặt dưới sự điều hành của Tiến sĩ Po Dharma, quốc tịch Pháp, nhưng dân tộc gốc Champa.

M13. Sự hiện hữu của vương quốc Champa cần được nghiên cứu thêm

(Ku Seman Ku Hussain, «Kewujudan Campa diselidiki», Utusan Malaysia, 14-9-1988)

Ku Seman Ku Hussain, phóng viên của tờ báo Utusan Mã Lai tường thuật lại kết quả của ngày đại hội khoa học về Champa do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai vào ngày 13 tháng 9 năm 1988.

Qua bài báo cáo khoa học của Giáo sư. F. Gros, Ts. Po Dharma, Pts. Abdul Rahman Al Ahmadi, ong Datuk Nik Mohamed, phóng viên Ku Seman Ku Hussain kết luận rằng, Champa là một vương quốc có một nền văn minh cao độ. Tiếc rằng, trước



M7. Ts. Po Dharma và Jean Hourcade, Tùy Viên Văn Hóa Sứ Quán Pháp tại Mã Lai

phong trào Nam Tiến của Đại Việt kể từ thế kỷ thứ 16, vương quốc Champa đã bị xóa hẳn trên bản đồ Đông Dương.

Phóng viên cũng tường thuật rằng, trong quá trình lịch sử, Champa có sự liên hệ chặt chẽ với Mã Lai từ lâu đời: từ sự liên hệ chính trị, văn hóa, nghệ thuật cho đến sự liên hệ tôn giáo. Trên phương diện địa lý, Champa thuộc về thế giới Đông Dương. Nhưng đứng trên khía

cạnh văn hóa và ngôn ngữ, Champa là một vương quốc trực thuộc vào thế giới Mã Lai thì đúng hơn.

Mặc dù dân tộc Champa có cùng nguồn gốc với dân tộc Mã, nhưng lịch sử Champa ít được ai biết đến ở Mã Lai. Vì tất cả tư liệu về Champa đều viết bằng tiếng Pháp. Đại hội khoa học về Champa là một dịp hiếm có nhằm phổ biến rộng rãi lịch sử và nền văn minh của vương quốc này trong mọi tầng lớp dân tộc Mã Lai, nhất là giới khoa học.

M14. vở kịch về hoàng tử Mã Lai đến Champa: Một tác phẩm văn nghệ nhằm hồi tưởng lại một khúc quanh lịch sử

(Rosmin Darus, «Teater Putera Raja Melayu Campa: Inspirasi untuk kenali sajarah», Berita Harian, 15-5-1988)

Theo Rosmin Durus, phóng viên của tờ báo Berita Harian Mã Lai, Champa là một vương quốc có từ thế kỷ thứ hai mang tên là Lin Yi. Trước thế kỷ thứ 15, vương quốc này chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ Giáo. Nhưng sau thế kỷ thứ 16, Champa bắt đầu đón nhận nền văn minh Hồi Giáo vào tín ngưỡng địa phương của mình.



M8. Bá Thị Thiệu trong vai công chúa Mã Lai và Từ Công Ánh, hoàng tử Champa

Nhân dịp ngày Văn Hóa Champa ở thủ đô Kuala Lumpur do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức, một đoàn nghệ sĩ Champa đã trình diễn hai đêm văn nghệ tại hội trường thủ đô Kuala Lumpur mang tựa đề: Hoàng tử Mã Lai đến Champa do hai nghệ sĩ Chế Linh và Từ Công Phụng đạo diễn.

Hoàng tử Mã Lai đến Champa là một cốt truyện

xuất phát từ lễ Rija ở Panduranga. Vở kịch này chia làm ba phần.

Màn đầu là một tiết tấu nhằm khơi lại lịch sử của hoàng tử Mã Lai đến Champa bằng đường biển. Không may, tàu của hoàng tử Mã Lai

bị chìm đắm trong đại dương. Bao tháng ngày lênh đênh trên sóng bão, thân xác hoàng tử Mã Lai được quân triều đình Champa cứu vớt.

Màn thứ hai, vở kịch đặt trọng tâm vào cuộc tình giữa hoàng tử Mã Lai và công chúa Champa và vai trò chính trị và quân sự của hoàng tử này trong hoàng gia Champa.

Màn thứ ba trình bày lại sự chia ly giữa hoàng tử Mã Lai và công chúa Champa. Vì sự nghiệp đất nước, hoàng tử Mã Lai phải trở về quê hương mình để nối nghiệp vua cha. Vì trung thành với một người yêu, công chúa Champa tự hủy thân cùng với con mình để tỏ bày lòng chung thủy của một người phụ nữ Champa thời đó.

Đứng trên phương diện nghệ thuật sân khấu mà nói, vở kịch «Hoàng Tử Mã Lai đến Champa» chỉ là một đêm văn nghệ dân gian. Đa số nghệ sĩ là những anh em thiện chí, ngoại trừ Ché Linh và Từ Công Phụng. Nếu vở kịch này có một sắc thái rất đặc biệt và đã chinh phục được quần chúng Mã Lai, là do hai nhà đạo diễn Ché Linh và Từ Công Phụng muốn trình bày lại một cốt truyện dân gian liên quan đến sự liên hệ văn hóa và tín ngưỡng giữa dân tộc Mã Lai và Champa trong quá trình lịch sử.

Tóm lại, dù vở kịch này không đạt được nghệ thuật sân khấu cho lắm, nhưng cốt truyện lịch sử này đã chinh phục bao nhiêu quần chúng Mã Lai nói chung và các nhà khoa học Mã Lai nói riêng.

Qua hai đêm văn nghệ này, dân tộc Mã Lai bắt đầu nhận diện rằng: dân tộc Champa là một dân tộc cùng văn hóa, nghệ thuật và tín ngưỡng với mình.

**M15. Sự liên hệ văn hóa qua vở kịch:
Hoàng tử Mã Lai đến Champa**

(Ku Seman Ku Hussain, «Hubungan Kebudayaan dalam Putera Raja Melayu Campa», Utusan Malaysia, 16-9-1988)

Vở kịch Hoàng tử Mã Lai đến Champa do nghệ nhân Champa từ Mỹ Châu và Âu Châu thực hiện vào đêm 12 và 13 tháng 9 năm 1988 tại Kuala Lumpur đặt dưới sự hướng dẫn của hai nghệ sĩ Ché Linh và Từ Công Phụng, đã mang lại một dữ kiện lịch sử rõ rệt liên quan đến quan hệ văn hóa giữa dân tộc Mã Lai và Champa trong quá trình lịch sử. Qua hai đêm văn nghệ này, Ku Seman Ku Hussain, phóng viên của tờ báo Utusan Malaysia, nhấn mạnh rằng, sự giao lưu văn hóa

giữa dân tộc Mã Lai và Champa được thể hiện qua nhiều khía cạnh: từ dụng cụ âm nhạc, đồ trang phục cho đến tiếng nói đều phát xuất từ một nguồn gốc chung.

Ngoài sự giao lưu văn hóa này, vở kịch Hoàng tử Mã Lai đến Champa cũng đem lại một dữ kiện mới liên quan đến vai trò tiểu bang Kelatan



M9. Sự gặp gỡ giữa Hoàng tử Mã Lai (Tư Công Ánh) và công chúa Champa (Bá thị Thiệu)

(Malaysia) trong nền tảng văn hóa và tín ngưỡng của dân tộc Champa. Vì theo truyền thuyết, hoàng tử Mã Lai trong vở kịch này xuất phát từ hoàng gia Kelatan (Malaysia).

Mặc dù vở kịch này không đạt được cái hay đẹp trên phương diện nghệ thuật sân khấu, vì thiếu sự tập dợt, nhưng vở kịch này đã thu hút được sự cảm tình của thính giả Mã Lai về phương diện khác, đó là lần đầu tiên trong lịch sử, các nghệ nhân Champa trên thế giới đến tập trung ở Mã Lai để làm sống lại văn hóa Champa của mình, dù vương quốc này không còn tồn tại nữa.

M16. Cuộc triển lãm về Champa, một di sản văn hóa cần được nghiên cứu thêm
(«Pameran Melayu Campa. Warisan yang perlu dikaji», Watan, 17-9-1988)

Nhân dịp lễ khai mạc cuộc triển lãm về Champa ngày 12 tháng 9 năm 1988 tại thủ đô Kuala Lumpur do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức với sự hợp tác của Sứ Quán Pháp tại Mã Lai, ông Datuk Sabbaruddin Cik, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa tuyên bố rằng, nếu không có chương trình nghiên cứu về Champa do các nhà khoa học thực hiện, chúng ta không bao giờ biết đến tiểu bang Kelatan (Malaysia) đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong sự truyền bá

Hồi Giáo ở Champa trong quá trình lịch sử.

Thêm vào đó, ông Bộ Trưởng cũng nhấn mạnh rằng, cuộc triển lãm về Champa sẽ đem lại một nguồn tư liệu vô cùng quý giá cho quần chúng Mã Lai và nhất là giới khoa học nhằm tiếp thu thêm những chi tiết mới hầu giải thích cho sự liên hệ lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, âm nhạc và tiếng nói giữa dân tộc Mã Lai và Champa.

Nhằm phát triển mạnh mẽ chương trình nghiên cứu về Champa, Bộ Trưởng cho biết thêm là Bộ Văn Hóa của ông ta đã đón nhận trong cơ quan mình một văn phòng của Viện Viễn Đông Pháp do Ts. Po Dharma điều hành. Po Dharma là chuyên gia Pháp nhưng gốc dân tộc Champa.

Sau cùng, ông Jean Perrin, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Mã Lai cũng cho biết trong bài diễn văn khai mạc của ông ta: sự hiện diện một văn phòng của Viện Viễn Đông Pháp ở Mã Lai do Ts. Po Dharma điều hành là một sự kiện quan trọng. Vì Viện này sẽ tăng cường thêm chương trình nghiên cứu khoa học về lịch sử và nền văn minh khu vực Đông Nam Á, trong đó có vương quốc Champa.

M17. Đại hội khoa học về Champa tại thủ đô Kuala Lumpur

(Utusan Zaman, 18-9-1988)

Đây là bài tường trình bằng chữ Jawi rất là chi tiết về đại hội khoa học liên quan đến sự quan hệ văn hóa và lịch sử giữa vương quốc Champa và thế giới Mã Lai.

M18. Cộng đồng Champa vẫn bị lãng quên cho đến hôm nay

(Hambali Abdul Latiff, «Masyarakat Melayu Campa masih dilupakan», Berita Harian, 19-9-1988)

Hambali Abdul Latiff, phóng viên của tờ báo Berita Harian cho rằng biến cố chính trị ở Đông Dương vào năm 1975 là nguyên nhân chính yếu giải thích cho sự hiện diện rất đông đảo của người Champa ở Mã Lai. Mặc dù có sự hiện diện của họ, nhưng người Mã không biết họ là ai, và vẫn coi họ là người Kampuchea vì đa số là từ Kampuchea sang.

Ngày 13-9-1988 mở màn cho sự thay đổi lớn lao trong lịch sử

người Champa cư trú ở Mã Lai. Ngày 13-9-1988 là ngày đại hội khoa học đầu tiên nói về nguồn gốc lịch sử và văn hóa Champa được tổ chức tại Kuala Lumpur bởi Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp. Sau khi đã tiếp thu những tin tức qua các bài báo cáo khoa học trong đại hội này, dân tộc Mã Lai bắt đầu nhận diện rằng, dân tộc Champa này không phải là người Kampuchea như họ thường suy đoán từ mấy năm vừa qua. Champa là tên của một vương quốc ở miền trung Việt Nam. Dân tộc Champa cùng chung nguồn gốc với dân tộc Mã, từ phương diện văn hóa, nền văn minh cho đến ngôn ngữ và nghệ thuật. Các bài báo cáo khoa học đã chứng minh rằng Champa đã xuất hiện trong lịch sử kể từ thế kỷ thứ hai. Và ngôn ngữ Champa lần đầu tiên được ghi lại trên bia ký ở Mỹ Sơn vào thế kỷ thứ 4 so với tiếng Mã Lai vào thế kỷ thứ 7. Champa có một nền văn minh cao độ nhất là phần kiến trúc và điêu khắc có nhiều điểm tương đồng với nền văn minh thời Vijaya và Majapahit của thế giới Mã Lai. Trong lịch sử Mã Lai, ai cũng đều biết là thánh đường Hồi Giáo ở làng Kampung Laut, Kelantan do kiến trúc sư Champa xây dựng, v.v.

Ngày 13-9-1988 đã đánh dấu cho một niên đại mới. Dân tộc Mã bắt đầu nhận định rõ rệt: Champa là bà con của họ. Mặc dù họ từ Kampuchea sang, nhưng họ không phải là dân tộc Kampuchea.

M19. Sự hồi tưởng đến một di sản văn hóa cổ truyền qua vở kịch Champa

(Roshidah Alang Ishak, «Persembahan Teater Campa: Nostalgia Warisan Tradisi», Watan, 20-9-1988)

Lần đầu tiên trong lịch sử, các nghệ nhân Champa từ Gia Nã Đại, Mỹ, Pháp và Danmark tập trung ở thủ đô Kuala Lumpur nhằm biểu diễn hai đêm văn nghệ tại hội trường thủ đô do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức.

Theo ông Hassan Po Klaun, đại diện cho cộng đồng Champa ở hải ngoại, đêm văn nghệ này dựa trên cốt truyện lễ Rija của người Chăm ở Panduranga. Cũng nhờ sự giúp đỡ của Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp mà đoàn văn nghệ của ông ta được sang Mã Lai trình diễn.

Đêm văn nghệ này có sự hiện diện của ca sĩ Từ Công Phụng và Chế Linh. Phóng viên cho biết là theo lời Từ Công Phụng, đêm văn

nghệ này đã vấp phải nhiều lỗi lầm và sai sót. Bởi vì ban văn nghệ chỉ có bốn ngày tổng dợt trước khi lên sân khấu.

Riêng về ca sĩ Chế Linh, đạo diễn chính của đại hội văn nghệ này, ông ta cho biết đây là sự hiện diện lần thứ hai của ông ta ở Mã Lai. Vì lần đầu tiên vào năm 1982 khi ông ta ở trong trại tị nạn ở Johor và Sungai Besi (Kuala Lumpur) trước khi lên đường định cư ở Gia Nã Đại.

Đêm văn nghệ mang chủ đề Hoàng tử Mã Lai đến Champa do hai nhà đạo diễn Chế Linh và Từ Công Phụng phụ trách chứa chất một ý niệm đặc biệt, đó là hai nhà đạo diễn muốn đưa khán giả Mã Lai hồi tưởng lại những di sản văn hóa của vương quốc Champa không còn nữa qua lời ca và điệu múa cổ truyền của mình.

**M20. Đại hội khoa học về Champa :
Sự phát triển văn hóa của một dân tộc**

(Saleh Rahmad, «Seminar Tamadun Melayu-Campa.
Kesinambungan budaya bangsa», Watan, 22-9-1988)

Theo ông Aziz Deraman, Tổng Giám Đốc Cục Văn Hóa của Bộ Văn Hóa Mã Lai, vừa là Chủ tịch ban tổ chức triển lãm và đại hội khoa học Champa tại Kuala Lumpur, sự hiện hữu của vương quốc Champa trong lịch sử là một dữ kiện quan trọng. Vì tư liệu lịch sử



M10. Aziz Deraman

Champa sẽ giúp các giới khoa học Mã thấu triệt thêm về sự liên hệ của vương quốc này với thế giới Mã Lai trong quá trình lịch sử. Qua đại hội khoa học về Champa, chúng ta đã nhận diện một cách rõ ràng là Champa, mặc dù nằm trên bán đảo Đông Dương,

nhưng vương quốc Champa này trực thuộc thế giới Mã Lai hơn là thế giới Đông Dương. Từ phương diện ngôn ngữ, những tác phẩm văn chương như Akayet Dewa Mano, Inra Patra, những kiểu cách kiến trúc, cách thức ăn mặc, món đồ ăn uống, v.v. của dân tộc Champa và Mã Lai cùng phát xuất từ nguồn gốc chung. Các bài báo cáo khoa học trong đại hội Champa của Ts. Po Dharma, Pts. Abdul Rahman, Datuk Nik Mohamad và Abdullah Mohamad Nakula đã giải thích rõ rệt về sự liên hệ này.

M21. Sự rạn nứt giữa thế hệ trẻ và bô lão trong xã hội Champa

(«Perpecahan antara golongan muda dan tua»,
Mingguan Wanita, 23-9-1988)

Đây là bài phỏng vấn ông Mohamad Zain, người Chăm Kampuchea liên quan đến sự khủng hoảng trong hệ thống hành đạo Hồi Giáo ở Kampuchea.

Theo ông Mohamad Zain, cộng đồng Hồi Giáo ở Kampuchea chia thành hai hệ phái: hành đạo theo hệ phái cũ và hành đạo theo hệ phái mới.

Hệ phái cũ là từ chỉ định những gia đình Hồi Giáo người Chăm lấy nghi thức Hồi Giáo Mã Lai và Nam Dương làm cơ bản, thí dụ ngày sinh nhật Nabi Mohamed. Ngược lại, hệ phái mới là từ chỉ định nhóm Hồi Giáo người Chăm lấy nghi thức Hồi Giáo ở Trung



M11. Chế Linh đang thổi kèn, Hoài Trinh trong vai Ja Pluai và Thạch Ngọc Huệ, Từ Công Ánh đương tập dợt trống ginang.

Đông làm nền tảng cơ bản. Họ không chấp nhận làm lễ sinh nhật Nabi Mohamed. Đa số nhóm trẻ thích hành đạo theo hệ phái mới vì họ cho đó là nguyên gốc Hồi Giáo ở Trung Đông. Sự khủng hoảng này có khi

đưa gia đình người Chăm đến chỗ tan nát: ly dị giữa hai vợ chồng, chia cách giữa anh em ruột thịt.

Bài phỏng vấn này được thực hiện nhân ngày khai mạc triển lãm và đại hội Champa tại thủ đô Kuala Lumpur do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức.

M22. Sau ngày sinh đẻ, đàn bà Chăm không được dùng những món ăn mà họ ưa thích trong thời gian thụ thai

(«Makanan yang diidam sebelum kelahiran tidak boleh dimakan»,
Mingguan Wanita, 23-9-1988)

Phóng viên báo Mingguan Wanita thuật lại một số vấn đề kiêng cử của đàn bà Chăm trong lúc thụ thai và sau ngày sinh đẻ. Thí dụ, đàn bà mang thai thích ăn những món ăn chua (ôi, xoài...), nhưng họ không được dùng những món chua này sau ngày sinh đẻ.

M23. Bia đá viết bằng ngôn ngữ thuộc gia đình Mã Lai Á xuất hiện sớm nhất ở Champa

(Zainor Said, «Batu bersurat bahasa Melayu Kuno ditemui lebih awal di Campa», Berita Harian, 23-9-1988)

Champa là vương quốc ở miền trung Việt Nam. Dân tộc Champa gồm nhiều chủng tộc, trong đó có người Chăm, Churu, Raglai, Radhé, Jarai, Hroi. Vương quốc Champa có nhiều sự giao lưu văn hóa, văn chương, ngôn ngữ và lịch sử với thế giới Mã Lai.

Theo Pts. Abdul Rahman, chuyên gia khoa học của Bộ Văn Hóa Mã Lai, tiếng Chăm, một ngôn ngữ thuộc gia đình các nước Đa Đảo, được dùng như một thứ tiếng phổ thông đã xuất hiện sớm nhất trong lịch sử Đông Nam Á. Vì vương quốc



M12. Pts. Abdul Rahman

Champa đã dùng tiếng Chăm để viết trên bia đá vào thế kỷ thứ 4 so với tiếng Mã Lai vào thế kỷ thứ 7. Thêm vào đó, Champa cũng là một vương quốc đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á đã có sáng kiến biên soạn nhiều cuốn tự điển Mã Lai-Chăm ở thế kỷ thứ 17. Tự điển này được mang tựa đề «Atulang Jawa Haok» trong tiếng Chăm.

**M24. Một phong tục xưa nhất trên thế giới:
cuộc tình giới trẻ Champa hoàn toàn
nằm trong tay của cha mẹ**

(«Manyelami adat budaya Melayu terua di dunia: Jodoh remaja Melayu-Campa dikongkong keluarga?», Minggu Wanita, 23-9-1988)

Theo phong tục gia đình người Chăm Hồi Giáo ở Kampuchea, các giới trẻ nam và nữ không có quyền gặp gỡ nhau để tiếp chuyện tình yêu. Mọi chuyện cưới hỏi của giới trẻ là do cha mẹ của họ sắp xếp và định đoạt theo thể chế môn đăng hộ đối. Chính vì phong tục khắc khe này, nhiều cặp vợ chồng người Chăm ở Kampuchea chưa hề biết nhau trước ngày cưới và họ sống với nhau hoàn toàn theo sự định đoạt của cha mẹ họ mà thôi.

Đây là tin tức được thu thập qua lời tường thuật của ông Mohamad Zain Mousa, người Chăm Kampuchea nhân dịp ngày khai mạc triển lãm Champa tại viện bảo tàng Mã Lai.

M.25 Hội thảo về nền văn minh Champa

(Utusan Zaman,
15-9-1988)

Bài tường thuật bằng chữ Jawi liên quan đến các bài báo cáo khoa học nhân ngày đại hội về văn hóa và văn minh Champa được tổ chức



M13. Ché Linh với bộ trống ginang.

ở Kuala Lumpur vào ngày 13-9-1988

**M26. Lịch sử dân tộc Đa Đảo ở Việt Nam
cần được chú ý thêm**

(«Sejarah Melayu di Vietnam bangga diperingati»,
Nusantara, 2-10-1988)

Hai đêm văn nghệ mang tựa đề: Hoàng tử Mã Lai đến Champa vào tháng 9 năm 1988 vừa qua đã chứng minh rằng nguồn gốc văn hóa Mã Lai có một ảnh hưởng quan trọng trong lễ nghi dân gian ở Champa. Hoàng tử Mã Lai đến Champa là vở kịch dựa trên cốt truyện lễ múa Rija ở Champa. Theo truyền thuyết, hoàng tử Mã Lai đến Champa không ngoài mục đích để giúp dân tộc Champa chống lại ngoại bang. Qua vở kịch này, khán giả nhận thấy là hầu như mọi dụng cụ âm nhạc người Chăm có cùng xuất xứ với dụng cụ âm nhạc Mã Lai.

**M27. Người tị nạn Hồi Giáo từ
Kampuchea : họ là ai ?**

(Bernama, «Siapakah sebenarnya pelarian
Islam Kemboja?», Berita Harian, 2-10-1988)

Qua cuộc triển lãm và đại hội về Champa do Bộ Văn Hóa Mã Lai và Viện Viễn Đông Pháp tổ chức vào tháng 9 năm 1988 vừa qua tại thủ đô Kuala Lumpur, các giới trí thức, báo chí và dân tộc Mã Lai hôm nay mới biết rõ rệt về lai lịch các người tị nạn Kampuchea hiện sinh sống trong quốc gia Hồi Giáo này. Họ không phải là người Kampuchea, nhưng là dân tộc Champa sinh sống ở Kampuchea.

Ngoài lai lịch này, dân tộc Mã cũng được biết thêm, Champa là vương quốc có một nền văn minh cao độ, một quốc gia có một quân đội hùng mạnh trong khu vực Đông Nam Á này. Thêm vào đó, Champa cũng là một vương quốc mà tư liệu lịch sử Mã Lai thường nhắc đến, như Sejarah Melayu, Hikayat Hang Tuah.

**M28. Kampuchea, một quốc gia chịu ảnh hưởng
nền văn minh Mã Lai**

(Bernama, «Kemboja: sebahagian daripada tamadun
dunia Melayu», Harian Express, 2-10-1988)

Kampuchea rơi vào bàn tay của Khmer Đỏ vào năm 1975 là

nguyên nhân chính đáng giải thích cho sự di dân Hồi Giáo từ Kampuchea sang cư trú ở Mã Lai. Lúc đầu, người Mã cứ tưởng họ là người Kampuchea theo Hồi Giáo.

Cuộc triển lãm, đại hội khoa học và hai đêm văn nghệ Champa ở thủ đô Kuala Lumpur vào ngày 12-9-1988 là một biến cố lịch sử. Kể từ hôm nay, người Mã rất tự hào được biết thêm về dân tộc Champa, một dân tộc cùng nguồn gốc văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo với Mã Lai.

Đây là bài tường trình của phóng viên tờ báo Harian Express xuất bản ở Sabah, một tiểu bang Mã Lai ở hòn đảo Borneo.

M29. Khởi đầu sự nghiên cứu về vương quốc Champa cùng nguồn gốc Mã Lai

(Datuk Nik Mohd Salleh, «Negara Melayu Campa: Satu tinjauan», Nusantara, 9-10-1988)

Datuk Nik Mohd Salleh là Tổng Thư Ký của Bộ Công Chánh và



M14. Dato' Nik Mohamed Salleh

cũng là hội viên của hội lịch sử Mã Lai. Đây là một bài tóm tắt về lịch sử Champa và sự liên hệ giữa vương quốc này với thế giới Mã Lai qua phương diện văn hóa, tôn giáo và lịch sử trong quá trình lịch sử.

Ngoài phần lịch sử, tác giả cũng trình bày sơ

qua về những chi tiết liên quan đến sự gặp gỡ giữa ông ta và dân tộc Champa cư ngụ ở Việt Nam và Kampuchea vào năm 1974.

Bài của của Datuk Nik Salleh nhằm chứng minh Champa là một vương quốc cùng chung nguồn gốc văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo với thế giới Mã Lai.

**M30. Chúng ta chỉ biết về vương quốc
Champa kể từ năm 1963**

(«Campa: minat kita mulai 1963», Nusantara, 10-10-1988)

Trước 1962, các tác phẩm khoa học viết về vương quốc Champa hoàn toàn bằng tiếng Pháp. Chỉ một vài cuốn trong nhóm tác phẩm này được dịch sang tiếng Anh. Sự bất đồng ngôn ngữ là một động cơ chính đáng không lôi kéo nổi các chuyên gia Mã Lai hướng về lịch sử và nền văn minh Champa.



M15.

Để góp phần vào công tác tìm hiểu về Champa, phóng viên tờ báo Nusantara thông tin một số tư liệu bằng tiếng Anh liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ và lịch sử Champa xuất bản từ năm 1926.

**M31. Cần nghiên cứu sâu đậm
hơn về vương quốc
Champa trên mọi lãnh vực**

(Datuk Nik Mohamad Nik Mohd Salleh, «Campa: Kajian semua aspect sejarah perlu», Nasantara, 23-10-1988)

Datuk Nik Mohamad Nik Mohd Salleh là Tổng Thư Ký Bộ Công Chánh và là một chuyên gia khoa học về tư liệu Mã Lai viết về Champa. Trong bài này tác giả đã giới thiệu nội dung cuốn sách Vương Quốc Champa (Kerajaan Campa) bằng tiếng Nam Dương xuất bản ở Jakarta do Viện Viễn Đông Pháp thực hiện.

Nhân đọc qua sách này, tác giả ao ước lịch sử Champa cần được nghiên cứu thêm ở Mã Lai. Thêm vào đó, sự hiện diện của Ts. Po Dharma ở Kuala Lumpur trong chương trình hợp tác khoa học giữa chính phủ Pháp và Mã Lai sẽ mang lại tiềm năng mới cho chương trình nghiên cứu về vương quốc Champa này.

Vương quốc Champa đã bị xóa hẳn trên bản đồ, nhưng dân tộc Champa còn hiện hữu ở Việt Nam và Kampuchea. Người Mã cần biết

sâu đậm về lai lịch của dân tộc Champa, một dân tộc cùng nguồn gốc với Mã Lai.

**M32. Champa, một vương quốc đã xuất hiện
lâu đời nhất trong lịch sử thế giới**

(Nik Mohamed Nik Mohd Salleh, «Campa Negeri Melayu tertua di Dunia», Mastika, 11-1988)

Theo lời tường thuật của tác giả, trước năm 1975, người Mã không biết gì đến dân tộc Champa. Sau biến cố chính trị Đông Dương vào năm 1975, hàng ngàn người tị nạn Champa sang cư ngụ ở Mã Lai, nhưng người Mã chỉ gọi họ là dân tộc Kampuchea.

Sau ngày đại hội về Champa tổ chức ở thủ đô Kuala Lumpur vào ngày 12-9-1988, báo chí truyền hình và các chuyên gia Mã Lai mới biết rằng những người tị nạn đó không phải là dân Kampuchea, nhưng là người Champa cư trú ở Kampuchea.

Đứng trên phương diện lịch sử mà nói, vương quốc Champa đã xuất hiện lâu đời trong lịch sử, so với các nước khác trong khu vực Đông Nam Á. Và vương quốc này có một nền văn hóa, ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục tập quán như người Mã. Trong quá trình lịch sử, Champa có nhiều sự liên hệ với vương quốc Vijaya và Majapahit, Melaka và nhất là Kelantan, một tiểu bang ở miền bắc Mã Lai. Thêm vào đó, Champa cũng thường được nhắc đến trong nhiều tác phẩm lịch sử và văn chương viết bằng tiếng Mã. Nhưng trong văn chương truyền khẩu, người Mã thường dùng danh từ: «Kembayat hay Kembayat Bunga Campaka» để gọi vương quốc Champa. Trong bài này, tác giả đưa ra nhiều dự kiện để chứng minh «Kembayat» không phải là tên gọi vương quốc Kampuchea, nó là vương quốc Champa.

**M33. Vương quốc Champa vẫn
còn lưu lại trong lịch sử**

(Wahba, «Melayu Campa hanya tinggal sejarah», Mastika, 11-1988)

Wahba, phóng viên của tờ nguyệt san Mastika cho rằng mọi tin tức hay tư liệu liên quan đến vấn đề lịch sử của các dân tộc cùng nguồn gốc với dân Mã Lai cần được nghiên cứu và phổ biến rộng rãi. Theo tác giả, lịch sử Mã Lai không phải chỉ dành cho dân Mã cư trú ở Mã

Lai mà thôi, nhưng bao hàm cả những dân tộc sống trong thế giới này cùng nguồn gốc văn hóa và ngôn ngữ với Mã Lai, trong đó có Champa, một vương quốc đã bị quên lãng từ mấy thế kỷ qua ở khu vực này.

Vương quốc Champa đã xuất hiện từ thế kỷ thứ 2 mang tên là Lin Yi. Vào thế kỷ thứ 7, tư liệu lịch sử không gọi Lin Yi nữa, mà gọi là Champa (Bông Sú). Champa là một liên bang quốc gia như Mã Lai hôm nay, gồm có 5 tiểu bang: Indrapura, Amarawati, Vijaya, Kauthara và Panduranga.

Sau cùng, tác giả thông tin một số tư liệu viết bằng tiếng Mã liên quan đến Champa để biện chứng rằng Champa không phải là một chuyện hoang đường, nhưng một sự kiện lịch sử có từ thế kỷ thứ 2.

M34. Sự liên hệ giữa Champa và thế giới Mã Lai

(Abdul Rahman Al-ahmadi, «Hubungan Campa dengan alam Melayu», Dewan Budaya, 11-1988)

Tác giả thông tin một số tư liệu lịch sử Mã Lai viết về Champa. Theo ông ta, năm 840, danh từ Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia đá Kutu ở hòn đảo Jawa. Sau năm 840, nhiều bia đá tìm thấy trong khu vực Nam Dương và Mã Lai cũng thường nói đến vương quốc này.

Ngoài bia đá, nhiều tác phẩm lịch sử và văn chương bằng tiếng Jawi cũng dành một số chương mục nói đến vương quốc này, trong đó có: Sejarah Melayu, Hikayat Hang Tuah, Hikayat Hasanuddih, Hikayat Banjar, Hikayat Raja Muda, Syair Perang Mengkasar, Syair Siti Yabaidah Perang Cina, Syair Sri Banin Selindang Delima.

M35. Cuộc kháng cự cuối cùng

(Zainal Kling, «Pertahanan terakhir», Dewan Budaya, 11-1988)

Zainal Kling là Gs. xã hội học của đại học Malaya ở Mã Lai. Trong bài này, ông ta phân tích rất qui mô về quy luật chu kỳ của lịch sử. Một quốc gia dù hùng mạnh hay không hùng mạnh cũng có thể bị rơi vào chu kỳ mà tác giả cho rằng: «bước tiến huy hoàng chỉ là dấu hiệu của sự suy vong». Bằng chứng vương quốc Malaka (Mã Lai) hùng mạnh phải chịu nền đô hộ của Bồ Đào Nha vào thế kỷ thứ 16. Vương quốc Patani của miền bắc Mã Lai lại rơi vào tay của Thái Lan

90 *Báo chí tiếng Mã Lai*

vào thế kỷ thứ 19. Nhưng điển hình nhất là Champa, một vương quốc hùng mạnh hôm nay bị xóa hẳn trên bản đồ vì không kháng cự nổi với chính sách Nam Tiến của Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 19.

Qua sự phân tích này, tác giả tự hỏi rằng nước Mã Lai hôm nay có thể hay không lại rơi vào vòng chu kỳ suy yếu trong tương lai?

M36. Tiếng kêu than từ nghĩa địa của một nền văn minh

(Zainal Kling, «Raungan dari pusara tamadun»,

Dawan Budaya, 12-1988)

Gs. Zainal Kling, một nhà xã hội học mà ai cũng biết đến ở Mã Lai, phân tích nội dung của đêm văn nghệ Champa mang chủ đề «Hoàng tử Mã lai đến Champa» do bộ Văn Hóa Mã Lai tổ chức vào đêm 13-9-1988 tại rạp hát thủ đô Kuala Lumpur do nghệ sĩ Chế Linh và Từ Công Phụng đóng vai trò đạo diễn.

Theo tác giả, đêm văn nghệ này có chăng chỉ là lời trần trối đau buồn của một dân tộc Champa vong quốc. Từ tiếng trống ginang vang dội một cách linh thiêng, từ điệu kèn saranai than thở, từ điệu múa là lướt bay lượn của các vũ nữ người Chăm cho đến tiếng hát thâm trầm buồn thảm của nhạc sĩ Từ Công Phụng và nhất là lời ca ai oán nào



M16. Từ Công Anh trong vai hoàng tử Champa

nùng của ca sĩ Ché Linh làm cho tác giả có cảm giác rằng đêm văn nghệ Champa này có chăng chỉ là tiếng kêu than nào nùng từ bài nghĩa địa của một nền văn minh Champa đã suy tàn và cũng là lời trần trối cuối cùng về thân phận đau thương của người Champa mất nước hơn là một vở kịch thật sự được diễn xuất trên sân khấu nghệ thuật.

Nói chung, đêm văn nghệ Champa này đã đưa dân tộc Mã bước vào một trang lịch sử mới. Dù cùng chung một nguồn gốc với dân tộc Mã, nhưng dân tộc Champa đã bị lãng quên trong lịch sử Mã Lai và trong cộng đồng người Mã hôm nay. Từ ngày mất nước, người Champa đã trở thành một dân tộc đơn côi, một dân tộc không tương lai định hướng, một dân tộc không còn một quyền lực gì trong tay để định đoạt vận mạng của mình.

Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, lịch sử của dân tộc Champa hôm nay hoàn toàn nằm trong tay và quyền lực của ngoại bang không khác gì như dân tộc Mã dưới thời đô hộ Bồ Đào Nha vào thế kỷ thứ 16, và cũng không khác gì với dân tộc Patani ở miền bắc Mã Lai đặt dưới quyền cai trị của người Thái vào thế kỷ thứ 19.

Đêm văn nghệ này đã cho tác giả một bài học đáng suy nghĩ. Một vương quốc hùng mạnh như Champa, một quốc gia dù có nhiều nhân tài lẫy lừng như Ché Bông Nga, nhưng vương quốc này cũng bị sụp đổ suy vong vì thiếu sức kháng cự liên tục của nhân dân Champa trong lịch sử, vì không thể chống lại với chiến tranh tương tàn đã diễn tiến một cách liên tục trên lãnh thổ của họ gần chín thế kỷ.

Theo tác giả, dù Champa đã bị xóa hẳn trên bản đồ, nhưng lịch sử và văn hóa Champa vẫn còn tồn tại. Dân tộc Mã Lai cần quan tâm đến văn hóa và lịch sử Champa này hơn.

Cuối cùng, tác giả tự đặt câu hỏi rằng, có chăng Ts. Po Dharma, một chuyên gia lịch sử Đông Nam Á, quốc tịch Pháp nhưng gốc Champa, một nhân vật rất quen thuộc trong giới khoa học Pháp và



M17. Ché Linh đang diễn xuất

cũng là một nhân vật mà tác giả thường quen biết, hiện đang tại chức tại Mã Lai phải gánh một trọng trách nặng nề về chương trình phổ biến văn hóa và lịch sử Champa ở khu vực Đông Nam Á này. Nếu không, triển vọng sự sống còn của nguồn gốc văn hóa và lịch sử Champa sẽ đi về đâu trong thập niên tới ?

M37. Sự suy vong của một vương quốc cùng nguồn gốc với Mã Lai: Đã bị tàn sát, dân tộc Champa phải chịu thêm số phận lưu vong

(Hussin Yaacob, «Kehilangan sebuah negara Melayu: Bermula dengan bunuh, rakyat Campa disusir...», Nusantara, 1-1-1989)

Đây là bài bình luận của ông Hussin Yaacob, nhân ngày đại hội mang chủ đề: «Vấn đề đấu tranh của người Hồi Giáo trong thế giới Mã Lai» do Liên Đoàn Thanh Niên Hồi Giáo Mã Lai (ABIM) tổ chức.

Trước tiên tác giả trình bày những tư liệu lịch sử chứng minh sự hiện diện Hồi Giáo tại Champa và vai trò của Champa trong sự phát triển Hồi Giáo ở Nam Dương trong thời kỳ Majapahit (thế kỷ thứ 10- thế kỷ thứ 15).

Mặc dù là một vương quốc hùng mạnh và cũng là vương quốc mang ảnh hưởng Hồi Giáo, Champa không tránh khỏi sự suy vong và dân tộc Champa phải chịu bao thống khổ trong quá trình lịch sử của họ.

Theo Hussin Yaacob, sự thống khổ này đã diễn ra trong ba biến cố quan trọng nhất:

Năm 1471 đánh dấu ngày thất thủ Vijaya của Champa. Quân Đại Việt san bằng thủ đô Vijaya và đã tàn sát hàng chục ngàn nhân dân Campa trong thành phố này, chưa tính đến hàng ngàn người bị đày ra Thăng Long (Hà Nội).

Năm 1653 đánh dấu ngày thất thủ Kauthara (Nha Trang). Quân nhà Nguyễn áp dụng chính sách thanh trừng vô cùng dã man và đồng hóa nhân dân Champa thành dân Việt hoàn toàn. Chưa đầy mấy thế kỷ, dân tộc Chăm bị tiêu diệt hoàn toàn trong khu vực Kauthara. Bằng chứng không còn người Chăm nào biết nói tiếng Chăm ở khu vực Phú Yên và Nha Trang.

Năm 1832, Hoàng Đế Minh Mệnh dùng chính sách vô cùng tàn bạo nhằm thanh trừng, thủ tiêu và tiêu diệt dân Champa không chịu phục tùng triều đình Huế.

Qua ba biến cố chính trị này, nhân dân Champa chỉ còn cách tìm con đường lưu vong để thoát thân. Những ai còn sót lại ở quê hương chỉ biết làm đám nô lệ cho dân tộc Việt Nam: Người Chăm không có quyền có tòa án phong tục riêng, không quyền mang tên người Chăm của họ, không quyền có đất đai, không quyền hành đạo theo lễ nghi truyền thống của họ.

M38. Quyền lực của dân tộc cùng nguồn gốc Mã Lai bị xóa bỏ ở miền bắc. Hai nguyên nhân chính yếu giải thích cho sự suy vong Champa

(Hussin Yaacob, «Kuasa Melayu tumpas di utara. Dua sebab punca kehilangan negeri Campa», Nusantara, 8-1-1989)

Đây là bài bình luận của ông Hussin Yaacob, gốc người Chăm Kampuchea, nhân ngày đại hội mang chủ đề: «Vấn đề đấu tranh của người Hồi Giáo trong thế giới Mã Lai» do Liên Đoàn Thanh Niên Hồi Giáo Mã Lai (ABIM) tổ chức.

Qua các bài báo cáo trong ngày đại hội, Hussin Yaacob phân tích sự phức tạp của xã hội người Chăm trong thế kỷ thứ 20 này để đi tìm nguyên nhân sự suy vong của vương quốc Champa thời trước.

Trong thế kỷ 20, sự khủng hoảng của xã hội Chăm phát xuất từ hai nguyên nhân chính yếu.

Thứ nhất, vì dân tộc Chăm không có lòng tin cao độ vào Đấng Tối Cao, thành vậy họ thường hay có thái độ ích kỷ, hiểm thù nhau và không ngần ngại dùng cả phương tiện đe hèn để ám hại nhau nhằm bảo vệ quyền lợi cá nhân mình.

Thứ hai, dân tộc Chăm không có ý thức hệ đoàn kết. Họ sống vì cá nhân họ, vì gia đình và đoàn thể thân thuộc của họ mà thôi. Chuyện đất nước Champa, sự sống còn của Champa trở thành một chuyện ngoài lề đối với họ mà thôi. Họ chỉ nói về đấu tranh cho Champa, nhưng họ không dẫn thân vào công tác đấu tranh này. Họ chỉ biết than khóc cho Champa, nhưng họ không dám hy sinh một chút gì cho quê hương Champa này.

Champa là một dân tộc không có một tổ chức chung, không có nhà

lãnh đạo chung, không có ý thức hệ đoàn kết chung. Chính vì thế mà dân tộc này dễ bị rơi vào tay cai trị của ngoại bang. Tình hình cộng đồng Champa hôm nay có chăng là bằng chứng cụ thể để giải thích cho sự suy vong của vương quốc Champa thời trước.

M39. Sự liên hệ giữa vương quốc Champa và Thái Lan như thế nào ?

(Shuki Matt Ali, «Melayu Campa:

Apa hubungannya dengan Thai?», Mastika, 1-1989)

Shuki Matt Ali là giảng viên của đại học Bách Khoa Mã Lai.

Theo tác giả, Champa không chỉ có liên hệ với các nước trong thế giới Mã Lai nhưng cả Thái Lan nữa. Bằng chứng cụ thể là có một cộng đồng người Chăm cư ngụ ở cự thủ đô Ayuthaya của Thái Lan. Họ là những nhà thương gia hay nhân viên ngoại giao Champa tại chức ở thủ đô Ayuthaya thời đó. Cộng đồng người Champa tập trung trong một khu vực riêng không xa cho lắm với khu vực cộng đồng Nhật Bản và Tây Ban Nha.

Hiện nay người Thái gọi họ là Krom Asa Cham. Tất cả người Chăm ở Ayuthaya đều theo Hồi Giáo. Nhưng người ta không biết là họ theo tín ngưỡng này từ lúc nào. Cộng đồng của họ được đặt dưới sự lãnh đạo của một người mang chức là Chang Wang.



M18. Ts. Po Dharma

M40. Văn hóa, phong tục và huyền thoại vương quốc Champa vẫn còn sống sót

(«Tinggalkan budaya, adat rasam, legenda Melayu-Campa», Bicara, 16-12-1989)

Đây là bài phỏng vấn Ts. Po Dharma, một chuyên gia lịch sử và là Đại Diện của Viện Viễn Đông Pháp và Trung Tâm Lịch Sử và Văn Minh Bán Đảo Đông Dương (Đại Học Sorbonne) tại Mã Lai.

Về phần lịch sử, Tiến sĩ Po



M19. Imâm và Khotip ở khu vực Phanrang

Dharma trình bày sơ lược qua những biến cố quan trọng trong lịch sử Champa từ ngày lập quốc vào thế kỷ thứ 2 đến 1832, năm đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của vương quốc này.

Về phần văn hóa và xã hội, Tiến sĩ Po Dharma cũng nói đến Champa là vương quốc đa chủng và đa tôn giáo. Trong khu vực Champa hôm nay có hai cộng đồng tôn giáo: Chăm Ahiér và Cham Awal.

Chăm Ahiér chịu ảnh hưởng một phần tàn dư văn hóa Ấn Độ Giáo và một phần nền văn minh Hồi Giáo, nhưng họ không phải là người Bà La Môn, như người ta thường gán cho họ một cách phi khoa học.

Chăm Awal là Chăm theo Hồi Giáo không chính thống.

Ngoài Ahiér và Awal này, chỉ có người Chăm ở vùng Châu Đốc và Kampuchea mới gọi là người Hồi Giáo chính thống.

Về phần phong tục tập quán dân gian, Tiến sĩ Po Dharma nhận thấy rằng nhiều nghi lễ, dụng cụ âm nhạc, cách ăn mặc ở Champa có nhiều sự tương đồng với Mã Lai.

M41. Sự quyết tâm của một đứa con Champa

(Astora JB, «Kegigihan seorang anak

Melayu Campa», Utusan Malaysia, 22-1-1990)

Đây là bài phỏng vấn anh Abdul Hafiz Yusuf, người Chăm Kampuchea sang cư trú ở Mã Lai. Với tư cách là người tỵ nạn, anh ta phải làm đủ thứ nghề để sống và nhất là để tiếp tục đi học. Sự quyết

tâm của ông ta chỉ có một mục tiêu duy nhất đó là anh ta không muốn làm một người vong quốc cả vong thân. Nhờ sự cương quyết này anh ta được may mắn tuyển vào đại học Hồi Giáo Al-Azha, ở Trung Đông.

Theo Abdul Hafiz Yusuf, mọi nỗ lực nhằm bảo vệ sự sống còn nguồn gốc người Chăm là một vấn đề vô cùng khó khăn. Đối với dân tộc Moro ở Phi Luật Tân và dân tộc Mã Lai ở Patani, miền nam Thái Lan, họ là những người vong quốc, nhưng họ có một lực lượng chính trị và xã hội vô cùng vững chắc. Do vậy, nguồn gốc dân tộc của họ được duy trì theo tiến trình của lịch sử.

Ngược lại, sự sống còn của dân tộc Champa hôm nay đang đứng bên lề vực thẳm. Dù sống trong một quốc gia Việt Nam, nhưng người Chăm chỉ là người công dân ngoại lệ. Thân phận của họ không khác gì Mọi Da Đỏ ở Mỹ Quốc. Thiếu tổ chức, vì người Chăm chưa nhận diện ý thức hệ đoàn kết là gì, thiếu nhà lãnh đạo vì đa số trí thức Chăm tự cho mình là nhà lãnh đạo và thiếu quyền hành vì vong quốc, thế thì vận mạng sự sống còn của dân tộc Champa hôm nay hoàn toàn nằm trong tay của một dân tộc khác.

M42. Ảnh hưởng Mã Lai ở Việt Nam

(«Pengaruh Melayu ada di Vietnam»,
Berita Harian, 13-9-1991)

Phóng viên báo Berita Harian tóm tắt sơ lược bài báo cáo khoa học của ông Trần Kỳ Phương, giám đốc viện bảo tàng Chăm ở Đà Nẵng, nhân dịp ông ta sang viếng thăm Mã Lai trong chương trình của ông Ts. Po Dharma, đại diện Viện Viễn Đông Pháp và Trung Tâm Đông Dương của Đại học Sorbonne tại Mã Lai.

Theo ông Trần Kỳ Phương, Việt Nam có tiếp thu rất nhiều ảnh hưởng văn hóa Mã Lai và Champa. Bằng chứng cụ thể, «ghe bầu» trong tiếng Việt là từ vay mượn «gaiy, perahu» của Mã Lai hay Champa. Để chứng minh sự ảnh hưởng này, ông Trần Kỳ Phương đưa ra nhiều hình ảnh liên quan đến kiểu cách kiến trúc ghe bầu ở Việt Nam và kiến trúc «gaiy perahu» Mã Lai.

(Chú thích: Vì vấn đề chính trị liên quan đến Champa hay là vì vấn đề cá nhân nội bộ, ông Trần Kỳ Phương bị cách chức và bị kết án vào năm 1998)

**M43. Mã Lai sẵn sàng giúp đỡ người
Hồi Giáo ở Kampuchea**

(Bernama, «Malaysia sedia bantu Islam Kemboja»,
Berita Harian, 18-10-1994)

Thử theo lời mời của Datuk Seri Dr. Mahathir Mohamad, Thủ
Tướng Mã Lai, một phái đoàn gồm 25 nhân vật quan trọng gốc người
Chăm Hồi Giáo trong chính phủ Kampuchea sang viếng thăm Mã
Lai.



M20. Dato' Abdullah Badawi

Nhân dịp tiếp kiến với
chính phủ Mã Lai, Datuk
Abdullah Badawi, Bộ
Trưởng Bộ Ngoại Giao Mã
Lai tuyên bố rằng chính
phủ Mã Lai sẵn sàng giúp
đỡ 500.000 người Hồi Giáo
Champa ở Kampuchea trên
nhiều lãnh vực, từ giáo dục
cho đến chương trình bổ túc
chuyên nghiệp.

Phái đoàn người Chăm
viếng thăm Mã Lai đặt dưới
sự hướng dẫn của ông
Ismail Osman, Phó Bộ

Trưởng đặt trách về tôn giáo, ông Bacha Sabu (em rể của Thiếu
Tướng Les Kosem, lãnh tụ FULRO), Phó Bộ Trưởng Tài Nguyên
Thiên Nhiên và ông Solaiman Ibrahim, giáo cả tối cao Hồi Giáo ở
Kampuchea.

M44. Bó hoa melur từ Việt Nam

(«Melur dari Vietnam», Warta Gapena, 10-1995)

Bó hoa melur từ Việt Nam do Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai
(DBP) xuất bản vào năm 1994 là cuốn hồi ký của nhà văn Abha.

Trong cuốn hồi ký này, ông Abha trình bày rất là chi tiết cuộc
hành trình của phái đoàn nhà văn Mã Lai sang viếng thăm Champa từ
ngày 30 tháng 6 đến 11 tháng 7 năm 1992. Trong hồi ký này, ông ta



M21. Gapena đặt chân đến quê hương Champa

cùng nêu lên bao nhiêu chi tiết liên quan đến sự khó khăn mà phái đoàn ông ta vướng phải, từ sự khó khăn xin hộ chiếu sang Việt Nam đến sự khúc mắc tiếp xúc với bà con người Chăm ở khu vực Phan Rang và Phan Rí.

Trong hồi ký này, ông ta mô tả sự đau buồn của phái đoàn nhà văn Mã Lai. Không biết lý do gì, phái đoàn nhà văn không được gặp các bô lão người Chăm Phanrang, mặc dù họ đã tập trung để đón phái đoàn nhà văn này.

M45. Hội nhà văn Gapena đặt chân đến quê hương Champa

(«Gapena di bumi Campa kuno», Warta Gapena, 11-1995)

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một phái đoàn hội nhà văn Mã Lai (Gapena) gồm 20 nhà trí thức (giáo sư, nhà văn, phóng viên báo chí) sang Việt Nam để viếng thăm quê hương Champa, một vương quốc có nhiều sự liên hệ mật thiết với dân tộc Mã Lai.

Sự vui mừng lớn lao trong cuộc đời của họ là hội nhà văn này được đi thăm năm tiểu vương quốc Champa mà họ thường biết đến từ ghé nhà trường, đó là: Panduranga, Kauthara, Vijaya, Amaravati, Indrapura. Cuộc hành trình này đã để lại trong tâm tư của họ hai kỷ niệm không quên: bao nỗi vui mừng khi được gặp lại bà con người Chăm cùng nguồn gốc với họ và bao nỗi xót xa khi thấy quê hương Champa chỉ còn lại những di tích lịch sử đổ nát, hoang tàn.

Chương trình viếng thăm này do Viện Khoa Học Xã Hội thành phố

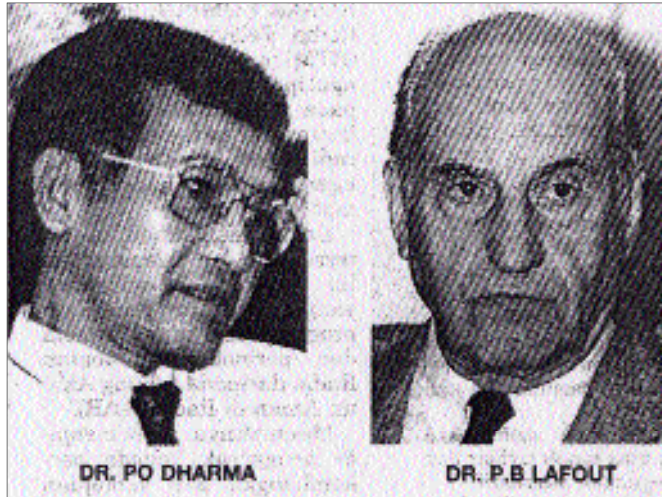
Hồ Chí Minh tỏ chúc. Tiếc rằng hội nhà văn Gapena đã gặp phải bao sự khó khăn khức mắc với chính quyền Cộng Sản địa phương, dù rằng Việt Nam sẽ gia nhập vào khối Asean trong nay mai.

M46. Đại hội về sự liên hệ Mã Lai và Đông Dương

(«Simposium Melayu di Indocina»,
Warta Gapena, 11-1995)

Nhân dịp ra mắt cuốn sách Thế Giới Mã Lai và Thế Giới Đông Dương (Dunia Melayu Dunia Indocina) do Gs. Ismail Hussein, Gs. P-

B. Lafont và Ts. Po Dharma đứng ra làm chủ biên, hội nhà văn Mã Lai (Gapena) tổ chức một đại hội khoa học mang chủ đề: Sông Mêkong và thế giới Mã Lai. Trong đại hội này, có 7 chuyên gia Pháp tham dự đó là Gs. P-B. Lafont, Gs. G. Delouche, Ts Mak Phoeun, Ts. B. Gay, Ts. G. Moussay, Ts. Khin Hok Dy, Ts. Po Dharma.



M22.

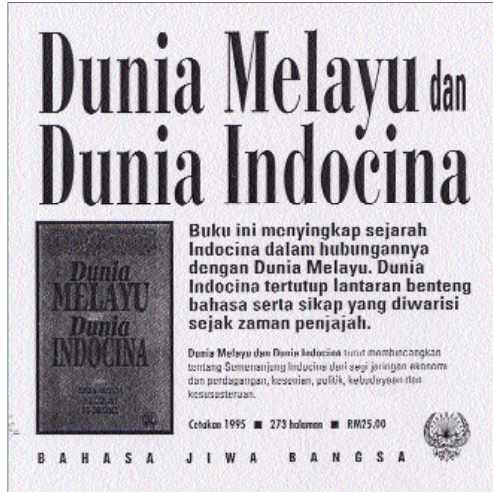
Qua buổi hội thảo, dân tộc Champa sống trên hai bờ sông Mêkong là chủ đề chính yếu.

**M47. Nhìn lại lịch sử dân tộc cùng
nguồn gốc Mã Lai ở Đông Dương**

(Saring Sirad, «Melihat sejarah Melayu di Indochina»,
Berita Harian, 1-12-1995)

Đây là bài tường trình kết quả của đại hội khoa học mang chủ đề Sông Mêkong và thế giới Mã Lai do hội nhà văn Mã Lai (Gapena) tổ chức tại Sah Alam, thủ đô của tiểu vương quốc Selangor.

Theo Gs. Tan Sri Ismail Hussein, chủ tịch hội nhà văn Mã Lai



M23. Sách Gs. Ismail Hussein, Gs. P. B. Lafont và Ts. Po Dharma thực hiện

mà Sứ Quán Pháp đã tài trợ cho chương trình nghiên cứu Champa này từ năm 1988.

(Gapena), đại hội này sẽ mang lại cho dân tộc Mã Lai một cơ hội tiếp thu thêm nhiều chi tiết về sự liên hệ giữa Mã Lai và thế giới Đông Dương, nhất là Champa trong quá trình lịch sử.

Ông Pierre Mallet, Tùy Viên Văn Hóa Sứ Quán Pháp tại Mã Lai cùng cho biết rằng Sứ Quán Pháp rất hoan hô công tác khoa học nghiên cứu về Champa, vì đây là một chương trình quan trọng. Chính vì thế

M48. Vấn đề truyền khẩu của dân tộc cùng nguồn gốc Mã Lai ở Kampuchea

(«Kumpul oral Melayu di Kemboja»),
Mingguan Malaysia, 10-12-1995)

Nhân dịp đại hội khoa học mang chủ đề sông Mêkong và Thế Giới Mã Lai do hội nhà văn Mã Lai (Gapena) tổ chức tại Sah Alam, với sự tham dự của 7 chuyên gia khoa học Pháp, trong đó có Gs. P-B. Lafont (Đại Học Sorbonne), Gs. G. Delouche (Đại Học INALCO), Ts. Mak Phoeun (Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp), Ts. B. Gay (Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp), Ts. G. Moussay (Trung Tâm Đông Dương, Sorbonne), Ts. Khin Hok Dy (Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp), Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp).

Vấn đề quan trọng thường đặt lại trong đại hội này đó là sự hiện diện của một cộng đồng lớn lao người Chăm và người Mã ở Kampuchea hôm nay. Sự hiện diện này là nguyên nhân chính yếu để giải thích rằng tại sao Kampuchea đã chịu ảnh hưởng nặng nề nền văn hóa và ngôn ngữ Mã Lai và Champa.

M49. Cần phát triển mạnh mẽ vai trò của các dân tộc cùng nguồn gốc với Mã Lai

(«Bina kekuatan rumpun Melayu»,
Berita Harian, 24-9-1996)

Đây là bản tường trình buổi lễ khai mạc đại hội Thế Giới Mã Lai ngày 23 tháng 9 năm 1996 tại Sah Alam do Văn Phòng Liên Lạc Thế Giới Mã Lai tổ chức.

Trong bản tường trình này, phóng viên tờ báo Berita Harian tóm tắt lại nội dung của diễn văn Datuk Sri Anwar Ibrahim, Phó Thủ Tướng Mã Lai.

Theo ông Datuk Sri Anwar Ibrahim, Phó Thủ Tướng, đại hội thế giới Mã Lai hôm nay là ngày lịch sử. Đây là lần đầu tiên, hơn 350 chuyên gia khoa học, nhà kinh doanh, bô lão của các dân tộc cùng chung nguồn gốc văn hóa Mã Lai từ Surinam, Madagascar, Châu Phi, Phi Luật Tân, Mỹ Quốc, Anh Quốc, Nam Dương, Singapore, Kampuchea, Champa được vinh hạnh gặp mặt tại Mã Lai để định hướng tương lai của họ trong thế kỷ sắp tới.

Phái đoàn gốc Champa có ông Bá Trung Phụ (làng Văn Lâm), chuyên viên của Viện Bảo Tàng Lịch sử ở TP. Hồ Chí Minh.

Nhân dịp này, Phó Thủ Tướng Mã Lai cũng tuyên bố rằng, vấn đề phát triển mạnh mẽ vai trò nghiên cứu, từ khía cạnh lịch sử, văn hóa, kinh tế cho đến khía cạnh văn học và ngôn ngữ của các dân tộc cùng nguồn gốc với Mã Lai là một công tác quan trọng. Các dân tộc cùng nguồn gốc với Mã Lai, trong đó có dân tộc Champa ở Việt Nam và Kampuchea, cần có một ý thức hệ chung về sự sống còn của họ trong bối cảnh lịch sử hôm nay.

M50. Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP) sẽ tổ chức đại hội về nền văn minh Mekong vào tháng 10 năm 1996

(Jamudin Idris, «DBP anjur seminar Mekong Oktober», Berita Harian, 24-9-1996)

Viện Ngôn Ngữ và Văn Học Mã Lai (DBP) cho biết trong phiên họp báo tại thủ đô Kuala Lumpur là Viện này sẽ tổ chức một ngày đại hội về nền văn minh Mekong vào tháng 10 năm 1996. Đại hội này có mục tiêu nhằm phân tích lại tình hình kinh tế, văn hóa và xã hội của

Theo tác giả, người Chăm có hai tôn giáo trái nghịch. Tôn giáo này được dung hợp từ thời Po Rome (1627-1751), và cùng chính từ thời kỳ này các tôn giáo của người Chăm không còn chính thống nữa.

Bài viết này không dựa trên cơ sở khoa học mà trên suy luận cá nhân nên cần phải xem lại.

Một số từ trong bài cũng cần được đính chính. Bà La Môn là một tôn giáo lớn có triết lý riêng, nghi lễ riêng và tổ chức hành đạo riêng. Dùng từ Bà La Môn để gán cho người Chăm là việc sai lầm, vì người Chăm không theo Bà La Môn nhưng chịu ảnh hưởng Bà La Môn. Chính vì thế mà người ta không thể gọi Chăm theo Đạo Bà La Môn được. Trên thực tế các nghi lễ người Chăm không có gì là Siva, Vishnou hay Brahma.

Thật ra, trước năm 1960, người Chăm có hai cộng đồng tín ngưỡng: Chăm Awal và Chăm Ahier. *Awal* gốc từ Á Rập có nghĩa là *trước tiên, ban đầu*. Người Chăm Bani chấp nhận Allah là đáng tối cao của họ từ ban đầu (trước thời Po Romé) nên gọi là Chăm Awal. Còn Chăm Ahiér, không phải là Akaphir "kẻ ngoại đạo" như người ta thường hiểu lầm, nhưng là "akhir" cũng là tiếng Á Rập có nghĩa là sau cùng. Chăm Ahiér chấp nhận Allah là đáng tối cao của mình sau thời Po Romé nên mới gọi là Chăm Ahier, nghĩa là nhóm theo Allah sau cùng.

Trong văn chương Chăm, bốn danh từ thường xuất hiện và rất rõ nghĩa, đó là: Chăm Cuh-Chăm Bani; Chăm Ahiér-Chăm Awal.

**VN99. <<Lễ giỗ Pô-Mubok,
nét đẹp văn hóa Chăm Ninh Thuận>>,
của Quang Cẩn,**

trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 7

Theo nội dung, cách Vụ Bồn (Palei Pabhan) 3 km, về phía Bắc có một ngôi đền bên trong có thờ một Linga mà nhân dân địa phương thường gọi là đền Po Mebek.

Có người cho rằng, Po Mebek là người làng Mebek, nhưng cũng có người lại cho Po Mebek là mẹ Po Rome, gốc Phan Rí. Theo nhân dân địa phương, Po Mebek rất thiêng, những lời cầu xin với Po Mebek thường được ứng nghiệm, vì vậy, dân chúng ở địa phương rất kính trọng Po Mebek.



VN25. Thiếu nữ Chăm và đồ gốm đặc trưng

Lễ Po Mebek thường được tổ chức hằng năm vào đầu tháng giêng, tháng tư hay đặc biệt vào dịp lễ Katê đầu tháng bảy Chăm lịch.

VN100. «Thei Mai-Khúc tình ca Chăm», của Inrasara, trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 8

Bài viết giới thiệu đôi nét về khúc tình ca nổi tiếng của người Chăm.

Theo nội dung, bài tình ca này nổi tiếng đến mức bất kỳ một người Chăm nào cũng biết và thuộc nó. Nội dung bài tình ca này là than trách cho mối tình không sum hợp của đôi trai gái khi họ đã để ý và thương yêu nhau từ thuở còn thơ.

VN101. «Chăm Hri», của Yami (Dân tộc Chăm), trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 13-15

Bài viết là truyện ngắn, kể về một người có tên là Duy, vì thời cuộc và thời thế, đã gặp phải những điều không may. Trong khi vật lộn với đời, Duy đã gặp "Sřam Hri" hay "Chăm Hri", nhóm người cũng chẳng may mắn gì trong thời cuộc. Do vậy, Duy cũng quyết định đi theo họ.

VN102. «Ngôn ngữ - chữ viết Chăm hai mươi năm nhìn lại», của Inrasara, trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 20-22

Bài nhận định về tiến trình ngôn ngữ và chữ viết Chăm. Theo Inrasara, trong quá trình 20 năm nghiên cứu về ngôn ngữ và chữ viết Chăm đã có những thành tựu khích lệ.

Trước năm 1975, có cuốn Tự điển Chăm-Việt-Pháp của Trung tâm

văn hóa Chăm Phan Rang; Nội san Panrang.

Sau năm 1975, theo Inrasara có hai cuốn tự điển "tự điển Chăm-Việt và Tự điển Việt-Chăm. Sau đó là cuốn Ngữ Pháp tiếng Chăm của Bùi Khánh Thế được viết khá sâu và nghiêm túc ...". và chưa kể bộ văn học Chăm của Inrasara.

Đọc qua lời kết luận, độc giả có cảm tưởng rằng đây không phải là lời bình luận khoa học, nhưng để quảng cáo hay thổi phồng cho Gs. Bùi Khánh Thế thì đúng hơn.

Cuốn tự điển Chăm-Việt do Bùi Khánh Thế làm chủ biên (hay nói một cách khác do Phú Trạm làm thì đúng hơn, vì Bùi Khánh Thế không biết tiếng Chăm) xuất bản vào năm 1995 không phải là một công trình khoa học nhưng là một công trình sao y bản chính hai cuốn tự điển Chăm của E. Aymonier và G. Moussay, và có thêm một vài từ còn thiếu sót. Điển hình, trong phần A tự điển Chăm-Việt của Bùi Khánh Thế, chỉ có thêm được 23 từ vựng mới (*achat, achiat, adarap, ador, ahaow, aiang, aiaok, aiot, aiy, ajong, ak, akha, alaiy, amat, an, angap, anguec, aoh, ap, asat, awal, awaow*), nhưng trong số 23 từ vựng mới này, nhiều từ cần suy xét lại về ngữ nghĩa vì chưa rõ ràng, tác giả cũng không cho biết xuất xứ của từ này ở đâu mà ra.

Nhằm nâng cao chất lượng, Bùi Khánh Thế đã liệt kê danh sách các tác phẩm văn học Chăm như Dowa Mano, Um Rup, Ariya Gleng Anak, v.v. như là tư liệu được dùng cho tự điển của mình. Nhưng có rất nhiều từ văn học trong các tác phẩm này không thấy có trong tự điển của Bùi Khánh Thế. Chỉ lật hai trang đầu của tác phẩm Dowa Mano, độc giả đã có thể ghi nhận là có ít nhất 6 từ không có trong tự điển của Bùi Khánh Thế đó là: *panihar, laksamana, names, sukal, pathreh*. Thế thì nhóm biên tập của Bùi Khánh Thế chỉ lật sơ qua cuốn Dowa Mano để lấy vài thí dụ cho vui và để che mắt độc giả hay là thổi phồng tư liệu nhằm xin tiền Toyota Foundation.

Về phần xây dựng đơn vị mục từ, độc giả không biết Bùi Khánh Thế dựa trên cơ sở nào để trình bày đơn vị mục từ này. Tiếng Chăm thuộc hệ ngữ Đa Đảo luôn luôn có từ gốc. Từ ngữ chỉ được cắt thành đơn vị mục từ khác nhau, khi các từ này viết như nhau nhưng có nguồn gốc khác nhau. Thí dụ như hai từ sau đây:

Baluw (Mã Lai: bulu) lông

Baluw (Mã Lai: balu) góa phụ.

Nhưng trong tự điển của Bùi Khánh Thế, xây dựng đơn vị mục từ không theo đúng quy luật và khoa học. Riêng từ Anak (con) chiếm 26 lần trong đơn vị mục từ dấu rằng nhiều từ trong này là cùng gốc.

Về phần định nghĩa từ vựng nhất là từ vựng gốc Á Rập, Phan Ngữ, Mã Lai thì sai lệch ngữ nghĩa nhiều, vì tác giả tự định nghĩa dựa theo nội dung của từng câu hay theo ý riêng của mình. Sau đây là vài đơn cử:

maawal မာဝါလ် được định nghĩa là *ẩn tu*. Người Chăm không có từ này, thật ra từ này được rút từ câu 143 trong *Ariya Sep Sah Sakei* (một tập thơ Chăm) *glaong mang awan* ဂလွၢၣ် မၢၢ် မ့ၢ်လၢၣ် có nghĩa là cao tận mây (*awan* gốc từ Mã Lai có nghĩa là mây). Nhưng tác giả không hiểu từ *awan* có nghĩa là *mây* nên đọc thành *glaong ma-awal* ဂလွၢၣ် မာဝါလ်, sau đó tác giả đưa vào tự điển và tự cho nghĩa *ma-awal* မာဝါလ် là *ẩn tu*.

sahadah သာသၢၣ် được định nghĩa là *sự bày tỏ*. Nhưng nghĩa đích thực của nó là *lòng tin* (*sahadah* gốc từ Á-rập).

sabah သာဝၢၣ် được định nghĩa là *thờ phượng*. Nhưng nghĩa đích thực của nó là *tẩy ứ* (*sabah* là *tapas* gốc tiếng Phạn).

sakarai သကာရိ được định nghĩa là *triết lý, cổ thư*. Nhưng nghĩa đích thực của nó là 1. *lich hoàng gia*, 2. *lich sử*. 3 (nghĩa gần đây) *triết lý* (*sakarai* gốc tiếng Phạn *saka + raja*)

Phần định giá trị văn phạm cho mỗi từ vựng trong tự điển cần phải xét lại, vì không chuyên về văn phạm học và nhất là không biết tiếng Pháp hay Anh, mà chỉ dựa vào tiếng Việt để định giá văn phạm trong tiếng Chăm nên mới xảy ra nhiều lỗi lầm. Thí dụ một từ rất đơn giản là *Abih* (hết). Theo tác giả:

Abih = (động từ) hết, (và cho thí dụ) *blei abih jién* mua hết tiền (tr.21). Tiếc rằng *Abih* trong câu này không phải là động từ, mà là trạng từ (adverb of definite quantity. Tiếng Anh dịch là: *spend all money*).

Abih = (tính từ) hết, tất cả, (và cho thí dụ) *đwoch nau abih* chạy đi hết (tr.22). Tiếc rằng *Abih* trong câu này không phải là tính từ, mà là trạng từ (adverb of indefinite quantity. Tiếng Anh dịch là: *almost everyone ran away*).

Phần cơ cấu tiếng Chăm trong lời mở đầu là phần phi khoa học nhất, vì những lý do sau. Độc giả tự đặt câu hỏi tại sao có phần cơ cấu tiếng Chăm trong tự điển?, Vì tự điển không phải là diễn đàn để bàn

chuyện ngôn ngữ học. Và dường như tác giả là người không biết đọc và nói tiếng Chăm nên không phân tích cơ cấu tiếng Chăm được. Chính vì không biết nói và viết tiếng Chăm, tác giả tự đặt ra hàng loạt câu thí dụ mà độc giả người Chăm không hiểu gì hết. Thí dụ trang LI là một điển hình:

kùk pakè hư naw laj? (sáng mai mầy đi chứ). Thí dụ có vẻ rất khôi hài, vì người Chăm không bao giờ phát âm hay viết tiếng mẹ đẻ của mình theo kiểu như vậy. Bạn đọc cũng ngạc nhiên là tại sao tất cả thí dụ trong tự điển dùng chữ La-tinh để phiên âm và viết đúng câu văn theo truyền thống Chăm, còn ở phần mở đầu của cuốn tự điển, tác giả lại dùng hệ thống phiên âm khác và viết không đúng chính tả trong tiếng Chăm? Nếu không biết tiếng Chăm thì không nên làm, vì không thể viết tiếng Chăm theo kiểu của họ, không tôn trọng lỗi chính tả và cũng không tôn trọng cách phát âm. Do vậy, phần mở đầu này cần phải được chỉnh lý, nếu không độc giả nước ngoài sẽ hiểu lầm cơ cấu tiếng Chăm như cái kiểu mù mờ đã được ghi trong sách.

Điều đáng trách là có người Chăm trong ban biên soạn, như Phú Trạm, Phú Văn Hãn và Thành Phần. Nhưng lại để cho trường hợp này xảy ra.

Cuối cùng, trong lời mở đầu trang VIII, tác giả có nhắc đến ông Po Dharma, G. Moussay có cho những ý kiến thiết thực. Tiếc rằng, Po Dharma và G. Moussay có cho ban biên tập Champaka số 2 này biết rằng, họ có gặp ban biên soạn của từ điển nói trên, nhưng không biết gì về tự điển này, vì hai vị này chỉ được nghe ban biên soạn chỉ trích kịch liệt cuốn tự điển Aymonier và Moussay, và cho rằng hai ông Tây không biết tiếng Chăm chứ không cho họ xem tự điển hay tư liệu để làm tự điển. Thật ra lời chỉ trích này cũng hơi quá đáng, vì trên thực tế hai ông Tây biết viết và biết đọc tiếng Chăm, điều đó cũng là điều đáng được khen ngợi rồi, ngược lại ông Việt, Bùi Khánh Thế, không biết viết và đọc tiếng Chăm nhưng được Inrasara khen ngợi?

Nếu Tự Điển Chăm Việt của Bùi Khánh Thế gọi là tác phẩm tái bản hai cuốn tự điển Chăm của Aymonier và Moussay thì đúng hơn. Vì trong phần A của tự điển này, nhóm Bùi Khánh Thế chỉ tìm được có 23 từ mới, còn các từ khác là phần sao y bản chính của tự điển Aymonier và Moussay. Trên cơ sở này, không thể nói là tác giả làm tự điển Chăm-Việt?

Đúng trên cơ sở khoa học, tác giả Bùi Khánh Thế không nên đứng ra xin viện trợ của Toyota Foundation để sao y bản chánh tự điển người khác để làm tự điển của mình, và nhất là đem phần cơ cấu tiếng Chăm vào trong tự điển mà nội dung và thí dụ không phải là tiếng Chăm, cũng không phải là tiếng Raglai? Thì thật tội cho người Chăm. Có chăng đó là tiếng Chăm chỉ dành riêng cho tác giả?

Cũng cần thêm rằng, độc giả luôn luôn trân trọng sự hỗ trợ về tiền bạc của Quỹ Toyota Foundation để bảo tồn văn hóa, văn học và ngôn ngữ của dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong đó có dân tộc Chăm. Không vì lý do gì Quỹ Toyota Foundation chỉ dành ưu tiên cho một số nhà khoa học có quyền hành và thế lực chính trị để giao cho họ công trình nghiên cứu về Chăm, mà Quỹ Toyota không cứu xét hồ sơ của họ, để xem các nhà khoa học này có chuyên về Champa hay không? Nếu không, Quỹ Toyota đã vô tình rót tiền ra không phải để nâng cao hay bảo tồn văn hóa văn học Chăm, mà ngược lại, để tàn phá văn hóa và văn học Chăm?. Tự điển Chăm-Việt của nhóm Bùi Khánh Thế là một trong những bài học và điển hình.

Về cuốn Ngữ Pháp tiếng Chăm của Bùi Khánh Thế, Inrasara cho rằng: "được viết khá sâu và nghiêm túc". Đây là lời tặng bích Gs. Bùi Khánh Thế hơn là lời chân thật.

Ngữ Pháp tiếng Chăm của Bùi Khánh Thế là một tác phẩm chỉ có tác dụng là làm lu mờ thêm Ngữ Pháp tiếng Chăm, nó không giúp ích cho mọi hiểu được cấu trúc ngôn ngữ Chăm một cách sáng tỏ hơn. Trích một thí dụ:

nưq neh kung tòq sang ceq ali pà kòwq may pạng takan = trẻ con (mà) ở nhà gần Ali rủ nhau đến nghe chuyện (trang 100).

Không có người Chăm nào mà không khựng lại, dù họ có biết tiếng Chăm thông thạo, vì những lệch lạc trong cách phiên âm hay phiên chữ kiểu này.

Tiếng Chăm có chữ viết, có luật chính tả, có hệ thống cấu trúc câu văn chặt chẽ. Bùi Khánh Thế là một nhà ngôn ngữ học, không biết nói tiếng Chăm và cũng không biết đọc tiếng Chăm, nên ông không thể xây dựng một công trình đồ sộ như Ngữ Pháp tiếng Chăm được?

Đừng vì lý do không biết đọc và viết tiếng Chăm, tác giả tự bịa ra cách phiên âm tiếng Chăm sang hệ La-tinh theo kiểu riêng mình, chế

biến cơ cấu chính tả, cấu trúc câu văn tiếng Chăm theo quan điểm riêng, đến nỗi người Chăm đọc mà không hiểu gì về tiếng mẹ đẻ của mình. Thế thì uổng công một công trình đồ sộ như Ngữ Pháp tiếng Chăm.

Trước công trình phi khoa học về Ngữ Pháp tiếng Chăm, Inrasara lại ca tụng "được viết khá sâu và nghiêm túc". Có chăng vì một vấn đề nào khác.

VN103. «Đời sống văn hóa các xã ở vùng cao Hoài Ân đang khởi sắc»,
của Võ Chí Hà,

trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 25

Theo nội dung, đời sống, tín ngưỡng, phong tục tập quán của các dân tộc Bana, H'rê của huyện Hoài Ân ngày càng được phục hồi và nâng cao. Đó là trọng tâm của chính sách nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào đang sống trong huyện.

VN104. «Hội Đoàn IOC-Campa ra mắt tập san Champaka»,

trong Người Việt, Số 5112, 1999, trang A3 và A9

Theo nội dung, vào ngày 4 tháng 12 năm 1999 tại Westminster USA., Hội Đoàn IOC-Campa đã tổ chức buổi họp mặt ra mắt tập san Champaka.

Có gần 500 người đến tham dự buổi lễ. Trong dịp này, Gs. Phạm



VN26. Đoàn vũ IOC-Campa trong ngày ra mắt tập san Champaka tại miền Nam California

200 Báo chí tiếng Việt

Cao Dương của đại học UCI ở Los, Hoa Kỳ, cũng là nhân vật chính được IOC-Campa mời tham dự buổi lễ để phân tích tập san Champaka 1 phát biểu rằng, khi đọc tập san Champaka nó đã buộc chúng ta cần phải có một cái nhìn đúng đắn hơn về lịch sử của những dân tộc khác đang sinh trưởng lâu đời trong lãnh thổ Việt Nam. Sau đó, tiến sĩ Po Dharma đã giới thiệu khái quát về lịch sử của Champa và vai trò của nó ở trong vùng Đông Nam Á từ thế kỉ thứ 2 cho đến ngày suy vong.

Buổi ra mắt tập san Champaka còn lồng vào một chương trình văn nghệ với các tiết mục đặc sắc đậm đà sắc thái Champa do các giới trẻ và hai nghệ sĩ nổi tiếng gốc Chăm nhạc sĩ Từ Công Phụng và ca sĩ Chế Linh phụ trách.

**VN105. «Góp phần tìm hiểu lịch sử Champa»,
của Po Dharma,**



VN27. Hội Đồng Quản Trị Champaka (từ trái sang phải): Đặng Chánh Anh, Từ Công Thu, Dương Tấn Thi, Dương Tấn Sở.



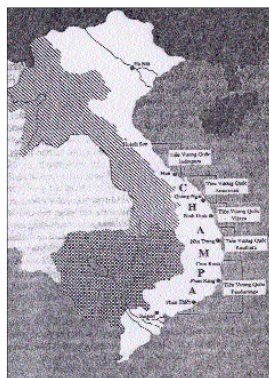
VN28. Địch vũ đội nước

trong Văn

Hóa, Vol 4, ISSUE 33, California, Jan.,
2000, trang 4-10, và 15-21

Nội dung là trích bài «Góp phần tìm hiểu lịch sử Champa», của Po Dharma đã đăng trong Champaka số 1, 1999, IOC-Campa ấn hành, trang 9-37.

**VN106. «Những niên đại quan trọng trong lịch sử
Champa»,**



VN29. Bản Đồ Liên Bang Champa

Báo chí tiếng Việt 201

của P.B. Lafont,
trong Văn Hóa, Vol 4, ISSUE 33, California
Jan., 2000, trang 28-35

Nội dung là trích bài «Những niên đại quan trọng trong lịch sử Champa», của P.B. Lafont đã đăng trong Champaka số 1, 1999, IOC-Campa ấn hành, trang 39-55.

VN107. «Di tích Mỹ Sơn di sản văn hóa thế giới»,
trong Văn Hóa, Vol 4, ISSUE 33,
California, Jan., 2000, trang 47

Bài giới thiệu về Mỹ Sơn nhận được UNESCO chính thức công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Theo nội dung, di tích Mỹ Sơn, là một quần thể kiến trúc nổi tiếng của Champa được xây dựng từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ XIII. Sau chiến tranh Mỹ Sơn chỉ còn lại khoảng 32 đền tháp, trong đó có khoảng 20 công trình kiến trúc còn giữ được dáng vẻ ban đầu. Khu di tích nổi tiếng này đã được UNESCO chính thức công nhận là di sản văn hóa thế giới vào ngày 1-12-1999.

Ngày nay, Mỹ Sơn càng trở thành điểm thu hút khách tham quan. Năm 1997 chỉ có 17.798 lượt người. Đến năm 1998 có trên 20.000.

Riêng tháng đầu năm 1999 đã có 11.000 lượt khách thăm viếng.



VN30. Giáo Sư Phạm Cao Dương, Đại học UCI, đang bình luận Champaka 1

VN108. «Vấn đề định cư của người Chăm tại Hoa Kỳ»,

của Hassan Poklaun,
trong Văn Hóa,
Vol 4, ISSUE 33,
California, Jan.,
2000, trang 48-50, 77
và 85

Nội dung là trích bài «Vấn đề định cư

của người Chăm tại Hoa Kỳ» của Hassan Poklaun, đã đăng trong *Champaka* số 1, IOC-Campa ấn hành, 1999, trang 137-144.

Bài cũng đăng tải hình ảnh về người Chăm và các nhân vật hiện diện trong dịp ra mắt *Champaka* ở Hoa Kỳ, nhất ông Phạm Cao Dương, Giáo sư của Đại Học UCI, người đứng ra phân tách phê bình tập san *Champka* số 1.

VN109. «Luật tục người Chăm và Luật pháp Nhà nước trong vấn đề hôn nhân gia đình hiện nay»,
của Văn Món

trong tạp chí Văn Hóa Dân Gian, Số 1 (69), 2000, trang 67-76

Bài bàn về Luật tục và Luật hôn nhân người Chăm.

Theo nội dung, người Chăm có luật tục và luật hôn nhân gia đình hàm chứa đầy đủ tiêu chí luân lý đạo đức. Luật này từ bao đời đã tỏ ra tính ưu việt, điều hòa và ổn định được trật tự luân lý đạo đức xã hội. Trong tiêu chí đạo đức về luật hôn nhân gia đình người Chăm đã được phân quyền, phân nhiệm rõ ràng: vai trò của người chồng-người vợ, vai trò của nam-nữ, trách nhiệm trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Đi ngược với các luật định này sẽ đưa đến sự bất ổn trong gia đình và xã hội. Bởi vậy, luật pháp hôn nhân của Nhà nước cần phải dung hợp với luật tục và luật hôn nhân gia đình.

Bài viết có chất lượng cao.

VN110. «Thực trạng tín ngưỡng tôn giáo của người Chăm Ninh Thuận hiện nay»,
của Văn Món

trong tạp chí Nghiên Cứu Tôn Giáo, Số 4 (06), 2000, trang 40-44

Bài khái quát về tín ngưỡng tôn giáo người Chăm ở Ninh Thuận hiện nay.

Theo nội dung, tôn giáo Chăm là một bộ phận quan trọng trong văn hóa Chăm. Sự du nhập các tôn giáo khác có ít nhiều tác động đến tín ngưỡng các dân tộc, kéo theo sự suy thoái của nền văn hóa các dân tộc. Bên cạnh những sự kiện này, người Chăm thiếu thốn tầng lớp tu sĩ có học, thiếu am tường các ý nghĩa kinh sách của họ. Cũng có người Chăm đã từ bỏ tín ngưỡng của mình để theo tôn giáo khác vì không hiểu được văn hóa của mình. Từ các hiện tượng này, tác giả kiến nghị,

cần phải có những biện pháp gấp rút để bảo vệ văn hóa truyền thống người Chăm.

Trong bài này, tác giả nhận xét rất là khách quan: "Bản thân tôn giáo của người Chăm không có giáo lí, giáo chủ và một hệ thống tổ chức giáo hội chặt chẽ" (trang 41). Tiếc rằng, tác giả đã quên người Chăm không phải là Bà La Môn Giáo và cũng không phải là Hồi Giáo Bani. Trên thực tế, ngoại trừ một số gia đình theo Hồi Giáo chính thống ở làng Văn Lâm và Phước Nhơn, dân tộc Chăm hôm nay ở miền trung Việt Nam không theo một tôn giáo nào nhưng chỉ có tín ngưỡng riêng biệt. Khi đã là tín ngưỡng, thì mỗi khu vực, mỗi thôn xóm và mỗi gia đình đều có quyền hành lễ theo ý muốn của họ, không cần phải thống nhất. Đó là tinh hoa của nền văn minh và văn hóa Chăm và tinh hoa này cần phải được bảo tồn, không cần thiết đề nghị sửa đổi, thay thế, hay duyệt xét. Tín ngưỡng người Chăm có giá trị sâu xa của nó, không khác gì với các tôn giáo lớn trên thế giới: Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo hay Phật Giáo. Mỗi dân tộc đều có văn hóa và tín ngưỡng riêng. Không có văn hóa và tín ngưỡng riêng của dân tộc nào là hay là đẹp hơn các dân tộc khác. Chính vì thế, không có cơ sở gì khi kết luận rằng những gì người Chăm làm là sai còn Đạo khác làm là đúng.

Đây là phần phân tích liên quan đến 6 nhận định khách quan của tác giả.

1). Nếu tác giả cho rằng "tôn giáo của người Chăm Ninh Thuận không tồn tại theo một thể chế thống nhất" (trang 41) thì quá tội nghiệp cho người Chăm. Vì rằng Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, và ngay cả Phật Giáo ở Việt Nam cũng không tồn tại theo một thể chế thống nhất, thì tại sao phải bắt người Chăm thống nhất các lễ tục và tín ngưỡng của họ. Phật Giáo Việt Nam có hàng trăm lễ tục khác nhau, từ thôn này qua thôn khác nhưng có ai đề nghị sửa đổi đâu?

Tín ngưỡng không phải là đảng phái chính trị nên cần phải có một thể chế thống nhất.

2. Tác giả cho rằng "Giáo lịch của người Chăm không thống nhất, không ổn định, thường chênh lệch về ngày tháng" (trang 42) là điều đúng sự thật. Nhưng tác giả quên rằng lịch Thiên Chúa Giáo, mặc dù được coi là tôn giáo lớn trên thế giới, có chung một giáo chủ là Đức Giáo Hoàng ở Ý Đại Lợi mà lịch của họ vẫn bị sai lệch thì đã sao?

Thiên Chúa Giáo ở Pháp, ở Rome, v.v. tổ chức lễ Giáng sinh (Noel) không trùng ngày với lễ Giáng sinh Thiên Chúa Giáo ở Nga, nhưng chả ai đem chuyện này ra bàn cả.

Sự sai lệch ngày tháng Chăm đã trở thành chiến trường cho mọi người đấu lý gần hơn nửa thế kỷ nay. Nhưng tất cả sự đấu lý này chẳng khi nào dựa trên cơ sở khoa học. Thêm vào đó, người Chăm đang nhầm lẫn về hệ thống lịch của họ rồi tự biến chế ra bao công thức *sakawi awal* và *sakawi ahiér*, mà thực tế không liên quan với hệ thống ngày tháng của Chăm.

Trước thế kỷ thứ 15, Champa dùng lịch Saka của Phạn. Sau thế kỷ thứ 15, Champa cũng như các nước Kampuchea, Lao, Thái Lan chuyển hệ thống Saka sang hệ thống 12 con giáp. Thêm vào đó, Champa lại có hai hệ thống lịch khác biệt, đó là Sakarai và Sakawi.

Sakarai (Saka+Raja) có nghĩa là niên đại hoàng gia hay là lịch hành chính dùng trong văn kiện quốc gia. Lịch hành chính Sakarai chỉ dùng tên 12 con giáp sau đó là ngày tháng. Thí dụ: *di thun nasak tikuh, bulan lima, tujuh bigun but*. Và trong hơn 20.000 tư liệu hoàng gia Champa từ năm 1600 đến năm 1810 ở Pháp là được dùng theo thể thức này, và không bao giờ có mang niên đại *tikuh waw, kabaw liéh*, v.v. như người Chăm đang hiểu lầm hôm nay. *Tikuh waw, kabaw liéh*, v.v. hoàn toàn do thời Thiên Sanh Cảnh tạo ra. Lê nào các vua chúa Champa thời trước lại quên đi hệ thống *tikuh waw, kabaw liéh* v.v. trên văn kiện của họ.

Lịch hành chính Sakarai Chăm là lịch âm dương hỗn hợp, cũng như lịch Kampuchea, Lào và Thái, dựa trên chu kỳ thời tiết. Đây là một công thức toán học có thể ghi gọn trong một trang giấy. Nhưng ai là người tìm ra công thức này?

Sakawi (Saka+Jawi) có nghĩa là niên đại Mã Lai (Jawi) hay lịch Hồi Giáo dựa trên chu kỳ tám điểm *liéh, hak, jim* v.v. Theo nguyên tắc, chỉ có một hệ thống Sakawi mà thôi, chứ không có *Sakawi Awal* và *Sakawi Ahiér*.

Lịch Sakawi là một công thức toán học để tính ngày tháng làm thế nào tháng Katé đứng trùng với mùa Ramawan của Bani. Chính vì thế, người ta không thể dùng công thức Sakawi để tính ngày tháng hành chính của người Chăm được. Hôm nay người Chăm đang nhầm lẫn về chuyện này.

Ai cũng biết lịch hành chánh *Sakarai* có sự sai lệch một tháng giữa khu vực Phan Rang và Phan Rí kể từ ngày khởi nghĩa của Ja Thak Wa vào năm 1834. Hôm nay ai cũng biết ở thư viện Pháp có khoảng 20.000 tư liệu hoàng gia Champa có ấn ký bắt đầu từ năm 1600 đến năm 1810. Nếu các chuyên gia về lịch Chăm muốn tìm công thức lịch, cứ dùng công thức của mình tính ngược về năm 1600 coi có đúng với lịch hoàng gia hay không (những ngày tháng được ghi trong văn bản), thì lúc đó mới biết một tháng sai lệch phát xuất từ Phan Rang hay từ Phan Rí?. Đây là cơ sở khoa học vững chắc, làm được việc này thì có thể chinh phục được chức sắc tôn giáo và ổn định được ngày tháng giữa hai khu vực.

3. Tác giả cho rằng "tôn giáo của người Chăm không có một hệ thống giáo lý ổn định" (trang 42). Điều này cũng tội cho người Chăm. Ngay Đạo Phật trên thế giới và cả Đạo Phật ở Việt Nam cũng không có một hệ thống giáo lý nào ổn định. Tại sao buộc người Chăm phải có giáo lý ổn định? Hơn nữa, người Chăm không có tôn giáo mà chỉ có tín ngưỡng. Muốn có một giáo lý ổn định, chỉ có cách xóa hẳn tín ngưỡng của người Chăm để làm lại hoàn toàn một tôn giáo mới. Nhưng tại sao phải làm đạo mới? Nếu trí thức Chăm hiểu một cách rõ ràng cái gì là tín ngưỡng thì mọi việc cúng bái của người Chăm dù khác biệt nhau từ khu vực này sang khu vực khác, đều là quý hóa và đáng được bảo tồn. Tại sao tín ngưỡng người Việt cũng có nhiều chỗ dị biệt nhưng không ai đề nghị sửa đổi, ngược lại, người ta chỉ thích chỉ trích giáo lý người Chăm. Khi đã công nhận người Chăm có tín ngưỡng thì phải nhận sự dị biệt của nó. Vì đó là lòng tin, là quyền thiêng liêng của con người.

4. Tác giả cho rằng "tín ngưỡng người Chăm nghiêng về hình thức cầu cúng, tạo ra gánh nặng cho xã hội Chăm" (trang 43). Đây là nhận xét theo chiều hướng Cac Mac và Lênin. Đúng trên phương diện khoa học, người Chăm là một dân tộc không mê tín dị đoan, như một số tác giả thường hiểu lầm, nhưng là một dân tộc có lòng tin sâu đậm vào sự liên hệ giữa người còn sống và người đã chết hay với thế giới siêu hình. Đây là tín ngưỡng chung của tất cả dân tộc ở khu vực Đông Nam Á, và cả Việt Nam chứ không riêng gì người Chăm.

Nếu tác giả có dịp sang viếng Mã Lai, Nam Dương, Lao, Thái Lan, Kampuchea thì tác giả sẽ rõ chuyện này. Điển hình, một nông dân

Chăm luôn luôn bỏ công để cày cấy đám ruộng của mình một cách kỹ lưỡng và hoàn chỉnh các khâu trước khi gieo mạ. Khi đã gieo mạ xong, người Chăm hay cầu cúng vì đây là tín ngưỡng của họ, tại sao lại gán cho họ là mê tín dị đoan. Người Pháp, người Anh, người Thái, Kampuchea, Lao cũng làm như thế, tại sao lại cấm người Chăm làm. Nếu người Việt, sau khi gieo mạ không cúng cho thần linh thì đấy là văn hóa của người Việt, tại sao lại buộc người Chăm phải có lòng tin như người Việt?

Người Chăm hàng năm phải lên tháp Po Klaong Garai hay Po Romé để tạ ơn các tiên nhân trong dịp Katé. Họ biết rất rõ là khi lên làm lễ ở các tháp trong dịp Katé, Po Klaong Garai và Po Romé không bao giờ cho họ một xu nào, nhưng vì lòng tin và sự trung tín, họ phải có mặt. Tại sao một số nhà khoa học lại gán cho người Chăm mê tín dị đoan một cách vô trách nhiệm. Hàng ngàn người Việt đến viếng thăm lăng Bác Hồ hàng năm, nhưng Bác Hồ có cho họ gì đâu? Tại sao không gọi đây là mê tín dị đoan? Người Việt có quyền bỏ tiền hàng tháng để mua đồ cúng chay, cúng đình, cúng miếu, cúng lăng, cúng Phật Bà Quan Âm, cúng tổ tiên, cúng ông bà, tết trung thu, tết nguyên đán và còn hàng trăm cúng quảy khác, tại sao người ta không đề nghị với đảng và nhà nước sửa đổi phong tục người Việt nhưng chỉ đề nghị sửa đổi phong tục người Chăm?

Việc cúng quảy không bao giờ tạo ra gánh nặng cho xã hội Chăm như nhận xét của tác giả. Gánh nặng cho xã hội Chăm phát xuất từ luật thuế má của đảng và nhà nước quá nặng dành cho người Chăm đang sống trong khu vực sỏi đá cần cỗi so với chất lượng thu hoạch. Ai cũng biết, 99 phần trăm người Chăm sống về nghề nông, mà thuế nông nghiệp ở Việt Nam là khá nặng. Người Chăm chuyên về nghề nông nhưng người Chăm không đủ đất để trồng trọt. Gánh nặng xã hội Chăm phát xuất từ thiếu đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, nhưng đảng và nhà nước không quan tâm để tìm công ăn việc làm khác cho họ. Đứng trên phương diện nông nghiệp mà nói, đồng bằng Phan Rang và Phan Rí chỉ đủ cho 40.000 người Chăm khai thác nghề nông, thì họ mới có thể sống được. Hôm nay, cùng đồng bằng này bị xén cắt từng sào, từng thước để chia cho tổng số dân cả Việt lẫn Chăm gần 2 triệu người. Mỗi gia đình người Chăm chỉ có hai ba sào đất. Làm sao họ có thể nuôi thân và con cái của họ với ba sào đất này? Thật ra,

hoàn cảnh người Chăm hôm nay thảm thương chẳng khác gì loài khỉ hay vượn đang sống trong rừng hoang phế không cây cỏ và chờ ngày chết.

Tóm lại, không phải vì người Chăm cúng quẩy mà lâm vào vòng nghèo đói, nhưng do chính sách kinh tế và xã hội của đảng và nhà nước Việt Nam cố ý hay vô tình biến người Chăm thành một dân tộc nghèo đói thì đúng hơn. Tại sao khi xưa cũng như dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, dân Chăm sống thanh nhàn hơn? Cùng số lượng người Chăm đó, sau 1975 dưới Chế Độ Chủ Nghĩa Xã Hội, người Chăm lại kham khổ hơn: nợ nần, phá sản nhiều hơn, thậm chí không còn chén cơm để sống qua ngày. Sự khốn đốn này phải chăng vì dân tộc Chăm không phải là dân tộc Việt, thành vậy nhà nước không quan tâm đến họ?

Gánh nặng xã hội Chăm không phải vì người Chăm cúng quẩy, nhưng phát xuất từ chính sách kinh tế và xã hội không phù hợp với truyền thống nông nghiệp của người Chăm đã biến cộng đồng người Chăm thành nhóm người nghèo đói hôm nay.

Về phương diện sức khỏe, may thay người Chăm cũng nhờ vào cúng quẩy mà lâu lâu mới có được một chút thịt để nuôi dưỡng thân thể, nếu không chắc có lẽ họ còn gầy còm hơn vì không có tiền mua thịt bò, thịt gà để dùng trong bữa cơm hàng ngày của họ.

5. Tác giả cho rằng "tu sĩ Chăm đang thiếu vắng một thế hệ kế tục" nhận định này hoàn toàn đúng. Nhưng sự khủng hoảng này không thể đổ tội cho giới tu sĩ, ngược lại phải đổ tội này cho giới trí thức Chăm, vì họ thường hay có thái độ khinh miệt chê bai tầng lớp tu sĩ và chỉ biết than phiền là các nhà tu sĩ không có học vị, không hiểu gì về kinh sách và cũng không biết gì về nội dung kinh kệ của họ, nhưng trí thức Chăm không muốn dấn thân để làm tu sĩ. Trí thức Chăm luôn luôn cần tu sĩ trong tín ngưỡng của họ, nhưng cũng chính trí thức Chăm luôn luôn chống lại việc làm của tu sĩ và cho họ chỉ biết lợi dụng, đi đám để lấy tiền, và còn mang theo cả cỗ lộc.

So với dân tộc Kampuchea, Thái, Lào, mỗi một thôn như thôn Hữu Đức, hàng ngày họ phải nuôi hơn 300 tu sĩ Phật Giáo, mà dân tộc này có lâm vào tình trạng nghèo đói như dân tộc Chăm đâu.

Nếu muốn cho tu sĩ Chăm có thế hệ kế tục, người trí thức Chăm phải thay đổi phong cách suy nghĩ về các tu sĩ Chăm, đồng thời dấn

thần để làm tu sĩ trước.

6. Tác giả cho rằng: "Một số tín đồ tôn giáo truyền thống của người Chăm từ bỏ đạo mình đi tìm một đức tin khác - một ý thức tôn giáo mới được xác lập". Lời nhận xét tác giả rất là chí lý. Phong trào bỏ truyền thống Chăm để theo một tôn giáo khác có thể phát xuất từ ba nguyên nhân chính:

- Vì sự nghèo đói, người Chăm đi tìm đạo khác để có chút hỗ trợ.

- Một số người Chăm vì không còn trách nhiệm với nguồn gốc và truyền thống dân tộc họ nữa và có thái độ chê trách truyền thống và tiền đồ của tổ tiên để lại là lạc hậu, thành ra phải đi tìm đạo khác để làm niềm tin.

- Sau năm 1975, truyền thống tổ chức xã hội, làng xã và gia đình Chăm hoàn toàn sụp đổ, tất cả đều bị đảo lộn. Mọi tôn ti trật tự của xã hội đã bị đảo ngược. Xưa kia, văn hóa phong tục và tôn ti trật tự của xã hội Chăm nằm trong tay của ông quận trưởng người Chăm, dù do chính quyền Việt Nam bổ nhiệm. Nhưng đối với đồng bào Chăm, ông quận trưởng là nhà lãnh đạo có thực quyền và có trọng trách đối với truyền thống dân tộc mình, có quyền xét xử những ai không tôn trọng truyền thống văn hóa dân tộc. Hôm nay, cơ sở tổ chức này không còn nữa. Tập thể người Chăm không có tổ chức, không người lãnh đạo. Chính vì thế, ai cũng có quyền bỏ tín ngưỡng mình để theo tôn giáo mới.

VN111. «Cảm hứng tính dục trong điêu khắc Chăm»,

của Từ Quốc Hoài

trong tạp chí Thế Giới Mới,

Số 421, Xuân Tân Ty 2001, trang 36-37

Cảm tưởng của Từ Quốc Hoài khi viếng thăm Bảo tàng Chăm Đà Nẵng.

Theo Từ Quốc Hoài, ông chợt nhớ tới lời thán phục của học giả người Pháp Ch. Lemire khi ông chiêm ngưỡng các tượng vũ nữ Chăm: "cảm giác vừa sững sờ thán phục, vừa hoan hỉ trong những xúc cảm đầy tính dục (...)".

Trong bài tác giả còn cho rằng : "Một vua Chăm hiển nhiên có quyền có nhiều vợ, nhiều phi tần, cung nữ. (...) các thiếu nữ trước khi về nhà chồng đều "được" ra mắt vua, nhà vua có thể hưởng lạc với bất

cứ ai trong số họ..."

Khi đọc bài này người ta có cảm tưởng Từ Quốc Hoài đang điên loạn vì tính dục khi chiêm ngưỡng các tượng vũ nữ Chăm. Độc giả cũng nghĩ rằng: ông ta đang xuyên tạc và bôi bác các vị vua Champa xưa kia, khi viết ra những điều thô lỗ mà không đưa ra một dẫn chứng cụ thể.

VN112. <<Tìm hiểu những nguyên nhân>>,

Nguyễn Văn Huy

trong tạp chí Thông Luận, Số 146, tháng 3-2001, trang 2-4

Bài nhận định về những biến cố tháng 2-2001 trên cao nguyên.

Sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên Champa vào tháng 2 năm 2001 đòi chính quyền Hà Nội trao trả lại đất đai của họ là một biến cố chính trị vô cùng quan trọng lần đầu tiên xảy ra trong chế độ Cộng Sản Việt Nam từ 1975. Biến cố chống lại chính quyền Hà Nội đã xảy cùng một lúc ở ba khu vực Ban Mê Thuột, Kon Tum, Plei Ku đã chứng tỏ rằng đây là một sự vùng dậy có tổ chức và chuẩn bị lâu dài của dân tộc Tây Nguyên, mặc dù sống trong chế độ Cộng Sản, một chế độ mà quyền hành của công an là tối cao. Đây là một biến cố thử thách sống chết do anh em Tây Nguyên tạo ra đã làm chấn động bàn cờ chính trị ở Đông Dương. Vì không ai tin rằng có chuyện này xảy ra dưới chế độ Cộng Sản.

Theo tác giả Nguyễn Văn Huy, sự vùng dậy này xuất phát từ nguyên nhân chính yếu.

Trên phương diện lịch sử, dân tộc Tây Nguyên có một ý thức hệ rất rõ rệt về quy chế biên giới đất đai của họ, truyền thống văn hóa và tín ngưỡng của họ và nhất là ý thức hệ về nguồn gốc lịch sử của họ. Dân tộc Tây Nguyên sẵn sàng chấp nhận làm công nhân Việt Nam dù dưới thời Việt Nam Cộng Hòa hay là dưới thời Cộng Sản, nhưng họ không bao giờ chấp nhận, nhân danh chủ nghĩa chính trị, nhà nước Việt Nam dùng súng đạn để xâm chiếm hay tước đoạt đất đai của họ, nhất là dùng quyền lực để thay đổi cơ chế xã hội, phong tục tập quán của họ để biến dân tộc Tây Nguyên này thành một công dân mới theo chủ thuyết Mac và Lênin.

Từ năm 1975, nhân danh chủ thuyết chính trị, Đảng và Nhà Nước Việt Nam không có một quy chế rõ rệt về dân tộc thiểu số nói chung

và dân tộc Tây Nguyên nói riêng. Các cấp lãnh đạo địa phương tung hoành tước đoạt đất đai, bắt bớ, giam cầm, gán ghép tội lỗi bừa bãi và cấm đoán truyền bá đạo lý Tin Lành, đóng cửa nhà thờ không cho các tín đồ sinh hoạt tín ngưỡng, v.v. Ngoài chính sách này, các cấp lãnh đạo địa phương, nhân danh quyền lực và nhân danh chủ nghĩa chính trị chỉ xem dân tộc Tây Nguyên là người man rợ, không có một chính sách qui mô nhằm nâng cao cuộc sống của dân tộc Tây Nguyên. Thêm vào đó, Đảng và Nhà Nước Việt Nam dựng lên các công ty quốc doanh và chiếm cứ đất đai không cần qui chế nhằm biến khu vực Tây Nguyên thành đồn điền cà phê của nhà nước, đưa hàng triệu người Kinh lên Tây Nguyên chiếm cứ đất đai để thành lập khu kinh tế mới.

Đất đai bị tước đoạt, đã đẩy dân tộc Tây Nguyên chuyên sống về ngành nông nghiệp lưu canh vào sự bần cùng hóa. Chính sách cấm đoán mọi lễ nghi truyền thống vì cho đây là mê tín dị đoan, mọi công tác hành đạo vì không phù hợp với chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa đã làm đảo lộn hoàn toàn cơ chế tổ chức gia đình và xã hội người Tây Nguyên. Chính những nguyên nhân này đã gây nên sự phẫn uất đưa dân tộc Tây Nguyên vùng dậy vào tháng 2 năm 2001 nhằm đòi chính quyền Hà Nội phải trao trả đất đai lại và phải tôn trọng tuyệt đối di sản văn hóa và truyền thống của họ.

Cuộc vùng dậy này hoàn toàn phát xuất từ một chính sách kinh tế, xã hội và văn hóa của chính quyền Hà Nội không đáp ứng với nguyện vọng của dân tộc Tây Nguyên chứ không phải phát xuất từ sự sách động bên ngoài.

VN113. «Nhìn lại vấn đề người Thượng»,
Nguyễn Văn Huy

trong tạp chí Thông Luận, Số 147, tháng 4-2001, trang 6-9

Bài tường thuật về chính sách Hà Nội nhằm dập tắt cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào tháng 2 năm 2001.

Cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào tháng 2 năm 2001 chỉ có một mục tiêu duy nhất đó là dân tộc Tây Nguyên đòi chính quyền Hà Nội phải tôn trọng nhân quyền, tự do tín ngưỡng và trả lại đất đai của họ đã bị người Kinh chiếm hừa.

Theo tác giả, biến cố này xuất phát từ vấn đề khủng hoảng đất đai.

Đối với dân tộc Tây Nguyên, họ luôn luôn nghĩ rằng đất đai Tây Nguyên là sở hữu riêng tư của họ từ lâu đời. Không nhân danh quyền lực quốc gia hay chủ nghĩa chính trị để chiếm hữu đất đai của họ. Đối với họ, cuộc tước đoạt đất đai này có nghĩa là nhà nước Việt Nam tước đoạt truyền thống của họ và chủ yếu là đưa họ vào sự bần cùng hóa. Dân tộc Tây Nguyên là nạn nhân hàng đầu trước tình hình kinh tế kiệt quệ và sự nghèo đói từ năm 1975 cho đến hôm nay. Người Kinh không có đất, còn có thể sống vào nghề vật vãnh khác, nhưng người dân tộc ở Tây Nguyên gần một triệu người chuyên về nông nghiệp lưu canh, không có đất đai thì không biết họ phải làm gì để nuôi thân.

Điều mà dân tộc Tây Nguyên không bao giờ quên trong tiềm thức họ, đó là dưới thời Pháp Thuộc hay trước năm 1954 chưa đầy 300 người Kinh sống ở Vùng Tây Nguyên. Hôm nay, hơn mấy triệu người Kinh tràn ngập cả thành phố và rừng núi Tây Nguyên.

Suy nghĩ về một chính sách dân tộc ở Việt Nam dù dưới thời Việt Nam Cộng Hòa hay dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, tác giả Phan Văn Huy đưa ra một nhận định rất sâu sắc: «Việt Nam chỉ là một quốc gia còn rất mới. Miền Trung chỉ mới được hội nhập xong từ thế kỷ 17, miền Nam vào thế kỷ 18 và cao nguyên miền Trung vào thế kỷ 20. Dân tộc Việt Nam đã tiếp nhận thêm đất đai cũng như chủng tộc, tuy vậy tổ chức xã hội của Việt Nam lại không thích nghi với những thay đổi đó và vẫn được quan niệm một cách sai lầm như là đất nước của một cộng đồng duy nhất: cộng đồng người Kinh. Lịch sử Việt Nam là lịch sử của người Kinh. Văn hóa Việt Nam là văn hóa của người Kinh. Các quan niệm về đạo lý, xã hội, luật pháp đều dựa trên người Kinh và chỉ nhằm phục vụ người Kinh». Chính sách phi lý này là nguyên nhân chính yếu giải thích cho sự hình thành phong trào BAJARAKA vào năm 1958, mặt trận FULRO vào năm 1964 và sau cùng cuộc vùng dậy ở Tây Nguyên vào tháng 2 năm 2001. Đây là một biến cố quan trọng mà không ai có thể ngờ được: dân tộc Tây Nguyên dưới chế độ Cộng Sản dám đứng ra đấu tranh đòi nhà nước trả lại đất đai của họ.

Nhằm dẹp tắt cuộc vùng dậy này, một mặt chính quyền Hà Nội đưa hàng ngàn lực lượng vô trang lên cao nguyên để thẳng tay thanh trừng những người Tây Nguyên tham gia cuộc biểu tình với nhiều biện pháp như bắt bớ giam cầm và gán cho họ là người theo FULRO

nhằm sách động đồng bào dân tộc chống nhà nước vô nguyên có. Mặt khác, chính quyền Hà Nội đưa ra chính sách ve vãn sự bất mãn của dân tộc Tây Nguyên với bao lời hứa hảo huyền qua các danh từ trống rỗng: sẽ giải quyết hay sẽ cứu xét mọi yêu cầu của họ nhưng không qui định ngày tháng chừng nào chính quyền sẽ giải quyết hay cứu xét. Theo tác giả, Hà Nội chẳng loại trừ phương pháp nào ngay cả phương pháp thất nhân tâm nhằm triệt hạ cuộc nổi dậy này. Họ tiến hành ly gián, bắt bớ những người tình nghi, phân chia các dân tộc để trị như <<dùng người dân tộc này trấn áp người sắc tộc kia, gây chia rẽ trong giới người Thượng>>.

Dưới sự đàn áp mạnh mẽ của chính quyền Hà Nội, hàng ngàn người dân tộc Tây Nguyên buộc phải chạy sang lánh nạn ở Kampuchea. Cuộc vùng dậy này đã trở thành một biến cố gây go trên bàn cờ chính trị Đông Dương. Hà Nội yêu cầu chính phủ Kampuchea trao trả những người Tây Nguyên hiện đang ẩn trú ở quốc gia này. Chính phủ Kampuchea, vì trung thành với hiệp ước hữu nghị với Hà Nội, hăm dọa trao trả lại cho Việt Nam những người lánh nạn ở Kampuchea. Liên Hiệp Quốc và chính phủ Hoa Kỳ đã phản đối và tìm mọi cách đưa tất cả người Tây Nguyên sang định cư ở Hoa Kỳ.

Trước quyền lực và súng đạn, cuộc vùng dậy tháng 2 năm 2001 coi như tạm ngưng. Nhưng sự tạm ngưng này còn chứa chất nhiều bí ẩn. Vì rằng đối với dân tộc Tây Nguyên nói riêng và dân tộc Champa nói chung, đấu tranh để bảo vệ quyền sống của họ đã trở thành một ý thức hệ kể từ năm 1964 xuất phát từ danh nghĩa FULRO (Front unifié de lutte de races opprimées) có nghĩa là Mặt trận đấu tranh của dân tộc bị áp bức. Để thay lời kết luận có thể dùng câu cửa miệng của dân tộc Tây Nguyên: còn áp bức thì còn FULRO, hết áp bức thì hết FULRO.

**VN114. «Văn Phòng Liên Lạc
Thanh Niên Champa Thế Giới»,**

Anah Bin Thwol

trong Thời Báo, Số 753, ngày 19-4-2001, trang 162

Bài là lá thư kêu gọi toàn thể đồng hương và anh em nghệ sĩ Việt Nam trong cùng như ngoài nước tranh đấu với Cộng Sản Việt Nam để đòi tự do và nhân quyền cho toàn thể sắc dân ở Việt Nam.

Lá thư kêu gọi này chỉ là bản văn chính trị vì người Chăm ở hải

ngoại không biết "Văn Phòng Liên Lạc Thanh Niên Champa Thế Giới" ở đâu và cũng không ai biết Anah Bin Thuol là ai?

VN115. «CD ca nhạc Chăm truyền thống của Chế Linh»,

Thời Báo

trong Thời Báo, Số 753, ngày 19-4-2001, trang 162

Bài giới thiệu CD ca nhạc Chăm của Chế Linh. Theo nội dung, ca sĩ Chế Linh vừa thực hiện xong CD ca nhạc truyền thống Chăm dưới sự bảo trợ của Bộ Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Malaysia. CD này gồm 14 ca khúc và nhạc khúc, là những làn điệu dân ca và âm nhạc đặc thù của vương quốc Champa kể từ thế kỷ 2 cho đến năm 1832.

Thời Báo cũng trân trọng giới thiệu CD này đến đông đảo độc giả yêu nhạc.



VN31. Ông Yadúk đang đọc báo Công An

VN116. «Ksor Ksok không thể coi là người Tây Nguyên»,

của Gia Phúc, Trương Tuấn

trong Báo Công An, Số 1021, ngày 28-2-2002

Bài tường thuật cuộc trao đổi giữa ông Naria Yadúk với Phóng viên báo Công An Thành Phố vào sáng 25-2-2002.

Nội dung cuộc phỏng vấn xoay quanh vấn đề cuộc gặp gỡ của ông Peterson, Đại sứ toàn quyền của Hoa Kỳ ở Việt Nam với ông Yadúk liên quan đến việc nổi dậy

của các dân tộc ở Tây Nguyên trong tháng 2-2001.

Theo ông Yadúk, ông là người được Đảng và Nhà nước Việt Nam khoan hồng. Ông Yadúk không chấp nhận ông Ksor Ksok tự xưng là

214 Báo chí tiếng Việt

người lãnh đạo, đứng ra tổ chức cuộc nổi dậy ở Tây Nguyên trong tháng 2-2001. Vì rằng ông Ksor Ksok ít học và không có khả năng, khi xưa chỉ là lính bảo vệ của ông ta.

Ai cũng biết Yadúk là cán bộ FULRO thời Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1968 ông đã được chính phủ Sài Gòn khoan hồng và cho công ăn việc làm. Hôm nay ông ta cũng được đảng và nhà nước khoan hồng, bởi vậy, lời tuyên bố của ông ta là không có gì để bình luận.

3. Báo chí tiếng Việt

Đây là một số bài viết có liên quan đến Champa trong các báo chí bằng tiếng Việt kể từ 1975.

Các tin tức có liên quan đến Champa và người Chăm trong các báo chí ở Việt Nam kể ra cũng tương đối, nhưng vì một thực tế khách quan, chúng tôi không có cơ hội để sưu tầm hết được. Ở đây chúng tôi chỉ tập hợp được một số ít. Nhưng dẫu sao, nó cũng gợi cho thấy đôi nét về sinh hoạt, các mối liên quan đối với cộng đồng Champa và xã hội người Chăm hiện nay.

Trong khoảng 116 bài chúng tôi đã thu thập được, thì có: 17 bài liên quan đến di sản Tháp Chăm; 23 viết về lễ hội truyền thống, văn hóa nghệ thuật Chăm; 31 bài giới thiệu tác phẩm tác giả và nhân vật; 2 bài viết về sự ảnh hưởng của nền văn hóa Champa đối với nền văn hóa hay kiến trúc Việt Nam; 2 bài viết về người Chăm ở Thành Phố Hồ Chí Minh; 5 bài viết về tiểu thủ công nghiệp của người Chăm; 5 bài viết có liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng; 2 bài nói về sự kiện Tây Nguyên; 2 bài thông tin về ngày ra mắt Champaka; ngày hội văn hóa thể thao ở tỉnh Ninh Thuận. 4 bài mang tính cách nghiên cứu. 8 bài liên quan đến xã hội. 15 bài thơ văn, truyện ngắn, ký sự, sự kiện có liên quan đến văn hóa hay sinh hoạt của cộng đồng người Chăm.

Trong thời gian từ 1975 đến 1990, là khoảng thời gian mà dường như thông tin về Champa không thấy xuất hiện trên các báo chí bằng tiếng Việt ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài. Các nguồn tin thu được từ các báo chí Việt Nam chỉ bắt đầu có được từ năm 1990, nghĩa là, sau ngày "Mở cửa" ở Việt Nam vào khoảng 1986, thời kỳ mà lịch sử Việt Nam bắt đầu đi vào một khúc quanh mới. Cơ chế kinh tế thị trường có ít nhiều làm biến đổi xã hội. Các ngành nghề của Việt Nam cũng bắt đầu vươn dậy. Ngành du lịch của Việt Nam cũng bắt đầu làm quen với khách thập phương. Thông tin và các bài viết về di tích, di vật, Tháp Chăm tăng dần theo sự tăng trưởng của nền du lịch Việt Nam. Các bài viết về lĩnh vực này tăng dần từ năm 1993 và tập trung cao nhất vào năm 1995. Sau 1995 các thông tin về di tích và Tháp

Chăm hầu như ngưng lại.

Sự biến đổi cơ chế cùng kéo theo hàng loạt các biến đổi khác trong mọi lĩnh vực. Các thông tin về các lễ hội truyền thống dân gian cũng bắt đầu có mặt trên các báo chí Việt Nam. Các tin tức về lĩnh vực này trải dài đều đặn từ năm 1990 cho đến năm 2000.

Sự ra đời tập sách "Văn Học Chăm, Khái Luận-Văn Tuyển" của Inrasara (người Chăm) vào năm 1994 và được giải thưởng của Đại Học Sorbone Pháp đã có tác dụng lớn, kéo được sự chú ý của giới báo chí và học giả Việt Nam vào nền văn minh và vấn đề xã hội Champa. Sự kiện này cũng là một trong những yếu tố đã dẫn đến sự bùng nổ số lượng thông tin về Champa trong năm 1995 ở Việt Nam (có tất cả 44 bài trên tổng số 116).

Cũng chính trong thời kỳ này một họa sĩ người Chăm, Đàng Năng Thọ được sự trợ giúp của các Cơ Quan Nhà Nước và Thông Tấn Xã Việt Nam, đã mang tranh và tượng của mình ra triển lãm ở Hà Nội và thu hút được nhiều báo chí ở thủ đô. Năm 1995 cũng là năm trình diễn văn hóa nghệ thuật Chăm đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Văn hóa nghệ thuật Chăm đã dành được địa vị cao trong các hội diễn nghệ thuật dân gian. Nhiều nghệ nhân Chăm đã đạt được các huy chương vàng trong các kỳ đại hội và được các giới báo chí bàn bạc.

Sau năm 1996 các thông tin về Champa ở Việt Nam giảm, số lượng thông tin về Champa chỉ tồn đọng ở mức trung bình 4-5 bài một năm.

Đến năm 1999 lại có sự đột biến thông tin về Champa (khoảng 15 bài). Sự ra đời của tạp chí nghiên cứu Champaka do IOC ấn hành 1999 ra mắt vào tháng 12-1999 đã gây được tiếng vang lớn với các giới báo chí và cả học giả nước ngoài. Một tờ báo tiếng Việt ở hải ngoại "Văn Hóa" đã xin phép trích một số bài để in lại. Cùng thời kỳ này ở Việt Nam cũng có nhiều bài viết liên quan đến văn chương và văn học Chăm, mà tác giả của các bài viết này đa số là gốc người Chăm (Chế Trầm Sa; Lâm Gia Tiến; Inrasara; Yami; Đàng Năng Hòa; Quang Cẩn; Văn Món; Đạt Chử.v.v)

1) Bài viết về nhân vật và tác giả Chăm

Nhân vật được các báo chí Việt Nam đề cập đến là họa sĩ Đàng Năng Thọ gồm 17 bài giới thiệu về tác phẩm và tác giả; Inrasara gồm 6 bài viết về tác phẩm và tác giả; nhạc sĩ Amư Nhân; ca sĩ Chil-Pam Mơ Lam; anh nông dân giỏi Y Lanh; cô ca sĩ Rơ Chăm Phiang; cô học sinh giỏi Trần Thị Lệ Thủy ...

Nội dung các bài này thông thường là đưa tin, giới thiệu đôi nét về bản thân, việc làm, thành tích đạt được cũng như giá trị đóng góp của các nhân vật này vào cộng đồng xã hội.

Trên phương diện nào đó, các bài khen ngợi này còn có một ẩn ý chính trị là làm thế nào để nhà nước có thể hòa nhập được một dân tộc Chăm đã kế thừa một di sản văn hóa đồ sộ có giá trị lâu đời, và trong số dân tộc này có thể có khả năng di truyền về năng lực, văn hóa và nghệ thuật của cha ông từ xa xưa, để người Chăm đóng góp công sức của mình vào một xã hội mới, cùng chung xây dựng, chấp nhận đi chung con đường và ý thức hệ chính trị Việt Nam hiện nay.

2) Các bài viết về di sản tháp Chăm.

Các bài viết có liên quan đến di sản tháp Chăm, phần lớn được tác giả dựa vào các thành quả nghiên cứu từ trước của các nhà nghiên cứu Pháp (nhất là các nhà nghiên cứu thuộc Viện Viễn Đông Pháp).

Nội dung của bài viết này thường khái quát cho thấy các di tích hiện còn tồn đọng lại, các quần thể, vị trí, phong cách của tháp, các di tích di vật đã sưu tầm được, cũng như giá trị của nó đã minh chứng cho một nền văn minh văn hóa cổ cao độ Champa. Hiện nay một trong số các di tích này đã được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Nhưng cũng thật đáng buồn khi những di sản văn hóa giá trị này chưa được bảo quản đúng mức.

Các bài nghiên cứu trên đây hẳn nhiên không thuần túy khoa học, trọng tâm không đi sâu vào công việc tìm hiểu một nền văn minh và văn hóa cổ Champa, nhưng thường chỉ muốn giới thiệu đến đông đảo bạn đọc nhằm vào mục đích du lịch nhiều hơn. Vì các tác giả của các bài viết cũng như nhà xuất bản về mảng đề tài này đa số là những người có nghề nghiệp liên quan với các di tích, di sản văn hóa Champa hay thuộc ngành kiến trúc và du lịch.

Xuyên qua 17 bài viết về các di sản Tháp và Bảo Tàng Chăm trải dài từ 1993 cho đến cuối năm 2000, độc giả cũng có thể nhận thấy, số bài được tập trung nhiều nhất là trong năm 1995. Sự kiện này có thể bắt nguồn từ hai yếu tố chính yếu, đó là sự tăng trưởng của ngành du lịch Việt Nam sau những năm 1990; di tích lịch sử của Champa ngày càng trở thành điểm thu hút các khách du lịch; sự thành tựu về các công trình nghiên cứu Champa ngày càng nhiều hơn.

3) Sự kiện xã hội và vấn đề văn hóa

Các bài viết về các lễ hội liên quan đến văn hóa truyền thống của các dân tộc Champa là tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử xã hội. Tất nhiên chúng cũng mang yếu tố thông tin nhiều hơn.

Trước những năm 1990, các tập tục và truyền thống của các dân tộc được coi là mê tín và lạc hậu. Các sự kiện về lễ hội truyền thống các dân tộc ít được các giới lãnh đạo và nhà nước chú tâm. Họa hoằn lắm mới xảy ra lễ tế một vài nơi các lễ hội truyền thống mang tính tín ngưỡng ở các địa phương. Các lễ hội này không có qui mô, hẳn nhiên không đủ sức thu hút dư luận quần chúng, cho nên cũng khiếm khuyết hẳn các bài viết về lễ hội và văn hóa của các dân tộc vào các thời kỳ này.

Kể từ sau năm 1990, các nhận định về các truyền thống văn hóa và tín ngưỡng dân gian đã có ít nhiều thay đổi, người dân được phép phục hồi truyền thống văn hóa và tín ngưỡng của mình, từ đó, các sự kiện văn hóa nhanh chóng lan tràn sâu rộng vào các tầng lớp xã hội, các lễ hội truyền thống dân gian ngày càng được phục hồi, ngày càng có qui mô lớn, đủ sức thu hút đông đảo dư luận, chính trong khoảng thời gian này (1990-2000), các bài viết về lễ hội truyền thống và văn hóa nghệ thuật Champa mới xuất hiện.

Dân tộc Champa là dân tộc có văn hóa truyền thống đặc sắc phong phú và lâu đời. Sự kiện văn hóa Champa trên thực tế có sức thu hút trên khắp đất nước Việt Nam và ngay cả với khách quốc tế thập phương. Nhưng căn cứ trên các bài viết về các lễ hội Champa và người Chăm ở Việt Nam chỉ tựu trung ở các báo địa phương, điều này như nói lên rằng các lễ hội truyền thống dân gian của các dân tộc ở Việt Nam hiện nay là chưa làm được đầy đủ và đúng với tầm vóc của nó. Đó chính là nguyên nhân khiếm khuyết các bài viết về các lễ hội

truyền thống dân gian của dân tộc Champa nói chung và người Chăm nói riêng ở các báo chí.

4) Các bài viết về mảng đề tài khác

Nói về thủ công nghiệp của người Chăm hiện nay, giới báo chí chỉ biết đến ngành dệt thổ cẩm Chăm. Vì ngành này mới được phục hồi và nhanh chóng chiếm lĩnh thị hiếu của khách hàng trong nước cũng như ở nước ngoài. Nó cũng là điểm hấp dẫn cho các khách du lịch. Vì vậy nó cũng có nhiều cơ hội gặp gỡ các giới báo chí.

Các sáng tác, bình luận, và giới thiệu văn học Chăm trong năm 1999 là sự kiện đặc biệt. Trong 15 bài viết có liên quan đến Champa và người Chăm trong năm 1999 mà chúng tôi sưu tầm được có đến 12 bài là của tác giả gốc người Chăm. Cũng chính trong năm 1999 người Chăm ở hải ngoại cũng đã cho ra đời tập san nghiên cứu Champaka và tập san Vijaya của Hội Bảo Tồn Văn Hóa ở Hoa Kỳ. Sự ngẫu nhiên này có thể chẳng sẽ trở thành một bước quan trọng trong tiến trình lịch sử của nền văn học Chăm hiện đại?

* *

Tựu trung, các bài viết có liên quan đến Champa 1975 cho đến nay mang tính thông tin nhiều hơn là nghiên cứu chuyên sâu. Các tác giả của các bài viết này thường ghi nhận một cách khái quát các sự kiện lịch sử xã hội, hay sự việc đã xảy ra. Nó có thể cung ứng cho bạn đọc cái khái niệm sơ bộ về một sự việc. Đôi khi, tác giả cũng đưa ra các nhận định của mình về các sự kiện này, như là một hình thức phê phán hay bày tỏ thái độ. Trong trường hợp này độc giả nhận thấy có hai xu hướng khá rõ rệt, đó là nhận định khách quan và chủ quan.

Các nhận định khách quan thường mang lại giá trị thật của các sự việc. Ngược lại, những nhận định chủ quan thường đưa tới những sự nhầm lẫn. Cũng có tác giả viết bài vì chỉ muốn bôi bác hay xuyên tạc về một vấn đề như VN 111. Cũng có tác giả viết nhưng chưa đi sâu đề tài của mình và không có gì mới lạ để đóng góp vào các công trình nghiên cứu chung về Champa hiện nay như VN14, VN21, VN52 v.v.

Trong các lĩnh vực mà họ quan tâm là chưa đồng khắp. Các lĩnh vực chính yếu như: giáo dục, chính trị, lịch sử, kinh tế, mức sống

150 Báo chí tiếng Việt

người dân v.v chưa được ai nghiên cứu và giải quyết.

Trong số các tác giả người Việt, đề tài ưa thích của họ là di tích, đền tháp, văn hóa, giới thiệu tác giả tác phẩm và nhân vật. Trong khi đó các tác giả là người Chăm đề tài của họ là văn học, sáng tác và giới thiệu văn hóa xã hội Chăm.

**VN1. «Vấn đề dân tộc là vấn đề văn hóa.
Trích bài phát biểu tại hội nghị văn hóa dân tộc
lần thứ I (1-12-1977), của Phạm Văn Đồng»,
trong Ngày Hội Văn Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, trang 1-2**

Bài đề cập đến vấn đề văn hóa các dân tộc.

Theo ông Phạm Văn Đồng, «nói đến dân tộc là nói đến văn hóa với nghĩa rộng từ văn học nghệ thuật đến phong tục, tập quán... »

Theo nội dung, các dân tộc ở Việt Nam đều có truyền thống rất cao quý và tốt đẹp. Việc gìn giữ phát huy văn hóa các dân tộc là việc cần kíp phải làm. Bảo vệ phát huy được truyền thống dân tộc, là việc làm hết sức lợi ích.



VN1. Thiếu nữ Chăm trong ngày hội văn hóa các dân tộc tỉnh Thuận Hải

**VN2. «Tuổi trẻ Thuận Hải
với "Những ngày Hội Văn
hóa Thể thao các Dân tộc"
của Tỉnh»,
của Hải Liên,
trong Ngày Hội Văn Hóa Thể
Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, trang 3-4**

Bài viết thông tin về ngày hội Văn hóa Thể thao tại thị xã Phan Thiết.

Để kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, bày dân tộc thuộc 10 huyện, thị, gồm 200 diễn viên, của các dân tộc và trên 200 vận động viên thể dục thể thao của thị xã Phan Thiết tụ tập về Nhà hát Nhân dân Tỉnh, để tham gia ngày hội.

VN3. «Những ngày hội thiêng liêng đậm ăm»,
của Đỗ Quang Vinh,
trong Ngày Hội Văn Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, trang 5-7

Theo nội dung, đây là lần đầu tiên tỉnh Thuận Hải tổ chức ngày văn hóa, thể thao của các dân tộc tỉnh Thuận Hải, với hình thức rất mới mẻ.

Trong ngày hội có cả việc trưng bày, giới thiệu sản phẩm văn hóa tại lều trại, biểu diễn văn nghệ dân gian các dân tộc, chọn những tiết mục xuất sắc tham gia hội diễn chung.

VN4. «Những kỷ niệm khó quên với các nghệ sĩ dân gian»,
của Đặng Hùng,
trong Ngày Hội Văn Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, trang 8-9

Bài viết là lời tự sự của tác giả về sự gặp gỡ các nghệ sĩ dân gian của các dân tộc, nhất là dân tộc Chăm: Thạch Tiềm, Thiên Sanh Cảnh, Trương Tốn, Đào Hồ, Đàng Đẩu, Đàng Năng Quạ.v.v.



VN5. «Ảnh phụ trang ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc tỉnh Thuận Hải»,
của Văn Hôn, Đình Cường
trong Ngày Hội Văn Hóa
Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, phụ trang

Hình ảnh trong ngày hội văn hóa thể thao.

VN2. Thiếu nữ Chăm trong ngày hội văn hóa các dân tộc tỉnh Thuận Hải

**VN6. «Chil-Pam Mơ Lam
giọng hát hay của núi rừng Bác Ái»,**
của Hồ Ca,

trong Ngày Hội Văn
Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận
Hải,

3-1990, trang 10

Theo nội dung, Chil-Pam
Mơ Lam (dân tộc K'ho) một
hạt nhân nòng cốt của
phong trào văn nghệ địa
phương. Cô đã từng có mặt
trong các đêm biểu diễn
phục vụ cho đại hội Đảng
tỉnh, nghệ thuật quần chúng,
trong chương trình "Hát từ
làng Sen", ở đâu cô cũng
đành được những tình cảm



VN3. Chil Pam Mơ Lam

tốt đẹp của khán thính giả.

VN7. «Vì sao vượn hú ?»»,
của Hồ Phú Diên,

trong Ngày Hội Văn Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải, 3-1990, trang 11

Bài là truyện cổ của dân tộc K'ho giải thích vì sao vượn hú. Chuyện rằng, khỉ và vượn sống riêng biệt. Khỉ là giống làm biếng không chịu làm ăn, chỉ đợi đến mùa là rủ nhau đi bẻ trộm ngô, đậu của người trồng. Chuyện bại lộ, khỉ bị người đuổi, khỉ phải kéo đàn chạy đến tận biển. Ở đó, khỉ gặp vượn, khỉ nói dối với vượn là họ hàng khỉ giàu có lắm, ngô, đậu đầy rẫy, ai muốn ăn, tha hồ đến mà ăn. Vượn nghe nói tin thật, rủ nhau đến chỗ nương rẫy bạt ngàn, ngô đậu đầy ắp. Chúng kéo nhau vào ăn, phá phách. Thế là, chúng bị gặp họa. Dân làng bao vây đuổi bắt. Chúng chạy tán loạn và tìm cách thoát thân. Từ đó, chúng lạc mất lối về, nhớ về quê hương, buồn bã khóc lóc. Đó chính là tiếng hú u buồn của loài vượn.

VN8. «Người Chăm ở Thuận Hải»,
của Đình Hy,
trong Ngày Hội Văn Hóa Thể Thao
Các Dân Tộc, Thuận Hải,
3-1990, trang 13

Bài giới thiệu sách «Người Chăm ở Thuận Hải», do Sở Văn Hóa Thông Tin Thuận Hải xuất bản. Tập sách này gồm 12 luận văn của nhiều tác giả nghiên cứu liên quan đến các đề tài kinh tế, dân số, xã hội, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng.v.v.

VN9. «Di sản văn hóa Chăm Pa ở Thừa Thiên-Huế»,
của Lê Văn Thuyên,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 2, 1993, trang 2 và 17

Tác giả khái quát về các đền tháp của Champa ở khu vực Thừa Thiên-Huế và quá trình khai quật, thống kê, xếp hạng v.v. của các nhà nghiên cứu Pháp (nhất là các nhà nghiên cứu thuộc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp).

Hiện nay, ở khu vực Thừa Thiên-Huế còn có rất nhiều di tích di vật của vương quốc Champa cũ. Các di tích-di vật này rất đồ sộ và phong phú về các thể loại. Tuy nhiên, các di tích-di vật này chưa được chính quyền quan tâm bảo quản, vẫn còn vứt bỏ tùy tiện ở nhiều nơi. Đó là một trong những nguyên nhân đưa đến sự tàn phá nghiêm trọng các di vật di tích quý giá này.

Bài viết tâm huyết về việc cần kíp bảo quản và gìn giữ các di vật, di tích giá trị ở khu vực Thừa Thiên-Huế hiện nay.

VN10. «Dàn chiêng của người Ê Đê và M' Nông»,
của Sơn Hà,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 2, 1993, trang 16 và 24

Theo Sơn Hà, dàn chiêng của người Ê Đê rất được người Ê Đê coi trọng. Nó gồm có 10 chiếc (7 chiếc bằng và 3 chiếc nôm). Âm thanh của dàn chiêng này khác với dàn chiêng của Gia Rai, Ba Na. Vì âm hưởng của dàn chiêng M' Nông, và Ê Đê có âm thanh trầm ấm, chắc khỏe và vang xa hơn.

Nội dung bài còn cho thấy âm nhạc chia phối khá nhiều vào đời sống văn hóa của dân tộc vùng cao (người M' Nông và Ê Đê).

VN11. <<Lễ hội truyền thống ở Tây Nguyên>>,
của Chu Thái Sơn,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 1, 1994, trang 11

Theo Chu Thái Sơn, người Tây Nguyên hằng năm có nhiều lễ hội truyền thống như lễ hội mùa, hội đâm trâu, hội bỏ mả v.v. Các lễ hội này mang ý nghĩa trọng đại. Thông thường trong lễ hội có tham gia các quá trình sáng tạo nghệ thuật như điêu khắc, âm nhạc, kịch, đọc Khan (sử thi).v.v và tổ chức ăn uống trọng thể.

VN12. <<Tập quán chôn cất, chăm sóc mồ mả của người Bah Nar>>,
của Nguyễn Thảo,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 1, 1994, trang 12

Bài khái quát đôi nét về tập quán Banar.

Theo nội dung, người Banar khi chết thì được chôn vào một huyệt mộ trong ngôi nhà cất sẵn, có mái lợp bằng ngói, tôn, hay tre tranh, tùy theo khả năng của từng gia đình. Trong huyệt mộ có đặt một chiếc ghè lũng đất. Việc chăm sóc mồ mả là việc làm rất trân trọng.

VN13. <<Dưới chân đền Pô-Nu-Ga>>,
của M.T.H,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 2, 1994, trang 12

Bài viết về việc tranh chấp chức Sư Cả giữa các ông Hai Quý, Hán Chúc, Hán Dậu và Hán Sơn ở khu vực Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Theo nội dung, sau cái chết của ông Lâm Ai vào năm 1992, có xảy ra việc tranh chấp chức Sư Cả ở khu vực Ninh Phước. Việc tranh chấp này có làm rạn nứt tình thân thiện giữa cộng đồng người Chăm.

Nhưng dường như, tác giả là một người chưa am tường lắm về các chức sắc, phong tục cũng như lễ nghi của đồng bào Chăm, nên khi dùng từ phiên âm theo kiểu tác giả rất khó hiểu và không biết tác giả

muốn ám chỉ các yáng thần nào, lễ nghi gì?

VN14. «Vài nét về Đạo Hồi»,
của Xuân Quang,
trong Dân Tộc và Thời Đại,
Số 4, 1994, trang 22 và 23

Bài giới thiệu sơ lược về nền tảng giáo lý của đạo Hồi Giáo. Theo tác giả, trong hai thập kỷ gần đây một số giáo điều Hồi Giáo đã được đổi mới để thích nghi với những điều kiện mới của thời đại. Thử dụ điển hình là người Hồi Giáo có thể "dùng rượu, bia, ăn thịt lợn".

Đây là một lý luận vô căn cứ hoàn toàn ngược lại với giáo điều của Hồi Giáo.

VN15. «Urang Chăm đến Sài Gòn»,
của Jasamad Han,
trong Hội Văn Hóa Các Dân Tộc Thành Phố Hồ Chí Minh,
1994, trang 14 và 15

Theo tác giả, người Chăm ở Thành Phố Hồ Chí Minh hiện nay là một bộ phận cư dân Champa ngày xưa. Do nguyên nhân lịch sử, đã di cư đi nhiều nơi, và cuối cùng về cư ngụ ở các vùng Nanci, Hoà Hưng, Cầu Công Lý, Cầu Trương Minh Giảng, Thị Nghè, Cầu Chữ Y, Cầu Rạch Ông, Cầu Xóm Chi, Cầu Bình Tiên.

VN16. «Thủ Công Nghiệp người Chăm»,
trong Hội Văn Hóa Các Dân Tộc Thành Phố Hồ Chí Minh,
1994, trang 23

Theo nội dung, người Chăm kế thừa nhiều ngành thủ công nghệ từ lâu đời. Nhưng vì không có điều kiện thuận lợi, các ngành thủ công nghệ của người Chăm không phát triển được.



VN4. Tháp Hòa Lai

VN17. «Tháp Champa»,
của Phú Hân,
trong Văn Hóa Các Dân Tộc Thành Phố Hồ Chí Minh,
1994, trang 27

Theo tác giả, cư dân Champa xưa đã để lại cho đời nhiều công trình kiến trúc và nghệ thuật tuyệt

vời, suốt từ Hoành Sơn đến Biên Hòa. Chúng là điểm trung tâm thu hút khách du lịch. Nhưng thật đáng buồn là các công trình quý giá này chưa được bảo vệ và trùng tu đúng mức.

VN18. «Đôi nét về người Chăm tại TP Hồ Chí Minh»,
của Lý Du Sô,
trong Văn Hóa Các Dân Tộc,
1994, trang 17-19

Theo Lý Du Sô, có khoảng 5.000 người Chăm hiện đang sinh sống tại Thành Phố Hồ Chí Minh, toàn bộ những người này đều theo Hồi giáo nên đời sống của họ hoàn toàn gắn liền với các giáo lý của tôn giáo này.

VN19. «Người Chăm Nam Bộ có còn ai hát về những câu chuyện ngày xưa»,
của Phú Văn Hãn,
trong Văn Hóa Các Dân Tộc,
1994, trang 19, 20 và 40

Hiện nay người Chăm ở Trung Bộ còn cất giữ nhiều bản văn học chép tay và truyền miệng. Riêng người Chăm ở Nam Bộ thì chỉ còn đọng lại vài câu gia huấn ca Muk Thruh Palei, chuyện tình Sah Sakei và Nai Ratmah, hay chuyện cổ tích dân gian. Mặc dầu truyền thống yêu thích văn nghệ và thơ văn trong người Chăm ở Nam Bộ vẫn còn nguyên vẹn, nhưng do sự ràng buộc của giáo luật Hồi Giáo đã làm cho người Chăm phải ly khai với nguồn gốc văn hóa cổ truyền của họ: Văn hóa Ả Rập là đúng, truyền thống của Chăm là sai lầm.

Bài viết gọi lên vài cảm nghĩ của tác giả về sự trở ngại trong việc bảo tồn văn hóa người Chăm Nam Bộ. Theo tác giả, vấn đề khó khăn này không phải phát xuất từ giáo điều Hồi Giáo, nhưng từ một số người lãnh đạo tôn giáo Hồi Giáo này chủ trương thì đúng hơn.

Bài viết gọi cho bạn đọc một vài cảm nghĩ về trở ngại trong việc bảo tồn văn hóa người Chăm Nam Bộ.

Thật ra, không phải chỉ có người Chăm Nam Bộ là theo Hồi giáo. Trên thế giới ngày nay, có rất nhiều dân tộc và quốc gia theo tôn giáo này. Nhưng những quốc gia và dân tộc này không bao giờ bỏ truyền thống và văn hóa dân tộc của họ, mà ngược lại, họ luôn luôn coi trọng, tìm cách bảo tồn và phát huy nó như ở Malaysia, Indonesia.v.v

Vấn đề không phải là do giáo điều tôn giáo. Nhưng chính là do người lãnh đạo tôn giáo này.

VN20. <<Mặt Trận Tổ Quốc quận Bình Thạnh chăm lo đời sống cho bà con người dân tộc>>,

của Lý Du Số,
trong Văn Hóa Các Dân Tộc,
1994, trang 37 và 40

Bài viết là bài thông tin về việc Mặt Trận Tổ Quốc quận Bình Thạnh tặng 200 kg gạo và 20 kg đường cho 20 hộ nghèo người Chăm. Tác giả cũng cho biết, kể từ đầu năm Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Quận đã tặng trên 600 kg gạo cho các hộ nghèo người Chăm.

Bài viết cho thấy người Chăm ở Bình Thạnh ngày càng gặp nhiều khó khăn và nghèo đói hơn.

VN21. <<Nghĩ về những lễ hội của bà con tộc Chăm>>,

của Phương Hạnh,
trong Sài Gòn Giải Phóng,
1994, trang 3

Theo Phương Hạnh, người Chăm có nhiều lễ hội, một trong những lễ hội lớn nhất của người Chăm là Lễ Hội Katê. Vào dịp Katê bà con người Chăm, Việt, Hoa, Raglai v.v đi thăm viếng lẫn nhau, vui chơi và thưởng thức các bánh trái của lễ hội, được tổ chức một cách linh đình.

Cùng theo tác giả: « "tục" Katê kéo dài hàng tháng mới chấm dứt?>>

Đây là nhận định sai lầm, Katê kéo dài một tháng. Thời gian này không có nghĩa là mỗi một gia đình của người Chăm Ahier phải ăn Katê suốt một tháng, nhưng trong vòng một tháng đó các gia đình của người Chăm có thể tùy tiện tổ chức Katê vào lúc nào cũng được, tùy thuộc vào hoàn cảnh của mình.

VN22. <<Người đi tìm kho báu Văn Học Chăm>>,

của Nguyễn Đăng Cường,
trong Phụ Nữ, 30-4-1994

Bài viết về trí thức trẻ người Chăm, có bút hiệu là Inrasara, tác giả

quyển Văn Học Chăm, người mà theo Nguyễn Đăng Cương, đã bỏ ra 20 năm để đi sưu tầm tư liệu và 8 năm để viết tập sách Văn Học này.

Thật ra, công trình này không có gì là đồ sộ lắm, vì hầu như tất cả sách Chăm mà Inrasara sưu tầm được đều có sẵn trong thư viện ở Pháp trước năm 1975. Có lẽ Inrasara không biết trong thư Viện của Pháp có hàng ngàn tác phẩm viết bằng tiếng Chăm.

Inrasara rất có công trong việc giới thiệu văn học Chăm. Nhưng công trình này cần phải xét lại. Vì những nhận định không chính xác của tác giả. Thí dụ, nhận định của Inrasara trong bài thơ mà Inrasara đặt tên cho là Ariya Bini-Chăm mà bên Pháp gọi là Nai Mai Mang Makah là viết vào thời kỳ Po Romé (1651) là không vững vàng và còn nhiều sai lệch. Vì khi công chúa Mã Lai sang Champa là đã có tháp Po Romé rồi, trong chuyến đi này công chúa cùng sang viếng thăm khu vực Nha Trang và Phú Yên (Harek Kah Harek Dhei) tức trước chiến tranh Tây Sơn vào năm 1771. Vì sau năm 1771, người Chăm không quyền ra Nha Trang và Phú Yên nữa. Hơn nữa, câu 72 và 73 trong bài có nhắc đến cuộc chiến lớn giữa Champa và nhà Nguyễn. Giữa thời Po Romé và năm 1771, chỉ có một cuộc chiến lớn đó là vào năm 1692. Thế thì bài thơ này có thể viết trong năm 1692 hay sau năm 1692 chứ không thể vào thời Po Romé được. Muốn thêm chi tiết về năm sáng tác bài thơ này, xem *Nai Mai Mang Makah* của Po Dharma, G. Moussay, Adbul Karim, Kuala Lumpur, 2000, trang 29.

Có thể nói, Nguyễn Đăng Cương là tác giả Việt Nam đầu tiên viết bài bình luận về sách của Inrasara. Sau Nguyễn Đăng Cương có vào khoảng 40 bài khác bình về thơ văn của Inrasara, rất tiếc là chúng tôi chỉ có một ít bài để đăng trong Champaka số 2 này.

VN23. «Chân dung một nền Văn Học»,
của Trần Vũ Khang,
Thanh Niên, Số 58, 1995

Nội dung bài này là thông tin và lược qua quyển sách Văn Học Chăm của tác giả Inrasara (một người Chăm) vừa mới xuất bản.

Bài giới thiệu sách rất là chân thật. Nhưng phần bình luận về giá trị cuốn sách thì cần phải xét lại vì tác giả Trần Vũ Khang không biết tiếng Chăm và không chuyên về văn chương Chăm.

Điều phải công nhận rằng, sách văn học Chăm của Inrasara xuất

bản vào năm 1994 là một công trình lớn, vì phần lớn các tác phẩm văn học Chăm đều được Inrasara giới thiệu. Không hiểu tại sao tác phẩm nổi tiếng Akayet Inra Patra không được dịch như các Akayet khác.

Khi đọc công trình này, độc giả nhận thấy tác giả đã gặp phải một số sai lầm vì không kiểm tra tư liệu, không đọc những tư liệu nước ngoài đã viết về văn học Chăm, không đặt câu hỏi nếu chuyện gì mình không biết, nhưng thường lạm dụng danh từ truyền thuyết Chăm để giải thích vấn đề. Chính vì thiếu phương pháp khoa học này, Inrasara không ngần ngại tự đặt niên đại cho các tác phẩm văn học Chăm theo ý kiến riêng và không cần dựa trên cơ sở nào. Inrasara thường dùng một số tư liệu đã sai lầm mà không cần kiểm tra lại để xác định vị trí cho một số địa danh lịch sử Chăm nên có nhiều sai lệch, nhất là tác giả không nhận diện đâu là lịch sử của tiểu vương quốc Panduranga, đâu là lịch sử Champa ở Vijaya. Tác giả tự định nghĩa cho một số từ văn học Chăm nhất là từ Phan Ngử, Á Rập, Mã Lai, theo quan điểm riêng tư là chỉ dựa vào nội dung của câu văn mà không cần truy nguyên ngữ nghĩa để xem định nghĩa này có đúng hay không. Thí dụ, từ rất thông dụng trong văn học Chăm sau đây, nhưng tác giả cũng đã vướng mắc.

Theo Inrasara, *akayet* là tráng ca viết theo thể thơ ariya. Định nghĩa này còn quá mù mờ, vì ngay trong tiếng Việt tráng ca, anh hùng ca và sử thi không có ranh giới nhất định và *akayet* không buộc phải viết bằng thơ. Cũng cần nhấn mạnh rằng, *akayet* là tiếng A Rập (Mã Lai viết là *hikayat*) có hai nghĩa chính: 1. tiếng Anh là: *epic* (trong tự điển Việt Nam có khi dịch là *sử thi*, có khi là *thiên anh hùng ca*) 2. *history* (lịch sử của một nhân vật). Trên phương diện văn học, *akayet* là một thể loại trình bày cốt truyện theo lối anh hùng ca. Có nghĩa là tất cả cốt truyện mà trong đó các nhân vật của tác phẩm thường là siêu quần, có nhiều quyền phép, có thể biến hóa, biến nước thành lửa.v.v. thì gọi là *akayet*, dù cốt truyện này viết bằng văn xuôi hay văn vần. Chính vì thế, *akayet* không buộc phải là thơ như Inrasara nhấn mạnh. Điển hình, trong văn học Chăm còn có truyện Pram Dit Pram Lak, Dalim Matak Siah viết bằng văn xuôi chứ không phải bằng thơ nhưng cũng xếp vào Akayet.

Về từ *ariya*. Theo Inrasara, từ này có ba nghĩa, đó là: trường ca, câu thơ hay thơ. Đây là định nghĩa sai lầm. Vì ai cũng biết, *ariya* (từ

gốc tiếng Phạn) chỉ có nghĩa duy nhất đó là thơ hay văn có gieo vần, thể thôi.

Để chứng minh cho lý thuyết mình, Inrasara đã cho thí dụ:

- *Ariya Cam-Bani* = trường ca *Cham-Bani* (Tagalau 2001: 115). Câu này nên hiểu là truyện *Cam-Bani* viết bằng thơ hay thơ *Cam-Bini* thì đúng hơn.

- *Kanain ariya* = câu thơ (Tagalau 2001: 115). Đây là điều tự nhiên, vì *kanain* có nghĩa là câu rồi.

Ngoài những sơ sót này, phần dịch thuật các tác phẩm Chăm sang tiếng Việt đã gặp phải nhiều lỗi lầm quan trọng và có thể gây tai hại cho văn học Chăm. Đó là những từ gốc Á Rập, Phạn Ngữ và Mã Lai. Vì tác giả không biết gốc từ rồi tự đặt nghĩa sai lạc cho nó, không đúng với nghĩa thật sự của nó, như: *gram sarawan* trong Phạn ngữ có nghĩa là đất nước chứ không phải là Sarawan (nước Lào); *Patao Lengka* là từ dành riêng để gọi Hoàng Đế Minh Mạng chứ không phải là vua của nước Sri Langka; *mah likam* không phải là vàng mịn, nhưng phải viết là *mahlkam* (Mã Lai: manikam, từ Phạn ngữ: manikya) có nghĩa là đá quý.

Tóm lại, sách văn học Chăm của Inrasara là một công trình lớn và bổ ích đã giúp độc giả Việt Nam tiếp cận với khái niệm về văn học Chăm. Nhưng sách này cần phải có nhiều chỉnh đốn, nhất là phần định nghĩa nền tảng văn học Chăm; niên đại các tác phẩm Chăm; những từ văn chương gốc Á Rập, Phạn và Mã Lai mà tác giả tự đặt nghĩa cho nó mà không dựa trên một cơ sở vững chắc; phần trích dẫn tư liệu bằng tiếng Pháp gặp nhiều lỗi lầm, vì dường như tác giả không biết tiếng Pháp thì đúng hơn; cuối cùng là phương cách trình bày và xếp loại văn học Chăm theo khuôn của văn học Việt Nam là hoàn toàn đi ngược lại với nền tảng văn học Chăm. Vì văn học Chăm cũng như văn học Mã, Kampuchea.v.v. là một nền văn học xuất phát từ văn minh Phạn Ngữ, chứ không phải từ Trung Quốc như văn học Việt Nam.

VN24. <<Đằng sau những trang sách>>,

của Nguyễn Đăng,

Phụ Nữ, 28-6-1995

Bài viết về cuộc đời của Inrasara, tác giả quyển Văn Học Chăm,

nhân được giải thưởng của Trung tâm Lịch sử và Văn minh Đông Dương thuộc trường Đại Học Sorbonne, Paris.

Bài viết tiết lộ đôi nét về cuộc tình tác giả và cô Thuận Thị Tru, người hỗ trợ để Inrasara có thể an tâm làm việc của mình.

Độc giả cảm thấy có phần ngượng nghịu khi đọc qua bài này, vì thông lệ, các nhà khoa học hay văn học không bao giờ kể chuyện tình yêu riêng tư của mình trên mặt báo chí.

**VN25. «Inrasara (Phú Trạm) người
nghiên cứu tâm hồn dân tộc Chăm của mình»**,

của Nguyễn Lương Hiệu,

Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 4-7-1995, trang 8

Nội dung là cuộc trao đổi giữa Nguyễn Lương Hiệu và Inrasara về công việc nghiên cứu Văn học Chăm.

Trọng tâm trao đổi là tiến trình nghiên cứu Văn học Chăm của Inrasara, và làm thế nào tác giả này nhận được giải thưởng của Trường Đại Học Sorbonne (Paris).

Theo Inrasara, việc nhận giải thưởng này là "Một bất ngờ... Ông giáo sư Trường Khoa Đông Phương Học [Bùi Khánh Thế] có mang theo quyển văn học Chăm để tặng cho ông La Font của ĐH Sorbonne. Về nước giáo sư bảo rằng công trình sẽ được tặng thưởng và nửa tháng sau tôi được giấy báo tặng giải thưởng". Câu nói này có một sự nhầm lẫn, không biết vì vô tình hay cố ý. Sự thật, theo sự cho biết của Ts. Po Dharma (gốc người Chăm), chuyên viên khoa học về Champa trong Viện Đông Dương của Đại học Sorbonne do giáo sư Lafont hướng dẫn và cũng là nhân vật chính trong chương trình phát giải khen thưởng này, thì Gs. Bùi Khánh Thế chỉ mang cuốn văn học Chăm tặng cho Gs. Lombard, Viện Trưởng Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) chứ không phải cho Lafont, vì ông Bùi Khánh Thế không biết Gs. Lafont là ai. Lời tuyên bố của Bùi Khánh Thế "công trình sẽ được tặng thưởng" có ngụ ý gì? Chính Ts. Po Dharma là người thông báo cho Bùi Khánh Thế biết là tác phẩm Inrasara đã có bằng khen của Viện Đông Dương của đại học Sorbonne và Ts. Po Dharma sẽ gởi lời khen và tiền khen này cho Inrasara trong nửa tháng sau. Sự thật, bằng khen này do Ts. Po Dharma tổ chức trước khi Bùi Khánh Thế sang Pháp, chứ không phải vì ông Bùi Khánh Thế mà ông Inrasara có bằng

khen. Có lẽ, vì một lý do gì đó nên Inrasara không dám nhắc tên Po Dharma, thậm chí tác giả còn sửa đổi danh xưng bằng khen của Đại Học Sorbonne này thành bằng khen của Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) và đăng trong cuốn Văn Học Chăm II - Trường Ca vào năm 1996. Ts. Po Dharma có yêu cầu Inrasara đính chính sự sai lầm này, nhưng tác giả cho biết đó là sự sai lầm của nhà xuất bản. Độc giả nghĩ rằng, làm sao nhà xuất bản Việt Nam biết danh xưng vắn tắt của EFEO để đưa lên bìa sách, nếu Inrasara không đưa tư liệu này? Đây là việc làm thiếu nghiêm túc của một nhà khoa học hay văn học. Tự biến đổi bằng khen của Đại Học Sorbonne do Ts. Po Dharma (dân tộc Chăm) đề nghị thành bằng khen của Viện Viễn Đông Pháp do Gs. Bùi Khánh Thế (dân tộc Việt) mang sách sang trao tặng là một điều không chính đáng.

Cùng theo Ts. Po Dharma, đây không phải là giải thưởng văn học hay giải thưởng nghiên cứu, nhưng là giải thưởng khích lệ cho nghệ nhân Chăm, dù không phải là nhà khoa học hay qua trường lớp đào tạo nhưng đã có công trình ghi chép và giới thiệu toàn bộ văn học Chăm. Dầu ban giám khảo biết rằng sách này còn có nhiều lỗi lầm trong nội dung và hình thức.

VN26. <<Rượu cần men rừng...>>

của Mai Thín,
Tuổi Trẻ Chủ Nhật,
4-7-1995, trang 35

Bài viết giới thiệu khái quát về rượu cần của người Bana, người Hrê, và người Chăm ở Bình Định.

Theo Mai Thín, cách làm rượu của người Bana, Hrê, hay người Chăm ở Bình Định cũng giống như các dân tộc ở vùng cao. Nghĩa là họ cũng ủ men với các loại mì hoặc bắp luộc chín, đựng trong ghè và phủ lá chuối. Sau một thời gian khoảng 5 - 7 ngày là có thể dùng được. Khi uống, họ cũng dùng cần giống như người vùng cao.

Cùng theo tác giả, hiện nay, rượu cần đã được chuyển xuống khu vực miền xuôi, ngày càng bị "Kinh hóa" với nhiều hình thức khác nhau.

Bài cung ứng cho bạn đọc đôi nét về rượu cần của các dân tộc, cách thức sử dụng và ý nghĩa của nó trong giao tiếp.

VN27. <<Phục hồi nghề dệt thổ cẩm Chakleng>>,

của Trần Dũng,

Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 4-7-1995, trang 35

Bài đề cập về sự phục hồi nghề dệt thổ cẩm Chăm ở Chakleng (Mỹ Nghiệp, Phước Dân, Ninh Thuận, Việt Nam).

Theo nội dung, trước 1975 mặc dù hơn 80% lao động nữ Mỹ Nghiệp đều biết dệt nhưng vì thị trường tiêu thụ eo hẹp nên nghề dệt ở đây không phát triển, nhiều hoa văn quý đã bị mất. Đến 1985, khi nghề dệt này bắt đầu phục hồi lại, các hoa văn cũ bắt đầu được chú ý sưu tầm, cách pha màu cũng được phục hồi. Riêng chị Thuận thị Trụ (chủ một cơ sở dệt ở Mỹ Nghiệp) nhờ được Ủy Ban Nhân Dân Huyện duyệt cho vay 60 triệu đồng đã có cơ hội mở rộng. Chị đã sưu tập được 38 hoa văn cơ bản và hơn 50 hoa văn cách điệu khác nhau.

VN28. <<Văn Học Chăm công trình

của cả một thời thanh xuân>>,

của Trần Nguyên Linh,

trong Thời Văn, Số 7, 1995, trang 46 và 47

Theo Trần Nguyên Linh, tác giả bộ sách Văn Học Chăm là Phú Trạm, bút hiệu Inrasara còn rất trẻ, chỉ mới 38 tuổi khi anh cho ra đời bộ sách Văn Học Chăm. Bởi vậy, phải nói đây là công trình của cả một thời thanh xuân. Công trình khá đồ sộ, tập hợp được một khối lớn tư liệu văn học quý giá.

Lời khen của phóng viên Trần Nguyên Linh về tác phẩm Văn Học Chăm của Inrasara có thể chân thật nếu dựa trên tổng số trang của tác phẩm (hơn 1200 trang). Nếu nói về nội dung của tác phẩm thì cũng cần phải xét lại, vì chỉ có chuyên gia về văn học Chăm, biết tiếng Chăm và nền văn minh Chăm mới có thể định giá được ưu khuyết điểm của văn học Chăm do Inrasara thực hiện.

Inrasara có công trình lớn với văn học Chăm, nhưng công trình này cần phải chỉnh đốn lại về cả hình thức lẫn nội dung và ngữ nghĩa.v.v.

VN29. <<Triển lãm tranh và tượng>>,

Thông Tấn Xã Việt Nam

Sở Văn Hóa Thông Tin Ninh Thuận, 1995

Bài viết giới thiệu họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ.



VN5. Họa sĩ Đàng Năng Thọ

Người họa sĩ đã đem tranh và tượng ra tham gia triển lãm từ ngày 21 đến 27-8-1995 tại 33 Lê Thánh Tông, Hà Nội, nhân chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam 2/9/1945 - 2/9/1995.

VN30. «Tranh của một họa sĩ người Chăm»,

trong Báo Nhân Dân, Số 14674, 1995, trang 20 và 23

Bài thông tin về việc triển lãm tranh của một họa sĩ người Chăm (Đàng Năng Thọ).

Qua bài này, độc giả có thể hiểu đôi nét về cuộc đời và tác phẩm của họa sĩ Đàng Năng Thọ.

VN31. «Chủ tịch Quốc Hội Nông Đức Mạnh thăm triển lãm tranh tượng của Đàng Năng Thọ»,

trong Báo Nhân Dân, Số 14677, 1995, trang 20 và 23

Theo nội dung, sáng 22-8-1995 ông Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã đến xem 15 bức tranh và tượng của Đàng Năng Thọ (một họa sĩ người Chăm quê ở Bầu Trúc, Ninh Phước, Ninh Thuận). Qua các bức tranh và tượng, người xem đều cho rằng người họa sĩ dân tộc này đã thể hiện khá tốt dân tộc tính trong các bức tượng và tranh của anh ta.

VN32. «Triển lãm tranh tượng của Đàng Năng Thọ»,

của P.V.,

trong Tuần Tin Tức, Số 34 (644), 1995, trang 3

Bài giới thiệu về họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ. Nội dung bài

đề cập về cuộc đời và việc làm của người họa sĩ Chăm Đàng Năng Thọ. Qua 16 bức tranh và 16 bức tượng người xem đều ghi nhận là tính nghệ thuật dân tộc được thể hiện rất rõ trong các tác phẩm của anh ta.

**VN33. «Đàng Năng Thọ:
Một sứ giả của nghệ thuật Chăm ở Hà Nội»,**
của Ngô Phan,
trong Báo Thể Thao và Văn Hóa,
Số 34 (677), 1995

Theo nội dung, Đàng Năng Thọ có năng khiếu về hội họa và nặn tượng từ bé, nhưng chưa có cơ hội để phát triển toàn diện. Anh được giới thiệu đi học mỹ thuật. Sau khi ra trường và bao năm sáng tạo



VN6. Ramawan (tranh sơn dầu) của Họa sĩ Đàng Năng Thọ

nghệ thuật, anh có được khoảng 50 tranh và 60 tượng. Tranh và tượng của Đàng Năng Thọ mang những nét đẹp mới lạ, như vừa mang vẻ đẹp ngoại dị ở tranh tượng Châu Phi, vừa nguyên sơ và mang tính thơ ngây của trường phái Naive, vừa phản phát không khí ấn tượng kiểu Gauguin, và điều quan trọng nhất là chúng thấm đượm tinh thần và phong cách Chăm.

Chiêm ngưỡng tranh của Thọ như được chiêm ngưỡng những đền tháp Chăm, di tích của một nền kiến trúc huy hoàng, như được thưởng thức thơ ca Chăm, các điệu múa Chăm, văn hóa giàu truyền thống của dân tộc Chăm.

Qua tranh của Thọ mọi người nhận thấy phản phát về mặt di truyền. Mọi người dự đoán rằng dân tộc Chăm có thể có những tài năng kế thừa di sản văn hóa to lớn, đồ sộ của Champa.

VN34. «Một mảnh "Nước non Chăm" ra Hà Nội»,
của Phạm Thanh Hà,
trong Hà Nội Mới, Số 9553, 1995

Theo nội dung, Đàng Năng Thọ, một người có năng khiếu bẩm sinh về hội họa và nắn tượng. Vào năm 1976, anh được giáo sư Nguyễn Đăng Nhật giới thiệu đi học mỹ thuật ở Thành Phố Hồ Chí Minh (Sàigòn-Việt Nam).

Được sự hỗ trợ của Thông Tấn Xã Việt Nam, Sở Văn Hóa Thông Tin tỉnh Ninh Thuận, chương trình hỗ trợ tài năng văn học nghệ thuật "LAAP", và nhiều cơ quan khác, tranh và tượng của Đàng Năng Thọ đã được đem ra trưng bày triển lãm ở 33 Lê Thánh Tông-Hà Nội.

Qua 16 tranh và 16 tượng được mang ra trưng bày ở Hà Nội đã phản ảnh mạnh mẽ, gọi cho người xem các vết thương hàng trăm năm trên các tháp Chăm, toát lên niềm tin yêu cuộc sống lâu dài của quá khứ và hiện tại... Tranh của Thọ như kế thừa một nền nghệ thuật huy hoàng với những ngọn tháp Chăm trầm mặc vẻ đằm say trong các vũ điệu của các vũ nữ Trà Kiệu...

VN35. «Triển lãm tranh, tượng Đàng Năng Thọ»,
của P.V.,
trong Văn Hóa, Cơ Quan của Bộ Văn Hóa Thông Tin, 1995
Theo P.V., Đàng Năng Thọ đã đem 16 bức tranh sơn dầu và 16



VN7. Cầu Mưa (tranh sơn dầu) của Họa sĩ Đàng Năng Thọ

bức tượng với các mảng đề tài tâm đắc như: Tình mẫu tử; Nước; Tín ngưỡng; Triết lý âm dương... ra trưng bày triển lãm ở Hà Nội.

Cùng theo tác giả, tranh và tượng của Thọ gợi cảm cho mọi người hình ảnh những người bà, những người mẹ, những cô gái Chăm nhân hậu, cần cù; toát lên khát vọng tình yêu, lao động và cuộc sống. Các gam màu trong bức tranh, như tồn tại, như tái sinh từ những khắc nghiệt và đổ vỡ. Tranh của Thọ mô tả sinh hoạt và mong ước của người dân xứ Tháp Chàm, nó mang "Một không khí rất Chăm" bộc lộ bản sắc dân tộc độc đáo.

VN36. <<Triển lãm tranh, tượng Đàng Năng Thọ>>, trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 56, 1995

Bài viết là tin ngắn về việc triển lãm 30 tác phẩm tranh và tượng của Đàng Năng Thọ dưới sự hỗ trợ của Thông Tấn Xã Việt Nam.

VN37. «Đàng Năng Thọ họa sĩ trẻ dân tộc Chăm»,
của Lan Hương,
trong Toàn Cảnh Sự Kiện và Dư Luận, Số 61, 1995

Bài giới thiệu đôi nét về cuộc đời, tác phẩm của họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ.

Theo Lan Hương, tác phẩm của Thọ gây cho người xem một cảm xúc đặc biệt như lạc vào thế giới người Chăm với các nghệ thuật múa, Katê, tháp Chăm v.v Nghệ thuật của Thọ không u hoài, ngược lại, nó mang một khát vọng và sức sống mãnh liệt, thể hiện những mơ ước ấm no, hạnh phúc của dân tộc mình.

VN38. «Triển lãm đầu tiên của một họa sĩ người Chăm ở Hà Nội»,
của Hồng Phi,
trong (x), 1995

Kế thừa một nền văn hóa độc đáo, phong phú của dân tộc Chăm, với năng khiếu có sẵn, họa sĩ Đàng Năng Thọ đã khiến cho nhiều người xem ngạc nhiên với những bức tranh và tượng của anh. Ông Giáp, phó Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan đứng ra tài trợ cho cuộc triển lãm của Thọ, đã tâm sự : "Đỡ đầu cho một cuộc triển lãm tranh vốn không thuộc chức năng của cơ quan "làn tin" chúng tôi, nhưng vì quá mê tranh của Thọ..."

Theo nội dung, tranh và tượng của Thọ có sức hút nhanh và mạnh, rực rỡ nhưng không ồn ào, đông vui nhưng có cái gì đó đơn chiếc, hoang vu nhưng lại đầy ắp những nghi ngờ. Đặc biệt thể hiện rất rõ bản sắc dân tộc Chăm, từ mỗi nét bút, vệt màu của người họa sĩ này, như phả ra hồn dân tộc.

VN39. «A painter of the Cham people»,
của Trà My, (Văn Món dịch),
trong Vietnam Courier,
Số 101, 1995, trang 07

Đôi nét tiểu sử về họa sĩ Đàng Năng Thọ.

Đàng Năng Thọ là con em dân tộc Chăm, một dân tộc đã sáng tạo ra một nền văn minh rực rỡ vào thế kỷ thứ VI và VII.

Từ khi còn là một nông dân nghèo, anh đã có những bức tranh và

tượng làm cho nhiều người khâm phục. Sau tốt nghiệp Đại học, Thọ đã sáng tác được một số tranh, tượng và được các nhà phê bình đánh giá cao. Tác phẩm của anh thể hiện khát vọng cuộc sống, gọi lại một quá khứ huy hoàng và niềm tin yêu trong thế giới tâm linh.

VN40. «Tranh và tượng Đàng Năng Thọ»,
của Linh Khanh,
trong Lao Động, 1995

Bài viết là tin ngắn về việc triển lãm 16 tranh và 16 tượng của họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ.

Bài viết phát họa cho độc giả đôi nét về các mảng đề tài, chất liệu và phong cách của các tác phẩm được mang đi triển lãm.

VN41. «Một tài năng người Chăm»,
của Đàng Trung,
trong Tiền Phong, Số 48, 1995

Bài viết là bài thông tin về việc triển lãm tranh và tượng của họa sĩ Đàng Năng Thọ.

Lần đầu tiên người yêu mến nghệ thuật Thủ đô Hà Nội được xem tác phẩm hội họa của họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ, người họa sĩ mà theo mọi người đã tiếp thu bản sắc văn hóa dân tộc Chăm và tạo nên những tác phẩm hội họa độc đáo.

Trong phòng triển lãm chỉ có 32 tác phẩm (16 tranh và 16 tượng) nhưng đã phản ánh được niềm mơ ước, khát vọng hạnh phúc của cuộc sống, và cả đời sống tâm linh của dân tộc Chăm. Các tác phẩm



VN8. Giai Diệu Tháp Cổ (tranh sơn dầu) của Họa sĩ Đàng Năng Thọ

này đã để lại ấn tượng khó quên cho người xem.

VN42. «Lần đầu tiên một họa sĩ người Chăm»,
của Anh Nguyễn,
trong báo Quân Đội Nhân Dân,
Số 12305, 1995

Theo Anh Nguyễn, Thọ là người Chăm, quê ở Bầu Trúc, một làng chuyên làm gốm. Ngay từ nhỏ, anh đã dùng đất gốm để nắn những con giống có hình hài ngộ nghĩnh.

Năm 1976, có các nhà nghiên cứu đến quê anh, họ thấy tranh và tượng của Thọ "có một cái gì đó" rất kỳ bí nhưng rất thực, nên gọi ý đưa anh đi học mỹ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ra trường, Thọ đã cho ra đời khoảng vài chục tác phẩm. Mỗi tác phẩm của Thọ đều là những khám phá về nhiều sắc thái trong cuộc sống tâm linh của người Chăm.

Thọ là người họa sĩ đầu tiên của người Chăm sau những nghệ nhân đã làm nên những Tháp Chăm cổ kính, và có chăng Thọ là một dự báo để cho hàng loạt những nghệ nhân, nghệ sĩ Chăm xuất hiện theo con đường tổ tiên người Chăm xưa!

**VN43. «Chủ tịch Quốc Hội Nông Đức Mạnh
thăm triển lãm tranh, tượng của họa sĩ
dân tộc Chăm Đàng Năng Thọ»**,
của Thông Tấn Xã Việt Nam,
trong Quân Đội Nhân Dân,
Số 12308, 1995

Theo Thông Tấn Xã Việt Nam, sáng 22-8-1995 ông Nông Đức Mạnh, Ủy viên bộ chính trị, Chủ tịch Quốc hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã đến thăm phòng triển lãm tranh của một họa sĩ người Chăm Đàng Năng Thọ.

Ông Nông Đức Mạnh đã dùng nhiều thời gian để xem tranh và nói chuyện thân mật với người họa sĩ này. Ông cũng cho rằng: «Mỗi dân tộc có nét đặc trưng riêng, thể hiện được tính dân tộc là điều đáng trân trọng» và mong người họa sĩ này sáng tác được nhiều hơn nữa.

VN44. «Đàng Năng Thọ trong những ấn ức Chăm»,
của M.A.,
trong Tuổi Trẻ Thủ Đô,
Số 34 (308), 1995, trang 1 và 2

Theo M.A., Đàng Năng Thọ có năng khiếu bẩm sinh và say mê về vẽ tranh và nặn tượng từ bé. Sau khi ra trường anh có khoảng 50 bức tranh và 60 bức tượng. Tất cả đề tài trong tranh và tượng của Thọ đều nói về dân tộc anh và quê anh.

Tranh và tượng của Thọ có sức cuốn hút người xem, bởi hình thể, đường nét, màu sắc chứa chất truyền cảm huyền bí của cái hư vô, của cái quá khứ và hiện tại, tranh của Thọ như đưa người xem trở lại không gian huyền thoại của các vua chúa Chăm thời xưa, vào những truyền thống văn hóa thiêng liêng của dân tộc này. Những người mẹ, người bà, cô gái Chăm trong tranh của Thọ mang nét thanh thản như một sự thoát tục nhưng lại gần gũi trong cuộc sống, đậm tình trong tình yêu con, yêu cháu, yêu tình yêu, yêu cuộc đời thanh bạch khó khăn. Tranh của Thọ bộc lộ bản sắc dân tộc, gây cho người xem một ấn tượng mạnh mẽ, khó quên.

**VN45. «Gương mặt nghệ sĩ Đàng Năng Thọ
với những Lễ Cầu Mưa»**,
của Trà My,
trong Báo Nhân Dân, Số 30 (338), 1995

Theo Trà My, Thọ quê ở Bầu Trúc, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Một làng quê có truyền thống làm nghề gốm Chăm. Anh có năng khiếu và mê vẽ tranh, nặn tượng từ bé. Gia đình nghèo, nên anh không dám mơ ước để trở thành họa sĩ. Rồi tình cờ, có đoàn giáo sư từ Hà Nội vào nghiên cứu văn hóa cổ người Chăm, các nhà nghiên cứu này đã ngỡ ngàng trước những tranh và tượng của Thọ. Họ thấy trong tranh và tượng Thọ có một cái gì đó ngộ ngộ, bí ẩn. Họ cổ vũ và giúp anh đi học mỹ thuật ở thành phố. Anh ra trường với đề tài "Hoa văn và màu sắc trong đám tang người Chăm" và tranh sơn dầu "Lễ cầu mưa" được đánh giá cao. Tác phẩm đầu tay này được nhà trường chọn gửi tham gia triển lãm (1992) được nhiều báo chí đăng tải, bình luận.

Theo tác giả, "Lễ cầu mưa" là khát vọng bao đời, là mơ ước hạnh phúc của anh và dân tộc anh. Tác phẩm này như phản phát không khí

linh thiêng và bản sắc dân tộc.

**VN46. «Đoàn dân ca kịch Chăm:
Điều ngạc nhiên không bắt ngờ»**,
của Cát Vũ,
trong Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 1995

Bài thông tin về đoàn dân ca kịch Chăm tỉnh Ninh Thuận tham gia hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc đợt 3 tại Huế.

Theo Cát Vũ, gọi là "đoàn nghệ thuật bán chuyên nghiệp Chăm", nhưng với những người đã được xem vở "Nàng Mơ Hoa và chàng Trà Mú", tiết mục tham gia hội diễn, thì tính chuyên nghiệp của đoàn không thua bất cứ một đoàn dân ca kịch nào, ngược lại, còn trội hơn về tính đặc thù của dân ca xứ Chăm.

Đây là vở ca kịch lần đầu tiên do người Chăm dàn dựng. Công trình của đoàn nghệ thuật bán chuyên nghiệp Chăm mang tính thử nghiệm này đã thành công, nhưng không gây bất ngờ, bởi vì hội tụ ở



VN9. Ban nhạc dân ca kịch Chăm

dân tộc này những cội rễ văn hóa đã hình thành trong các câu ca điệu múa, người Chăm không biểu diễn bằng kỹ thuật hay hư cấu sân khấu mà họ diễn xuất bằng cuộc sống thực đậm tính nghệ thuật dân gian.

VN47. «Bảo Tàng Điều Khắc Chăm ở Đà Nẵng»,

của Hồ Xuân Tịnh,
trong Văn Hóa Nghệ Thuật,
Số 162 (755), 1995

Theo nội dung, từ 1885 người Pháp bắt đầu quan tâm đến việc sưu tầm và tập trung các tác phẩm điêu khắc Chăm trong khu vực Quảng Bình, Bình Định. Đà Nẵng được chọn làm nơi để xây dựng viện bảo tàng cho những hiện vật này, vì đây là nơi thuận tiện nhất trong vùng Aramavati, trung tâm văn hóa-chính trị lớn nhất của vương quốc Champa xưa kia.

Trong bài tác giả Hồ Xuân Tịnh, nhân viên bảo tàng tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, cũng có nhắc đến việc của Po Dharma trả lời phỏng vấn trên Báo Lao Động số 32/95 ra ngày 14-3-95. Theo một số độc giả, bài viết này là có ý muốn bôi nhọ Ts. Po Dharma trên báo chí nhằm giải quyết sự khủng hoảng giữa tác giả với ông Trần Kỳ Phương, chủ nhiệm Viện Bảo Tàng Chăm ở Đà Nẵng.

Theo tác giả Hồ Xuân Tịnh, Ts. Po Dharma ra Đà Nẵng làm công tác với tính cách cá nhân chứ không chính thức, vì vậy chính quyền tỉnh mới không cho phép xem tư liệu của Bảo tàng Chăm, để rồi ông Po Dharma tuyên bố là tất cả tư liệu bảo tàng Chăm sau năm 1975 đã thất lạc và bị phá hủy.

Lời nói trên của Hồ Xuân Tịnh là không đúng sự thật. Vì chính Giám Đốc Sở Văn Hóa tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng đã đứng ra mời Po Dharma sang giúp tỉnh để thực hiện cuốn Catalogue giới thiệu Bảo Tàng Chăm ở Đà Nẵng và đề nghị Trần Kỳ Phương là người hợp tác chính thức với Po Dharma. Chính Trần Kỳ Phương là người cho biết sự thật này vì trong viện bảo tàng Chăm do ông ta đảm trách không còn tư liệu lưu trữ gì nữa. Nếu Po Dharma sang là việc không chính thức, làm sao chính quyền tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng cho phép để cho Po Dharma cư trú hơn một tháng ở thành phố Đà Nẵng để thực hiện chương trình. Bằng chứng, Ts. Po Dharma đã hoàn thành Catalogue và đã đem trao tặng cho tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

Sự khủng hoảng này cũng là nguyên nhân xa hay gần có liên quan đến việc ở tù của ông Trần Kỳ Phương, vì bị một số bạn bè bịa đặt, thêu dệt cho rằng Trần Kỳ Phương đã ăn cắp tượng Chăm để đem bán.

**VN48. <<Đà Nẵng-Huế, vùng du lịch Ân-Trung>>,
của Nguyễn Đắc Xuân,
trong Du Lịch 2-1995, trang 34**

Viết về yếu tố Chăm-Việt trong vùng du lịch Đà Nẵng-Huế.

Theo bài, ngày nay khách du lịch có thể tìm thấy hai yếu tố "Bắc-Nam" tồn tại riêng lẻ hay quyện lẫn trong nhiều loại hình văn hóa với những độ đậm nhạt khác nhau ở vùng du lịch Đà Nẵng - Huế.

Ở Đà Nẵng - Huế, khách du lịch có thể hưởng thụ được tinh túy của hai nền văn hóa Ấn - Trung.

**VN49. <<Di Sản Văn Hóa Champa
phục vụ du lịch Miền Trung>>,
của Nguyễn Đắc Xuân,
trong Du Lịch 7-1995, trang 4 - 5**

Theo Nguyễn Đắc Xuân, dải đất miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận là Vương Quốc Champa ngày xưa. Ngày nay, những tháp, tượng, mảnh kiến trúc, gạch đá còn sót lại của nền nghệ thuật này lấp lánh một nền văn hóa cổ tuyệt vời, có sức thu hút không nhỏ đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Nhưng việc tổ chức phục vụ khách du lịch tham quan các di tích Champa là không đồng nhất.

**VN50. <<Xung quanh việc đăng ký xếp hạng
di sản thế giới đối với di tích Mỹ Sơn>>,
của Trần Trung Sáng,
trong Diễn Đàn Du lịch 7-1995, trang 5**

Bài tường thuật các ý kiến của đại diện cơ quan có chức năng chung quanh di tích Mỹ Sơn. Để Mỹ Sơn được xếp vào danh sách di sản thế giới không chỉ là sự quan tâm của riêng ngành du lịch, mà cần phải có sự hợp tác không những cần phải ưu tiên đầu tư đúng mức về kinh phí mà còn về nhận thức đối với Mỹ Sơn. Việc bảo quản, trùng tu Mỹ Sơn cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành có liên quan và địa phương có di tích. Mỹ Sơn đã trở thành điểm thu hút khách du lịch. Khách đến thăm Mỹ Sơn ngày một nhiều, phần đông du khách phàn nàn vì đường sá quá xấu và nhiều sự nhiễu nhê khác. Điều cấp bách là cần có sự hỗ trợ để nâng cấp hoặc làm mới toàn bộ tuyến đường đến các nơi di tích này.

VN51. «Nghệ thuật Chăm»,
của Emmanuel P. Guilion,
trong Diên Đản Du lịch 7-1995

Theo bản dịch của Hồ Quý, công trình nghiên cứu về đất nước Champa chưa bao giờ được tiến hành một cách thật sự có hệ thống. Chỉ có các kiến trúc và điêu khắc là đang được chú ý. Nhưng từ trước đến giờ, chúng vẫn là những bằng chứng duy nhất của lịch sử và nghệ thuật Đông Nam Á.

VN52. «Người Chăm và Đạo Hồi ở Việt Nam»,
của Ngô Trường Thọ,
trong Du Lịch 7-1995, trang 6

Theo Ngô Trường Thọ, sự tiếp thu Hồi giáo của người Chăm ở Việt Nam diễn ra trong một hoàn cảnh lịch sử khá đặc biệt.

Tiếc rằng, tác giả không đưa ra dẫn liệu khoa học nào.

VN53. «Vải thổ cẩm ở làng Chakleng»,
của Nguyễn Lương Hiệu,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 9

Dệt thổ cẩm là một nghề truyền thống quý báu của người Chăm. Hàng thổ cẩm là loại hàng có giá trị kinh tế và văn hóa cao, du khách nước ngoài rất thích mua. Người làng Chakleng (Mỹ Nghiệp, Ninh Phước, Ninh Thuận, một làng có truyền thống về dệt thổ cẩm Chăm) đã và đang duy trì nghề truyền thống này.

VN54. «Danh xưng chỉ Hội An xưa Hoài Phố»,
của Nguyễn Sinh Duy,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 10

Theo Nguyễn Sinh Duy, danh xưng Hội An xưa là Hoài Phố. Danh xưng này bắt nguồn từ dòng sông phát nguyên từ thượng nguồn Phước Sơn Qui Nhơn-Đà Nẵng, chảy đến vùng trung tâm Quảng Nam (Aramâvati) và ôm lấy kinh đô Trà Kiệu. Dòng sông này, trong thịnh thời của vương quốc Lâm Ấp hay Champa (thế kỷ III - X Tây lịch) trong một bia ký Mỹ Sơn bằng Chăm ngữ ghi là Kraun Simhapura = nguồn sông đô thành Sư tử. Cùng con sông này, Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên viết năm 527 Tây lịch đời nhà Lương gọi nó là sông

Hoài. Hoài Phố! Phố của cửa sông Hoài.

Tất cả giải thích này cần phải được cứu xét lại.

VN55. «Lễ hội Bà Thu Bồn»,

của Hồ Trung Tú,

trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 12

Theo Hồ Trung Tú, lễ hội Bà Thu Bồn được cử hành hằng năm vào ngày 12 tháng 2 âm lịch. Bà Thu Bồn là nữ thần bảo hộ của người Chăm, được triều đình nhà Nguyễn phong sắc "Thiên Y A Na Diên Phi Chu Ngọc Tôn Thần, Hộ Quốc Túy Dân, Hiển Hữu Công Đức Tiết Mộng Ban Cấp Tôn Thần". Bà là một nữ thần linh thiêng thường hay phù độ cứu dân.

VN56. «Văn Học Chăm như mảnh rừng nhiều gỗ quý»,

của Nguyễn Lương Hiệu,

trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 13

Bài viết là cuộc phỏng vấn tác giả quyển Văn Học Chăm, Văn tuyển Khái luận của Phú Trạm nhân quyển sách này được Trung Tâm Lịch Sử và Văn Minh Đông Dương thuộc Trường Đại Học Sorbonne (Paris) trao giải thưởng nghiên cứu.

Nội dung cuộc phỏng vấn là "nét đặc trưng của Văn hóa Chăm vào nền Văn hóa Việt Nam và yếu tố nào đã giúp anh nhận được giải thưởng của Đại Học Sorbonne (Paris)."

Theo Phú Trạm Văn học truyền miệng lần Văn học thành văn của Champa là đóng góp quan trọng vào nền Văn học Việt Nam; việc nhận giải thưởng của Đại Học Sorbone (Paris), xem phần phân tích và bình luận ở VN25.

**VN57. «Những yếu tố Champa trong văn hóa
miền Trung Việt Nam»**,

của Nguyễn Văn Xuân,

trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 17-18

Theo Nguyễn Văn Xuân, Vùng biển Đà Nẵng có thờ "Lôi Phi Phu Nhân", "Thiên Yana". Ở địa phương của vùng này còn chịu nhiều ảnh hưởng sâu đậm của Champa về sinh hoạt đời sống, tín ngưỡng cùng như âm nhạc.

**VN58. <<Di sản nghệ thuật Champa
tại miền Trung Việt Nam>>**,

của Trần Kỳ Phương,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 18-21

Theo Trần Kỳ Phương các di sản nghệ thuật Champa hiện đang tồn tại ở miền Trung Việt nam là những kiến trúc bằng gạch có niên đại từ thế kỷ thứ 7-8 đến thế kỷ 16-17 đã đánh dấu tài năng lỗi lạc của nghệ thuật Champa.

**VN59. <<Bảo Tàng Điêu Khắc Champa
Đà Nẵng 80 năm (1915-1995)>>**,

của Trần Kỳ Phương,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 22-23

Bài đề cập về quá trình sưu tầm tập trung các tác phẩm điêu khắc Chăm và thành lập Viện Bảo Tàng Đà Nẵng.

Theo nội dung, người đầu tiên bắt đầu tiến hành sự việc này là Charle Lemire (công sứ tỉnh Quảng Nam 1892) vào khoảng năm 1885. Năm 1902 Viện Viễn Đông Pháp (EFEO) tại Hà Nội, có ý định xây dựng một bảo tàng để trưng bày các tác phẩm điêu khắc Champa ở Tourane (tên gọi cũ của Đà Nẵng). Năm 1812, toàn quyền Sarrant quyết định đưa tất cả các phẩm vật này về bảo tàng EFEO ở Hà Nội, nhưng bị sự phản kháng quyết liệt của Hội Đồng Thành Phố Tourane. Cuối cùng theo đơn xin của ông Giám đốc EFEO vào tháng 7-1915 chính phủ thuộc địa chấp thuận cho xây dựng Viện bảo tàng Champa ở Đà Nẵng.

VN60. <<Hội An 300 năm mở cửa>>,

của Nguyễn Trung Hiếu,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 31.

Bài giới thiệu khái quát về Hội An, nhân Hội An 300 năm mở cửa.

Nội dung bài cho biết Hội An là Thành phố cổ, trung tâm mua bán sầm uất, nơi tụ tập các thương thuyền Viễn Đông như Trung Hoa, Ả-rập, Ba Tư, Ấn Độ, Mã-Lai v.v vào thế kỷ X-XV.

VN61. <<Thần bí Mỹ Sơn>>,

của Trương Văn Ngọc,
trong Văn Hóa Du Lịch 7-1995, trang 33 và 37

Truyền thuyết về một Mỹ Sơn diệu kỳ, huyền bí. Theo nội dung,

chung quanh Mỹ Sơn có rất nhiều truyền thuyết, chuyện huyền bí, sự thần kỳ như câu chuyện Vườn Bà ở trên đỉnh Mahaparvara, Khỉ Thần lông trắng v.v.

Huyền bí chung quanh Mỹ Sơn đã và đang được lưu truyền trong dân gian, đang được trí tưởng tượng của quần chúng nhân dân làm cho chúng ngày càng trở nên phong phú. Khách thập phương có thể cảm nhận những sự diệu kỳ trong cảm tưởng khi đi dạo chung quanh những cảnh tượng và thiên nhiên của Mỹ Sơn.

VN62. «Di sản kiến trúc truyền thống Việt Nam, vấn đề dân tộc và hiện đại trong kiến trúc»,
của Nguyễn Bá Đăng,
trong Kiến Trúc Việt Nam 1-1995, trang 14-16

Bài khái quát về di sản kiến trúc của một nền văn hóa hình thành lâu đời trên đất nước Việt Nam.

Kiến trúc khá điển hình đó là dạng kiến trúc gỗ kết hợp với gạch ngói và dạng kiến trúc gạch kết hợp với đá sa thạch của các Tháp Chàm. Kiến trúc Tháp Chàm chủ yếu là dạng tháp mặt bằng hình vuông kết thúc theo kiểu mái nhọn. Ngoài ra, còn có tháp mặt bằng hình chữ nhật có mái cong hình thuyền.

VN63. «Mỹ Sơn, cánh cửa của quá khứ»,
của Trần Kỳ Phương,
trong Kiến Trúc Việt Nam 1-1995, trang 43-44

Bài tóm lược về lịch sử của Mỹ Sơn qua các bia ký, di tích và di vật... Trong bài, tác giả đã đưa ra nhiều dữ kiện, văn bia, di tích, di vật, đồng thời lý giải các mối tương quan của các dữ kiện này.

Mỹ Sơn, cánh cửa của quá khứ cũng cho thấy tổng thể các đền-tháp ở khu Mỹ Sơn cũng như chức năng và ý nghĩa của từng ngôi đền-tháp.

VN64. «Văn hóa một miền duyên hải»,
của Phan Quốc Anh

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 1

Theo nội dung, tỉnh Thuận Hải là một tỉnh nhỏ nhưng hội tụ nhiều nét văn hóa dân tộc đặc thù độc đáo và phong phú. Về văn hóa Champa, các đền tháp đã bắt đầu được trùng tu, tôn tạo. Cùng đã khôi



VN10. Vũ điệu Apsara

phục lại Trung tâm nghiên cứu Chăm, thành lập đoàn nghệ thuật dân gian Chăm, tổ chức thường xuyên các lễ hội dân gian Chăm v.v. Bên cạnh văn hóa Chăm rực rỡ, văn hóa các dân tộc khác cũng là mục tiêu của các nhà nghiên cứu và chính quyền nhà nước quan tâm phục hồi.

Trong bài này có đăng hình vũ Apsara trên tháp. Phan Quốc Anh là cán bộ văn hóa cao cấp của tỉnh Ninh Thuận. Không biết vì lý do gì mà tác giả lại đem hình vũ Apsara với cô vũ nữ lửa thể bay lượn trên tháp Po Klaong Garai, nơi thờ phượng của dân tộc Chăm. Cũng không biết tại sao Đảng và Nhà Nước Việt Nam không cấm đoán và cũng không hề lên tiếng. Ngược lại, Đảng và Nhà Nước Việt Nam còn cho phép đưa lên màn ảnh truyền hình Việt Nam điệu múa Apsara này. Vũ điệu này là do một số nhà đạo diễn người Việt Nam dàn dựng. Đây không phải là truyền thống văn hóa và nghệ thuật Chăm. Ai cũng biết, trên đền tháp Champa có rất nhiều điệu múa Apsara. Nhưng các vũ nữ Apsara Champa mặc y phục rất chỉnh tề, nghiêm túc, không phải lỏa lồ như một số đạo diễn Việt Nam dàn dựng. Có chăng các đạo diễn này không biết gì về nghệ thuật điêu khắc, văn hóa và văn minh Champa nên mới biến vũ Apsara Chăm thành điệu vũ lỏa lồ.

Sự tạo dựng điệu vũ Apsara này chỉ nhằm khinh miệt người Chăm hơn là phục hồi truyền thống văn hóa Chăm.

VN65. «Katê đến hẹn nhớ về»,
của Quang Cẩn
trong Dân Tộc và Miền Núi,
Số 14, tháng 10-1996, trang 2-3

Theo nội dung, Katê là lễ hội truyền thống của dân tộc Chăm để



VN11. Rước kiệu ngày Katê

tưởng niệm các vị
tiền nhân có công.
Cũng là dịp trả nợ
cho thần linh và cầu
mong điều may
mắn. Trong ngày
này mọi người ăn
mặc chỉnh tề và hôn
hở kéo nhau lên đồi
tháp để dự lễ, người
dân Chăm còn tổ
chức văn nghệ, thể
thao, triển lãm, tổ
chức ăn uống, thăm
viếng lẫn nhau...
Các phóng viên, du
khách trong và

ngoài nước cũng
thường có mặt trong ngày vui hội Katê.

VN66. «Những bàn tay vàng trong hội chợ»,
của P.V.
trong Dân Tộc và Miền Núi,
Số 14, tháng 10-1996, trang 3

Bài thông tin về hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ.

Theo nội dung, hội chợ hàng thủ công mỹ nghệ được tổ chức từ ngày 29-8 đến 6-9-1996 tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tại hội chợ này sản phẩm của gian hàng thổ cẩm Chăm Inrahani đã được tặng 3 huy chương vàng và danh hiệu Bàn Tay Vàng.

VN67. «Bay đi những cơn mưa»,
của Chế Trầm Sar

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 4-6

Bài viết là một truyện ngắn, nội dung là sinh hoạt đời thường trong một mùa Katê ở một gia đình người Chăm. Đây là cuộc ăn nhậu, chuyện trò, ước mơ, hoài bão, sự thất bại và thành đạt trong đời sống. Cùng với sinh hoạt của ngày Katê, tác giả cũng liên tưởng đến những kỷ niệm của thời còn đi học.

VN68. «Ngạn ngữ Chăm»,
của (X)

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 6

Bài giới thiệu 2 câu ngạn ngữ Chăm, nội dung đúc kết đạo lý và kinh nghiệm sống.

VN69. «Trở lại Chakleng»,
của Trần Vũ Khang
trong Dân Tộc và Miền
Núi, Số 14, tháng 10-1996,
trang 8-10

Bút ký ghi lại những hình ảnh mà tác giả đã trải qua cùng với tình cảm của mình khi trở lại làng Chakleng sau 10 năm xa vắng.

Tác giả cũng muốn giới thiệu làng Chakleng là đất văn vật, quê hương của Po Klaong Garai. Nhưng tiếc rằng tác giả chẳng hiểu gì về Po Klaong Garai, vì dòng lịch sử trong bài này chỉ là ghi lại theo sự kể và không đáng tin cậy. Một số nơi khác cũng có sai lầm, như Chakleng là (đập) Nha Trinh...



VN12. Quay tơ



VN13. Inrasara

VN70. «Ngụ ngôn của đất»,
của Inrasara
trong *Dân Tộc và Miền Núi*, Số
14, tháng 10-1996, trang 11
Bài thơ 8 đoạn, khoảng 46 câu
ngắn dài, nội dung là quan điểm của
tác giả với việc làm thơ tiếng Chăm.
Bài thơ bộc trực, một số chỗ có ý
thổi phồng.

VN71. «Amaik»,
của Inrasara
trong *Dân Tộc và Miền Núi*,
Số 14, tháng 10-1996, trang 11
Bài thơ 4 câu mô tả dáng mẹ
Raglai điệu con xuống núi.

VN72. «Ngõ vào play Chăm»,
của Chế Vỹ Tân
trong *Dân Tộc và Miền Núi*, Số 14, tháng 10-1996, trang 12-14
Theo nội dung, tôn giáo người Chăm ảnh hưởng Ấn Độ giáo và
Hồi giáo và đã được Champa hóa để trở thành tín ngưỡng có nét đặc
thù riêng của dân tộc Chăm. Tín ngưỡng Chăm chi phối sâu đậm xã



VN14. Tín ngưỡng dân gian Chăm

hội đời sống dân gian Chăm, quyện vào các lễ nghi và tập quán. Người Chăm cũng là một dân tộc hiếu khách, khách vào nhà người Chăm khi ra đi bao giờ cũng mang theo ấn tượng chân tình đẹp đẽ. Ngoài ra, người Chăm còn có nhiều đặc tính riêng biệt khác như, trọng sĩ diện, trọng chữ tín, trung thành, đạo đức và tôn ti trật tự.

Bài viết phản ánh được đời nét sinh hoạt cộng đồng và tôn giáo của người Chăm.

VN73. «Về thơ lục bát Chăm»,
của Thông Thanh Khanh

trong *Dân Tộc và Miền Núi*, Số 14, tháng 10-1996, trang 15

Bài bàn về một thể thơ Chăm. Theo tác giả, thể thơ lục bát Chăm (khác với lục bát Việt, vì ngôn ngữ Chăm là đa âm tiết nên chỉ tính ở các trọng âm) là thể được dùng rất nhiều trong sáng tác thơ ca của người Chăm. Cũng theo nội dung, thơ ca Chăm mang xúc cảm tình yêu dạt dào và sâu rộng...

Cũng cần nhấn mạnh rằng, dùng từ "lục bát Chăm" là có phần mang tính gán ghép và không chính xác. Vì từ này có thể đưa độc giả đến sự nhầm lẫn vì tưởng rằng người Chăm có thơ lục bát giống thơ Việt Nam.

VN74. «Hội Katê của người Chăm»,

của Đình Hy, Hoàn Thành, Ngọc Dũng, Nhật Minh

trong *Dân Tộc và Miền Núi*, Số 14, tháng 10-1996, trang 16-17

Hình ảnh minh họa cho lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận.



VN15. Chuẩn bị cho Lễ hội Katê

VN75. «Hoa champa trong nghệ thuật và cuộc sống»,
của Văn Món

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 18-19

Bài viết là đôi nét về hoa champa (bông sứ) trong nghệ thuật Champa.

Theo nội dung, hoa champa là loài hoa đã được người Chăm lấy làm biểu tượng và đặt tên cho quốc gia của mình. Hoa champa cũng đã được đưa vào các nghệ thuật điêu khắc, múa, và thơ văn Chăm.

VN76. «Ngạn ngữ Chăm»,

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 19

Bài giới thiệu 2 câu ngạn ngữ Chăm, nội dung là kinh nghiệm sống và tự nhiên.

VN77. «Ngôn ngữ - Chữ viết Chăm, một vài
minh định có tính học thuật và thực tiễn»,

của Phú Trạm

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 20-21

Nội dung là minh định lại một số nhận biết nhầm lẫn về chữ viết Chăm, đồng thời kiến nghị một số phương pháp khi chuyển tự hay phiên âm chữ Chăm sang la-tinh.

VN78. «Ma lai ở Tây Nguyên»,

của Ưông Thái Biểu

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 14, tháng 10-1996, trang 23-25

Theo nội dung, tất cả dân tộc đều có ma. Riêng ở Tây Nguyên thì có Malai. Thủy tổ của loài Malai là một cô gái trẻ đẹp, được một người đánh cá mang về nuôi. Tiếng "malai" là tiếng phát xuất từ gốc từ "k'mlai" của Raglai có nghĩa là quỷ quái.



VN16. Nhà mồ Tây Nguyên

VN79. «Hội Ramuval của đồng bào Chăm ở Ninh Thuận»,
của Phạm Hữu Phúc,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 63, 1996, trang 9

Bài thông tin về ngày hội Ramuval. Theo nội dung, tổ chức lễ hội Ramuval được chia làm hai phần là trước khi vào hội, đồng bào vui chơi tổ chức các hình thức văn nghệ, văn hóa dân gian, các gia đình làm lễ tạ mộ, lễ cúng tổ tiên. Sau đó, là hoạt động tín ngưỡng khác của gia đình...

VN80. «Nỗi lo của người Chăm khi cho con đi học mẫu giáo»,
của Hồ Trung Thành,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 63, 1996, trang 10

Bài đề cập về nỗi khó khăn của người Chăm khi cho con em đi học. Nội dung bài cho thấy, vấn đề cho con em người Chăm đến trường mẫu giáo, nhà trẻ là vấn đề đang quan tâm của các bậc phụ huynh. Cái khó khăn là các con em người Chăm khó hòa nhập được với các bạn cùng lớp, vì các em quen nói tiếng Chăm với cha mẹ, nhưng khi đến trường các em phải tiếp xúc với tiếng Việt. Điều này làm cho các em bỡ ngỡ và buồn.

VN81. «Chim rừng cát cánh»,
của Cư Minh Liên,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 70, 1996, trang 8

Bài giới thiệu đôi nét về ca sĩ Rơ Chăm Phiang. Rơ Chăm Phiang là người Gia Rai, sinh ra và lớn lên ở Ia Phôn, Đúc Cơ (Gia Lai). Rơ Chăm Phiang đã tham gia nhiều cuộc thi hát và đã được huy chương vàng toàn quốc (1980-1992), giải ba cuộc thi "Hoa Cẩm chướng đỏ" ở Nga, giải đặc biệt ở Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên (1990). Tốt nghiệp Đại học âm nhạc và sang học ở Nhạc viện Traicopxki (Nga), trở về nước



VN17. Cô Rơ Chăm Phiang

và đoạt giải nhất về nhạc thính phòng và giọng hát vàng. Sở trường của cô là dân ca và tình ca Tây Nguyên.

**VN82. «Khánh Hòa bế giảng
lớp thử nghiệm chữ viết Raglai»,
của Thế Sang,**

trong Dân
Tộc và Miền
Núi, Số 70,
1996, trang 8
Tin huyện
Khánh Sơn
(Khánh Hòa) bế
mạc lớp thử
nghiệm chữ viết
Raglai. Mục tiêu
của lớp học là
nhằm đáp ứng
nguyện vọng và tuyên truyền chính sách giữ gìn truyền thống văn hóa của đồng bào Raglai.



VN18. Lễ bế giảng lớp học chữ Raglai

**VN83. «Năm học này một gia đình
người Ba Na có 2 con vào Đại học»,
của Hoàng Đăng Du,**

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 70, 1996, trang 8

Theo tin, gia đình ông A Hyum (dân tộc Ba Na), ở Kon Llong, Dak Tore, Kon Iông (Kon Tum) có hai người con vào Đại học. A Xam vào Đại học Tây Nguyên và A Khom vào Đại học dự bị Nha Trang.

**VN84. «Cô học sinh thanh lịch của
đồng bào Chăm»,**

của Yang Danh,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 70,
1996, trang 9

Bài sơ lược đôi nét về cô Trần Thị Lệ Thuỷ. Theo nội dung, cô Trần Thị Lệ Thuỷ



VN19. Cô Trần Thị Lệ Thuỷ

là người Chăm, sinh ra trong một gia đình nghèo, quê ở Bình Định, là học sinh tiên tiến trong suốt 12 năm học. Mới đây, cô cũng đoạt được danh hiệu học sinh thanh lịch trong ngày hội văn hóa thể thao toàn tỉnh.



VN20. K'Krac với vườn cà phê của gia đình

VN85. «Kinh tế vườn giúp gia đình tôi thoát khỏi đói nghèo vươn lên giàu có»»,

của Phan Văn Đông,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số
70, 1996, trang 11

Theo thông tin, K'Krac, dân tộc K'ho ở Lộc Thắng, Bảo lâm (Lâm Đồng), nhờ trồng được 2 ha trà và một ha cà phê mà thu được 40 triệu đồng một năm.

Dự định trong thời gian tới, K'Krac sẽ mở rộng thêm diện tích trà và cà phê.

VN86. «4 chương trình quốc gia được thực hiện trên địa bàn miền núi và vùng dân tộc thiểu số»

trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 70, 1996, trang 14

Theo nội dung bài, trong 5 năm qua (kể từ 1992) nhà nước đã chi 120 tỷ đồng, để hỗ trợ cho các tỉnh miền núi, vùng cao phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bào Khơ-me và đồng bào Chăm đặc biệt khó khăn.

Từ năm 1996 đến 2010 chương trình thực hiện sẽ chia thành hai giai đoạn: 1996-2000 và 2001-2010 cho 20 dân tộc đang có cuộc sống khó khăn với tổng chi phí trên 636 tỷ đồng.

VN87. «Viết sách giáo khoa chữ Chăm cho Tiểu Học»»,

của Thanh Hằng,

trong Dân Tộc và Miền Núi, 1997, trang 8

Bài thông tin về việc biên soạn sách giáo khoa chữ Chăm.

Theo nội dung, ngày 12-2-1997, tại Ban biên soạn sách chữ Chăm

(Phan Rang Ninh Thuận) đã mở cuộc hội thảo về viết sách giáo khoa Chăm cho bậc tiểu học với sự tham dự của các đại biểu các ban ngành trong tỉnh và các đại diện trí thức Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận.

VN88. «Áp Nhon Hội xây dựng 6 phòng học cho con em đồng bào Chăm»»,

của Nhất Định Được, trong Dân Tộc và Miền Núi, 1997, trang 8

Bài thông tin về việc xây dựng phòng học cho con em đồng bào Chăm.

Theo nội dung, để đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, vào đầu năm 1997, Ấp 3 xã Nhon Hội, huyện



VN21. Con em người Chăm và phòng học mới ở Nhon Hội

An Phú (An Giang) đã xây dựng 4 phòng học chữ Chăm và Việt để xóa nạn mù chữ cho con em đồng bào dân tộc Chăm. Tổng chi phí hơn 204 triệu đồng là do bà con ở địa phương và đồng bào Chăm ở nước ngoài đóng góp.

VN89. «Anh bộ đội người Chăm trên mặt trận sản xuất»»,

của Trần Lê Kha, trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 79, 1997, trang 10-12

Y Lanh (tên thường gọi là Ma Linh) là dân tộc Chăm ở Phước Tân, huyện Sơn Hòa (Phú Yên) là Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã, cũng là thành viên của hộ nông dân sản xuất giỏi.



VN22. Y Lanh

190 Báo chí tiếng Việt

Sau 17 năm phục vụ trong quân đội, năm 1986 Y Lanh xuất ngũ về địa phương và cùng với 48 hội viên cựu chiến binh xã, vận động trồng được 25 ha mía, nuôi 1.000 con bò.

VN90. «Ninh Thuận : Ngân Hàng phục vụ người nghèo trợ vốn đồng bào dân tộc sản xuất»,
trong Dân Tộc và Miền Núi, Số 79, 1997, trang 12

Tính đến nay, ngân hàng phục vụ người nghèo Ninh Thuận đã hỗ trợ 1768 hộ đồng bào Chăm, Raglai với tổng số vốn 3,3 tỷ đồng, lãi suất 0,35% tháng.

Trên cơ sở này, ngân hàng đang chuẩn bị cho 64 hộ vay 200 triệu đồng để kịp vụ sản xuất.

VN91. «Làng Chăm Ôn Bắc và Âm Vang Dục Thanh, Hai ca khúc - Một tấm lòng»,
của Sầm Thy Mai,
trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999

Bài viết giới thiệu hai ca khúc của nhạc sĩ người Chăm, Amư Nhân viết về Hồ Chí Minh.

Theo nội dung, nhờ thành công trong bài "Làng Chăm Ôn Bắc" mà nhạc sĩ Amư Nhân đã được đi biểu diễn ở Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, Cuba. Việc góp thêm hai ca khúc của nhạc sĩ Amư Nhân là làm đầy đủ hơn cho mảng ca khúc viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh.

VN92. «Cùng vui hội Katé Người Chakleng»,
của Chế Trầm Sar (Dân Tộc Chăm),
trong Văn Nghệ Dân Tộc và Miền Núi, 1999, trang 9-12

Bài truyện ngắn, nội dung tự sự về tính cách kì quặc của nhân vật ở làng Chăm Chakleng (Mỹ Nghiệp, Ninh Thuận), tiêu biểu như, Dhan Chek, Muthao, Biên Đuk, v.v.

VN93. «Người Chăm tổ chức hôn lễ vào lúc nào ? Tại sao ?»,
của Đàng Năng Hòa,

trong Văn Nghệ Dân Tộc và Miền Núi, 1999, trang 14 -15

Theo nội dung, người Chăm tổ chức hôn lễ vào các ngày chẵn của trăng khuyết: 2, 4, 6, 8, 10, 12 và 14 trong các tháng 3, 6, 10, và 11

của Chăm lịch. Tuy nhiên, người Chăm cũng có thể tổ chức vào tháng 8.

Ngoài những sự việc trên, tác giả cũng đưa thuyết âm dương vào để giải thích quan niệm cưới hỏi của người Chăm.

Đường như tác giả không rõ về luật âm dương. Trên thế giới này, chỉ có các dân tộc theo nền văn minh Trung Quốc (Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn v.v.) mới có luật âm dương. Người Chăm cũng như tất cả dân tộc ở Đông Nam Á theo nền văn minh Ấn Độ không có luật âm dương trong triết lý sinh tồn của mình. Triết lý của họ chỉ dựa trên bí quyết sinh tồn giữa Linga (nam) và Yoni (nữ) chứ không phải là luật âm dương. Ngay trong tiếng Chăm từ âm và dương cũng không hiện hữu, thế thì làm sao có luật âm dương hiện hữu trong truyền thống Chăm.

VN94. «Một vòng plây Chăm»,
của Lâm Gia Tiến (Dân tộc Chăm),

trong Văn Nghệ Dân Tộc và Miền Núi, 1999, trang 15

Bài viết phát họa về các tương quan đời sống giữa các làng Chăm, tiết lộ nét đặc trưng của các làng này qua các tập quán cưới hỏi, tín ngưỡng, lễ hội...

VN95. «Cùng vui Hội Katé»,
trong Văn Nghệ Dân



VN23. Ong Maduan

Tộc và Miền Núi,



VN24. Thiếu nữ Chăm trong ngày hội Katé

1999, trang bìa sau

Vài hình ảnh về lễ hội Katé (2-9-1999)

VN96. «Tục Ngữ-Châm Ngôn Chăm»,

của Phú Trạm,

trong Văn Hóa các Dân Tộc 1-1999, trang 4

Khoảng 10 câu Tục ngữ Chăm ngôn Chăm mang nội dung khác nhau được tuyển chọn giới thiệu. Nội dung Tục ngữ Chăm ngôn này có liên quan đến, nguyên lý, đạo lý, nguồn gốc, quan hệ và tâm lý xã hội.

VN97. «Lễ hội đền tháp Po Dam

của người Chăm ở Bình Thuận»,

của Văn Món,

trong Kiến Trúc Việt Nam 9-1999, trang 6

Bài giới thiệu về Lễ hội Đền Tháp Po Dam ở Bình Thuận.

Theo nội dung, ở Bình Thuận có hai ngôi tháp nổi tiếng, đó là tháp Po Sah Ina (Phú Hải, Phan Thiết) và tháp Po Dam (Tuy Tịnh, Tuy Phong). Duy chỉ có tháp Po Dam là được người Chăm duy trì các nghi lễ và tục cúng tế. Lễ hội này được tổ chức mỗi năm hay ba năm một lần vào tháng tư lịch Chăm (khoảng tháng bảy Dương lịch) với sự tham gia đầy đủ các chức sắc như Kadhar, Pasaih, Maduan, Ka-ing v.v.

Cùng cần thanh minh rằng, tháp ở Phú Hải (Phan Thiết) không phải là tháp của bà Po Sah Ina như một số nhà khoa học Việt Nam hiểu lầm. Tháp này là tháp của bà Po Sah Anaih, con gái của Po Inâ Nagar đã được nghiên cứu và bổ túc bởi ông Parmentier vào đầu thế kỷ thứ 20. Còn tháp của Po Sah Inâ, vợ của Po Hanimpar (người Hồi Giáo gốc Mã Lai) ở trên hòn đảo Phú Quý khu vực Phan Thiết.

Vì danh xưng Anaih và Ina quá gần nhau nên các nhà khoa học Việt Nam đã nhầm lẫn vậy.

VN98. «Sự hòa hợp biện chứng giữa hai tôn giáo

tín ngưỡng Balamôn-Bàni trong xã hội Chăm»,

của Đạt Chử,

trong Văn Hóa các Dân Tộc 9-1999, trang 5

Bài viết về mối liên quan tập quán, tín ngưỡng giữa Balamôn và Bà Ni của người Chăm.

4. Bảng tra

(Tên các tờ báo, địa danh và nhân vật)

Ê Dê VN10.
 Fang, L. C. M95.
 Ferland, Jean Pierre E1
 Figaro M46.
 France Soir E57.
 FULRO E12-E15, E19, E30,
 E51, E59; M43; VN116.
 Funcinpec M68, M96.
 A Đông M56.
 A Hyum VN83.
 A Khom VN83.
 A Rập M79; VN23, VN60,
 VN102
 A Xam VN83.
 AFAO E39-E40.
 AFP M96.
 A. Aziz Deraman M7.
 Abdul Hafiz Yusuf M41.
 Abdul Hamid Othman M71.
 Abdul Rahman Al-Ahmadi E6;
 M13, M20, M23, M34.
 Abdulah Mohamad E8, M20.
 Abdullah Ah Mad Badawi M50.
 Abdullah Badawi E36; M43,
 M53, M55, M57, M76, M83-
 M84.
 Abha M44.
 Adbul Karim VN22.
 Adi Taha M91.
 Ahmad Anuar Abdul Hamid
 E55.
 Ahmad Anuar Abdul Hamid
 M83, M86.
 Alaudin Majid M94.
 Albert Morice E22.
 Amư Nhân VN91.
 Amri Zainuddin M57.
 An Giang VN88.
 An Phú VN88.
 Anah Bin Thwol VN114.
 Anh Nguyễn VN42.
 Anh Quốc M49.
 Anwar Ibrahim M49.
 Aramavati VN47, VN54.
 Aramco World E29.
 Asean M45, M53, M55, M70.
 Aseanie E40.
 Astora JB M41.
 Aymonier E. E22; VN102.
 Ayuthaya M39.
 Aziz Deraman M2, M20, M55,
 M70.
 Azmir M75.
 Bảo Lâm VN85.
 Bằng An VN58.
 Bàu Trúc VN31, VN45.
 Ba Na VN10, VN83.
 Baffie J. M94.
 Bacha Sabu M43.
 Ban Mê Thuột E52.
 Bangkok M89.
 Bantey Meanchey M73.
 Battambang M73.
 Beaumont, Herve E32.
 Berita Harian M2, M14, M18,
 M23, M27, M42-M43, M47,
 M49-M50, M55, M58, M60-
 M61, M69, M71, M76-M77,
 M83, M86, M87, M91, M95.

218 *Bảng tra*

- Berita Minggu M61, M67, M72-
M76, M79-M80, M82, M84-
M85, M89, M90.
Bernama M27-M28, M43.
Bernon B.De M94.
Bầu Trúc E33.
Bicara M40.
Biên Đuk VN92.
Biên Hòa VN17.
Bình Định VN26, VN47, VN84.
Bình Lâm VN58.
Bình Thuận E32-E33; VN49,
VN87, VN97.
Bình Thạnh VN20.
Borneo M28.
Borobudur VN58.
Branigin, William E21.
Bá Thị Thiệu M11.
Bá Trung Phụ M49.
Bá Trung Xin M11.
Bá Văn Đồng M11.
Bác Ái VN6.
Bách Khoa M39.
Bán Đảo Đông Dương M9, M50,
M55.
Báo Công An VN116.
Báo Lao Động VN47.
Báo Nhân Dân VN30, VN31,
VN45.
Báo Thẻ Thao và Văn Hóa
VN33.
Buôn Aleo VN113.
Buôn Kdun VN113.
Bùi Khánh Thế VN25, VN102.
Business Times E8.
Cầu Bình Tiên VN15.
Cầu Công Lý VN15.
Cầu Chử Y VN15.
Cầu Rạch Ông VN15.
Cầu Trương Minh Giảng VN15.
Cầu Xóm Chử VN15.
California E31; VN105, VN106,
VN107, VN108.
Cambodia E51, E55; VN52,
VN58.
Công An Thành Phố VN116.
Cư Minh Liên VN81.
Chakleng M65; VN27, VN53,
VN69, VN92.
Champa Review E16-E17, E19-
E26.
Champaka, VN105, VN106,
VN108.
Chư Mrai VN113.
Chư Prah VN113.
Châu Đốc E29; M40, M54,
M56, M58; VN52.
Châu Sa VN58.
Châu Văn Triển M11.
Chil-Pam Mơ Lam VN6
Chiêm Đàn VN58.
Chu Thái Sơn VN11.
Chánh Lộ VN58.
Churu M23.
Chất Thường M65.
Chế Bồng Nga M36.
Chế Linh E1, E3; M11, M14-
M15, M19, M36, M94;
VN103, VN115.
Chế Trầm Sar VN67, VN92.
Chế Vỹ Tân VN72.
Cù Mông VN52.

Bảng tra 219

- Cánh Tiên VN58.
Cát Vũ VN46.
Daily Express E6.
Dak Lak E49.
Danang Wings of Gold Magazine E27.
Dàng Reo M11.
Dương Long VN58.
Dương Tấn Thi M11.
Dean, John Gunther E39.
Delouche G. M46, M48, M94.
Dân Tộc và Miền Núi VN36, VN64-VN90.
Dân Tộc và Thời Đại VN9-VN14.
Deniau, Xavier E2.
Dhan Chek VN92.
Dieu Thom M11.
Diễn Đàn Du Lịch VN50, VN51.
Driencourt M94.
Ducrest J. P. E39.
Emmanuel P. Guilion VN51.
Erton, Full M61.
Đà Nẵng E27, E39-E40, E44; M42; VN47-VN48, VN54, VN57-VN58.
Đak Tơre VN83.
Đàng Dấu VN4.
Đàng Năng Hòa VN93.
Đàng Năng Quạ VN4.
Đàng Năng Thọ E33-E35; VN29-VN30-VN37, VN39-VN45.
Đàng Trung VN41.
Đào Hồ VN4.
Đòng Yên Châu M58.
Đình Cường VN5.
Đình Hy VN8, VN74.
Đức Cơ, VN81.
Đặng Chánh Anh M94.
Đặng Hùng VN4.
Đạt Chử VN98.
Đỗ Quang Vinh VN3.
Gauguin VN33.
Gay B. M46, M48.
Gerschheimer G. M94.
Gia Lai VN81.
Gia Phúc VN116.
Giăng Vô VN66.
Gros F. M1, M13.
Gros, Francois M4.
Guimet E39.
Hải Liên VN2.
Hồ Ca VN6.
Hồ Chí Minh VN91.
Hồ Phú Diên VN7.
Hồ Quý VN51.
Hà Nội Mới VN34.
Hai Quý VN13.
Halim Othman M77.
Hambali Abdul Latiff M18.
Harek Kah Harek Dhei M37, M59.
Harian Express M28.
Harian Watan M65-M66.
Hasan Basri Tuan Ibrahim M80, M90.
Hasan Ibrahim E26.
Hassan Po Klaun M11-M19; VN108.
Hò Trung Thành VN80.

220 *Bảng tra*

- Hồ Trung Tú VN55.
Hồ Xuân Tịnh VN47.
Hồng Phi VN37.
Headley Robert K. E22.
Hùng Thạnh VN58.
Heywood, Denise E39.
Hoà Hưng VN15.
Hoa Kỳ E12, E16-E17, E21, E23, E25, E30-E31, E50, E60-E62; M61, M88, M94, M97; VN108, VN116.
Hoài Phố VN54.
Hoài Ân VN103.
Hoàn Thành VN74.
Hoàng Đăng Du VN83.
Hoàng Đức Nghị E52.
Hoành Sơn VN17.
Hoành Sơn M8.
Holzman, Marie E2.
Hourcad, Jean E M4.
Hán Chúc VN13.
Hán Đậu VN13.
Hán Sơn VN13.
Human Rights E59.
Hun Sen E61-E62, M68.
Hussin Yaacob M37-M38.
Huế M37; VN9, VN46, VN48
Hội An VN48, VN54, VN60.
Hội Văn Hóa Dân Tộc T.P. Hồ Chí Minh VN15-VN17.
Hữu Đức M65; VN4, VN110.
Ia Phôn VN81.
Ibrahim Hassan E23.
Inrahani VN66.
Inrasara VN22-VN25, VN28, VN70-VN71, VN100, VN102.
Ismail Hussein M46, M47, M67, M92, M94.
Ja Thak Wa VN110.
Jacques Chirac E39.
Jaiman Hassan E17.
Jakarta M31.
Jamudin Idris M50, M55, M58, M59, M77.
Jasamad Han VN15.
Johor M19.
K'Krac VN85.
Kamarul Baharin Buyong M63.
Kampot M73.
Kampung Laut M18.
Katip Sumat M59.
Kauthara M8, M33, M37, M45, M59
Kelantan M15, M16, M18, M32, M58-M59, M95.
Khuông Mỹ VN58.
Khin Hok Dy M46, M48.
Khánh Hòa VN82.
Khánh Sơn VN82.
Kiên Trúc Việt Nam VN62-VN63, VN97.
Koh Kong M73.
Kompong Cham M56, M73, M74, M87, M89.
Kompong Chhanang E43; M73, M82-M83, M85, M89.
Kon Iông VN83.
Kon Kbang VN113.
Kon Liông VN83.
Kon Tum E52, VN83.
Kota Kinabalu E6.
Kra Ches M73.

Bảng tra 221

- Krom Asa Cham M39.
Krong Preah Sihanouk M73.
Ksor Ksok VN116.
Ku Seman Ku Hussain M13, M15.
Kuala Lumpur E5-E9, E37-E38; M1-M2, M4, M5-M11, M14-M21, M25, M27, M31-M32, M36, M50, M53-M57, M62-M64, M91, M93-M95; VN22.
Lê Thánh Tông VN29, VN34.
Lê Văn Thuyền VN9.
La Presse E1
Lafont P.B. M1, M46, M48; VN106.
Lam Chau M11.
Lan Hương VN37.
Lao Động VN40.
Le Courier E33, E35, E44.
Le Mekong E30.
Lâm Ai VN13.
Lâm Đồng VN85.
Lâm Gia Tiến VN94.
Lâm Ấp VN54.
Lemire, Ch. VN58, VN111.
Les Kosem E19, E59; M43.
Luu Quang Sang M94.
Libération E2.
Linh Khanh VN40.
Lênin VN110.
Lombard D. M64; VN25.
Lon Nol E59.
Lý Du Sô VN18, VN20.
Lộc Thắng VN85.
Lịch Đạo Nguyên VN54.
Ma Linh VN89.
Madagascar M49.
Mahamad Marwan M86.
Mahathir Mohamad M43.
Mahathir Mohamad M51.
Mai Thin VN26.
Majapahit M18, M32, M37, M58.
Mak Phoeun M46, M48, M94.
Malaka M35.
Malaysian Airline E27.
Mallet, Pierre M47.
Mang Buk VN113.
Martin, Frédérique M46.
Maruddin Yusof M68.
Mastika M32-M33, M39.
Melaka M32, M58.
Merlin M2-M3.
Mesir M79.
Minerva E39.
Mingguan Malaysia M78.
Mingguan Wanita M21-M22, M24.
Minh Mệnh M59.
Mohamad Zain Mousa M21, M24.
Mondolkiri E13, E60; M73, M97.
Moro M41.
Moussay G. M46, M48; VN22, VN102.
Musa Porome M11.
Mỹ Nghiệp M65; VN24, VN27, VN53, VN92.
Mỹ Sơn E27, E39, E44; M18, M58; VN50, VN54, VN58, VN61, VN63, VN107

222 *Bảng tra*

- Nabil Bouchelouh M79.
Naive VN33.
Nanci VN15.
Naria Yadúk VN116.
Nate Thayer E12-E13, E15.
Nayan Chanda E14.
Nông Đức Mạnh VN31, VN42.
New Straits Times E5, E7, E11,
E36-E38, E41-E43, E45, E47-
E48, E50-E58, E60-E62;
M76.
New Sunday Times E49.
Ngô Đình Diệm E30.
Ngô Phan VN33.
Ngô Trường Thọ VN52.
Nguyễn Thảo VN12.
Nguyễn Bá Đàng VN62.
Nguyễn Đăng Cường VN22.
Nguyễn Đăng VN24.
Nguyễn Đắc Xuân VN48-VN49.
Nguyễn Lương Hiệu VN25,
VN53, VN56.
Nguyễn Sinh Duy VN54.
Nguyễn Thị Bạch Cúc M65.
Nguyễn Trung Hiếu VN60.
Nguyễn Văn Huy VN112-
VN113.
Nguyễn Văn Thiệu E30.
Nguyễn Văn Xuân VN57.
Ngọc Dũng VN74.
Nhon Hội VN88.
Nha Trang M8, M33, M37,
M45, M59; VN22, VN58.
Nha Trinh VN69.
Nhất Định Đước VN88.
Nhật Minh VN74.
Nik Mohamad M13, M20, M59.
Nik Mohamad Nik Mohd Salleh
E6; M4, M29, M31-M32.
Nikola Hihajlovic M97.
Ninh Phước VN13, VN31,
VN45, VN53.
Ninh Thuận E32-E33; VN3,
VN13, VN27, VN29, VN31,
VN34, VN45-VN46, VN53,
VN74, VN79, VN87, VN90,
VN92, VN99, VN110.
Nixon, Richard E39.
Noorzila Jamaludin M78.
Norodom Ranarith E41.
Norrevangsskolen E3.
Nursurya A Mien M91.
Nusantara M26, M29-M30,
M37-M38, M69.
Nusantara M31.
Nội san Panrang VN102.
Othman Hassan M60.
Pahang M67.
Panduranga M8, M14, M19,
M33, M45; VN23.
Pangan VN58.
Paris E36, E40; M10, M94;
VN24, VN56.
Parmentier, H. VN97.
Pasquier P. L. M94.
Peang Adul Gafour E19.
Perrin, Jean E9; M6, M16.
Pete Peterson E50; VN116.
Phan Quốc Anh VN64.
Phan Rang E29, E33, E37; M44,
M52, M54, M63; VN52,
VN87, VN110.

- Phan Rí E29; M44, M54, M63; VN99, VN110.
Phan Thiết VN2, VN97.
Phan Văn Đông VN85.
Phương Hạnh VN21.
Phước Dân VN27.
Phước Nhơn VN110.
Phước Sơn VN54.
Phước Tân VN89.
Phnom Penh E41; M73-M75, M89.
Phú Hải VN97.
Phú Hân VN17.
Phú Lộc VN48.
Phú Quý VN97.
Phú Trạm VN25, VN28, VN56, VN77, VN96, VN102.
Phú Văn Hân VN19, VN102.
Phú Yên VN22, M37, M59 VN89.
Phạm Cao Dương VN103.
Phạm Hữu Phúc VN79.
Phạm Thanh Hà VN34.
Phạm Thế Duyệt E54.
Phạm Văn Đồng VN1.
Phụ Nữ VN22, VN24.
Pichard, Pierre E40.
Plei Ku E49, E52.
Po Dam VN97.
Po Dharma E5, E11, E39, E59; M1, M4, M12-M13, M16, M20, M31, M36, M40, M42, M46, M48, M50, M54-M55, M58-M59, M62, M66, M91-M95; VN22, VN25, VN47, VN102-VN103, VN105.
Po Hanimpar VN97.
Po Inâ Nagar VN97.
Po Klaong Garai VN69, VN110.
Po Mebek VN99.
Po Nagar E59; VN13, VN58.
Po Romé M58; VN22, VN98-VN99, VN110.
Po Sah Anaih VN97.
Po Sah Ina VN97.
Pol Pot M72, M78.
Pra Piang Khatom M83.
Quảng Bình VN47, VN49.
Quảng Nam VN47, VN54, VN58.
Quảng Ngãi VN58.
Quảng Văn Đại M65.
Quang Trung VN66.
Quảng Cần VN65, VN99.
Quân Đội Nhân Dân VN42.
Qui Nhơn VN54, VN58.
Rơ Chăm Phiang VN81.
Ratanakiri M73, M90.
Reuteurs M88, M97.
Roff, William M94.
Rohana Mustaffa E6-E8.
Rohim Ibrahim M11.
Roshidah Alang Ishak M19.
Rosmin Darus M14.
Sơn Hà VN10.
Sơn Hòa VN89.
Sabah M28.
Sabbaruddin Chik E5, E37-E38; M1, M5, M12, M16, M62, M65.
Sah Alam M47-M49, M94.
Sài Gòn Giải Phóng VN21.

224 *Bảng tra*

- Saleh Rahmad M20.
Sam Rainsy M68.
San Jose Mercury News E31.
Santa Ana M61.
Sarawan VN23.
Saring Sirad M47.
Sarrant VN58.
Sawadees E28.
Selangor M47, M94.
Sem Hassan E18.
Sàm Thy Mai VN91.
Shamsun Amri Baharuddin M94.
Shukimatt Ali M39.
Siem Reap M73.
Sihanouk E59.
Singapore M49.
Siti Zubaidah E42; M77.
Slagelse E3, E10
SM Yusof M66-M67.
Smail Osman M43.
Solaiman Ibrahim M43.
Surinam M49.
Tagalau VN23.
Tajuddin Saman M80.
Takeo M73.
Talif Samat M61.
Từ Công Phụng M11, M14-M15, M19, M36; VN103.
Từ công Anh M11.
Từ Quốc Hoài VN111.
Thời Báo VN114-VN115.
Thời Văn VN28.
Thủ Thiêm VN58.
Thanh Hằng VN87.
Thành Lôi (Huế) VN48.
Thanh Niên VN23.
Thành Phần VN102.
Thông Luận VN112-VN113.
Thông Thanh Khanh VN73.
Thông Tấn Xã Việt Nam VN29, VN34, VN36-VN37, VN42.
Thừa Thiên VN9
Thiên Sanh Cảnh VN4, VN110.
Thiên Sanh Phân M11.
Thế Sang VN82.
Thuận Thị Trụ M65; VN24.
Thạch Ngọc Huệ M11.
Thạch Ngọc Vàng M11.
Thạch Tiềm VN4.
Thốc Lốc VN58.
Thị Nghè VN15.
Tiara Jacqueline M77.
Tiền Phong VN41.
Tiệp Khắc VN91.
Toàn Cảnh Sự Kiện và Dư Luận VN37.
Toronto E1
Tourane VN58.
Trần Dũng VN27.
Trần Kỳ Phương E11; M42; VN47, VN58, VN63.
Trần Lê Kha VN89.
Trần Nguyên Linh VN28.
Trần Thị Lệ Thủy VN84.
Trần Trung Sáng VN50.
Trần Vũ Khang VN23, VN69.
Trà Khúc VN58.
Trà Kiệu VN34, VN54.
Tra My E34-E35; VN39, VN45.
Trương Tuấn VN116.
Trương Văn Ngọc VN61.

Bảng tra 225

- Trượng Tôn M65; VN4.
Tuổi Trẻ Chủ Nhật VN25-
VN27, VN46.
Tuổi Trẻ Thủ Đô VN44.
Tuần Tin Túc VN32.
Tuy Phong VN97.
Tuy Tĩnh VN97.
Uông Thái Biểu VN78.
Utusan M1, M4, M12-M13,
M15, M41, M53-M54, M56,
M68, M70, M88, M96-M97.
Utusan Zaman M17, M25
Văn Hớn VN5.
Văn Hóa Các Dân Tộc VN18-
VN20, VN91, VN96, VN98-
VN103.
Văn Hóa Dân Gian VN109.
Văn Hóa Du Lịch VN53-VN56-
VN58, VN60-VN61.
Văn Hóa Nghệ Thuật VN47.
Văn Hóa Thể thao VN3.
Văn Hóa VN35, VN105-VN108.
Văn Lâm M49; VN110.
Văn Món VN39, VN75, VN97,
VN109, VN110.
Văn Nghệ Dân Tộc và Miền Núi
VN92-VN95.
Vietnam Courier E34; VN39.
Vijaya M8, M18, M32-M33,
M37, M45, M58-M59; VN23,
VN58.
Vô Chí Hà VN103.
Vụ Bồn VN99.
Wahba M33.
Wahid Hashim M68.
Wan Hashim Wan Teh M93-
M94.
Warta Gapena M44-M46, M92-
M93-M94.
Watan M16, M19-M20, M57.
Weber N. M94.
Xuân Quang, Xavier VN14.
Y Bham Enoul E13, E19, E59.
Y Lanh VN89.
Y Lo Nie M11.
Y Peng Ayun E13, E30.
Ya Mi VN101.
Yang Danh VN84.
Yasya Asmat E16.
Zaimudin Isa M76.
Zainal Kling M35-M36.
Zainor Said M23.
Zainudin Isa M72, M74-M75,
M79, M82, M85, M87, M89-
M90.
Zakariya Adam Osman M70.
Zalina Ab Wahab M65.